

TRẦN CHUNG NGỌC

CHÚA GIÊ-SU LÀ AI? GIẢNG DẠY NHỮNG GÌ?



ĐIỀU KIỆN MIỄN TRỪAN 2002

Chúa Jesus là ai - Giảng dạy những gì?

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

N người dân Việt, với bản chất hiền lành, mộc mạc, "dĩ hòa vi

quý", không bao giờ muốn gây sự hiềm khích giữa các khối dân chúng có tín ngưỡng khác nhau. Hệ thống tín ngưỡng của Việt Nam, trong tinh thần Tam Giáo (Thích, Nho, Lão) Đồng Nguyên, là một hệ thống chiết trung, nghĩa là không bám chặt vào một tín ngưỡng hay một hệ thống tư tưởng chuyên biệt nào, thể hiện một tinh thần bao dung, không có tính cách loại trừ. Cho nên, rất có thể có những người không đồng ý với công việc nghiên cứu của tôi: đưa ra những sự thật về Ki-Tô giáo, cho rằng như vậy chỉ gây chia rẽ tôn giáo. Tôi thông cảm và tôn trọng ý kiến của họ. Ý kiến trên bắt nguồn từ một tình cảm cao quý cá nhân, nhưng đặt không đúng chỗ, vì tình cảm này không xét đến ảnh hưởng của tôn giáo trên mọi vấn đề xã hội, nhất là một tôn giáo ngả nhiều về chính trị và xã hội thế tục như Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô-Ma nói riêng. Kinh nghiệm Việt Nam trong thời Pháp thuộc và trong 9 năm dưới chính quyền Ca-Tô Ngô Đình Diệm ở miền Nam có thể cho chúng ta nhận rõ vấn đề: Ca-Tô

Giáo chỉ chiếm 7% dân chúng nhưng được hợp thức hóa là một tôn giáo trong khi Phật Giáo, chiếm khoảng 80% dân chúng, chỉ được coi như là một hiệp hội, và do đó về pháp lý không khác gì một hội như hội quần vợt.

Nhìn rõ vấn đề tôn giáo trong xã hội, học giả Paul Blanshard đã viết như sau trong cuốn *Nền Tự Do Của Mỹ và Quyền Lực Ca-Tô (American Freedom and Catholic Power)*, trang 4, như sau:

"Anh không bao giờ nên chỉ trích tôn giáo của người khác", cái giáo lý nghe có vẻ vô hại đó, phát xuất từ những tình cảm cao quý, nhưng thật là nguy hại cho lối sống dân chủ. Nó không để ý đến bổn phận phải bênh vực sự thật trong mọi ngành tư duy của mọi công dân tốt. Nó không xét đến sự kiện là phần lớn cái mà con người gọi là tôn giáo cũng là chính trị, lãnh mạnh xã hội và kinh tế. Giữ yên lặng về "tôn giáo của người khác" có thể đưa đến nền y tế hạng hai, nền giáo dục thấp kém, và chính quyền phản dân chủ."

(You should never criticize another man's religion", that innocent- sounding doctrine, born of the noblest sentiments, is full of danger to the democratic way of life. It ignores the duty of every good citizen to stand for the truth in every field of thought. It fails to take account of the fact that a large part of what men call religion is also politics, social hygiene and economics. Silence about "another man's religion" may mean acquiescence in second-rate medicine, inferior education and anti democratic government.)

Mặt khác, về vấn đề chia rẽ tôn giáo, nếu chúng ta nhìn kỹ lịch sử thì chúng ta sẽ thấy rằng, trong mấy trăm năm nay, từ khi Ca-Tô giáo Rô- ma du nhập Việt Nam, và cho tới tận ngày nay, sự chia rẽ tôn giáo không phát xuất từ đại khối dân tộc, mà từ một tín ngưỡng thuộc thiểu số, vào khoảng 7% dân số: tín ngưỡng Ca-Tô, dựa trên thế lực ngoại bang và cường quyền. Lịch sử Việt Nam, từ khi Ca-Tô Giáo du nhập Việt Nam năm 1533, trong thời Pháp thuộc, và trong 20 năm, từ 1955 đến 1975, ở miền Nam Việt Nam, đã chứng tỏ như vậy. Thật vậy, chính Linh mục Lương Kim Định cũng phải thú nhận trong cuốn *Cẩm Nang Triết Việt*, trang 57, rằng:

"...sự truyền đạo Thiên Chúa vào Việt Nam...đã đưa đến sự chia khối dân tộc đang thống nhất thành hai phe lương giáo làm cho sự liên lạc giữa đôi bên trở nên nhưc nhồi đầy e dè nghi kỵ. Đây là một tai nạn lịch sử mà thời gian tuy có giảm đi nhưng xem ra không sao xóa sạch được."

Không nhưc nhồi và e dè nghi kỵ làm sao được khi mà tín đồ Ca-Tô tinh ngộ Charlie Nguyễn đã phải đau lòng viết sách tố cáo tinh thần nô lệ của Hội Đồng Giám Mục Ca-Tô Việt Nam, và nêu lên sự kiện là cho tới tận ngày nay, trong các sách bổn, kinh cầu nguyện, kinh nhứt khóa của giáo dân Ca-Tô Việt Nam v.v., vẫn còn chứa những câu có tính cách xúc phạm đến toàn thể dân tộc Việt Nam, đến ông bà tổ tiên chúng ta, đến Phật Giáo và tất cả những tôn giáo khác v.v., những câu như: "Kẻ dữ là kẻ chẳng có đạo"; "Xin Chúa đoái thương dân tộc Việt Nam đang còn ngồi trong bóng tối tăm ngoại giáo"; "..đang ở nơi tối tăm thờ lạy bụt (Phật)thần ma quỷ"; "Ông Thánh Phan-xi-cô Xa-vi-e phá tan đạo Bụt Thần"; "Ông Thánh Phan-xi-cô Xa-vi-e là lịnh rao truyền tiếng Đức Chúa Thánh Thần cho những dân mọi rợ." v.v.. (Xin đọc "Công

Giáo: Huyền Thoại Và Tội Ác", và "Công Giáo Trên Bờ Vực Thảm" của Charlie Nguyễn, Giao Điểm xuất bản, 2001)

Khi xưa, nấp dưới bóng thực dân Pháp, và dưới hai chế độ Ca-Tô ở miền Nam, sự hiện hữu của những bản kinh này thật là dễ hiểu, vì cường quyền và bạo lực đã thắng công lý. Nhưng ngày nay, nước nhà đã độc lập và thống nhất, sự hiện hữu của những bản kinh trên trong một dân tộc mà Ca-Tô giáo chỉ chiếm 7% dân số thì thực là một điều khó hiểu. Đối với tôi thì, vì hiểu rõ bản chất của Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô-ma nói riêng, nên tôi chẳng chấp vào những điều huênh hoang hung hăng cuồng tín bắt nguồn từ vô minh và ảo tưởng kiêu căng vô lối, hỗn xược của đám người nô lệ trong giáo hội Ca-Tô Việt Nam. Nhưng đối với đại khối dân tộc thì sao? Ai đã chia rẽ tôn giáo ở đây? Chắc chắn không phải là những người viết sách đưa ra những sự thực lịch sử của Ca Tô Giáo Rô-Ma, đặc biệt là Ca-Tô Giáo Rô-Ma tại Việt Nam, hay lịch sử Tin Lành.

Đưa ra những sự kiện lịch sử về Ki-Tô Giáo không có nghĩa là gây chia rẽ tôn giáo, chống Ki-Tô giáo, hay gây hận thù giữa những khối dân tộc có tín ngưỡng khác nhau. Sự thật là sự thật, sự thật không có tính cách bè phái và tuyệt đối không thiên vị. Lương tâm trí thức của bất cứ người Việt Nam nào quan tâm đến vấn đề tôn giáo là phải tôn trọng sự thật trong các tôn giáo, bất kể sự thật đó như thế nào. Trong thời đại này, chúng ta phải có can đảm đối diện với sự thật dù sự thật đó không hợp ý ta hay mang đến cho chúng ta ít nhiều phiền muộn.

Với quan niệm như vậy tôi đã không ngần ngại dân thân vào làm một công việc mà tôi biết rằng bạc bẽo và không có ích lợi cho bản thân: đó là nghiên cứu và đưa ra những sự thật về Ki Tô Giáo, những sự thật mà các tín đồ Ki Tô Giáo Việt Nam cũng như những người phi-Ki-Tô rất ít biết đến, do hoàn cảnh lịch sử của nước nhà trong hơn 100 năm nay. Chúng ta cần phân biệt rõ ràng giữa những sự thật, kết quả nghiên cứu của những bậc thức giả có uy tín nhất trong Ki Tô Giáo cũng như trong môi trường trí thức đại học Âu Mỹ, và những điều xuyên tạc cố ý với ý định hạ thấp hay bôi nhọ tôn giáo.

Tôi không chủ trương gây hận thù hay chia rẽ, nhưng tôi quan niệm rằng sự mở mang dân trí là điều kiện tất yếu của sự tiến bộ quốc gia, và sự hòa hợp trong các khối dân tộc chỉ có thể có khi chúng ta hiểu rõ tín ngưỡng của nhau và tìm những phương cách để cùng nhau chung sống trên đất nước thân yêu của chúng ta. Hận thù và chia rẽ bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết chứ không từ sự hiểu biết những sự thực tôn giáo. Sự hòa hợp tôn giáo trong các nước văn minh tiến bộ Âu Mỹ, nơi đây có vô số những sách viết về mọi tôn giáo, là một tấm gương để chúng ta soi vào.

Tôi không chống cá nhân những người theo Ki Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành. Đối với tôi, không có lý do gì để chống họ, nhất là chỉ vì họ đi theo một tôn giáo hợp với sở thích của họ. Tuy nhiên, trong thời đại này, những sự thực lịch sử cũng như giáo lý của tôn giáo, bất kể là tôn giáo nào, cần phải được trình bày rõ ràng để cho người dân biết đâu là sự thực. Đưa ra những sự thật về tôn giáo để nhận rõ đâu là nguồn gốc khổ đau cũng như đâu là nguồn gốc hạnh phúc mà tôn giáo đã mang đến cho nhân loại, ít ra là trong vài ngàn năm qua, tôi cho là một điều cần thiết.

Do đó, tôi chống hệ thống giáo quyền của Ca-Tô Giáo Rô-ma vì hệ thống này đã nô lệ hóa đầu óc con người và biến tín đồ thành những người vô tổ quốc "thà mất nước chứ không thà mất Chúa" chứ tôi không chống các tín đồ Ca-Tô mà tôi cho là nạn nhân của Giáo hội Ca Tô toàn cầu. Tôi chống cái giáo điều "quên mình trong vâng phục" của Ca-Tô Giáo và tinh thần nô lệ Vatican của Giáo Hội Ca-

Tô tại Việt Nam chứ không chông các

tín đồ được dạy từ nhỏ là phải "quên mình trong vâng phục". Bởi vì đây chính là những nguồn gốc mang đến sự chia rẽ trong đại khối dân tộc. Tôi chống "thẩm quyền Thánh Kinh" (Bible authority) của Tin Lành mà các tín đồ Tin Lành phải tuyệt đối tin là không thể sai lầm, vì chính thẩm quyền này đã mang đến bao sự đau thương cho nhân loại, và vì Thánh Kinh có rất nhiều điều sai lầm về thần học cũng như về khoa học, nhưng không chống tín đồ Tin Lành.

Tuy nhiên, làm công việc bạc bẽo này, tôi ý thức được rằng, đưa ra những sự thật về Ki Tô Giáo có thể sẽ phải đối diện với nhiều nguy hiểm cay đắng, hiểu lầm và ngay cả những phản ứng cuồng tín, nhưng tôi cho rằng sự yên lặng lại còn mang đến nhiều nguy hiểm lớn hơn cho dân tộc và quốc gia. Tôi hiểu rằng, bất cứ người nào lên tiếng phê phán hệ thống quyền lực Ca-Tô hay thẩm quyền của Thánh Kinh đều phải gồng mình lên đội cái mũ "chống KiTô", vì đó là sách lược chống đỡ của hệ thống quyền lực Ki Tô Giáo nói chung, chụp cái nhãn hiệu "chống Ki Tô Giáo" lên mọi ý kiến hay kết quả khảo cứu nào không phù hợp với những điều "giáo hội dạy rằng.." hay "Thánh Kinh viết rằng..". Ngoài ra họ cũng còn phải cam chịu mang danh hiệu là "kẻ thù của các tín đồ Ki Tô" vì hệ thống giáo quyền Ki Tô luôn luôn đồng nhất hóa những tham vọng của giới giáo sĩ với những cái mà họ cho là ước muốn của tín đồ, và reo rắc vào đầu óc tín đồ quan niệm sai lầm là mọi công cuộc nghiên cứu về thực chất Ki Tô Giáo, những điều mà tín đồ không thể ngờ vì không biết đến, đều bắt nguồn từ một tâm hận thù.

Đức Khổng Tử có nói: "Thay vì ngồi nguyên rửa bóng tối, tốt hơn là thắp lên một ngọn đèn nhỏ". Cuốn sách này không có tham vọng sẽ trở thành một nguồn sáng sáng hơn ánh sáng của một ngọn đèn nhỏ.

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

DẪN NHẬP

Giáo Hoàng Ca-Tô Giáo Rô-Ma (Công Giáo La-Mã) John Paul II, trong cuộc viếng thăm Ấn Độ năm 2000, đã kêu gọi tín đồ tăng gia nỗ lực cải đạo quần chúng ở Á Châu, nghĩa là, theo truyền thống truyền đạo của Ca Tô Giáo, dùng mọi thủ đoạn để kéo quần chúng vào Ca-Tô Giáo.

Mac Kher, dựa trên những sự kiện lịch sử: rằng sự du nhập của Ki Tô Giáo vào Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu, phần lớn Phi Châu và vài vùng Thái Bình Dương đã đưa tới sự hủy diệt một cách có hệ thống toàn bộ những tôn giáo và nền văn hóa đa thần có trước thời Ki-Tô, cho lời kêu gọi trên là một lời tuyên chiến chống nền văn hóa Á Đông, các tôn giáo Á Đông, và xã hội Á Đông nói chung, Ấn Độ nói riêng (Xin đọc trong www.nycny.com).

Tuần báo Newsweek, số ngày 16 tháng 4, 2001, trang 48, tường trình sự suy thoái của Ki Tô Giáo ở Âu Châu và Bắc Mỹ, nhất là ở Âu Châu, ngày nay được coi là một xã hội trong tình trạng hậu-Ki-Tô (post-Christian society), nhưng Ki Tô Giáo lại có chiều hướng phát triển trong các nước nghèo khó ở Á, Phi, nơi đây dân trí còn thấp kém, đời sống kinh tế vật chất khó khăn, và còn bị nhiều áp bức.

Gần đây, tại Việt Nam, những nhà truyền giáo Tin Lành, mượn chiêu bài tự do tín ngưỡng để truyền đạo trên các miền thượng du Bắc Việt và đã gây ra không ít hỗn loạn trong xã hội Việt Nam.

Mục đích truyền đạo của Ca-Tô cũng như Tin Lành ở Việt Nam là, lợi dụng và khai thác hoàn cảnh khó khăn về vật chất cũng như tinh thần của một số người dân ở trình độ thấp nhất, thu nạp tín đồ bằng những giáo điều huyền hoặc và bả vật chất. Khi có một số tín đồ cuồng tín và tuyệt đối theo lệnh các nhà truyền giáo rồi, họ sẽ biến số tín đồ này thành một lực lượng chính trị nấp sau bình phong tôn giáo để tạo áp lực với chính quyền, chi phối mọi hoạt động xã hội trên căn bản một niềm tin không cần biết không cần hiểu của Ca-Tô Giáo cũng như Tin Lành. Lịch sử du nhập của Ca-Tô Giáo vào Việt Nam đã chứng tỏ như vậy.

Những tín đồ tân tòng Ca-Tô hay Tin Lành, vì nhẹ dạ cả tin những lời hứa hẹn vào một đời sau, vì được giúp đỡ chút ít trong những hoàn cảnh vật chất khó khăn, đều không biết rằng mình đã bị huỷ hoại bởi một cái bánh vẽ, do đó bị lừa vào cảnh nô lệ một hệ thống giáo quyền trong cấu trúc toàn trị

của Ca-Tô Giáo, hay vào cảnh nô lệ “những điều mạo khải không thể sai lầm

trong Thánh Kinh” của Tin Lành. Nhìn vào toàn bộ nền Thần học Ki Tô Giáo, chúng ta thấy nó giống như một cái áo cũ kỹ đã rách bươm nhiều chỗ, phải vá chằng vá chịt, dùng để che đậy một thân thể bệnh hoạn. Tại sao? Bởi vì nền thần học này dựa trên nhiều nguy tạo và gian dối, như sẽ được chứng minh trong chương sau. Mỗi khi sự nguy tạo và gian dối nào bị phanh phui, người ta lại phải thay đổi, dùng nguy biện để che đậy nó đi bằng một luận điệu thần học khác. Vì vậy mà John E. Remsburg đã viết trong cuốn False Claims, trang 3, rằng:

Trong những giới thông minh ở Âu Châu và Mỹ Châu, nền thần học Ki-Tô trên thực tế đã chết.

(Among the intelligent classes of Europe and America, Christian theology is practically dead.)

Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận sự kiện là, nền thần học này cũng mang đến cho các tín đồ, tuyệt đại đa số thuộc thành phần thấp kém trong xã hội, một niềm hi vọng trong đời sống sau: Tới ngày phán xét cuối cùng (không biết bao giờ mới xảy ra tuy Chúa Giê-su đã hứa với các tông đồ là sẽ xảy ra trong ngay khi ông ta còn sống, và trong 2000 năm nay không biết bao nhiêu lần các bậc lãnh đạo Ki Tô Giáo đã tiên đoán sai lầm ngày tận thế sẽ xảy ra) Chúa sẽ hóa phép làm cho xác chết của họ sống lại đoàn tụ với linh hồn và sống cùng Chúa đời đời trên Thiên đường. Đó là cái bánh vẽ trên trời (từ của Linh mục Ernie Bringas: A Pie-in-the-sky) cộng với mỗi vật chất (theo đạo có gạo mà ăn) để khuyến dụ họ tin theo đạo Chúa.

Những nhận xét ở trên không phải là không có căn bản, nhưng tuyệt đại đa số những tín đồ Ki Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành, đều không biết đến những sự thực này, do chính sách bưng bít của các giáo hội, và do chính họ không đủ khả năng để theo dõi những diễn biến ngay chính trong các giáo hội của họ.

Thật vậy, chính Mục Sư Tin Lành Rubem Alves, Giáo sư Thần Học tại đại học Campinas ở Ba Tây, trong cuốn Đạo Tin Lành và Sự Đàn Áp (Protestantism and Repression, Orbis Book) đã phải đưa ra nhận định như sau, phản ánh thực chất tình trạng Tin Lành truyền đạo ở Ba Tây, trang 44:

Có phải là kỳ cục không khi mà Chúa Ki-Tô không thể rao giảng cho những người cảm thấy mình an toàn và hạnh phúc, những người cảm thấy cuộc đời đáng sống, những người không đang ở trong một cơn khủng hoảng? Có phải là khác thường không khi mà Chúa Ki-Tô chỉ có thể tuyên dương và có nghĩa trong những tình trạng đau khổ vì bệnh hoạn của những người đang ở trong những hoàn cảnh lo lắng, cảm giác tội lỗi, và khủng hoảng hay chết chóc? Thật ra nhiệm vụ của nhà truyền giáo là gì? Nhiệm vụ của họ là đặt cho một cơn khủng hoảng những tên Thần Học mà thực ra nguồn gốc của nó là vấn đề tâm lý xã hội. Nhà truyền giáo tìm cách khơi động một cơn khủng hoảng mà con người có thể chưa cảm thấy, để rồi từ đó, và chỉ khi đó, họ mới có thể tuyên bố "Chúa Ki-Tô là sự giải đáp".

(Isn't it curious that Christ cannot be preached to people who feel secure and happy, to people who feel that life is worth living, to people who are not going through a crisis? Isn't it odd that Christ can only be proclaimed and meaningful in morbid situations where people are infected with existential anxiety, guilt feelings, and terror or death? What really is the task of the evangelist? His or her task is to give theological names to a crisis that could

well be psychosocial in origin. The evangelist seeks to activate a crisis which might not have been sensed before, so that then, and only then, he or she can proclaim that "Christ is the answer".)

Nhận định của Giáo sư Rubem Alves ở trên quả thật đúng nếu chúng ta quan sát tình trạng Ki Tô Giáo nói chung ở các xã hội tân tiến Âu Mỹ. Con người Âu Châu nói riêng, trong các nước văn minh tiên bộ nói chung, vì đã có một đời sống kinh tế tương đối thoải mái, và vì thường xuyên đối diện với những tiến bộ của các bộ môn khoa học và tôn giáo học, đã tỉnh ngộ và thấy rõ thực chất của những lời hứa hẹn hoang đường như trên. Cho nên chúng ta không lấy gì làm lạ khi đa số chỉ mang danh là tín hữu Ki Tô theo truyền thống gia đình và xã hội của họ, nhưng chẳng còn tin những điều không còn phù hợp với sự tiến bộ trí thức và mức độ hiểu biết của quần chúng ngày nay. Những người ngày nay còn tin vào những điều hoang đường phi lý trí, phản khoa học v.v.. phần lớn thuộc những nước nghèo, chậm tiến, và thường là lớp người không mấy khi dùng đến đầu óc, hoặc đầu óc đã bị bóp méo, linh mục, mục sư làm cho mê muội từ khi còn nhỏ, chưa đủ khả năng hiểu biết, do đó bị giáo hội dẫn vào và giữ trong bóng tối của mê tín, của vô minh, và trong hệ thống toàn trị của giáo quyền Ca-Tô và của Kinh Thánh Tin Lành.

Số báo Newsweek nêu trên đã đưa ra vài con số nói lên tình trạng của Ki Tô Giáo hiện nay: năm 1900, 80% tín đồ Ki Tô là dân Âu Châu và Bắc Mỹ, ngày nay 60% là dân các nước Á, Phi, và châu Mỹ La-Tinh (Newsweek, Ibid.: In 1900, 80% of Christians were either Europeans or North Americans. Today, 60% are citizens of Africa, Asia and Latin America). Điều nguy hại mà Ki Tô Giáo đã gây ra ở Á, Phi là các giáo hội Ki-Tô ở những địa phương này lại bảo thủ hơn những giáo hội trong các nước văn minh tiên bộ Tây phương (Newsweek, Ibid.: a rift between the liberal churches of the West and the eruption of more conservative churches in Africa and Asia). Vì vậy chúng ta thường thấy một số không nhỏ tín đồ Ca-Tô cũng như Tin Lành Việt Nam vẫn còn mang tâm cảnh cuồng tín, hung hăng về vấn đề tín ngưỡng hơn bất cứ tín đồ Âu, Mỹ nào. Họ cuồng tín và hung hăng vì họ được giữ chặt trong cái mà Tiên sĩ Barnado gọi là “bóng tối dày đặc của ý thức hệ Rô-Ma” (in the thick darkness of Romanism), hoặc trong chủ trương "Đức Tin biện minh cho tất cả" (Justification by Faith) của Tin Lành, hoặc trong những "ốc đảo ngu dốt" (từ của Linh mục Trần Tam Tỉnh chỉ các cộng đồng Ca-Tô Việt Nam như Bùi Chu, Phát Diệm, Vĩnh Sơn, Hố Nai, Gia Kiệm v.v..). Họ được nhồi sọ từ nhỏ để tuyệt đối tin vào một cái bánh vẽ trên trời (A pie-in-the-sky) hay một ảo tượng không chắc chắn (an uncertain vision) bất kể đến cái lịch sử tàn bạo đẫm máu của giáo hội Ca-Tô Rô-ma mà họ được dạy là một giáo hội thánh thiện, cũng như lịch sử tàn bạo diệt chủng dân da đỏ của Tin Lành. Họ không biết đến và dù có biết cũng không quan tâm đến những triều đại dâm loạn của những giáo hoàng mà họ thường gọi là “đức thánh cha”, cũng như vấn đề đạo đức quá suy đồi trong hàng giáo phẩm như hàng trăm linh mục, giám mục, mục sư can tội cưỡng bách tình dục trẻ em phụ tế và nữ tín đồ đến độ giáo hội phải bỏ ra đến cả tỷ đô la, theo ước tính của Jason Berry, để bồi thường cho các nạn nhân; linh mục Andrew Greeley, giáo sư xã hội học tại đại học Chicago cho rằng có tới 25% linh mục đồng giới luyện ái (gay priests) nhưng học giả Ca-Tô Jason Berry bảo con số này thực sự cao gấp đôi; số linh mục nghiện rượu cũng không phải là nhỏ; số linh mục chết vì bệnh AIDS có tỷ lệ cao gấp từ 4 đến 8 lần tỷ lệ trong quần chúng; và gần đây nhất, vấn đề linh mục cưỡng bách tình dục, danh từ phổ thông là “hiếp dâm”, một số nữ tu Ca Tô (sơ) trong 23 quốc gia, kể cả Hoa Kỳ, Ba-Tây, Phi Luật Tân, Ấn Độ, Ai Nhĩ Lan, Ý v.v., và cưỡng bách một số phải uống thuốc ngừa thai hoặc phá thai, đã bị phanh phui và phổ biến trên tờ National Catholic Reporter ở Kansas City ngày 16 tháng 3, 2001, và trên hãng thông tấn Adista ở bên Ý. Tòa

Thánh Vatican, tuy đã được phúc trình về vấn đề này từ tháng 2, 1995, nay cực chẳng đã cũng phải lên tiếng thú nhận bằng lời lẽ mơ hồ là có vấn đề ô nhục nhất trong giới chăn chiên này, nhưng chỉ giới hạn trong một vùng địa dư mà thôi (only in a geographic region). Vậy mà họ vẫn tự nhận là họ đang ở trong một “hội Thánh”, một “giáo hội thánh thiện, duy nhất, tông truyền v.v..” không chút ngượng ngùng. Họ không hề thắc mắc về một vấn đề căn bản: Tại sao cái mà họ gọi là “hội Thánh” của họ lại có thể có một lịch sử tàn bạo, đẫm máu, ô nhục, kéo dài suốt 20 thế kỷ cho đến tận ngày nay?

Người Việt Nam chúng ta, hơn ai hết, nếu không muốn bị mang tiếng là lạc hậu, chậm tiến, và bị rơi vào những cảnh suy đồi đạo đức của những kẻ buôn thần bán thánh v.v.. thì chúng ta cần phải đề cao cảnh giác trước âm mưu truyền giáo sang Á Châu của Vatican và của Tin Lành. Chúng ta cần phải phân biệt rõ ràng quyền tự do tín ngưỡng của con người và quyền tự do truyền đạo bằng những phương cách có tính cách xúc phạm đến mọi nền văn hóa phi-Ki-Tô của Ca Tô Giáo cũng như Tin Lành. Thật vậy, Giáo hoàng Ca- Tô đã thú nhận gần đây trong những lời xưng thú 7 núi tội lỗi của giáo hội Ca- tô ngày 12 tháng 3, 2000: “Chúng tôi xin được tha thứ cho những tội lỗi trong những hành động với ý muốn thống trị kẻ khác, với thái độ thù nghịch đối với các tôn giáo khác, không tôn trọng truyền thống văn hóa và tôn giáo của các dân tộc nhỏ, kém phát triển”.

Nhưng chỉ vài tháng sau khi xưng thú 7 núi tội lỗi cùng thế giới, như tự tát vào chính mặt mình, ngày 5 tháng 9, 2000, Hồng Y Ratzinger, với sự đồng ý của Giáo Hoàng John Paul II, đã tung ra tài liệu “Dominus Jesus” mang hình thức tuyên ngôn dài 36 trang. Trong tài liệu này có hai điểm nổi bật gây nhiều dư luận trên thế giới, một liên quan đến các tôn giáo phi-KiTô, và một liên quan đến khả năng trung gian cứu rỗi duy nhất của giáo hội Ca-Tô:

1. “.. như là một phương tiện đưa đến sự cứu rỗi, những tôn giáo phi-KiTô thiếu sót một cách trầm trọng” (..non-Christian religions are gravely deficient as a means of salvation)
2. “Giáo hội Ca-Tô Rô-ma là phương tiện duy nhất đem đến sự cứu rỗi cho toàn thể nhân loại” (The Roman Catholic Church is the only instrument for the salvation of all humanity).

Hai điểm trên chứng tỏ giáo hội Ca-Tô không thực tâm trong vấn đề xưng thú tội lỗi và xin được tha thứ, và ý muốn thống trị, thái độ thù nghịch đối với các tôn giáo khác, không tôn trọng truyền thống văn hóa và tôn giáo phi- KiTô vẫn là chỉ tiêu của giáo hội trong sách lược bành trướng đạo sang Á Châu.

Sách lược truyền đạo của Tin Lành cũng tương tự như của Ca-Tô. Họ vẫn tin tưởng rằng những điều “Thánh Kinh viết rằng...” phải là tuyệt đối, không thể sai lầm, và cũng dùng cùng những thủ đoạn của Ca-Tô giáo: xuyên tạc, hạ thấp tất cả các tín ngưỡng dân gian phi Ki-Tô và những nền văn hóa phi Ki-Tô.

Chúng ta cũng cần phải ý thức được rằng, Ki Tô Giáo nói chung, Ca Tô Giáo cũng như Tin Lành, đang lạm dụng và núp sau chiêu bài “Nhân quyền” và dựa vào ưu thế kinh tế và quân sự của các cường quốc Au Mỹ để truyền đạo trong những quốc gia mà họ có thể ép được. Họ không dám đụng tới khối Hồi Giáo hay Do Thái, những khối tuyệt đối không nhân nhượng về vấn đề tự do truyền đạo. Họ cũng không dám đụng tới Trung quốc, một quốc gia vĩ đại với gần một tỷ rưỡi dân, có tiềm lực kinh tế và quân sự không thể coi thường, và có một chính sách rõ rệt để ngăn chặn và kiểm soát sự tự do truyền

giáo.

Nhưng họ lại khai thác sự yếu kém kinh tế của các nước nhỏ ở Á đông và tính dễ dãi của những dân tộc trong vùng này, như Thái Lan và Việt Nam, để thực hiện ảo vọng Ki Tô hóa các quốc gia này. Việt Nam là mục tiêu hàng đầu vì nơi đây Vatican đã có sẵn một lực lượng khoảng từ 5 đến 7 triệu giáo dân phần lớn nổi tiếng cuồng tín, cực đoan, và hoàn toàn lệ thuộc Vatican. Chính quyền Việt Nam cần phải ý thức được cái hiểm họa Ki Tô, Ca-Tô cũng như Tin Lành, nếu không muốn truyền thống dân tộc và văn hóa của Việt Nam bị xóa sạch trong tương lai, rơi vào vòng nô lệ Vatican hay Tin Lành, bình phong tôn giáo của các đế quốc tư bản Âu Mỹ.

Ngoài ra, để đối phó với sách lược đang được thi hành hiện nay của Ca Tô và Tin Lành: dùng bọn người trí thức nô lệ mất gốc, đưa ra những tác phẩm xuyên tạc bôi nhọ lịch sử, văn hóa Việt Nam, điển hình là cuốn sách với cái tên quái gở “Tổ Quốc Ăn Năn” của Nguyễn Gia Kiểng, một tín đồ Ca-Tô, đồng nhất hóa hành động hay tư tưởng của một vài cá nhân trong lịch sử Việt Nam với Tổ Quốc Việt Nam, hoặc cuốn Hành Hương Đất Phật của một "trí thức Ca-Tô" khác, Nguyễn Kim Khanh với bút hiệu Phan Thiết, mà nội dung chỉ để xuyên tạc, hạ thấp Phật Giáo qua một kiến thức rất hời hợt về Phật Giáo. Song song với những hoạt động văn hóa một chiều của Vatican, Tin Lành cũng tung ra một loạt những bài viết, phần lớn là bịa đặt, để đánh bóng Tin Lành và cùng lúc hạ thấp Phật Giáo. Chúng ta có thể kể những bài của Lê Anh Huy, Phan Như Ngọc trong mucusu.net, hay cuốn "Từ Áo Cà Sa Đến Thập Tự Giá" của Huệ Nhật mà giá trị không thể xếp vào hạng trí thức. Những tác giả thuộc loại nô lệ trí thức này cũng còn theo sách lược toàn cầu của Vatican và Tin Lành, xuyên tạc, bóp méo lịch sử và văn hóa Phật Giáo, hoặc đánh đồng khắp khiêng vài nét văn hóa Việt Nam hoặc Phật Giáo với nền văn hóa Ki Tô, ngụy trang đằng sau những chiêu bài như “Thần học Ki Tô Giáo theo cung cách Á Châu”, hoặc “quay về với truyền thống dân tộc, hội nhập văn hóa dân tộc”, nhưng vẫn khẳng khái bám chặt vào “chân lý về Chúa Ki Tô đáng trung gian duy nhất, vẫn là và sẽ mãi mãi là một tín điều, và không thể chấp nhận sự thỏa thuận hay dung hòa nào cả”. Chính quyền và người dân Việt Nam cần ý thức được tầm quan trọng của sự mở mang dân trí. Nếu không muốn mang tội với dân tộc trong lịch sử Việt Nam, chính quyền Việt Nam cần đẩy mạnh nỗ lực mở mang dân trí. Đây chính là sách lược then chốt để ngăn chặn sự xâm nhập văn hóa Việt Nam qua những luận điệu mê hoặc hoang đường của Ki Tô Giáo, đồng thời là cái chìa khóa để mở rộng cánh cửa tiến bộ về mọi mặt của nước nhà.

Cuốn sách này được viết ra không ngoài mục đích đóng góp một phần vô cùng nhỏ nhoi trong chiều hướng mở mang dân trí bằng cách đưa ra những sự thực về con người của Giê-su cũng như những lời giảng dạy của Giê-su trong Thánh Kinh, những lời không mấy khi được các linh mục hay mục sư diễn giảng trong nhà thờ, hoặc chỉ được diễn giải theo lý luận thần học của giáo hội, nhiều khi rất mâu thuẫn và phi lý, trước đám tín đồ thấp kém đã bị cấy vào đầu óc những niềm tin tôn giáo từ khi còn nhỏ.

Hiện nay trong thế giới Âu Mỹ chúng ta thấy tràn ngập những tác phẩm nghiên cứu về nhân vật Giê-su. Tác giả những thiên khảo cứu này đều là những bậc có uy tín trong giáo hội cũng như ngoài giáo hội. Họ gồm có các Hồng Y, Tổng Giám Mục, Linh Mục, giới trí thức trong Giáo hội, cùng những chuyên gia, học giả, giáo sư đại học, nhà thần học v.v.. mà truyền thống tín ngưỡng gia đình và xã hội của họ là Ki Tô Giáo.

Cuốn sách này chỉ có thể trình bày phần nào những kết quả nghiên cứu của các học giả nói trên. Độc giả có thể tham khảo những cuốn sách liệt kê trong phần Tài liệu Tham Khảo nếu muốn biết thêm chi tiết về những chủ đề

nêu trong sách. Không có lý do gì mà người Việt chúng ta lại không được biết và đọc những tài liệu này. Tín đồ Ki Tô cần phải đọc để biết về thực chất tôn giáo của họ. Người ngoại đạo càng cần phải đọc hơn để khỏi bị lừa dối bởi những điều hoang đường sai sự thực.

Nội dung cuốn sách này là trình bày cùng quý độc giả hình ảnh thực sự của Giê-su qua một số tài liệu nghiên cứu, phân tích mới nhất của các chuyên gia về Ki Tô Giáo, ở trong cũng như ở ngoài giáo hội, và tuyệt đại đa số vẫn nằm trong truyền thống tôn giáo, văn hóa Tây phương. Hình ảnh này sẽ cho chúng ta biết Giê-su thực sự như thế nào, sống trong hoàn cảnh nào, chịu ảnh hưởng của những tư tưởng nào v.v.. Cuốn sách này cũng phân tích những điều giảng dạy điển hình của Chúa Giê-su được ghi trong Thánh Kinh, và từ những thông tin trong phần nghiên cứu về con người Giê-su ở trên, chúng ta mới có thể biết rõ chủ ý của Giê-su nằm trong những điều giảng dạy. Cho nên cuốn sách này sẽ gồm có hai chương:

1. Chương 1: Giê-su là ai?
2. Chương 2: Giê-su giảng dạy những gì?

Ngoài ra trong phần Phụ Lục, tôi cũng xin cống hiến quý độc giả vài nét về Vua David, người mà các nhà thần học trong giáo hội Ca-Tô thường hãnh diện khoe rằng Giê-su thuộc dòng dõi ông Vua này, và dạy các tín đồ hàng ngày cầu nguyện: "Xin Chúa làm cho tôi khinh dể sự đời là chốn muông chim cầm thú, xin làm cho tôi đặng về quê thật hiệp làm một cùng vua David." (Trích dẫn từ Kinh Nhựt Khóa của Công giáo).

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

CHƯƠNG I

-GIÊ-SU LÀ AI?

Điều quan trọng nhất là, tác động của quan điểm khoa học ngày nay đã khiến cho các học giả, ngay cả những người được giáo hội Ca-Tô bảo thủ cho phép nghiên cứu, cũng phải đồng ý là phần lớn những điều chúng ta biết về Giê-su chỉ là huyền thoại... Các học giả đã biết rõ sự thật từ nhiều thập niên nay – rằng Giê-su chẳng gì khác hơn là một người thường sống với một ảo tưởng – họ đã dạy điều này cho nhiều thế hệ các linh mục và mục sư. Nhưng những vị này vẫn giữ kín không cho đám con chiên biết vì sợ gây ra những phản ứng xúc động dữ dội trong đám tín đồ. Do đó, những người còn sống trong bóng tối là những tín đồ Ki Tô bình thường.

(Most important, the impact of the scientific perspective is having now that even scholars working under a conservative Catholic imprimatur agree that much of what we know of Jesus is myth... Scholars have known the truth – that Jesus was nothing more than a man with a vision – for decades; they have taught it to generations of priests and ministers, who do not pass it along to their flocks because they fear a backlash of anger. So the only ones left in the dark are ordinary Christians.)

(Russell Shorto in "Gospel Truth")

Như là một định chế trong thế giới này, Vatican đã thông thạo những phương pháp biến chế, xào xáo sự thực bằng những cách lạ lùng để thúc đẩy chương trình toàn cầu của mình. Vatican đã thông thạo cách che dấu lịch sử, khai thác sự ngu dốt của con người, và ngụy trang những chính sách phi-dân chủ của mình...

(As an institution in this world the Vatican has learned to manipulate and manage truth in strange ways in furthering its world-wide program. It has learned to shade history, exploit human ignorance, and disguise its undemocratic policies...)

(Paul Blanshard, in "The Management of Truth: The Vatican")

Ki-Tô Giáo nói chung, đặc biệt là Giáo-hội Ca-Tô Rô-Ma (phiên âm từ "The Roman Catholic Church") mà người Việt Nam thường biết dưới cương từ quen thuộc là Giáo Hội Công Giáo La-Mã, đã thành công trong việc tạo dựng lên một hình ảnh của Giê-su, đối tượng của một đức tin thuộc loại "Tin là một cách sống, chết; không liên quan gì đến cái biết, cái hiểu." (Đỗ Mạnh Tri, trong cuốn "Ngón Tay và Mặt Trăng") trong đám tín đồ đông đảo, gần 2000 năm qua. Hình ảnh Giê-su mà Giáo hội cấy vào đầu tín đồ rất xa với sự thực, những sự thực không nằm trong sự hiểu biết của tín đồ, vì Giáo hội cũng đã thành công trong việc biến tín đồ thành

những thuộc hạ với tâm cảnh nô lệ, hoàn toàn tuân phục Giáo hội. Trong bức "Thư Chung Năm 2001" của "Hội Đồng Giám Mục Việt Nam" gửi "Cộng Đồng Dân Chúa" để họ "Được Sống Dồi Dào", mục 4, các giáo dân được khuyến khích phải "quên mình trong vâng phục" theo đúng Tông Huấn Giáo Hội tại Châu Á, số 44, nghĩa là phải tuyệt đối vâng phục những điều "Giáo hội dạy rằng...". Do đó, bất cứ Giáo hội giảng dạy ra sao, bất kể những điều giảng dạy này có đúng sự thực hay không, có thuận lý hay không, có hợp với trình độ hiểu biết của nhân loại ngày nay hay không v.v., tín đồ đều phải vâng phục và tin theo. Đây là truyền thống tín ngưỡng của Ca-Tô Giáo Rô-ma. Thật vậy, Truyền thống trong Ca-Tô Giáo Rô-ma được tóm tắt trong câu (J. Sheatsley, The Pope's Catechism, p.80):

Tín đồ Ca-Tô phải tin tất cả những gì Thiên Chúa đã mạc khải và tất cả những gì Giáo hội Ca-Tô dạy, bất kể là những điều đó có hay không có trong Thánh Kinh.

Vì Truyền Thống Ca-Tô (nghĩa là những gì giáo hội dạy) và Thánh Kinh đều do Thiên Chúa mạc khải.

(A Catholic must believe all that God has revealed and the Catholic Church teaches, whether it is contained in Holy Scripture or not.

Because Catholic Tradition and Holy Scripture were alike revealed by God)

Bản chất của Tin Lành cũng không khác gì Ca-Tô Giáo. Họ chỉ thay những lời "Giáo hội dạy rằng.." của Ca-Tô Giáo bằng câu "Thánh Kinh viết rằng.." và điều kiện tiên quyết để theo Tin Lành là phải tuyệt đối tin vào Thánh Kinh và huyền thoại cứu rỗi của Giê-su. Trong Tin Lành, thẩm quyền của Giáo hội trong Ca-Tô Giáo được thay thế bằng thẩm quyền của Thánh Kinh. Mục sư Tin Lành Rubem Alves viết trong cuốn "Protestantism and Repression", trang 62 như sau về đức tin trong đạo Tin Lành: "Nếu những sự kiện khoa học, nhân văn, xã hội v.v.. hay thực tế ở ngoài đời (real life) mà trái ngược với Thánh Kinh thì những sự kiện này đương nhiên phải dẹp bỏ." (If the facts oppose the text (of the Scriptures), abolish the facts). Nếu khoa học mà phù hợp với Thánh Kinh thì đó là khoa học tốt (Good science). Nếu khoa học mà không phù hợp với Thánh Kinh thì đó là khoa học xấu (Bad science). Truyền thống trong Tin Lành cũng là phải tuyệt đối tin rằng con người sinh ra trong tội lỗi (born in sin) và do bản chất đó, con người không thể làm gì tốt (by nature, incapable of doing good), phải bị đày đoạ vĩnh viễn (To be a sinner is to be destined to eternal damnation), và cách duy nhất để được cứu rỗi là phải tin vào quyền năng của Giê-su (Justification by Faith). Vì vậy, Rubem Alves viết: "Chúng ta không bao giờ thấy Tin Lành giải thích hay biện minh cho thẩm quyền của Thánh Kinh bằng sự hiểu biết hay xuyên qua những thực tế ở ngoài đời. (Ibid., p.34: We will never see Right Doctrine Protestantism trying to explain or justify biblical authority in terms of understanding or comprehension of existence that it offers.)

Do đó, thảm trạng của nhân loại ngày nay là, gần một phần tư dân số trên thế giới vẫn tiếp tục sống trong bóng tối của một ý thức hệ mà thực chất không còn phù hợp với trình độ trí thức của con người trong thời đại thông tin điện tử này. Họ là nạn nhân của một nền Thần học tinh vi, dựa trên nhiều nguy tạo và gian dối, một nền Thần học có tác dụng giữ họ trong bóng tối của đức tin thời Trung Cổ. Luận cứ này sẽ được chứng minh trong những phần sau của cuốn sách này.

Cho nên, nếu chúng ta đặt một câu hỏi then chốt: Giê-su là ai? thì câu trả lời thật là dễ dàng đối với những tín đồ Ki Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành: "Chúa tôi.", vì họ chỉ được dạy như vậy và tin

có vậy. Nhưng nếu chúng ta hỏi tiếp: “Chúa

tôi là ai?” thì có lẽ tin đồ Ki Tô Giáo sẽ không trả lời vì không biết trả lời ra sao. Nhưng phần chắc là, do được dạy nhồi sọ từ nhỏ, họ sẽ nhìn chúng ta với một cặp mắt khinh khi, cho rằng chúng ta đích thật là những kẻ mọi rợ, chưa biết đến “tin mừng phúc âm.” trong khi họ chưa bao giờ đọc đến phúc âm và cũng không biết trong phúc âm có những gì, ngoài vài điều vụn vặt chọn lọc được rao giảng trong nhà thờ, và trong sách báo tuyên truyền một chiều của Ki-Tô giáo. Chỉ có điều, đối với thiểu số trên thế giới thì phúc âm, hay nói cho đúng hơn, những điều mê tín cách đây 2000 năm của dân tộc Do Thái, quả mang đến một tin mừng: “cứ tin ở Chúa thì sau khi chết phần hồn sẽ được lên thiên đường ở cùng Chúa, và đến ngày phán xét cuối cùng, thì Chúa sẽ làm cho xác chết của mình sống lại đoàn tụ với linh hồn”. Nhưng đối với đa số trên thế giới hiện đại có chút ít đầu óc thì chuyện “linh hồn lên thiên đường và xác chết ngày sau sống lại” thuộc loại chuyện “Chú Cuội ngồi trên cung Hằng”, vì "cứ tin ở Chúa" chỉ có thể áp dụng cho con người sinh sau Chúa, nghĩa là cách đây khoảng 2000 năm, trong khi lịch sử nhân loại đã trải dài ít ra là vài triệu năm.

Có lẽ tuyệt đại đa số tin đồ Ki Tô Giáo không hề đọc đến 3 tác phẩm nhan đề Giê-su là ai?, trong số hàng trăm tác phẩm khác, mà nội dung là kết quả nghiên cứu về nhân vật Giê-su trong lịch sử Ki Tô Giáo. Tác giả 3 tác phẩm nghiên cứu về cùng một chủ đề này là hai học giả Ki-Tô: Colin Cross và Thomas Wright, và Linh mục Ca-Tô John Dominic Crossan, giáo sư thần học tại đại học De Paul ở Chicago trong 26 năm. Ba tác phẩm này cùng với nhiều tác phẩm nghiên cứu khác ngày nay đã có thể cho chúng ta một cái nhìn về nhân vật Giê-su hoàn toàn khác với hình ảnh cùng những thuộc tính mà các giáo hội đã cấy vào đầu óc các tín đồ về Chúa của họ. Ngay cả mặt mũi thực sự của Giê-su cũng được đài BBC dùng máy điện toán tái tạo dựa trên những mẫu sọ người Do Thái cách đây 2000 năm, và những hình vẽ người Do Thái cho đến thế kỷ thứ 4. Hình ảnh gần đúng với sự thực này đã được đăng trên báo chí, và chương trình “Dateline NBC” của đài truyền hình NBC ngày 11 tháng 4, 2001 cũng đưa lên cho cả thế giới coi. Hình ảnh này cũng được đài TV Discover loan truyền cho thế giới coi tối ngày 15 tháng 4, 2001, trong cuốn phim khảo cứu “Jesus: The Complete Story”, cùng với những chi tiết đối ngược với những luận điệu thần học của giáo hội. Theo các khoa học gia thì hình ảnh Giê-su mà chúng ta thường thấy trên các hình vẽ, tượng hình v.v.. ngày nay chỉ là những sản phẩm tưởng tượng của các nghệ sĩ (Artists’ fantasies) thuộc giống dân da trắng, vì sự thực là không có một tài liệu nào cho biết hình dáng Giê-su ra sao. Nhưng với kỹ thuật tái tạo trong khoa học ngày nay, người ta đã có thể tái tạo khuôn mặt của Giê-su một cách sát với thực tế nhất. Khuôn mặt này trông thô lỗ, râu tóc quăn, da ngăm ngăm, mũi to, môi dày v.v.., như chúng ta thấy ở đầu cuốn sách này, không có gì giống với những hình ảnh do người da trắng tạo ra theo sự tưởng tượng của họ. Sự tái tạo khuôn mặt Giê-su của đài BBC đã gây nên nhiều phản ứng trong giới da trắng vì theo quan niệm của họ, Giê-su phải là người da trắng, mặt mũi gọn ghẽ như hình ảnh mà chúng ta thường thấy trong các xã hội Âu Mỹ.. Trong tờ Chicago Tribune ngày 13 tháng 4, 2001, Brad R. Braxton viết: “Vấn đề không phải là có lẽ Giê-su có tóc quăn, mũi lớn, môi dày, da đen mà là tại sao hình ảnh này lại thu hút sự chú ý (phản đối) của một số người da trắng.. Trong nhiều thế kỷ, dân da trắng đã hưởng lợi thế về tôn giáo, tâm lý, chính trị và kinh tế vì đã vẽ ra một vị thần theo hình ảnh của họ. Vẽ ra chân dung của Giê-su như là một người da trắng vốn không phải là điều khó hiểu. Đó chỉ là thần học dưới dạng nghệ thuật.” (So the news is not that Jesus probably had curly hair, a broad nose, thick lips and dark skin, the news is why this is so arresting to some white people...For centuries, white people have enjoyed the religious, psychological, political and economic advantages of having the divine cast in their image. The depiction of Jesus as a white man is not inherently problematic. It is theology in the

form of art.)

Vậy thì “Giê-su là ai?”. Cho đến thế kỷ 16, hầu như toàn thế Á Châu chẳng có mấy người biết Giê-su là ai. Còn ở Âu Châu thì không một ai dám đặt ra câu hỏi này và không một ai dám phê phán bình luận cuốn Thánh Kinh vì sợ bị tù đầy, tra tấn và mang đi thiêu sống. Chúng ta nên nhớ, những tòa hình án xử Dị Giáo của giáo hội Ca-Tô, vì thế giới loài người càng ngày càng văn minh hơn, do đó quyền lực của giáo hội cũng càng ngày càng suy sụp, chỉ được dẹp bỏ vào khoảng giữa thế kỷ 19, sau khi đã tra tấn và giết hại 11 triệu người "dị giáo", và “Thánh bộ” (Holy Office) cầm đầu các tòa án xử dị giáo đã được biến thể, đổi tên thành Thánh Bộ Truyền Bá Giáo Lý Về Đức Tin, ngày nay do “hồng y thiết giáp” Ratzinger đứng đầu.

Sự tiến bộ trí thức là một định luật thiên nhiên của nhân loại. Dù giáo hội Ca- Tô đã tìm hết cách và xử dụng tới đa mọi quyền lực thế gian trong suốt 1500 năm, từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 19, với những biện pháp dã man, tàn bạo nhất để ngăn chặn sự tiến bộ này, cuối cùng giáo hội cũng phải đầu hàng trước những bước tiến trí thức của loài người. Thật vậy, ngay từ 1760, Hermann Samuel Reimarus, giáo sư ngôn ngữ Á Đông tại đại học Hamburg bên Đức, đã viết một cuốn sách đưa ra nghi vấn về sự thực lịch sử viết trong các phúc âm. Vì sợ bị giáo hội trả thù, ông ta đã xếp đặt để cho tác phẩm của ông được xuất bản sau khi ông ta chết. Rồi cho đến năm 1835, Giáo sư Thần học David Friedrich Strauss cho ra đời cuốn Khảo Xét Kỹ Cuộc Đời Của Giê-su (Life of Jesus Critically Examined) trong đó tác giả dùng những phương pháp phân tích để đi tới kết luận: “các phúc âm không phải do các tông đồ của Giê-su viết mà là do những tín đồ Ki Tô về sau, những người đan lẩn những truyền thuyết, những điều tưởng tượng và sự kiện vào với nhau.”(..the gospels were written not by followers of Jesus but by later Christians who wove fact, legend, and fantasy together). Sau đó Strauss bị cấm dạy môn Thần học cho đến khi chết. Chúng ta có thể đọc tóm tắt những tác phẩm của Reimarus và Strauss trong cuốn sách được coi là làm “lung lay thế giới thần học” (..it rocked the theological world) vào đầu thế kỷ 20, Tìm Kiếm Nhân Vật Giê-su Lịch Sử (The Quest of The Historical Jesus), của một tác giả nổi tiếng trên toàn thế giới, Y Khoa Bác Sĩ Albert Schweitzer. Ngoài bằng bác sĩ, Albert Schweitzer còn có hai bằng cấp khác: tiến sĩ Thần học, và tiến sĩ Triết Học.

Bước sang thế kỷ 20, sự khám phá ra những cuộn kinh nơi Biển Chết (The Dead Sea Scrolls) song song với kỹ thuật định tuổi vật chất cùng nhiều khám phá khác trong ngành khảo cổ đã giúp cho những nhà nghiên cứu rất nhiều trong công cuộc đi tìm những sự thực trong Thánh Kinh. Rồi đến thập niên 1960, những khoa dạy môn Thần học trong các trường đại học Ki Tô bắt đầu xuống dốc vì càng ngày càng ít người học, nhiều học giả đã bỏ các trường đại học Ki Tô để sang dạy tại các trường đại học công, nơi đây họ có nhiều tự do hơn trong việc khảo cứu.

Tất cả những sự kiện trên đã làm động cơ thúc đẩy cho công cuộc nghiên cứu phúc âm và về nhân vật Giê-su phát triển mạnh mẽ. Điển hình là Hội Nghiên Cứu Giê-su (The Jesus Seminar) gồm nhiều học giả ở trong cũng như ở ngoài các giáo hội Ki Tô, đã phối hợp các kỹ thuật nghiên cứu tân tiến nhất như khảo cổ, cổ sinh vật học, phương pháp định tuổi vật chất, với phương pháp phân tích ngữ học, cổ ngữ học, xã hội học, sử học v.v.. để phân tích từng câu, từng lời, từng sự kiện viết trong phúc âm. Một khuôn mặt đặc biệt trong ngành nghiên cứu Tân Ước lại chính là một linh mục Ca-Tô: John P. Meier, giáo sư Thần học. Trong tác phẩm Một Người Do Thái Ở Ngoài Lề, Không Đáng Kể: Nghĩ Lại Về Nhân Vật Giê-su Lịch Sử (A Marginal Jew: Rethinking The Historical Jesus), tập 1 và 2, nhà xuất bản Doubleday tại New York phát hành năm 1991 và 1994, với sự duyệt và phê chuẩn (imprimatur)

của Vatican, tuy còn dè dặt trong những điểm tế nhị khác thuộc về đức tin Ca-Tô, linh mục Meier đã thẳng thắn luận về những bằng chứng chứng tỏ Giê-su là đứa con hoang, đã lấy vợ, và nhiều chủ đề khác có thể gây ngỡ ngàng trong một giáo xứ (He discusses evidence that the historical Jesus was illegitimate, that he was married, and

various topics that might raise eyebrows in a parish house). Hơn thế nữa, Meier đồng ý với các đồng nghiệp trong ngành, bác bỏ những chuyện có tính cách siêu nhiên trong Tân Ước như là sự thực lịch sử – Giê-su đi trên sóng, biến đổi nước thành rượu, và các phép lạ khác v.v.. Linh mục Meier cũng bàn đến một vấn đề quan trọng khác liên hệ đến tín lý then chốt “Maria đồng trinh” của Ca-Tô giáo, và đưa ra nhiều bằng chứng trong Thánh Kinh chứng tỏ là bà Maria đã sinh nở ít ra là 7 lần, với Giê-su là đứa con đầu lòng. Lẽ dĩ nhiên, tuyệt đại đa số tín đồ Ki Tô không hề biết đến những kết quả nghiên cứu sâu rộng này.

Vậy kết quả những công cuộc nghiên cứu về nhân vật Giê-su ra sao? Cho đến nay, các chuyên gia về tôn giáo ở trong cũng như ngoài Ki Tô giáo đã có thể đưa ra một giải đáp khá chính xác cho câu hỏi “Giê-su là ai?”. Những kết quả nghiên cứu tổng hợp về nhân vật Giê-su đã cho chúng ta một con người lịch sử hoàn toàn khác với hình ảnh Giê-su mà các giáo hội Ki Tô đưa ra trước đám đông tín đồ thấp kém. Tại sao vậy? Chúng ta có thể đọc trong cuốn *Sự Thật Về Phúc Âm* của Russell Shorto, một học giả đã nghiên cứu và duyệt qua những công cuộc nghiên cứu về nhân vật Giê-su trong hai thế kỷ 19 và 20, những đoạn như sau:

Bữa ăn chiều cuối cùng, Sinh ra từ một trinh nữ, chết rồi sống lại: những niềm tin chính của Ki Tô Giáo đang bị thử thách từng điếm một. Các học giả chuyên nghiên cứu Thánh Kinh – một thời đã là những người gìn giữ nền Thần học Ki Tô – ngày nay đang dùng khoa khảo cổ, cổ sinh vật học, ngữ học, khoa học điện toán, và ngay cả khoa vật lý các hạt nhỏ, để tìm hiểu vấn đề “Giê-su là ai?” Kết quả là một sự duyệt lại tận gốc rễ Phúc âm và chuyện trong Phúc âm nay đã trở nên thật là rõ ràng nhưng lại làm cho một số người choáng váng bàng hoàng.

Điều quan trọng nhất là, tác động của quan điểm khoa học ngày nay đã khiến cho các học giả, ngay cả những người được giáo hội Ca-Tô bảo thủ cho phép nghiên cứu (như LM John Meier. TCN), cũng phải đồng ý là phần lớn những điều chúng ta biết về Giê-su chỉ là huyền thoại.

1

...Công cuộc nghiên cứu của Hội Nghiên Cứu Giê-su, và của tất cả những nhà nghiên cứu Thánh Kinh ngày nay, biểu thị cho một sự chuyển hướng của các học giả chuyên gia nghiên cứu Thánh Kinh về tiêu chuẩn lương thiện văn hóa, lánh xa sự độc đoán của giáo hội. Theo Funk (chủ tịch Hội Nghiên Cứu Giê-su. TCN), các học giả đã biết rõ sự thật từ nhiều thập niên nay – rằng Giê-su chẳng gì khác hơn là một người thường sống với một ảo tưởng (ảo tưởng tin rằng mình chính là con của Thần Do Thái và là đáng cứu tinh của dân Do Thái. TCN) – họ đã dạy điều này cho nhiều thế hệ các linh mục và mục sư. Nhưng những vị này vẫn giữ kín không cho đám con chiên biết vì sợ gây ra những phản ứng xúc động dữ dội trong đám tín đồ. Do đó, những người còn sống trong bóng tối là những tín đồ Ki Tô bình thường.

2

Có ba chi tiết quan trọng trong đoạn tóm tắt kết quả nghiên cứu về nhân vật Giê-su của Shorto ở trên: 1) Phần lớn những điều mà ngày nay chúng ta biết về Giê-su chỉ là huyền thoại; 2) Giáo hội và các bậc lãnh đạo trong giáo hội đã biết rõ sự thực trên; 3) Chỉ có những tín đồ Ki-Tô, và có thể những bậc lãnh đạo Ki Tô trong các nước kém phát triển, hoặc một số người ngoại đạo không hề nghiên cứu về

nhân vật Giê-su, là vẫn còn tin rằng những gì giáo hội dạy về Giê-su đều là sự thực, và do đó vẫn tiếp tục sống trong bóng tối.

Phải chăng Shorto đã đưa ra những nhận định vô căn cứ? Tuyệt đối không phải. Chúng ta hãy xét đến vài kết quả nghiên cứu điển hình về nhân vật Giê-su của

một số giám mục, linh mục, học giả chuyên về tôn giáo:

1. Trong cuốn *Giê-su Là Ai ?*, học giả Ki Tô Colin Cross viết như sau trong phần dẫn nhập:

Nhìn từ xa và xét về toàn thể, Giê-su ở Nazareth có vẻ như là một nhân vật lịch sử hiển nhiên. Nhưng khảo sát kỹ về bất cứ chi tiết nào cũng làm cho hình ảnh này mờ nhạt. Lý do về sự bất minh này thật là hết sức đơn giản. Đó là chúng ta không có bất cứ một tài liệu nào, thuộc bất cứ lãnh vực nào, về phần lớn cuộc đời của ông. Ông ta không viết một cuốn sách nào. Ngay cả hình dáng của ông ra sao cũng không ai biết. Không có ngay cả một bằng chứng nào tự nó có giá trị để chứng tỏ là ông đã hiện hữu. Những tài liệu hiện hữu, những phúcâm, chỉ viết về một phần nhỏ nhoi của đời ông và được viết theo quan điểm sùng bái cá nhân và nghi thức tôn giáo chứ không phải theo quan điểm sử học thông thường. Trong những chuyện kể trong phúc âm có những điều bất phù hợp nghiêm trọng cũng như những điều rõ ràng là không thể xảy ra.

3

2. Mục Sư Ernie Bringas cũng viết như sau, trong cuốn *Thi Hành Đúng Như Trong Sách: Những Thảm Họa Trong Quá Khứ Và Hiện Tại Do Quyền Lực Thánh Kinh Gây Nên*:

Điểm đồng thuận ngày nay là nhân vật lịch sử Giê-su - những lời Giê su nói và những hành động Giê-su làm, và những biến cố xảy ra trong cuộc đời của ông - không thể xác định được chính xác. Trong khi chúng ta biết tác giả của một phúc âm nhìn nhân vật Giê-su như thế nào như họ đã viết lại, và viết lại như thế nào, thường là chúng ta không thể đi quá những điều viết trong phúc âm để biết về chính con người thực của Giê-su. Chúng ta không thể đoán quyết là những lời nào viết trong phúc âm về cuộc đời của Giê-su là đúng như sự thực.

4

3. Uta Ranke-Heinemann, người phụ nữ đầu tiên chiếm được ngôi vị Giáo sư Thần học Ca-Tô (A Chair in Catholic Theology), viết trong phần dẫn nhập của cuốn *Hãy Dẹp Đi Những Chuyện Trẻ Con* như sau:

Chúng ta vấp phải sự thực sau đây về nhân vật Giê-su. Chúng ta không biết khi nào ông ta sinh ra và ở đâu cũng như khi nào ông ta chết. Ông ta là một người không có một tiểu sử. Chúng ta không biết những hoạt động của ông như là một thầy giảng trướcquần chúng thật sự đúng là ở đâu và kéo dài bao lâu. Nói cho thật đúng, chúng ta chẳng biết gì nhiều hơn là ông ta đã sinh ra đời, có người theo ông ta làm môn đồ, và ông ta bị hành quyết trên giá hình chữ thập – loại hình phạt của La Mã – và như vậy có một kết cục xấu số...

Ông Giê-su này không chỉ nằm sâu dưới đất ở Jerusalem (nghĩa là thực ra đã chết và chôn ở Jerusalem. TCN) mà còn ở dưới một núi những nghệ thuật tồi tệ, chuyện hoang đường, và cách diễn giải của giáo hội.

5

4. Học giả Andrew Harvey viết trong cuốn Con Của Người:

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự phân tích lịch sử đã chứng tỏ là các

phúc âm không phải là những điều do Thần Ki Tô linh cảm hoặc là những điều trung thực do nhân chứng kể lại về cuộc đời của Giê-su, mà là những câu chuyện đã được gọt dũa cẩn thận, được xếp đặt để cho phù hợp với, hoặc cổ xúy những sở thích tôn giáo, nhân cách, nhóm người khác nhau trong những năm đầu đầy xúc động của Ki Tô Giáo. Những phúc âm không phải là những tài liệu viết ra theo sự linh cảm trực tiếp của Thần thánh, hoặc những ghi chứng lịch sử rõ ràng; chúng không phải là những điều mạc khải trực tiếp của Thần Ki Tô hoặc là những chuyện do những nhân chứng, những người biết rõ Giê-su, muốn kể lại rõ ràng những kinh nghiệm của họ đối với Giê-su. Được viết vào cuối thế kỷ đầu, chúng biểu thị và cô đọng những truyền thống trong những cộng đồng Ki Tô đầu tiên và từ từ biến đổi trong khoảng 300 năm để thành những phúc âm ngày nay chúng ta có.

6

5. Giám mục John Shelby Spong viết trong cuốn Sinh Ra Từ Một Người Đàn Bà:

Giê-su được diễn giảng bởi những tín đồ Ki Tô lúc đầu theo những quan niệm về Thần Ki Tô mà họ tin tuyệt đối, dựa theo hình ảnh của một ông vua trên trời. Điểm chủ yếu là hình ảnh Giê-su ngồi bên phải của cái ngai Chúa Cha ngồi trên trời. Hình ảnh này phản ánh niềm tin huyền thoại phổ thông thời đó về một vũ trụ được coi như là một vương quốc.

Nhưng Giê-su đã được “sinh ra từ một người đàn bà”. Sự sinh ra đời của Giê-su cũng gây nhiều tai tiếng như cách ông ta chết. Ông ta (Giê-su) không là ai cả, một đứa trẻ ở Nazareth, chẳng có gì tốt đẹp có thể rút tĩa ra từ sự sinh ra đời này. Chẳng có ai biết cha ông ta là ai. Rất có thể ông ta là một đứa con hoang. Rải rác trong miền đất truyền thống Ki Tô lúc đầu (4 Phúc Âm), có những chi tiết chứng tỏ như vậy, giống như những thỏi mìn chưa kiểm tra và chưa nổ

7

Rồi giám mục Spong đã vạch ra những luận cứ, nhiều khi rất mâu thuẫn, của giáo hội đưa ra để thay đổi những sự kiện trên như sau:

Một lần nữa, nghệ thuật diễn giảng lại được mang ra áp dụng. Ông ta không phải là đứa con hoang, Thần Ki Tô là cha ông ta; Thánh Linh đã sinh ra ông ta. Ông ta không sinh ra ở Nazareth, mà sinh ra ở Bethlehem, thị trấn của David. Sự sinh ra ở Bethlehem đã được tiên đoán bởi nhà tiên tri Micah. Ông ta không phải không là ai cả, mà là thuộc dòng dõi vua David.

8

6. Trong cuốn Giê-su Chính Gốc, hai tác giả Elmar R. Gruber và Holger Kersten viết:

Hầu như không có đề tài nào khác gây sôi nổi trong thế giới Tây phương như là nhân vật “Giê-su ở Nazareth”; hầu như không có đề tài nào khác đã đưa đến sự hiện hữu của nhiều cuốn sách như vậy, hoặc đến những sự tranh luận sôi nổi và nồng nhiệt như vậy. Tuy vậy, nhân cách của con người Giê-su lịch sử được bao phủ bởi một bức màn đen tối dày đặc. Trong 15 thế kỷ, chúng ta chỉ có những

chuyện kể về Giê-su theo luận điệu thân

học chính thức của giáo hội, viết ra với mục đích củng cố đức tin Ki-Tô cùng lời cuốn người ngoại đạo vào Ki Tô giáo....

Trong thế kỷ 19, lần đầu tiên Tân Ước được đưa ra làm chủ đề nghiên cứu trí thức. Đây là sự bắt đầu của công cuộc khảo cứu có hệ thống về cuộc đời của Giê-su.

Năm 1835 David Friedrich Strauss đã xuất bản một

cuốn sách nhan đề Cuộc Đời Của Giê-su, gây nhiều ảnh hưởng. Trang bị với những quan điểm phân tích thuần lý và với tinh thần không thỏa hiệp, Strauss đã thẳng thắn bác bỏ tích cách chính xác lịch sử của các phúc âm. Đối với ông, những điều viết trong phúc âm chỉ là những truyền thuyết và những chuyện sùng tín về hình ảnh con người Giê-su, lấy ý từ Cựu Ước. Sự chống đối tích cách xác thực của phúc âm như trên còn đi xa hơn vào khoảng giữa thế kỷ 19. Bruno Bauer loại hẳn hình ảnh của Giê-su trong công việc nghiên cứu lịch sử, tuyên bố rằng nhân vật chính trong Tân Ước là một phát minh huyền thoại. Giê-su và Paul (Phao Lồ) chỉ là những giả tượng văn chương; và Ki Tô Giáo được coi là tạo ra bởi một nhóm cuồng tín pha chế đức tin xung quanh hai nhân vật phát minh từ những truyền thống tôn giáo Hi Lạp, Do Thái và La Mã.

Ngày nay chúng ta có đến hơn 80000 tác phẩm chuyên khảo về Giê-su, nhưng tác dụng của chúng để soi sáng nhân vật Giê-su lịch sử thật quả là vô cùng khiêm nhường. Ai là Giê-su? Ông ta sinh ra bao giờ? Hình dáng ông ta ra sao? Khi nào ông ta bị đóng đinh trên thập giá? Bao giờ, ở đâu và ông ta chết như thế nào? Tìm kiếm giải đáp cho những câu hỏi trên đã trở thành một vấn đề không giải quyết nổi. Trong những cuốn sách viết trong hai thế kỷ đầu hầu như không có cuốn nào nhắc đến Giê-su như là một con người thực sự hiện hữu. Những nguồn tài liệu về sau toàn là những tác phẩm thần học, dựa trên niềm tin không thắc mắc: Giê-su là con đấng Cứu Tinh (của dân Do Thái. TCN) và là con của Thần Gia-vê (thần của dân Do Thái. TCN). Do đó, hầu như không có những tác phẩm thực sự vô tư về Giê-su, và cho tới ngày nay, công cuộc nghiên cứu trí thức cũng không ở vị thế có thể khẳng định là Giê-su sinh ra năm nào. Hầu như không có tài liệu nào nói về cuộc đời niên thiếu của Giê-su, một giai đoạn quan trọng làm nền tảng tạo ra những cá tính của con người. Ngay cả những chuyện kể về khoảng thời gian ngắn ngủi ông ta tiếp xúc với quần chúng cũng không nói gì nhiều về tiểu sử của ông ta. Có vẻ như là ông ta không được các sử gia đương thời biết tới, hay ít nhất là không đáng để nhắc tới. Vậy làm sao mà các sử gia này không hề biết tới những phép lạ hoặc những hiện tượng kỳ lạ như được kể trong phúc âm?

9

7. Michael Martin trong cuốn Bản Án Chống Ki Tô Giáo viết:

Những phương pháp phân tích hiện đại về học thuật khảo cứu Thánh Kinh đã đặt vấn đề về tính cách xác thực của Thánh Kinh, nhất là Tân ước. Trong ánh sáng của sự phân tích Tân Ước này, nhiều nhà thần học đã cho rằng người ta chẳng biết được bao nhiêu về Giê-su. Thí dụ, W. Trilling cho

rằng “không có một ngày tháng nào trong đời sống của Giê-su” có thể được khẳng định và J. Kahl đoán quyết rằng điều duy nhất ta biết về Giê-su là ông ta “đã hiện hữu trong một thời điểm mà chúng ta chỉ có thể biết một cách đại khái”. Nhiều học giả khác cho rằng việc tìm kiếm một Giê-su lịch sử là điều vô vọng..

Sự phân tích về con người Giê-su lịch sử được tôn trọng nhất ngày nay là của G. A. Wells. Wells nhấn mạnh rằng những nghi vấn về giá trị lịch sử của Giê-su của ông phần lớn dựa trên những quan điểm của các nhà thần học Ki Tô và các học giả chuyên về Thánh Kinh. Những vị này đồng thuận chấp nhận rằng các phúc âm được viết trong khoảng từ 40 đến 80 năm sau khi Giê-su mãn kiếp và bởi những tác giả vô danh không đích thân biết đến Giê-su. Theo Wells thì những vị trên cũng thừa nhận rằng trong những chuyện kể về Giê-su, phần lớn là truyền thuyết và những chuyện trong phúc âm được viết theo động cơ thần học của những tác giả. Ngoài ra, những bằng chứng trong phúc âm thuần túy là của Ki Tô Giáo.

10

Trên đây chỉ là vài nhận định tổng quát về tiểu sử không rõ ràng của Giêsu. Sở dĩ những học giả nghiên cứu về nhân vật Giê-su đưa ra những nhận định như trên là vì họ đã dùng những phương pháp khảo cứu phân tích khoa học trên mọi khía cạnh liên quan đến con người Giê-su, thí dụ như đối chiếu cổ sử, phân tích cổ ngữ, phân tích từng câu từng lời trong Thánh Kinh v.v.. Đi vào chi tiết và dựa trên Thánh Kinh, chúng ta còn thấy rõ ràng là không có một căn bản nào có tính cách thuyết phục để cho những người có đầu óc có thể biết được Giê-su là ai để mà tin, vì trong Thánh Kinh có quá nhiều điều mâu thuẫn về con người lịch sử Giê su. Những chi tiết về một phần nhỏ, trong khoảng 3 năm cuối cùng của cuộc đời ngắn ngủi 33 năm của Giê-su được mô tả trong bốn Phúc Âm Matthew (Mã Thi Ơ), Mark (Mác-cô), Luke (Lư Ca) , và John (Gioan), và những thư viết cho tông đồ của Paul (Phao Lồ). Nhưng chính những chi tiết này: khi sinh ra đời, gia phả, thời gian gần 3 năm đi giảng đạo, khi chết, đều hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Vì chúng hoàn toàn mâu thuẫn nhau, chứ không phải là bổ túc cho nhau theo như luận điệu bào chữa của một số tín đồ được dạy như vậy mà không tự chính mình đọc Thánh Kinh với một đầu óc suy luận, cho nên, chúng ta không thể dựa vào đâu để tin chi tiết nào thật, chi tiết nào giả. Sau đây, tôi xin trích dẫn vài đoạn trong Thánh Kinh liên quan đến sự sinh ra và gia hệ của Giê-su để cho quý độc giả thấy rõ vấn đề.

Trước hết, chúng ta cần ghi nhận rằng, ngày nay những người nghiên cứu Tân Ước, ở trong cũng như ở ngoài giáo hội, đều đồng ý với nhau ở những điểm sau đây:

1. Những thư của Paul được viết vào khoảng 20 năm sau khi Giê-su chết và không hề viết gì về cuộc đời của Giê-su: nơi sinh, nơi giảng đạo, nơi bị hành hình v.v.. và còn viết rằng Giê-su là con của Joseph và Maria, một người đàn bà (born of a woman).
2. Trong 4 phúc âm thì phúc âm Mark được viết sớm nhất, vào khoảng 40 năm sau khi Giê-su chết, và Mark cũng không viết gì về sự sinh ra của Giê-su từ một trinh nữ cũng như về gia hệ của Giê-su.
3. Hai phúc âm Matthew và Luke được viết vào khoảng cuối thế kỷ đầu, nghĩa là khoảng 70 năm sau khi Giê-su chết. 90 phần trăm nội dung là lấy của Mark và thêm vào đó chuyện Giê-su được sinh ra từ Maria đồng trinh và viết về gia hệ của Giê-su. Thêm vào với mục đích gì, ngày nay các học giả

ngiên cứu Thánh Kinh đã rõ.

4. Phúc âm John được viết vào đầu thế kỷ thứ hai, có thể gần 100 năm sau khi Giê-su chết, và cũng không viết gì về sự sinh ra của Giê-su.

5. Cả 5 tác giả trên đều không phải là tông đồ của Giê-su, không trực tiếp biết Giê-su là ai, cho nên chỉ viết lại những chuyện đồn đại theo ý kiến và chủ đích riêng của mình.

Như trên đã nói, trong Tân Ước chỉ có hai Phúc Âm Matthew và Luke là nói về sự sinh ra của Giê-su. Phúc Âm Matthew (Ma Thiêu) kể như sau, Matthew 1: 18-24:

Sự sinh ra của Giê-su Ki Tô như sau: Sau khi mẹ Giê-su là Mary đính hôn với Joseph, trước khi họ giao hợp cùng nhau, người ta thấy bà có mang với Thánh Linh.

Chồng nàng, Joseph, là người tốt bụng, và không muốn nàng bị nhục trước công chúng, định kín đáo từ hôn.

Nhưng khi ông còn đang suy nghĩ về quyết định này, bỗng nhiên, một thiên sứ hiện ra trong một giấc mộng, nói rằng, “Joseph, con dòng David, đừng có sợ, cứ lấy Mary làm vợ, vì cái thai nàng mang trong bụng là của Thánh Linh. Rồi nàng sẽ sinh ra một đứa con trai, người hãy đặt tên cho nó là Giê-su, vì nó sẽ cứu dân của nó khỏi tội lỗi.

Việc xảy ra đúng như lời Thần Ki Tô tiên đoán qua nhà tiên tri:

“Này, một trinh nữ sẽ mang thai, sinh hạ một con trai, và họ sẽ đặt tên cho hắn là Immanuel”, có nghĩa là “Thần ở cùng ta”.

Joseph tỉnh giậy, theo lệnh của thiên sứ, cưới Mary làm vợ, nhưng không giao hợp cùng vợ cho đến khi Mary sinh đứa con đầu lòng, đặt tên là Giê su.

Còn phúc âm Luke 1: 26- 33 thì thuật lại chuyện sinh ra của Giê-su như sau:

Qua tháng sáu, Thần Ki Tô sai thiên sứ Gabriel vào thành Nazareth, xứ Galilee, đến một trinh nữ đã hứa hôn với một người tên là Joseph, thuộc dòng dõi vua David. Tên người trinh nữ là Mary.

Thiên sứ nói: “Hãy hoan hỉ lên, hỡi người được đặc ân, Chúa ở cùng nàng, phúc cho người đàn bà như nàng.”

Nhưng khi Mary thấy thiên sứ, không hiểu thiên sứ nói gì, và những lời chúc tụng kia có nghĩa gì.

Rồi thiên sứ nói với nàng, “Đừng sợ, Mary, vì Thần đã ban đặc ân cho nàng. Và này, cô sẽ mang thai, và sinh ra một con trai và đặt tên nó là Giê- su. Đứa trẻ đó sẽ thành vĩ nhân, và sẽ được gọi là con của đấng tối cao; và Thần sẽ cho hắn ngôi vị của David. Hắn sẽ cai trị dân Do Thái (hậu duệ của Jacob) mãi mãi, và nước hắn cai trị sẽ bất

diệt.

Thông điệp như trên của Thần Gia-vê qua thiên sứ thật ra chỉ do Luke bịa ra để khuyến dụ dân Do Thái tin theo Giê-su, vì những điều thiên sứ nói về Giê-su hoàn toàn sai với sự thực. Giê-su chẳng bao giờ cai trị dân Do Thái và dân Do Thái cũng chẳng bao giờ chấp nhận Giê-su là Vua của dân Do Thái giống như David khi trước. Không những thế, dân Do Thái thời Giê-su còn cho ông ta là kẻ phi

báng Thần Gia- vê, tự xưng là con của Thần, là Vua của dân Do Thái, là vị cứu tinh của dân Do Thái v..v.. Và cho đến ngày nay, dân Do Thái, dân được Thần Gia-vê chọn lựa làm dân của Thần (chosen people), vẫn không chấp nhận Giê-su, vì vậy mà suốt 2000 năm

nay, giáo hội Ca-Tô mới thù hận và tìm mọi cách để bách hại dân Do Thái. Vậy, nếu chúng ta đối chiếu lời của Thiên sứ, thay mặt Thần Gia Vê, trong đoạn loan báo cho Mary ở trên, với thực tế, thì chúng ta phải kết luận là những lời “tiên tri” của Thần Gia-vê hoàn toàn sai, vì không hề xảy ra. Vậy chúng ta có thể chấp nhận những thuộc tính toàn năng, toàn trí của Thần Gia Vê mà giáo hội đã cấy vào đầu tín đồ hay không? Mặt khác, đọc kỹ Thánh Kinh chúng ta thấy rằng chuyện thiên sứ “báo mộng” cho Joseph xảy ra khi Maria đã có mang được 6 tháng, và Maria không hề nói cho Joseph biết cái thai trong bụng mình từ đâu mà ra. Tại sao Maria phải dấu chồng khi mà bà được ân sủng đặc biệt của Thánh Linh khiến bà mang thai?

Nhưng ở đây, tôi sẽ không đi vào công việc phân tích những đoạn trên trong Thánh Kinh. Sự phân tích này, tôi đã trình bày tạm gọi là đầy đủ trong Chương 2 của cuốn Đức Tin Công Giáo, Giao Điểm xuất bản cuối năm 2000. Tôi trích dẫn những đoạn trên trong phúc âm Matthew và Luke chỉ để chứng minh một sự mâu thuẫn cùng cực trong hai phúc âm trên, khi Matthew và Luke kể về dòng dõi, gia hệ của Giê-su, cho rằng Giê-su thuộc dòng dõi vua David, những chi tiết hoàn toàn bất phù hợp với chuyện Maria mang thai của Thánh Linh ở trên.

Thật vậy, theo Matthew 1:1-17 thì các thế hệ tiếp nối giòng họ Giê-su từ vua David như sau:

David, Solomon, Rehoboam, Abijah, Asa, Jehoshaphat, Jehoram, Uziah, Jotham, Ahaz, Hezekiah, Manasseh, Amon, Josiah, Jeconiah, Shealtiel, Zerubbabel, Abiud, Eliakim, Azor, Zadok, Akim, Eliud, Eleazar, Matthan, Jacob, Joseph, Jesus.(tất cả là 27 thế hệ.)

Nhưng theo Luke 3:23-28 thì các thế hệ tiếp nối từ vua David tới Giê-su như sau:

David, Nathan, Matthata, Menna, Melea, Eliakim, Jonam, Joseph, Judah, Simeon, Levi, Matthat, Jorim, Eliezer, Joshua,, Er, Elmadam, Cosam, Addi, Melki, Neri, Shealtiel, Zerubbabel, Rhesa, Joanan, Joda, Josech, Semein, Matthathias. Maath, Naggai, Esli, Nahum, Amos, Matthathias, Joses, Jannai, Melki, Leci, Matthat, Eli, Joseph, Jesus. (tất cả là 42 thế hệ.)

Chúng ta nên để ý rằng, trong 2 danh sách trên kể về dòng dõi của Giê-su, chỉ có ba tên giống nhau (chữ đậm), còn thì hoàn toàn khác biệt, và Matthew kê ra 27 thế hệ trong khi Luke kê ra 42 thế hệ. Nếu những tên thế hệ đều giống nhau thì chúng ta có thể cho rằng Matthew bỏ sót, liệt kê cách quãng những thế hệ tiếp nối từ David đến Giê-su. Nhưng rõ ràng là không phải vậy.

Một vài nhà thần học Ki Tô đã đưa ra một cách giải thích có tính cách nguy biện nhưng không được thông minh cho lắm. Đó là gia phả của Giê-su theo Luke là theo dòng họ mẹ, nghĩa là Maria, chứ không phải là dòng họ bố là Joseph. Nghiên cứu về cổ sử và truyền thống Do Thái, các học giả đã bác bỏ lý luận nguy biện này. Thật vậy, cả Matthew và Luke đều ghi Giê-su thuộc dòng dõi cha là Joseph chứ không ghi Giê-su thuộc dòng họ mẹ là Maria. Ngoài ra, luận điệu nguy biện trên không hề để ý đến sự kiện là gia phả của Maria trong Luke, nếu thực là như vậy, lại nhiều hơn gia phả của Joseph tới 15 thế hệ, tính trung bình từ 20 đến 30 năm một thế hệ thì sự khác biệt này, bắt đầu từ vua David, là từ 300 năm đến 450 năm. Nhưng khi hứa hôn với Joseph thì Joseph đã nhiều tuổi, còn Maria mới có khoảng 14, 15 tuổi. Kết luận: dòng họ Joseph toàn những người sống dai, còn dòng họ Maria toàn những người chết non, chết yếu. Đó là những điều mâu thuẫn phi lý mà giáo hội không sao giải thích nổi. Tuy vậy mà nhiều tín đồ Ca Tô Việt Nam vẫn tin và viết báo nguy biện là gia phả của Giê-su

trong Luke là theo dòng mẹ.

Vậy khi những tín đồ Ki Tô nói đến “Chúa tôi” thì “Chúa tôi” của họ là Giê-su nào, và Giê-su nào của Matthew, hay Giê-su nào của Luke? vì cả Matthew lẫn Luke

đều viết Giê-su vừa là con của Thánh Linh vừa thuộc dòng dõi vua David, hai điều hoàn toàn mâu thuẫn có tính cách loại trừ lẫn nhau, có cái này thì không thể có cái kia? Có lẽ họ chẳng bao giờ bận tâm thắc mắc đến mâu thuẫn trên, vì Giáo hội dạy rằng, mọi thắc mắc về Chúa Giê-su là một trọng tội, phải bị đầy đọa nơi hỏa ngục trong ngọn lửa thiêu đốt vĩnh hằng.

Thomas Paine đã phân tích sự bất phù hợp trên trong cuốn Thời Đại Lý Trí, một cuốn sách đã giữ một địa vị cao trong nền văn học Tây phương từ thế kỷ 19 đến nay, về nhân vật Giê-su:

Lịch sử Giê-su Kitô được viết trong 4 cuốn mà người ta cho là Matthew, Mark, Luke, và John viết. Chương đầu trong Matthew bắt đầu bằng gia hệ của Giê-su Kitô, và trong chương 3 của Luke cũng có gia hệ của Giê-su Kitô. Nếu 2 gia hệ này phù hợp nhau, chúng cũng không chứng minh được là đúng vì đó có thể là một gia hệ đã được đặt ra; nhưng vì chúng mâu thuẫn nhau về từng chi tiết một, điều này chứng tỏ một cách tuyệt đối là chúng đều là giả.

Nếu Matthew đúng thì Luke phải sai; nếu Luke đúng thì Matthew phải sai; và vì không thể dựa vào đâu để tin ai đúng hơn ai, cho nên không dựa vào đâu để mà tin ai; và nếu chúng ta không thể tin được điều đầu tiên mà họ đưa ra, làm sao chúng ta có thể tin được những điều họ nói về sau? Nếu chúng ta không thể tin họ về gia hệ của Giê-su mà họ đưa ra, làm sao chúng ta có thể tin được khi họ nói với chúng ta những điều kỳ lạ như Giê-su là con của Thần sinh ra bởi một hồn ma, và một thiên thần đã bí mật loan báo sự này cho mẹ của Giê-su?

11

Lý lịch không rõ ràng của Giê-su, do đó, là một lợi điểm để cho Giáo hội khai thác và mê hoặc tín đồ, vì Giáo hội muốn giải thích thế nào cũng được, đặt ra chuyện nào cũng xong, và với phương pháp nhồi sọ tín đồ ngay từ khi còn nhỏ, uốn nắn đầu óc để cho tín đồ tuân phục hệ thống quyền lực trong Giáo hội, tín đồ trở thành những người bị điều kiện hóa, không còn khả năng suy luận, chỉ còn biết tin theo một cách mù quáng mọi điều diễn giảng của Giáo hội, bất kể những điều này vô lý đến đâu, mâu thuẫn đến đâu, không hề thắc mắc. Họ đáng thương hơn là đáng trách. Và sự kiện thâm trầm này không chỉ có trong đám tín đồ đầu óc thấp kém mà còn có thể thấy rõ trong một số được coi là trí thức, giữ chức vụ cao trong Ca-Tô giáo Việt Nam, nếu chúng ta đọc về đức tin Ca-Tô mà họ trình bày trong những bài viết hay tác phẩm của họ. Sau đây là một thí dụ điển hình:

Trong cuốn Chứng Nhân Hy Vọng: Các Bài Giảng Tĩnh Tâm Cho Đức Thánh Cha Và Giáo Triều Roma của TGM Nguyễn Văn Thuận, Công Đoàn Đức Mẹ xuất bản năm 2000, tác giả mở đầu cuốn sách bằng Bài Suy Niệm Dẫn Nhập: Gia Phả Đức Giê-su Kitô Đứng Trước Mâu Nhiệm Thiên Chúa, trang 25-34. Tác giả Nguyễn Văn Thuận chỉ nhắc đến gia phả Giê-su trong Matthew mà thôi và đặc biệt là, để biện minh cho những sự kiện được viết trong Thánh Kinh là trong gia phả của Giê-su có nhiều người vô đạo đức, phi luân, tác giả đã đưa ra một luận điệu thần học có tính cách ngụy biện để biện minh cho những sự kiện không mấy tốt đẹp này. Tác giả viết, trang 28:

“...sự chọn lựa của Thiên Chúa có tính cách nhưng không và đầy tình thương (??không hiểu tác giả muốn nói gì. TCN), không thể hiểu được theo những lý luận của lý trí.”

hàm ý dùng lý trí và lý luận thì không thể hiểu được Thánh Kinh, chỉ có đức tin

Ca-Tô, nghĩa là tin vào những điều giáo hội giảng dạy về Thánh Kinh thì mới hiểu được Thánh kinh muốn viết gì và do đó hiểu được Thiên Chúa. Viết như trên, ông Nguyễn Văn Thuận tưởng rằng như vậy là tôn vinh Thiên Chúa mà không biết rằng chính mình đang mạ lỵ Thiên Chúa. Đúng vậy, theo Ca Tô Giáo, Thiên Chúa "sáng tạo" ra con người theo hình ảnh của Thiên Chúa, nghĩa là có đầy đủ đầu óc và lý trí để có thể cảm nhận những điều mặc khải của Thiên Chúa. Rồi Adam cưỡng điều cấm của Thiên Chúa, ăn một trái cây trên cây hiểu biết, do đó đầu óc con người đã trở thành không thua gì Thiên Chúa, có khả năng phân biệt Thiện Ác. Nhưng tình thương qua những việc làm của Thiên Chúa con người lại không hiểu được bằng đầu óc hay lý trí. Ai cũng biết những người không biết xử dụng đến đầu óc hay lý trí là những người ngu. Vậy hóa ra việc làm của Thiên Chúa chỉ để cho những người ngu tin theo hay sao? Vậy Thiên Chúa của những người ngu có giá trị gì đối với những người không ngu, nghĩa là biết xử dụng đến đầu óc và lý trí? Luận điệu dùng lý luận của lý trí không thể hiểu được những việc làm của Thiên Chúa chẳng qua chỉ là luận điệu của thời sơ khai. Bởi vì ngày nay, sự hiểu biết của con người đã vượt quá xa sự hiểu biết của Thiên Chúa như được viết trong Thánh Kinh. Những kiến thức của con người ngày nay về khoa học, y học, vũ trụ học, sinh học v.v.. đã bỏ xa những kiến thức của Thiên Chúa trong Thánh Kinh. Sự kiện này đã quá hiển nhiên, chẳng cần phải chứng minh.

Nhưng sự chọn lựa của Thiên Chúa mà chúng ta không thể hiểu được bằng lý trí là như thế nào? TGM Nguyễn Văn Thuận giải thích: Abraham bỏ trưởng lập thứ, rồi đến Isaac, con của Abraham, cũng bỏ trưởng lập thứ, rồi đến Jacob, cháu của Abraham, cũng phé bỏ ba đứa con đầu, lập đứa con thứ tư là Judah, và tất cả sự chọn lựa trên là do "ý định mầu nhiệm của Thiên Chúa". Ông giải thích thêm:

"Chúng ta không được lựa chọn vì công trạng của mình, nhưng chỉ vì lòng từ bi (sic) của Chúa."

Trước hết, chúng ta nên để ý là ông Nguyễn Văn Thuận đã "mượn" danh từ "từ bi" trong Phật Giáo để dịch chữ "grace" nghe cho nó có vẻ Việt Nam, chứ thực ra "grace" có nghĩa là ân sủng hay ân huệ mà Thiên Chúa ban cho loài người. Nền Thần Học Ki-Tô đưa ra quan niệm là "Chúng ta được cứu rỗi chỉ bởi ân huệ của Thiên Chúa mà thôi" (Xin đọc, thí dụ, Karl Barth: We are saved "sola gratia" - "only by grace", without any works of our own).

Ngoài các tín đồ không bao giờ cần đến đầu óc của mình, nếu có, và tuyệt đối tuân phục các cấp lãnh đạo trong Ca Tô Giáo, có ai nghe lọt tai những lời giải thích đầy tính cách huyền hoặc, nguy hiểm và phi lý như trên? Thứ nhất, chuyện bỏ trưởng lập thứ là chuyện thường tình thế gian, chúng ta thấy đầy dẫy trong lịch sử Tàu, Ta, những dân tộc không hề biết đến và không hề tin vào một Thiên Chúa hữu danh vô thực.. Vậy tất cả đều là ý định mầu nhiệm của Thiên Chúa cả hay sao?

Thứ nhì, Thiên Chúa chọn lựa vì lòng "từ bi" (sic) thật hay sao? Từ là cho vui và bi là cứu khổ. Thiên Chúa bỏ người này, chọn người kia, bản chất đã là một hành động thiên vị, vì nếu bảo rằng đó là thể hiện lòng từ bi đối với người được chọn, thì đối với người bị loại bỏ một cách bất công Thiên Chúa đã thể hiện lòng gì? Mặt khác, Thiên Chúa lựa chọn tùy hứng, không dựa trên căn bản đạo đức hay công trạng, vậy thì chúng ta cứ việc làm ác rồi ngồi há miệng chờ quả sung từ bi của Thiên Chúa thì có được hay không? Sau cùng, Thiên Chúa đã sáng tạo ra con người theo hình ảnh của Thiên Chúa (thuyết sáng tạo này ngày nay đã không còn chỗ đứng trong thế giới của khoa học) thì mọi người đều phải bình đẳng trước Thiên Chúa, tại sao Thiên Chúa lại phải nhúng tay vào chuyện chọn người kế vị của vài ông vua Do Thái vô đạo đức? Tại sao Thiên Chúa lại vướng mắc vào cảnh "con yêu, con

ghét" của người thường?

Viết lên một câu phi-lôgic mà nội dung có tính cách mạ lỵ Thiên Chúa mà ông TGM cũng viết lên được thì chúng ta phải hiểu đầu óc của ông TGM đã được giáo hội cho vào khuôn phép như thế nào? Nói tóm lại, cách giải thích theo luận điệu

Thần học của TGM Nguyễn Văn Thuận chỉ là một lối ngụy biện không thuận lý. Điều này chúng ta có thể thấy rõ nếu chúng ta đọc tiếp cách “giải thích một chiều” của ông. Nơi trang 30-31, ông viết tiếp:

Nơi Davit, người nổi danh nhất trong các vua đã sinh ra đấng Messia (nghĩa là Giê-su. TCN), sự thánh thiện và tội lỗi xen lẫn nhau: với nước mắt cay đắng, ngài xưng thú trong Thánh vịnh các tội ngoại tình và sát nhân, nhất là trong Thánh vịnh 50, một ca vịnh trở thành kinh nguyện thống hối thường được dùng trong phụng vụ của giáo hội..

Cả những phụ nữ mà Mathêu nêu tên trong đầu sách Tin Mừng của ngài như những người mẹ thông truyền sự sống, từ cung lòng phúc lành của Thiên Chúa, cũng gọi lên nơi chúng ta một sự xúc động. Tất cả họ đều là những phụ nữ ở trong những hoàn cảnh bất hợp lệ: Tamar là một phụ nữ tội lỗi, Racab là một gái mãi dâm, Rut là một người ngoại bang và về người phụ nữ thứ tư, người ta không dám nêu danh, và chỉ nói “đó là vợ của ông Uria”. Người đàn bà đó chính là bà Betsabea mà vua Davit đã ngoại tình.

Tuy nhiên, dòng lịch sử tràn đầy tội lỗi và tội ác như thế đã trở thành một nguồn nước trong (sic), khi càng đến gần thời gian sung mãn: đến đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu, và đến Chúa Giêsu, Đấng Messia. Nơi các Ngài tất cả các thế hệ được cứu chuộc.

Danh sách những người tội lỗi mà Mathêu nêu rõ trong gia phả của Chúa Giêsu không được gây gương mù cho chúng ta. Trái lại, gia phả ấy tuyên dương màu nhiệm Thiên Chúa. Cả trong Tân Ước, Chúa Giêsu đã chọn Phêrô, người đã chối ngài, và chọn Phaolô, người đã bách hại Ngài. Vậy mà các vị lại trở thành cột trụ của giáo hội. Trong thế gian, khi một dân tộc viết lịch sử chính thức của mình, họ thường nói về những chiến thắng đã đạt được, những vị anh hùng, hoặc sự cao cả của mình...Quả là một trường hợp duy nhất, đáng ngưỡng mộ và tuyệt vời, khi thấy một dân tộc không hề dấu diếm những tội lỗi của tiền nhân trong lịch sử chính thức của mình.

Chỉ bằng vào một đoạn văn ngắn ở trên, chúng ta đã có thể thấy rõ rằng đạo Ca-Tô Rô Ma đã thành công trong việc nhồi sọ, uốn nắn đầu óc tín đồ như thế nào, từ nhỏ tới lớn, từ thấp tới cao. Cao như ông TGM Nguyễn Văn Thuận là cùng, nay đã lên đến tột đỉnh danh vọng của Ca Tô Giáo với chức Hồng Y, và sắp sửa lên làm Giáo Hoàng theo hi vọng của một số tín đồ có đầu nhưng không có óc. Nhưng tôi xin hỏi ông vài câu: Bằng cách nào mà dòng lịch sử tràn đầy tội lỗi và tội ác như thế đã trở thành một nguồn nước trong, thưa ông Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận? Dù bà Maria và Giê-su có được môn thần học Ki Tô Giáo đôn lên thành những nhân vật thánh thiện thì cái "dòng lịch sử tràn đầy tội lỗi và tội ác như thế" luôn luôn vẫn là một dòng lịch sử tràn đầy tội lỗi và tội ác. Một cá nhân có thể ăn năn sám hối những tội lỗi của mình và nguyện sẽ không tái phạm những tội lỗi đó nữa, tâm hồn được yên ổn, nhưng tội lỗi vẫn luôn luôn là tội lỗi và vẫn phải gánh chịu nghiệp quả của những tội lỗi đó. Một linh mục can tội cường bức tình dục trẻ em có thể ăn năn thống hối để Chúa "rửa sạch tội lỗi" cho, nhưng vẫn phải vào tù để đền tội thế gian, và cái tội ông ta phạm vẫn được ghi trong hồ sơ cá nhân của ông ta. Sự xóa bỏ tội lỗi của Chúa thật sự vô giá trị trước pháp luật thế gian. Huống chi là những sự kiện lịch sử của một dân tộc, mà đây lại là dân tộc Do Thái, chẳng liên hệ gì tới dân tộc Việt Nam. Trong hay đục thì cũng là lịch sử của dân Do Thái, và người Việt Nam chúng tôi chẳng có gì phải xấu hổ nếu nó đục, và cũng chẳng có gì phải

hãnh diện nếu nó trong. Thực tế thì dòng lịch sử Do Thái từ khi Giê-su sinh ra cũng chẳng lấy gì làm hãnh diện mà gọi là dòng nước trong. Giáo hội Ca-Tô đã làm cho lịch sử Do Thái đục ngầu máu và nước mắt trong chính sách bách hại dân Do Thái suốt 2000 năm, với cao điểm là Hitler, một tín đồ Ca-Tô không hề bị giáo hội tuyệt thông, đã tiêu diệt 6 triệu người Do Thái trong các lò sát sinh. Giữa thế kỷ 20, Do Thái lập quốc và mở chiến dịch xâm chiếm cướp đất của khối Ả Rập, và ngay bây giờ, đầu thế kỷ 21, Do Thái đang áp dụng chính sách "cường quyền và bạo lực thắng công lý". Không những thế, Thiên Chúa trong Cựu Ước dạy "mắt đổi mắt, răng đổi răng", nhưng ngày nay Do Thái lại leo thang thành "mắt đổi 10 mắt, răng đổi 10 răng" đối với dân Palestine. Vậy dòng lịch sử đó trở thành trong ở chỗ nào?

Viết như trên, phải chăng ông Nguyễn Văn Thuận hi vọng có thể dùng một luận điệu thần học ngụy biện để thay đổi những sự kiện lịch sử đã ghi trong sử sách? Luận điệu này chỉ để nói cho những "bà lão công giáo nhà quê" của linh mục Thiện Cẩm ở Bùi Chu, Phát Diệm, Hồ Nai, Gia Kiệm, và một số ở Houston, Bolsa, San Jose v.v., ngoài ra ông định nói cho ai nghe? Đây không phải là nơi phê bình văn phong hay tư tưởng, nếu có, của ông Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận, nên sau đây tôi chỉ đưa ra vài nhận xét ngắn ngủi về đoạn văn trên để trình bày cùng quý độc giả thấy rõ thế nào là đầu óc của một tín đồ Ca-Tô Việt Nam, dù ở địa vị cao trong hàng Giáo Phẩm, và thế nào là luận điệu Thần học ngụy biện để lừa dối tín đồ.

Thứ nhất, trong lịch sử Do Thái, David được coi là người có công mở mang nước Do Thái và mang đến cho Do Thái một thời đại hùng cường. Nhưng tư cách và đời sống của David thì không có gì có thể gọi là thánh thiện cả. Hắn là một tên bạo chúa, hiếu sát và hoang dâm, tuy vậy đối với dân Do Thái hắn vẫn là một vị vua nổi danh trong Cựu Ước. Tuy nhiên, hắn không thể nào là "người nổi danh nhất trong các vua đã sinh ra đấng Messia (nghĩa là Giê-su. TCN.)" như TGM Nguyễn Văn Thuận đã viết, vì như tôi đã trích dẫn từ Thánh Kinh ở trên: từ David tới Giê-su là 27 thế hệ theo Matthew, và 42 thế hệ theo Luke, cho nên chúng ta không thể dựa vào đâu để mà quyết định gia phả nào là của Giê-su. Hơn nữa, điều khẳng định của ông Nguyễn Văn Thuận về vua David ở trên lại đương nhiên bác bỏ thuyết Giê-su là con của Thiên Chúa do Thánh Linh xâm nhập bất hợp pháp vào bà Maria mà sinh ra như sẽ được trình bày rõ hơn trong một đoạn sau.

David không những mắc tội ngoại tình với Bathsheba, vợ của Uriah, một tướng dưới trướng của David, mà còn dùng quyền lực cướp vợ của Uriah bằng cách gửi Uriah ra mặt trận với lệnh ngầm cho viên chỉ huy mặt trận là Joab phải làm sao để cho Uriah không được sống sót. Tội lỗi của David thì đầy ra đầy, nhưng thánh thiện ở chỗ nào thì không thấy trong Thánh Kinh, và TGM Thuận cũng không cho độc giả biết David thánh thiện như thế nào. Trong phần Phụ Lục, quý độc giả sẽ biết rõ hơn về nhân vật David trong Cựu Ước.

Thứ nhì, trong Thánh Kinh chẳng có chỗ nào viết là "với nước mắt cay đắng, ngài (từ "ngài" TGM Nguyễn Văn Thuận dùng để gọi một tên sát nhân hoang dâm vô đạo đức như David) ăn năn trong Thánh vịnh (Psalms) hay Thi Thiên các tội ngoại tình và sát nhân.." "Thánh vịnh" là một tập hợp 150 bài thơ dài ngắn khác nhau mà nội dung là những lời rên rỉ, ca thán, vò đầu bứt tai, của những kẻ loạn thần kinh, bài nào cũng buồn chán như bài nào (Xin đọc The Happy Heretic của Judith Hayes, p. 131: Psalms: This is one long, whining, grouching, hand-wringing, neurotic harangue. There are 150 chapters, each as depressing as the next.), và "Thánh vịnh 50" là thơ của Asaph làm chứ không phải của David. Có lẽ ông đã lầm với "Thánh vịnh 51" vì Thánh vịnh này mới là những lời ăn năn thống

hôi của David rên rĩ câu nguyện Chúa Cha (không phải là Giê-su) tha cho những tội ác đã phạm tuy thực tế cho thấy rằng chẳng làm gì có Chúa và Chúa cũng chẳng có quyền gì để mà tha tội (Psalm 51: 1- 4: Đức Chúa Trời ôi! Xin hãy thương xót tôi tùy lòng nhân từ của Chúa; Xin hãy xóa các sự vi phạm tôi theo sự từ bi rất lớn của Chúa. Xin hãy rửa tôi cho sạch hết tội gian-ác, và làm tôi được thanh khiết về tội lỗi tôi. Vì tôi

nhận biết các sự vi phạm của tôi, tội lỗi tôi hằng ở trước mặt tôi. Tôi đã phạm tội cùng Chúa, chỉ cùng một mình Chúa thôi, và làm điều ác trước mặt Chúa ..) Có lẽ những lời ăn năn thống hối cùng Chúa này chỉ có một mục đích: đó là hi vọng được Chúa tha thứ để rồi sau khi chết sẽ được lên thiên đường sống cuộc sống đời đời cùng Chúa. Nhưng đó là niềm tin của những người Do Thái cách đây hơn 2000 năm. Với trình độ hiểu biết của nhân loại ngày nay thì đến Giáo Hoàng John Paul II cũng phải thú nhận rằng chẳng làm gì có thiên đường trên những tầng mây, tất cả đều do tâm mà ra. Vậy Thánh vịnh 51 đã trở thành lỗi thời vì chẳng có tác dụng gì thực tế. Bám vào đó để mà "phụng vụ" thì chỉ là duy trì sự mê tín của thời bán khai. Và chẳng, phạm tội với con người mà lại nói là chỉ phạm tội cùng Chúa thôi là điều mà thế giới ngày nay không thể chấp nhận.

Mặt khác, ngày nay các học giả nghiên cứu Thánh Kinh đã chứng minh được rằng trong 150 bài "Thánh Vịnh", chỉ có vài bài là được sáng tác trong thời đại của David, phần còn lại được sáng tác vào khoảng và sau thời kỳ lưu đày (Exile).

Thứ ba, trong Thánh Kinh có 2 Tamar rất đặc biệt: Tamar trong 2 Samuel 13: 11-14 là một thiếu nữ bị chính anh ruột của mình, Amnon, cưỡng hiếp. Tamar và Amnon đều là con ruột "ngài" David của TGM Nguyễn Văn Thuận. Còn Tamar, người phụ nữ tội lỗi mà ông Thuận viết trong đoạn trên, còn đặc biệt hơn nữa: chồng chết, ngủ với em chồng; em chồng chết, ngủ luôn với bố chồng, sinh con cái. Đó là những mẫu người mà TGM Thuận cho rằng được Thiên Chúa chọn với "ý định màu nhiệm của Thiên Chúa.", mà không hề giải thích màu nhiệm ở chỗ nào, phải chăng màu nhiệm chỉ vì những người vô đạo đức phi luân này là tiền nhân của Giê- su?. Chuyện Tamar trong Thánh Kinh, quý độc giả có thể đọc trong Sáng Thế 38. Có nhiều đoạn tôi không tiện trích dẫn, vì chúng tục tĩu dâm loạn, đối ngược hẳn với nền luân lý Á Đông. Chúng ta cũng nên để ý là, Thiên chúa là Thiên Chúa của Do Thái, không dính líu gì tới dân tộc Việt Nam, vì ngay trong Thánh Kinh Thiên Chúa của Do Thái cũng không biết đến sự kiện là quả đất tròn. Sự hiểu biết của Thiên chúa ở trong Thánh Kinh về trái đất rất hạn hẹp, chỉ có ở quanh vùng Trung Đông mà thôi.

Thứ tư, TGM Thuận viết "Chúa Giêsu đã chọn Phêrô, người đã chối ngài, và chọn Phaolô, người đã bách hại Ngài." là sai, chứng tỏ rằng ông đã được "giáo hội dạy rằng" rất kỹ, và chưa từng đọc Thánh Kinh, vì Thánh Kinh đã viết rõ Giê-su tin rằng ngày tận thế sắp tới, ngay khi một số người cùng thời với Giê-su còn sống, vậy chọn Phê-rô để làm gì? Rõ ràng chuyện Chúa chọn Phêrô là do giáo hội nguy tạo để tự tạo vai trò kế thừa Phê rô và là đại diện của Chúa trên trần của các giáo hoàng. Tôi sẽ trở lại vấn đề này trong một phần sau. Mặt khác, PhaoLô không phải là tông đồ của Giê-su, PhaoLô chưa từng thấy Giê-su, làm sao mà bách hại Giêsu và làm sao Giê-su lại có thể chọn một người mình chưa từng biết? Tôi đó quý độc giả tìm trong Thánh Kinh xem có chỗ nào viết là Phao Lô bách hại Giê-su .

Thứ năm, sợ tín đồ mất niềm tin khi đọc kỹ Thánh Kinh, TGM Nguyễn Văn Thuận dạy tín đồ:

Danh sách những người tội lỗi mà Mathêu nêu rõ trong gia phả của Chúa Giêsu không được gây gương mù cho chúng ta. Trái lại, gia phả ấy tuyên dương màu nhiệm Thiên Chúa.

Mang cái bình phong "màu nhiệm Thiên Chúa" ra để che đậy những điều có thể gây thắc mắc trong đầu óc tín đồ, TGM Thuận đã không lý gì đến những phần khác trong Thánh Kinh mà Giám Mục Spong đã nhận xét ở trên:

Chẳng có ai biết cha ông ta (Giê-su) là ai. Rất có thể ông ta là một đứa con hoang. Rải rác trong miền đất truyền thống Ki Tô lúc đầu (4 Phúc Âm), có những chi tiết chứng tỏ như vậy, giống như những thói chất nô chưa

kiếm ra và chưa nổ

Phải chăng vì không đếm xỉa gì đến sự lương thiện trí thức, dùng lý luận thần học nguy hiểm để lừa dối đám tín đồ thấp kém qua những điều giải thích hoang đường, phi lý trí v.v.. mà gần đây Tổng Giám Mục đã được thăng lên chức Hồng Y? Khi xưa, người ta có thể mua chức Hồng Y bằng tiền bạc và quen thuộc. Ngày nay, chức Hồng Y để cho những thuộc hạ của Tòa Thánh tuyệt đối trung thành với Giáo Hoàng và cách diễn giảng giáo lý của Vatican bất kể là những điều diễn giảng này mâu thuẫn, phi lý, và sai sự thực đến đâu. Rất hiếm khi mà những chức vụ chỉ đạo trong giáo hội Ca-tô được tuyển chọn hay vinh thăng theo khả năng, trình độ hiểu biết và đầu óc cởi mở. Trường hợp của ông Nguyễn Văn Thuận là một thí dụ điển hình.

Thật vậy, đoạn văn trong Matthew ở trên chẳng có gì là gương mù như ông Thuận đã nghĩ, và cũng chẳng có gì là “màu nhiệm Thiên Chúa”. Vì ngày nay, các chuyên gia nghiên cứu Thánh Kinh đã hiểu tại sao Matthew lại nêu tên những người phụ nữ tội lỗi trong gia phả của Giê-su. Sau đây là vài trích dẫn từ cuốn Sự Thực Phúc Âm của Russell Shorto:

Từ đầu thế kỷ 2, nhiều tác giả Do Thái, khi quan sát sự phát triển nhanh chóng của Ki Tô Giáo, đã ghi nhận rằng khuôn mặt thần thánh trong trọng điểm của Ki Tô Giáo (nghĩa là Giê-su. TCN) thực ra chỉ là một đứa con hoang. ..Về phương diện kỹ thuật, ngay cả khi đọc Phúc Âm theo truyền thống, điều trên đúng là sự thực, vì Joseph, chồng của Mary, không phải là cha thực của Giê-su. Đọc thật kỹ Matthew chúng ta có thể thấy điều trên rõ ràng...và Matthew đã đưa ra một kiến trúc thần học tinh vi để biến đổi một sự thật xấu xa thành một huyền thoại..

Một vấn đề trong gia phả của Giê-su đã làm bận tâm những nhà thần học không ít trong nhiều thế kỷ là tên của các phụ nữ trong gia phả của Giê-su. Tại sao chúng ta đọc thấy rằng: “Abraham là cha của Isaac, Isaac là cha của Jacob” v.v.. mà không thấy tên một phụ nữ nào xen vào, nhưng rồi chúng ta thấy “Judah là cha của Perez và Zerah, sinh ra bởi Tamar”, và “Salmon là cha của Boaz, sinh ra bởi Rahab,” và Boaz là cha của Obed, sinh ra bởi Ruth”, và David là cha của Solomon, sinh ra bởi “vợ của Uriah”?

Một nhóm học giả đã tìm hiểu trong 20 năm qua để tìm ra giải đáp cho điều thắc mắc này và họ đã khám phá ra rằng tất cả những phụ nữ được nêu tên trong gia phả của Giê-su đều là những người mang tai tiếng về vấn đề tình dục. Nói cách khác, Matthew đã cố ý làm nhẹ bớt vấn nạn Giê-su là đứa con hoang bằng cách vạch ra rằng trong nhiều đời tiền nhân của Giê-su, đây là điều cần thiết để tiếp nối dòng dõi các vua Do Thái qua những nhân vật khác thường.. Là đứa con hoang, điều này có thể là một biểu hiện của sự danh giá (badge of honor).

12

Thứ sáu, TGM Nguyễn Văn Thuận ca tụng dân tộc Do Thái là “một trường hợp duy nhất, đáng ngưỡng mộ và tuyệt vời, khi thấy một dân tộc không hề dấu diếm những tội lỗi của tiền nhân trong lịch sử chính thức của mình.” Người Việt Nam chúng tôi, khi đọc đến những chuyện tàn bạo, dâm ô, loạn luân v.v.., chiêm quá nửa cuốn Cựu Ước, về dân tộc Do Thái, thì không có cách nào có thể đồng ý với

nhận định của ông Thuận. Sử Trung Quốc cũng ghi lại những triều đại

Kiệt, Trụ, Tần Thủy Hoàng, Võ Tắc Thiên v.v Đã là những sự kiện lịch sử của một dân tộc thì không có người này cũng có người kia ghi chép lại. Do Thái cũng không ra ngoài lệ và tuyệt đối không phải là nước duy nhất chép lại trung thực những sự kiện lịch sử. Cho nên chẳng có gì đáng ngưỡng mộ và cũng chẳng có gì gọi là tuyệt vời như chúng ta đã biết sơ về lịch sử Do Thái trong phần trên. Thật vậy, chúng ta hãy đọc một đoạn về dân tộc Do Thái cổ xưa mà Thomas Paine đã viết trong cuốn Thời Đại Lý Trí như sau:

Nếu chúng ta có thể tự cho phép để cho rằng Đấng Toàn Năng đã phân biệt một quốc gia nào đó và gọi là Dân Được Ngài Chọn Lựa thì chúng ta phải cho rằng dân tộc đó là một gương mẫu cho phần còn lại của thế giới về hiếu kính và nhân đạo thuần khiết nhất, chứ không phải là một dân tộc của những kẻ côn đồ và giết người như là dân Do Thái cổ xưa, một dân tộc đồi bại vì phông theo những con quái vật và mạo danh như là Moses và Aaron, Joshua, Samuel và David, một dân tộc đã làm cho chính mình nổi bật hơn mọi dân tộc khác trên thế giới về sự man rợ và độc ác.

13

Vậy, đáng ngưỡng mộ và tuyệt vời ở chỗ nào? Có lẽ dân Do Thái, dân cung mà Chúa Cha chọn làm dân của Chúa (chosen people), đáng ngưỡng mộ và tuyệt vời ở chỗ không chấp nhận Giê-su là “Chúa con”, là “đấng cứu thế”, nên bị giáo hội Ca-Tô vu cho tội giết Chúa và bách hại dân Do Thái suốt 2000 năm nay. Những dân tộc như Việt, Mên, Lào v.v.. mà Chúa Cha không hề biết đến (xin đọc Augustine) không tin và chấp nhận Chúa Con thì là điều dễ hiểu, nhưng dân tộc Do Thái là dân Chúa Cha chọn (chosen people) mà lại không chấp nhận Chúa Con thì chúng ta phải hiểu rằng “Chúa Con” chỉ là một “ngụy Chúa” và những lời tự nhận như là “con của Thiên Chúa”, “vua của dân Do Thái” v.v.. thật ra chỉ bắt nguồn từ một hoang tưởng tôn giáo ở vào một thời đại mà quan niệm về quỷ thần tràn ngập dân gian. Đây không phải là chỗ phê bình cuốn Chứng Nhân Hy Vọng của TGM Nguyễn Văn Thuận, nhưng có một đoạn nơi trang 293 tôi không thể bỏ qua:

Do quyền năng của Chúa Thánh Thần, mẫu nhiệm nhập thể cao cả được thực hiện. Người Con ở trên Trời sống trong lòng Thiên Chúa Cha, tìm thấy ở dưới đất, nơi Đức Maria, một cung lòng xứng đáng với Ngài. Là nữ tử của Thiên Chúa Cha, Đức Maria trở thành mẹ. Mẹ của Ngôi Lời nhập thể, Hiền Thê của Chúa Thánh Thần.

Người con ở trên Trời? Chỗ nào trên Trời? Phải chăng ở phía trên cái vòm trời bằng đồng thau có những cánh cửa mở ra để cho mưa rơi xuống như được viết trong Thánh Kinh? Hay là ở trong cái nhà ở trên trời, thiên đường, nơi Thiên Chúa ngự. Nhưng chính giáo hoàng John Paul II cũng phải thú nhận “Không làm gì có thiên đường ở trên các tầng mây” TGM Thuận luôn luôn ở sát vách giáo hoàng mà không biết đến lời tuyên bố này hay sao? Mặt khác, trái đất đâu có đứng yên? Nó vừa di chuyển trong không gian xung quanh mặt trời với vận tốc trên một trăm ngàn cây số một giờ, vừa quay xung quanh trục Nam Bắc với vận tốc quay khoảng 1600 cây số 1 giờ, vậy TGM Thuận có dám khẳng định “người con ở trên Trời” là ở chỗ nào trên trời hay không, hay đối với con người đứng yên trên trái đất, "người con ở trên trời" cũng phải đảo điên điên đảo theo định luật tương đối của mọi chuyển động?

Luận điệu thần học ngụy biện lý luận rằng: Vì nhân quang của con người cũng như những dụng cụ quang học như kính thiên văn đều giới hạn nên không thể nào thấy Chúa được, nếu chúng ta có khả năng nhìn đến tận cùng không gian thì sẽ thấy Chúa ngự bên hữu Chúa Cha. Luận điệu này ném thuyết

Chúa Ba Ngôi, nghĩa là thuyết điên rồ toán học (mathematical insanity), 3 là 1 và 1 là 3, vào "Recycled Bin" . Luận điệu này cũng mù tịt về khoa vũ trụ học vì không hề có một ý niệm gì về tận

cùng không gian là bao xa? Đại khái vào khoảng 15 tỷ năm ánh sáng. Ánh sáng truyền trong không gian khoảng 300000 cây số trong một giây đồng hồ. Chúa Giê-su mới chết cách đây 2000 năm. Và dù ông ta có sống lại và bay lên trời với vận tốc của ánh sáng, vận tốc giới hạn của mọi vật chất, thì ông ta cũng chưa ra khỏi giải Ngân Hà, rộng khoảng 100000 năm ánh sáng. Vậy bảo là sẽ thấy Chúa ngồi bên hữu Chúa Cha ở tận cùng không gian là nói bừa, nói bậy, không hiểu chút nào về vũ trụ và khoa học.

Tôi không muốn đi sâu vào đoạn văn trên của TGM Thuận mà chỉ muốn làm sáng tỏ một điều: đoạn này đương nhiên xóa bỏ đoạn nói về gia phả của Giê-su. Giê-su không thể vừa là con của Chúa Thánh Thần, vừa là con của Joseph, thuộc dòng dõi vua David. Mary không thể là “Hiền thê của Chúa Thánh Thần”, có mang với Chúa Thánh Thần nếu chúng ta vứt bỏ tất cả neuron ở trong óc đi để tin rằng Chúa Thánh Thần (Holy Spirit) cũng có 23 nhiễm sắc tố (chromosomes) gồm cả hai loại X và Y để có thể làm cho bà Mary mang thai, rồi sinh ra Giê-su, nhưng Giê-su lại không phải là con của Chúa Thánh Thần mà lại là con của Joseph, thuộc dòng dõi Vua David như được kể trong gia phả trên. Viết lên một sự mâu thuẫn rối rắm cùng cực mà TGM Thuận cũng viết lên được thì thực là tài.

Một thí dụ khác sẽ cho chúng ta thấy rõ đầu óc của các bậc lãnh đạo trong Ca- Tô Giáo ở Việt Nam đã được nhào nặn như thế nào. Trong cuốn "Trần Lục", nhiều tác giả, xuất bản tại Canada, năm 1996, Đức Ông Trần Văn Khả cũng viết về Giê-su như sau, trang 269:

Trong Kinh cầu Thánh Giuse, chúng ta đọc như sau: "Ông Thánh Giuse là Cha Nuôi Con Đức Chúa Trời"; Ngay sau đó Đức Ông viết: "Chúa Giêsu là dòng dõi Vua Đa-vít, mà Thánh Giuse là một thành phần (Matthew 1:16). "

Cũng như TGM Nguyễn Văn Thuận, Đức Ông Trần Văn Khả nhắc lại những lời "giáo hội dạy rằng", tin rằng tất cả những lời trong Kinh đều phải đúng, mà không hề suy nghĩ. Thật vậy, nếu Giuse chỉ là cha nuôi của Giê-su thì dù cho Giuse thuộc dòng dõi vua David, Giê-su cũng không thể nào thuộc dòng dõi vua David. Vì sao? Vì Giê-su là hoa trái của sự "xâm phạm tiết hạnh" của Thánh Ma (Holy Ghost) vào Mary, một người đàn bà Do Thái đã có chồng là Joseph (Giu-se). Vì vậy, Giê-su mới được gọi là Con Thiên Chúa và Giu-se mới được coi như là cha nuôi của Giê-su. Đã là Con Thiên Chúa thì không thể thuộc dòng dõi vua David, dù cha nuôi của Giê-su là Giu-se thuộc dòng dõi vua David. Tôi có cảm tưởng rằng TGM Nguyễn Văn Thuận, Đức Ông Trần Văn Khả cũng như nhiều tín đồ Ca-Tô khác, được Giáo hội dạy sao thì cứ nhắc lại đúng như vậy mà không hề bận tâm suy nghĩ xem điều mình nói có hợp lý hay không. Sự hiểu biết của tuyệt đại đa số người dân Việt ngày nay đâu còn ở mức của những người dân đánh cá ở vài miền duyên hải Việt Nam cách đây vài thế kỷ, hay ở trong những "ốc đảo ngu dốt" (từ của Linh mục Trần Tam Tĩnh trong cuốn "Thập Giá và Lưỡi Gươm"?)

Tuy nhiên tôi không phản đối TGM Nguyễn Văn Thuận, Đức Ông Trần Văn Khả, hay bất cứ ai, nếu họ tin cả hai huyền thoại có tính cách loại trừ lẫn nhau (mutual exclusive) như trên cùng một lúc. Vấn đề là, đầu óc của các bậc lãnh đạo Ca-Tô Việt Nam như TGM Thuận và đức ông Khả, mà còn như vậy thì không hiểu đầu óc của đám tín đồ thấp kém thì như thế nào? Đối với tôi, nếu ai đó tin vào bất cứ một cái gì đó thì chúng ta có thể hiểu được, nhưng tin cùng lúc vào hai điều không thể nào cùng hiện hữu thì chỉ có những đầu óc đặc biệt Ca Tô được nhào nặn từ nhỏ mới có khả năng như vậy. Và đây quả là một phép lạ trong việc đào tạo, uốn nắn đầu óc tín đồ Ca-Tô. Nếu chúng ta có dùng lý trí để phê phán họ là mù lòa tin bưng tin càn thì họ vội lên tiếng lên án chúng ta là chống Thiên Chúa Giáo

theo sách lược của CS. Họ lên án như vậy vì đầu óc của họ chỉ nghĩ có một chiều. Họ không thể nghĩ ra rằng, theo lý luận thần học của TGM Thuận ở trên, thì sự hiện hữu của CS cũng chỉ là để tuyên dương "mâu nhiệm Thiên Chúa", một điều mà chúng ta

không thể nào dùng lý trí mà hiểu được. Cầu mong làm sao họ gỡ được cái vòng kim cô xiềng xích trí tuệ ra khỏi cái đầu họ trước khi họ tính đến chuyện đối thoại với các tôn giáo khác.

Qua những tài liệu mà tôi vừa trích dẫn ở trên, chúng ta thấy ngay rằng, hình ảnh Giê-su mà Giáo hội Ca-Tô Rô-ma cấy vào đầu óc tín đồ, từ trên xuống dưới, nó xa sự thực như thế nào. Làm sao mà Giáo hội có thể thành công trong việc nhào nặn đầu óc tín đồ đến độ họ không còn khả năng suy nghĩ. Đó là vì Giáo hội đã sử dụng Học Thuật Ca-Tô (Catholic scholarship), phối hợp một nền thần học nguy biệ, đối trá với những văn kiện nguy tạo, giả mạo. Nguy biệ vì lúc thì giải thích thế này, khi thì giải thích thế nọ, lúc thì giải thích xuôi, khi thì giải thích ngược v..v..; đối trá vì không đúng với sự thật với chủ đích lừa dối; nguy tạo, giả mạo là bịa đặt ra, thêm thắt vào. Học thuật này rất thành công đối với đám tín đồ ít học, đầu óc yếu kém. Nhưng ngày nay, học thuật này đã không còn chỗ đứng trong thế giới văn minh, tiến bộ. Thật vậy, ngày nay, nhiều học giả, trí thức, chuyên gia v..v.. đã phanh phui ra những thủ đoạn lừa dối của giáo hội Ca-Tô. Thí dụ, Douglas Lockhart đã viết trong cuốn Cái Mặt Đen Tối Của Thiên Chúa (The Dark Side of God) như sau:

Với khả năng phịa sử qua những tài liệu giả mạo trông như thật với dấu ấn của Giáo Hoàng, và lòng những tài liệu giả mạo này vào trong Giáo Luật, Giáo hội Ca-Tô đã tái tạo quá khứ của mình một cách có hệ thống để rồi cuối cùng tin vào những điều nói láo của chính mình.

14

Nữ học giả Helen Ellerbe viết trong cuốn Cái Mặt Đen Tối Của Lịch Sử Ki Tô (The Dark Side of Christian History):

Cuốn Tự Điển Bách Khoa Ca-Tô cũng phải thừa nhận rằng “Trong mọi lãnh vực, sự giả mạo và thêm thắt vào cũng như sự ngu đần đã được tập hợp thành trò tinh quái có hạng.” Dù rằng Giáo hội đã cấm không cho nghiên cứu thêm về nguồn gốc của các Phúc Âm, nhiều học giả đã chứng tỏ cả bốn Phúc Âm đều đã được xào xáo viết lại. Trong khi Giáo hội tuyên bố rằng bản chất chân lý không thay đổi và chỉ được mạc khải một lần duy nhất, Giáo hội luôn luôn tìm ra lý do để thay đổi chân lý đó.

15

Không phải là vô cơ mà Lockhart và Ellerbe đã viết như trên. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử tôn giáo đã phân tích Thánh Kinh gồm Cựu Ước và Tân Ước bằng những phương pháp hiện đại nhất, phối hợp nhiều bộ môn trong khoa học và nhân văn, để tìm ra những sự thực về lịch sử, nguồn gốc, tư tưởng trong Thánh Kinh.

(xem chú thích >>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

--Ba bằng chứng nguy tạo:

Trong lịch sử Ca-Tô Giáo Rô-Ma có nhiều bằng chứng có thể dùng để chứng minh những nhận định của Lockhart và Ellerbe ở trên. Sau đây tôi chỉ đưa ra vài trường hợp điển hình.

(1). Bằng chứng nguy tạo thứ nhất:

Giả mạo Bản Văn Hiến Dâng Của Constantine (The Donation of Constantine). Về trường hợp này, Lockhart viết:

Trong cuốn “Sự Suy Thoái Của Rô-Ma”, sử gia Joseph Vogt lưu ý chúng ta về Bản Văn Hiến Dâng Của Constantine, một tài liệu đề ngày 30 tháng 3, năm 315, nhưng thực ra được viết trong triều đại của giáo hoàng Stephen III (năm 752-757) với mục đích thuyết phục Pepin, vua của dân Franks, phải bảo vệ giáo hội để chống dân Lombards. Là một tài liệu giả mạo từ đầu tới cuối, Bản Văn Hiến Dâng viết rằng Constantine, đang bị bệnh hủi (cùi), đã có một thị kiến trong đó Thánh Phê-rô (Peter) và Phao-Lô (Paul) nói với Constantine là hãy tiếp xúc với Giáo Hoàng Sylvester. Khỏi bệnh vì tuân theo lệnh từ trên trời ban xuống, để tạ ơn, Constantine hiến dâng lâu đài mình đang ở cho Giáo hoàng Sylvester và đặt toàn thể Vương Quốc Miền Tây thuộc

quyền Tòa Thánh. Tòa Thánh của Phê-rô phải được đặt lên trên Vương Quốc và Ngai Vàng của Vua, và Sylvester là người cai trị Antioch, Alexandria, Jerusalem, Constantinople và tất cả các giáo hội trên thế giới. Tài liệu trên được chấp nhận không bàn cãi cho đến năm 1440, khi Lorenzo Valla, một người hầu cận Giáo hoàng, chứng minh rằng, không còn nghi ngờ gì nữa: Bản Văn Hiến Dân là giả mạo.

Cuốn sách của Valla được xuất bản năm 1517, và mặc dầu tất cả các học giả khác khi nghiên cứu riêng rẽ đều đồng ý với Valla, Tòa Thánh vẫn phủ nhận sự giả mạo này trong vài thế kỷ tiếp theo..

Tuy nhiên, Vua Pepin, khi đọc Bản Văn Hiến Dân, rất lấy làm khâm phục, vì có vẻ như là Bản Văn đã chứng minh chắc chắn rằng Giáo Hoàng là người kế thừa Phê-rô và Constantine, do đó có toàn quyền trên trái đất, và đằng sau hậu trường là sự hậu thuẫn của quyền lực từ trên trời. Đánh bại dân Lombards, Pepin dâng tất cả đất đai viết trong Bản Văn Hiến Dân, một hành động làm cho Tòa Thánh trở

nên toàn năng.

16

Chúng ta có thể thấy ngay rằng, bản văn hiến dâng của Constantine đúng là do giáo hội giả mạo để tạo quyền lực về tinh thần cũng như vật chất cho giáo hội. Mục đích của tài liệu giả mạo này là đưa ra quan niệm thần quyền đứng trên thế quyền, và quyền thống trị, cai quản thế giới của Giáo hội. Nhưng tiến hóa là một định luật của nhân loại nên những quyền tự phong của Giáo hội mà một thời bao trùm Âu Châu càng ngày càng suy giảm và ngày nay đã trở nên vô nghĩa và bất lực trước sự tiến bộ của nhân loại. Ngày nay, đất đai và quyền hạn của giáo hội chỉ còn thu hẹp trong phạm vi của Vatican, rộng bằng vài cái sân đá banh, và trong đám tín đồ thấp kém mà tổng số chưa tới 1/6 dân số trên thế giới.

Giáo sư Thần học Uta Ranke-Heinemann, khi nghiên cứu trường hợp giả mạo Bản Văn Hiến Dâng trên, cũng viết trong cuốn *Hãy Dẹp Đi Những Chuyện Trẻ Con (Putting Away Childish Things)* như sau:

Một chuyện bất ngờ rất đặc biệt phát xuất từ Thánh Linh là cái

gọi là Bản Văn Hiến Dâng Của Constantine. Trong bản văn này,

Hoàng Đế Constantine (chết năm 337) đã bày tỏ tấm lòng quá rộng rãi

đối với Giáo hội: “Chúng tôi đã chuyển nhượng lâu đài (Lateran) và

tất cả tỉnh lỵ, nơi chôn, thành phố thuộc thị trấn Rô-ma, thuộc nước Ý,

và thuộc khắp miền Tây..cho giáo hoàng tối cao, cha Sylvester của

chúng ta, giáo hoàng của mọi người, và cho uy quyền và sự thống trị

của giáo hoàng – hoặc những vị kế thừa ông ta.” Ngày ghi trên bản

văn (30 tháng 3, năm 315. TCN), dấu ấn chính thức (của giáo hoàng [papal

seal]. TCN), và chữ ký (của Constantine. TCN) đã chứng thực bản văn

trên. Constantine, quốcvương tuyệt đối đã hiến dâng cho giáo hoàng

toàn thể miền Tây của đế quốc Rô-ma; và các giáo hoàng trở thành

những kế thừa của các vua Rô-ma ở miền Tây. Constantine tự thỏa

mãn với miền Đông, bởi vì “các vua trên trần không thể có quyền năng

ở nơi nào mà người cầm đầu giáo hội Ki Tô (giáo hoàng) đã được vua

ở trên trời (Giê-su) bồ nhiệm.”

Nhưng thực ra, tất cả chỉ là một sự bịp bợm, một sự giả mạo của giới giáo sĩ trong nội bộ giáo hội bày đặt ra. Lẽ dĩ nhiên, với bản văn nguy tạo này, giáo hội đã chiếm được quyền lực tinh thần và vật chất to lớn không thể ước tính được trong nhiều thế kỷ. Sự giả mạo văn bản trên đã được xào nấu trong cung đình Vatican vào khoảng giữa thế kỷ thứ 8 (vào khoảng hơn 400 năm sau khi Constantine chết. TCN) và chỉ bị phanh phui vào thế kỷ thứ 15. Người khám phá ra sự gian lận này là một viên chức cao cấp trong cung đình Rô-ma (Vatican), theo chủ nghĩa nhân văn, một phê bình gia về chế độ giáo hoàng, tên là Lorenzo Valla (chết năm 1457). Nhưng mãi tới năm 1517 công cuộc khám phá ra sự gian lận trên của Valla mới được Ulrich von Hutten xuất bản, vào đầu thời kỳ cải cách. Sách “The Lexikon fur Theologie und Kirche” viết, “từ giữa thế kỷ 19..nội dung Bản Văn Hiến Dâng Của Constantine đã được coi như là giả mạo theo sự nhìn nhận của Ca-Tô” ([1961] VI, 484). (Sau nhiều thế kỷ phủ nhận. TCN)

17

Từ những tài liệu trên, chúng ta thấy ngay rằng, quyền lực tinh thần cũng như vật chất của Giáo hội Ca-Tô được xây dựng trên sự gian dối nguy tạo. Trong Ca-Tô giáo có cả một trường phái chuyên nguy tạo (school of forgery) những bản văn mới, và sửa đổi, viết lại những bản văn cũ cho hợp với đường lối dối trá để đạt được mục đích tạo quyền lực tinh thần và vật chất của Giáo hội.

Thật vậy, Douglas Lockhart viết như sau:

“Vào khoảng năm 1187 sự giả mạo các tài liệu đã trở thành một dịch vụ có lợi, với cả một trường phái các chuyên gia làm giả mạo, cặm cụi tạo ra sự phê chuẩn những tham vọng của giáo hoàng Gregory III; có ngay cả chính sách biến đổi những tài liệu cũ nói ngược hẳn lại những điều thực sự viết trong tài liệu. Điều thú vị là, de Rosa (Tổng Giám mục Peter de Rosa, tác giả cuốn “Vicars of Christ: The Dark Side of The Papacy”. TCN) vạch ra rằng chính những tài liệu cũ này cũng là giả mạo và phê phán rằng cái trường phái những kẻ chuyên làm tài liệu giả mạo này “..đã xào xáo tất cả những văn kiện cũ, bất kể là giả hay thực, với một tính bất lương như nhau.”

De Rosa, khi đứng trước tình trạng lạ lùng này, đã thẳng thắn phơi bày sự kiện là, vào giữa thế kỷ 12, sắc lệnh Decretum, hay Giáo Luật, đã được rắc vào trong đó những văn kiện giả mạo suốt trong 3 thế kỷ và những kết luận dẫn xuất từ chúng. Một trong những kết luận này là giáo hoàng đứng trên và là nguồn gốc của mọi giáo luật mà không có cần đến khả năng chuyên môn; một sự kiện mà theo sự diễn giải của de Rosa, giáo hoàng theo định nghĩa thì bằng vai với Con của Thiên Chúa. Và đây là giáo hội mà chúng ta phải có, cái định chế sáng lập ra bởi Thiên Chúa qua vai trò Constantine để soi sáng cho một thế giới tối tăm”

Có lẽ trong lịch sử nhân loại chúng ta không thể thấy một sự lừa bịp nào trắng trợn và hoang đường hơn. Ấy thế mà cho tới ngày nay vẫn còn nhiều người, kể cả những người thường được gọi là trí thức, vẫn còn tin vào luận điệu quái gở của giáo hội như trên, và rất lấy làm hãnh diện được hôn giày hôn

dép “đức Thánh Cha”, đại diện của Chúa trên trần.

Nhưng Constantine là người như thế nào? Lịch sử đã viết rõ. Trong cuốn Những Sự Lừa Dối Và Huyền Thoại Trong Thánh Kinh, Loyld Graham viết:

Hắn ta đích thân giết hai người anh em rể, sai người giết vợ, giết đứa con tên là Crispus và 2 đứa cháu, giết những kẻ kẻ đối lập chính trị, quăng những người không tin đạo Chúa xuống giếng, và làm cho nhiều ngàn người chết trên chiến trường.

19

Từ những sự kiện trên, và sau khi khảo sát về lịch sử thành lập, và lịch sử phát triển của Ki Tô Giáo, bắt đầu bằng sự ủng hộ của Constantine, Lloyd Graham đã bình luận như sau:

Trong gần 2000 năm nay, Ki Tô Giáo toan tính cứu rỗi chúng ta thay vì văn minh hóa chúng ta, và nó đã đi đến một thế kỷ man rợ, một thời đại trong đó có tới 250 triệu tín đồ Ki Tô chết trong những cuộc chiến của Ki Tô Giáo.

..Đó là Ki Tô Giáo, một tôn giáo đặt căn bản trên sự gian dối, thành lập bởi những kẻ điên và được củng cố bởi một tên sát nhân – Đại đế Constantine.

20

Tại sao Graham lại có thể viết như trên về một tôn giáo lớn nhất trên hoàn cầu như Ki Tô Giáo? Sự phân tích bằng chứng nguy tạo thứ hai sau đây sẽ chứng minh cho chúng ta thấy rõ vấn đề. Chúng ta cũng nên biết rằng, sau nhiều thế kỷ phủ nhận những công trình nghiên cứu về Bản Văn Hiến Dâng của Constantine và giữ nguyên tính cách xác thực (authenticity) của Bản Văn, cuối cùng Tòa Thánh Vatican và các nhà Thần học Ki Tô Giáo cũng phải thú nhận rằng Bản Văn Hiến Dâng của

Constantine thật ra là một bản văn giả mạo. Nhưng Giáo hội đã thực hiện được mưu đồ của mình và thành công trong việc tạo cho giáo hội quyền lực thế gian trong hơn 1000 năm, và tiếp tục duy trì quyền lực này bất kể đến liêm sỉ và đạo đức con người như lịch sử đã chứng tỏ.

(2). Bằng chứng ngụy tạo thứ hai:

Giáo hội dựa vào một câu trong Thánh Kinh, Matthew 16: 18, cho là của Giê-su nói: “Và ta cũng nói cho ngươi biết, ngươi là Phê-rô, và trên phiến đá này ta sẽ xây dựng giáo hội của ta...và Ta sẽ cho ngươi những chìa khóa của thiên đường” (King James Version: “And I also say to you that you are Peter, and on this rock I will build My church...and I will give you the keys of the kingdom of heaven”) và đưa ra thuyết Chúa Giê-su chính là người sáng lập ra Giáo hội nhưng chỉ đứng tên, còn Thánh Phê-rô mới là người được Giê-su trao cho nhiệm vụ thành lập giáo hội với chức vụ đứng đầu giáo hội (giáo hoàng đầu tiên), và các Giáo Hoàng đều là kế thừa của Phê-rô và như vậy đương nhiên là “đại diện của Chúa” (Vicars of Christ) ở trên trần, nắm trong tay những chìa khóa mở cửa thiên đường. Do đó, các tín đồ Ca-Tô không thể hiệp thông thẳng với Chúa mà phải đi qua ngã trung gian là giáo hội, giáo hoàng và Tòa Thánh Vatican. Ngoài ra, giáo hoàng còn có quyền tuyệt thông bất cứ tín đồ nào, ở bất cứ cấp bậc nào, nghĩa là giữ chặt chìa khóa mở cửa thiên đường trong tay, không mở cửa thiên đường cho bất cứ ai mà giáo hoàng không ưa, bất kể vì lý do gì. Giáo hoàng cũng còn trao quyền tuyệt thông cho các thuộc hạ thân tính như hồng y, tổng giám mục đối với đám tín đồ thấp kém bên dưới.

Tuy nhiên, thuyết Giê-su thành lập giáo hội, Phê-rô làm giáo hoàng đầu tiên v.v.. như trên chỉ có giá trị trong đám tín đồ Ca-Tô vốn không bao giờ đọc Thánh Kinh, thường không mấy khi dùng đến đầu óc để suy nghĩ, và đã bị nhồi sọ từ nhỏ để tin tất cả những gì giáo hội nói. Đối với các học giả nghiên cứu Thánh Kinh và đối với giới trí thức ở trong cũng như ở ngoài giáo hội thì câu ở trong Thánh Kinh ở trên rõ ràng là được thêm thắt sau này với mục đích thiết lập quyền lực tinh thần cũng như quyền lợi vật chất của giới lãnh đạo Ca-Tô trước đám đông tín đồ ở dưới. Thật vậy, các chuyên gia nghiên cứu Thánh Kinh đã vạch ra rằng câu trên hoàn toàn mâu thuẫn với nhiều đoạn trong Thánh Kinh, với tư tưởng của Giê-su, và nhất là vai trò của Phê-rô.

Thứ nhất, đọc Thánh kinh, chúng ta thấy rõ ràng là những người viết Tân Ước đều tin rằng Giê-su sẽ trở lại trần gian trong một tương lai rất gần, ngay trong thời điểm của Giê-su. Thí dụ (Trích dẫn từ Thánh Kinh: Cựu Ước Và Tân Ước, Hội Quốc Tế xuất bản, 1994; và Holy Bible: The New King James Version, American Bible Society, New York, 1982):

Matthew 16: 27-28: “Ta (Con của Người: Giê-su) sẽ trở lại với các thiên sứ trong vinh quang của Cha ta để thưởng phạt mỗi người tùy theo việc họ làm. Ta cho các con biết: một vài người đang đứng đây sẽ còn sống cho đến khi nhìn thấy ta vào trong Nước ta”. (For the Son of Man will come in the glory of His Father with His angels, and then He will reward each according to his works. Assuredly, I say to you, there are some standing here who shall not taste death till they see the Son of Man coming in his kingdom.)

Matthew 24:34: “Ta quả quyết, thời đại này chưa chấm dứt, các biến cố ấy đã xảy ra rồi” (Assuredly, I say to you, this generation will by no means pass away till all these things are fulfilled)

Mark 9: 1: Chúa bảo các môn đệ: “Ta cho các con biết, một vài người đang đứng đây sẽ còn sống cho đến khi nhìn thấy nước trời thiết lập với uy quyền vĩ đại” (And He said to them, “Assuredly, I say to you that there are some standing here who will not taste death till they see the kingdom of God present with power.”)

Mark 13:30: “Ta quả quyết, thế hệ này chưa qua đi thì các biến cố đó (các biến cố xung quanh sự trở lại của Giê-su. TCN) đã xảy ra rồi”. (Assuredly, I say to you, this generation will by no means pass away till all these things take place.)

Luke 21: 27, 32: “Bấy giờ nhân loại sẽ thấy ta giáng xuống trong mây trời với vinh quang và uy quyền tuyệt đối.. Ta quả quyết: thế hệ này chưa qua, các biến cố ấy đã xảy ra rồi”. (Then they will see the Son of Man coming in a cloud with power and great glory.. Assuredly, I say to you, this generation will by no means pass away till all these things are fulfilled.)

John 14: 3: “Ta đi chuẩn bị chỗ ở cho các con. Khi chuẩn bị xong, ta sẽ trở lại đón các con về với ta để các con ở cùng ta mãi mãi.” (And if I go and prepare a place for you, I will come again and receive you to myself; that where I am, there you may be also).

Qua những đoạn trích dẫn ở trên từ Thánh Kinh, chúng ta hãy tự hỏi: Giê-su thành lập giáo hội và trao chức vụ giáo hoàng chẵn dất tín đồ cho Phê-rô để làm gì khi mà ông ta tin rằng ngày tận thế gần kề, ngay trong đời ông, khi ông và một số môn đồ của ông còn sống? Có phải rằng giáo hội đã thêm thắt câu “..ngươi là Phê-rô, và trên phiến đá này ta sẽ xây dựng giáo hội của ta...” vào trong Thánh Kinh để lừa dối tín đồ là giáo hội do chính Chúa Giê-su thành lập và các giáo hoàng đều là kế thừa của Phê-rô?

Thứ nhì, đọc kỹ Thánh Kinh, chúng ta còn thấy, sau khi trao chìa khóa thiên đường cho Phê-rô (Matthew 16:19), chỉ 4 câu sau, Matthew 16: 23, Giê-su gọi Phê-rô là Satan: “Chúa quay lại và nói với Phê-rô: “Hãy đi ra đằng sau ta, Satan, ngươi là một sự xúc phạm đối với ta” (But he turned and said to Peter, “Get behind me, Satan! You are an offence to Me..”) Cũng vì sự mâu thuẫn và phi lý trong hai câu gần sát nhau trong Thánh kinh mà Lloyd Graham đã bình luận như sau:

Như vậy là giáo hội Ca-Tô được thành lập bởi Phê-rô, người mà,

chỉ 4 câu sau trong Thánh Kinh, Chúa gọi là Satan. Vậy, nếu giáo hội

Ca-Tô được thành lập bởi Phê-rô thì giáo hội đó đã được thành lập bởi

Satan – một sự kiện mà chúng ta đã nghi ngờ từ lâu. (Xét đến lịch sử

đẫm máu đầy tội ác của Ca-Tô Giáo mà giáo hoàng John Paul II và Tòa Thánh

Vatican đã vừa xưng thú 7 núi tội lỗi và xin được tha thứ thì câu bình luận của

Graham ở trên không phải là không có căn bản. TCN).

Câu chuyện về Phê-rô thậm vô nghĩa – một người chết như mọi

người mà lại có quyền lực trên khắp nhân loại trong muôn đời muôn

kiếp. Trong những vấn đề tôn giáo, tín đồ Ca-Tô thật là nhẹ dạ, cả tin,

nhưng họ có thể nhẹ dạ đến mức tin rằng, trước khi có Ki Tô Giáo, những bậc thông thái như Pythagoras, Plato, Socrates... cần đến cái tên đánh cá Do Thái ngu đần này (Phê-rô) để đầy đọa hay cứu vớt linh hồn họ hay không? Nhất định là không, và chúng ta cũng vậy (Lẽ dĩ nhiên, người Việt Nam chúng ta cũng không cần đến bất cứ cái gì từ tên đánh cá Do Thái không những ngu đần mà còn hèn nhát này, như Thánh Kinh đã viết rõ. TCN)

21

Thứ ba, Phê-rô là mẫu người coi lời Chúa như không có, phản phúc và hèn nhát. Trước ngày Chúa bị bắt, Chúa bảo Phê-rô hãy thức chờ Chúa đi cầu nguyện, rồi Chúa đi cầu nguyện, khi trở lại thì Phê-rô đã ngủ khì. Khi Chúa bị bắt, vì sợ bị kết tội đồng lõa, Phê-rô đã ba lần chối Chúa, không nhận là mình đã biết Chúa. Khi Chúa bị đóng đinh trên thập giá thì Phê-rô trốn biệt. Một người tư cách như vậy mà Chúa lại chọn để thành lập giáo hội hay sao? Chúa không có môn đồ nào tốt hơn và hiểu biết hơn tên đánh cá Phê-rô hay sao?

Trước những bằng chứng không thể phủ bác, Joseph L. Daleiden, một học giả Ca-tô, trong cuốn *Sự Mê Tín Cuối Cùng* (The Final Superstition), trang 83, cho rằng “câu chuyện ủy quyền cho Phê-rô xây dựng giáo hội là một chuyện tiếu lâm” (On the face of it, I would take it as a joke) và trích dẫn lời của Albert Camus, cho rằng “Giê-su đã riêu cợt cái tên nghèo khổ, hèn nhát Phê-rô khi bảo Phê-rô là vững như phiến đá” (Camus pointed out, Jesus must have been making fun of of poor, cowardly Peter by referring to him as a rock of steadfastness.). Rồi Daleiden kết luận:

Do đó, chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi biết rằng nhiều học giả chuyên về Thánh Kinh tin rằng câu chuyện về Phê-rô, giống như nhiều chuyện khác trong Tân Ước, đã được người ta thêm thắt vào sau.

22

Nhưng không phải chỉ có các học giả mới nhận ra sự phi lý trong câu chuyện về Phê-rô, mà chính những nhà Thần học nổi danh trong giáo hội Ca-Tô cũng phải thừa nhận rằng thuyết Chúa thành lập giáo hội và trao quyền cho Phê-rô chỉ là ngụy tạo.

Hans Kung, Giáo sư Thần học tại trường đại học nổi tiếng Tübingen ở Đức, cũng phải viết như sau:

Con người Giê-su lịch sử, tin chắc rằng ngày tận thế phải xảy ra ngay khi ông còn đang sống. Và vì sự sắp tới của Nước Trời này, không còn nghi ngờ gì nữa là ông ta không muốn lập ra một cộng đồng đặc biệt khác với nước Do Thái, với giáo lý, nghi thức thờ cúng, định chế, cơ quan chỉ đạo riêng. Tất cả những điều trên có nghĩa là khi còn sống Giê-su không bao giờ sáng lập một giáo hội nào. Ông ta không hề có ý tưởng thành lập và tổ chức một hoạt động tôn giáo đại qui mô như được tạo ra về sau.

23

Và nữ Giáo sư Thần học Uta Ranke-Heinemann cũng viết:

Giáo hội đã biến Giê-su thành một dụng cụ tuyên truyền. Vì lý do này mà chúng ta tin vào mọi điều biện minh cho sự thành lập một

giáo hội như được thêm thắt vào những lời Giê-su nói bởi những tác giả các phúc âm. Sự thêm thắt này gồm có điều Giê-su ca tụng Phê-rô như một phiến đá làm nền tảng để Giê-su xây dựng giáo hội của ông ta (Matt. 16:18), vì Giê-su không bao giờ có ý thành lập một giáo hội... Ở đây, không phải là Giê-su nói, mà là giáo hội ban khai muốn tạo cho mình một địa vị lãnh đạo và một khuôn mặt quyền lực vì sự tăng trưởng của cấu trúc lãnh đạo theo cấp bậc.

Trong chương 21, chương ngụ tạo trong phúc âm John – nghĩa là chương được thêm vào phúc âm chính sau này – ý tưởng về một vai phó đã được phát triển rõ ràng. Phê-rô trở thành kẻ chặn đàn chiên của Giê-su. Như là đại diện của Giê-su, người chặn chiên thực sự lúc đầu, hẳn thay thế Giê-su trong nhiệm vụ này. Ngay sau đó, giáo hội nghĩ rằng điều quan trọng không phải là con người Phê-rô. Giáo hội quyết định rằng chức vụ của Phê-rô là nền tảng của Giáo hội, do chính Giê-su thiết lập vĩnh viễn. Với quan niệm này chúng ta có những giáo hoàng là kế thừa Phê-rô và là phụ tá của Giê-su, và chế độ giáo hoàng là nền tảng của giáo hội.

24

Ngoài ra, chúng ta cũng nên biết, Hội Nghiên Cứu Về Giê-su (The Jesus

Seminar) gồm nhiều học giả thuộc mọi hệ phái Ki-tô, sau nhiều năm nghiên cứu, cũng đưa ra cùng một kết luận, nghĩa là, Giê-su không hề có ý định thành lập giáo hội cũng như không hề ủy quyền cho Phê-rô xây dựng giáo hội. Tất cả chỉ là những điều giáo hội bịa đặt để tạo quyền lực cho giáo hội mà thôi.

Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là, ngoài sự vạch ra sự gian dối trên, các chuyên gia nghiên cứu Thánh Kinh còn chứng minh rằng Giê-su, với những lời hứa hẹn hảo huyền đầy tính chất tự tôn, tự cao, tự đại như trên, là người mắc bệnh tâm thần hoang tưởng, và thực tế đã cho các môn đệ ăn bánh vế vì ông ta đã ra đi và không hề trở lại. 2000 năm qua, những người tin là Giê-su có quyền phép “cứu rỗi” họ và cho họ lên thiên đường ở cùng ông đã dài cổ ra ngóng chờ “ngày trở lại” của Giê-su, nhưng năm này qua năm khác, thế hệ này qua thế hệ khác, thiên niên kỷ này qua thiên niên kỷ khác, Giê-su vẫn biệt tăm. Làm sao ông ta có thể trở về được khi ông ta đã bị đóng đinh trên thập giá, chết, và táng xác? Lời hứa hẹn vô trách nhiệm đầy tính cách lừa dối những kẻ nhẹ dạ như trên có giá trị gì khi những điều ông hứa không hề mảy may thực hiện được đã 2000 năm nay.

Sự nguy tạo ra tín điều "Chúa chọn Phê-rô là người thừa kế" cho chúng ta thấy rõ thủ đoạn của Giáo hội Ca-Tô để tạo quyền lực trên đám tín đồ đầu óc yếu kém, không bao giờ đọc Thánh Kinh. Biết chắc là Giê-su đã bị đóng đinh trên thập giá, chết, và táng xác nên không bao giờ có thể trở lại trần gian được nữa, Giáo hội mới phịa ra chuyện Chúa chọn Phê-rô. Nhưng mục đích của sự nguy tạo này cũng không phải là để vinh danh Phê-rô mà thực ra chỉ dùng Phê-rô làm một bình phong thần học, một bàn đạp để tạo nên thần quyền cho giáo hoàng và giáo hội. Giáo hội bày đặt ra chuyện Chúa chọn Phê-rô để thiết lập giáo lý buộc các tín đồ phải tuyệt đối tin và tuân phục giáo hội thì mới được Chúa cứu rỗi. Theo sự diễn giảng của giáo hội thì Phê-rô là người tuyệt đối tin Chúa nên được Chúa chọn bất kể là Phê-rô ngu đần và hèn nhát. Và vì Phê-rô cũng đã chết rồi, cho nên quyền lực của Chúa nằm trong tay những người kế thừa Phê-rô, một chức vị tự phong của các giáo hoàng. Qua học thuật Ca-tô (Catholic scholarship), các tín đồ Ca Tô đều được nhồi sọ từ khi mới sinh ra đời tín điều hoang đường là "Giáo Hoàng là đại diện của Chúa" (Vicar of Christ), nắm trong tay những chìa khóa mở cửa thiên đường và có quyền tuyệt thông tín đồ, hoặc "giáo hội do Chúa Giê-su thành lập nên không thể sai lầm" v.v... Do đó điều kiện tiên quyết cho các tín đồ muốn được Chúa cứu rỗi là phải tuyệt đối tin vào giáo hoàng, giáo hội. Điều bất hạnh cho nhân loại là ngày nay vẫn có hàng triệu người tin như vậy, không hề quan tâm đến những điều phi lý nằm trong những thủ đoạn thần học này..

(3). Bằng chứng nguy tạo thứ ba:

Giáo hội dựa vào câu trong Thánh Kinh, Matthew 28: 19, 20, cho là lời của Giê-su dạy các môn đồ: “Hãy đi đến mọi quốc gia để làm cho họ thành tín đồ của ta, làm lễ rửa tội họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần, dạy cho họ biết phải vâng giữ mọi điều răn ta dạy các ngươi; và ta sẽ ở với các ngươi cho đến ngày tận cùng của thời đại” (Go therefore and make disciples of all the nations, baptizing them in the name of the Father and of the Son and of the Holy Spirit, teaching them to observe all things that I have commanded you; and lo, I am with you always, even to the end of the age.) để viện cớ thi hành sách lược truyền đạo bằng bạo lực và cưỡng bách trên khắp thế giới.

Trước hết, chúng ta nên biết rằng câu trong Thánh Kinh trên không phải là câu Giê-su nói khi còn sống mà là khi đã chết rồi, và theo lý luận của nền Thần học Ca-Tô, đã sống lại sau ba ngày ba đêm (nhưng thực ra chỉ có hơn một ngày và 2 đêm : từ 3 giờ chiều thứ Sáu đến sáng sớm Chủ Nhật), và hiện ra trước các tông đồ, ra lệnh cho họ đi khắp thế giới truyền đạo, nếu chúng ta có thể tin được chuyện

“sống lại” đây tính cách hoang đường này. Ngày nay, ngoài đám tín đồ thấp kém, không còn ai, ở trong cũng như ở ngoài giáo hội, tin vào chuyện “sống lại” của một xác chết. Các nhà Thần học đã tìm cách giải thích khác đi sự “sống lại”

(resurrection) của Giê-su và gọi đó là sự sống lại của tinh thần (spiritual resurrection).

Thứ đến, tất cả các chuyên gia nghiên cứu Thánh Kinh ngày nay đã cho rằng câu mà giáo hội đặt vào miệng Giê-su sau khi ông ta đã nằm yên dưới mồ là do chính giáo hội thêm thắt vào Thánh Kinh sau này để thực hiện âm mưu bành trướng đạo với mục đích chính yếu là tạo quyền lực trên đám dân ngu dốt và vơ vét của cải thế gian. Chúng ta chỉ cần nhìn vào tâm cảnh nô lệ Vatican của các tín đồ và tài sản của giáo hội trên khắp thế giới là thấy ngay nhận định như trên của các học giả không phải là vô căn cứ.

Ngoài ra, trong phần phân tích bằng chứng ngụ tạo thứ hai ở trên, chúng ta đã thấy rõ, Thánh Kinh viết rằng Giê-su tin rằng ngày tận thế sắp tới, sẽ xảy ra ngay trong thời đại của ông, vậy bảo các tông đồ đi truyền đạo trên thế giới để làm gì?

Sau cùng, ngay trong Thánh Kinh cũng có nhiều điều trái ngược hẳn với tinh thần của câu ngụ tạo trên. Chứng minh?

Thứ nhất, tín đồ Ki Tô Giáo nói chung tin rằng Thánh Kinh là những lời mạc khải không thể sai lầm của Chúa, Chúa Cha cũng như Chúa Con. Thánh Kinh viết rằng trái đất phẳng và dẹt, đứng yên một chỗ, ở trên có một vòm trời bằng đồng thau v.v.. Vậy, ngay cả Chúa Cha cũng không biết là quả đất tròn và cho đến thế kỷ thứ 4, Thánh Augustine, bậc Thánh của Ca-Tô Giáo được coi là ông tổ của nền Thần học Đức Tin Ca-Tô, có trí tuệ siêu việt v.v.. cũng còn không quan niệm nổi một trái đất có hình cầu qua lời phát biểu: “Không thể nào có chuyện có người ở phía bên kia của trái đất, vì Thánh Kinh không ghi lại bất cứ một giống người nào như vậy trong các hậu duệ của Adam” (It is impossible there should be inhabitants on the opposite side of the earth, since no such race is recorded by Scripture among the descendants of Adam). Vậy, trước đó gần 400 năm, Chúa Con (Giê-su) bảo các tông đồ đi đến “mọi quốc gia” thì đó là những quốc gia nào? Hiển nhiên đó không phải là những quốc gia ở phía bên kia của một trái đất hình cầu, mà chỉ là những quốc gia giới hạn trong tầm nhìn của Giê-su, nghĩa là không ra ngoài những quốc gia trong miền Trung Đông. Điều này thật là rõ ràng khi chúng ta đọc nhận định sau đây của giáo sư thần học Uta Ranke-Heinemann:

Giê-su không hề có ý định thành lập một “giáo hội”, nhất lại là

một “giáo hội phổ quát”. Thí dụ chân thực về quan điểm của Giê-su,

chúng ta hãy xét đoạn văn trong Thánh Kinh, Matthew 10: 5-6, nội

dung đối ngược hẳn với nhiệm vụ truyền giáo trên thế giới: “Mười hai

tông đồ Giê-su phái đi để truyền đạo với lời dặn dò: “Không được đi

đến nơi nào có dân Gentiles, và không được vào thành phố nào của

dân Samaritan, mà chỉ đi đến những con dân Do Thái bị lạc” (nghĩa là

chỉ đi rao truyền đạo Chúa trong dân Do Thái mà thôi. Và câu tiếp theo trong

Thánh Kinh, Matthew 10:7 là “Trong khi đi hãy rao truyền tin Nước Trời đã gần đến rồi”. TCN). Hai đoạn khác là trong Matthew 15:24: “Ta được phái xuống trần chỉ để cứu đàn chiên Do Thái bị lạc mà thôi”, và 10: 23: “Ta bảo đảm với các ngươi, các ngươi chưa đi hết các thành phố của Do Thái thì Con của Người (nghĩa là Ta: Giê-su) đã đến rồi”.

Chính Giê-su - và ngày nay mọi nhà thần học đều biết vậy – tin rằng Nước Chúa sắp tới. Điều này đối ngược với nhiệm vụ truyền bá đạo một cách đại qui mô trên thế giới.

25

Cũng vì những bằng chứng không thể chối cãi được ở ngay trong Thánh Kinh mà khi được hỏi rằng: “Giê-su có ý định thành lập một tôn giáo mới, tôn giáo mà ngày nay chúng ta gọi là Ki Tô Giáo, hay ít nhất là tạo ra một giáo hội Ki Tô tách biệt (ra khỏi Do Thái giáo. TCN) không?” (Did Jesus intend to found a

new religion, the one we now call Christianity, or at least create a separate Christian church?), linh mục John Dominic Crossan đã trả lời: “Câu trả lời cho câu hỏi đó là một chữ “Không” quyết định” (The answer to that is an emphatic NO).

Có lẽ chúng ta cũng nên xét qua đến tác dụng của sách lược ngụ tạo này trên nhân loại. Giáo hội ngụ tạo những văn kiện trên để dựa vào đó mà đi truyền đạo trên thế giới. Nhưng giáo hội không truyền đạo bằng phương pháp hòa bình mà bằng chiến tranh, bạo lực, cưỡng ép cho nên đã gây ra cho nhân loại những thảm cảnh vô tiền khoáng hậu mà không có bất cứ một tôn giáo nào có thể sánh ngang. Bỏ qua chính sách đốt sách vở và những tài liệu ngoại đạo, những cuộc Thánh Chiến đẫm máu, những Tòa Hình Án man rợ, sau đây là vài tài liệu bắt nguồn từ sự ngụ tạo lời Chúa ở trên.

Năm 1452, giáo hoàng Nicholas V ban sắc lệnh Dum Diversas nội dung như sau:

“Bằng vào những văn kiện này, chúng tôi, với quyền hành của các tông đồ, cho các người (Vua Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha) được toàn quyền và tự do xâm lăng, lục soát, bắt giam, và chinh phục dân Sacarens và dân ngoại đạo, và bất cứ người không tin Chúa hay kẻ thù nào khác của Chúa Ki Tô bất cứ ở nơi nào, cũng như đất nước, địa phận, hạt, công quốc, và mọi tài sản của chúng và bắt chúng làm nô lệ vĩnh viễn.”

26

Sau đó giáo hoàng Calixtus III xác định lại sắc lệnh này năm 1456, giáo hoàng Sixtus IV nhắc lại sắc lệnh năm 1481, năm 1493 giáo hoàng Alexander VI mở rộng địa hạt xâm lăng trên khắp thế giới, từ Phi Châu đến Mỹ Châu, và giáo hoàng Leo X cũng ban lại sắc lệnh này năm 1514 (Context: Pope Calixtus III confirmed this decree in 1456. Sixtus IV renewed it in 1481. Alexander VI extended it from Africa to America in 1493, and Leo X renewed it in 1514.) Chúng ta cũng biết rằng:

Vào cuối thế kỷ 15, năm 1493, giáo hoàng Alexander VI, tự cho Ca-Tô Giáo quyền thống trị hoàn cầu, đã chia thế giới ra làm hai vùng ảnh hưởng: 1) toàn thể Mỹ Châu, trừ Ba-Tây (Brazil), thuộc Tây Ban Nha; 2) còn Bồ Đào Nha thì được Ba-Tây và tất cả những đất đai nào chiếm được ở Á Châu và Phi Châu. Sắc lệnh phân chia vùng ảnh hưởng này quy định rằng, song song với việc chiếm cứ đất đai là bản

phận phải cải đạo các dân địa phương vào Ca-Tô giáo. Do đó, đi cùng với những đoàn quân xâm lăng là những linh mục. Sự có mặt của giới linh mục đã biện minh cho những hành động áp chế dân địa phương cũng như bất cứ thủ đoạn cưỡng ép nào được coi là cần thiết để kéo họ vào đứctin Ca-Tô

27

Từ những sự kiện lịch sử trên, giáo sư Huntington đã viết:

..và trong thế kỷ 16 Tây phương đã đi chinh phục thế giới cho

Chúa và để cướp vàng.

28

Không đọc lịch sử hay cố ý xuyên tạc lịch sử nên ông Nguyễn Gia Kiểng trong nhóm Thông Luận đã viết trong cuốn sách có cái tên quái gở Tổ Quốc Ăn Năn, trang 190, là “Không làm gì có chủ ý chính trị của các nước Âu Châu (và Pháp nói riêng) để chiếm đóng các nước Châu Á.”, việc xâm chiếm chỉ do các công ty thương mại chủ trương, để chạy tội cho “mẫu quốc Pháp” và vai trò “truyền giáo cho Chúa và cho vàng” của các thừa sai Ca-Tô. Nếu ông Kiểng đã đi đến Lisbon ở Bồ Đào Nha thì sẽ thấy trên mặt đất, gần đài kỷ niệm Henri The Navigator, người dẫn đầu đoàn con buôn, linh mục, binh lính đi xâm chiếm các nước khác, có vẽ bản đồ

thế giới và ghi những nơi mà Bồ Đào Nha đã xâm chiếm làm thuộc địa. Trong cuốn sách trên ông Kiêng cũng còn theo đúng sách lược Ca-Tô, đả phá tất cả những giá trị truyền thống và nhiều danh nhân lịch sử Việt Nam, tôn xưng nền văn hóa Tây phương là cao nhất, phản ánh rõ tâm cảnh của một trí thức Ca-Tô mê muội, nô lệ, cuồng tín, vọng ngoại v.v.. với một kiến thức rất hời hợt về bản chất và lịch sử các nền văn minh trên thế giới nói chung, lịch sử Việt Nam nói riêng.

Cho tới đây, chúng ta thấy rằng mọi quyền lực của giáo hội Ca-Tô đều được xây dựng trên một nền tảng nguy tạo gian dối, từ sự nguy tạo Bản Văn Hiến Dâng của Constantine cho đến thuyết Giê-su thành lập giáo hội, trao quyền cho Phê-rô, và đến huấn lệnh của Giê-su “nói sau khi chết” là phải đi khắp thế giới để truyền đạo v.v... Ngoài ra, giáo hội còn đặt ra những tín điều như “Giáo hoàng không thể sai lầm” và những “bí tích” để nắm giữ đầu óc tín đồ (xin đọc cuốn Đức Tin Công Giáo của Trần Chung Ngọc, Giao Điểm xuất bản, 2000). Nhưng đây không phải là những điều tôi muốn bàn tới. Trong cuốn sách này, tôi muốn tìm giải đáp cho câu hỏi then chốt: Chúa Giê-su Là Ai?

Câu trả lời có tính cách quyết định là: xuyên qua những công cuộc khảo cứu về nhân vật Giê-su của nhiều chuyên gia, học giả lương thiện ở trong cũng như ở ngoài giáo hội trong vài thế kỷ nay thì “nhân vật Giê-su lịch sử tuyệt đối không phải là Giê-su của nền Thần học Ki Tô Giáo, đồng nghĩa với Chúa Ki-Tô của đức tin (Christ of Faith)”. Trong phần mở đầu cuốn Jesus, A. N. Wilson viết như sau:

Giê-su của lịch sử và Chúa Ki-Tô của đức tin là hai nhân vật

khác biệt với những câu chuyện rất khác nhau. Thật là khó mà có thể

tái tạo nhân vật Giê-su lịch sử, và trong toan tính này, chúng ta chắc

chắn là làm hại đến Giê-su của đức tin một cách không thể hàn gắn

được.

29

Vậy Giê-su của nền Thần học Ki Tô Giáo là Giê-su như thế nào? Đó là Giê-su “là con một của Thiên Chúa”, “sinh ra từ một trinh nữ ở trong một chuồng súc vật ở Bethlehem để cứu nhân loại ra khỏi tội lỗi”, “làm nhiều phép lạ”, “tình nguyện hi sinh chịu chết trên giá gỗ hình chữ thập để chuộc tội cho nhân loại”, “là đấng cứu thế của cả nhân loại”, “chết đi rồi lại sống lại, xác bay lên trời ngồi bên phải của Thiên Chúa”, “trở lại trần trong ngày tận thế để phán xét mọi người, làm cho xác chết những kẻ tin Giê-su sống lại đoàn tụ với linh hồn trên thiên đường và đầy những người không tin xuống hỏa ngục vĩnh viễn” v.v.. Đó là những niềm tin chính mà nền thần học Ki Tô Giáo đã thành công cấy vào đầu óc của tuyệt đại đa số tín đồ thấp kém. Tuy nhiên, chúng ta nên biết rằng, những niềm tin này ngày nay đã không còn chỗ đứng trong giới hiểu biết. Tất cả những thuộc tính thần thánh, siêu nhiên mà giáo hội Ca-Tô gán cho Giê-su ngày nay đã hoàn toàn bị bác bỏ trước những sự kiện khoa học và qua những công cuộc nghiên cứu rất công phu của một số đông học giả ở trong cũng như ở ngoài giáo hội trong suốt hai thế kỷ nay. Tuy nhiên, như Russell Shorto đã viết ở trên, sự thực này các giới lãnh đạo Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô-Ma nói riêng, đã biết, nhưng vẫn dấu kín không cho đám tín đồ thấp kém ở dưới biết, sợ gây nên một xúc động không thể vãn hồi, và nhất là, để duy trì quyền lực trên đám

đông, do đó, những người còn sống trong bóng tối là những tín đồ bình thường. Thật là tội nghiệp cho họ, phải sống trong một sự lừa dối hào nhoáng mà không biết rằng mình bị lừa dối.

Còn Giê-su lịch sử (historical Jesus) thì như thế nào? Có thể nói, không có nhân vật nào trong lịch sử nhân loại được nghiên cứu, phân tích, mổ xẻ v.v.. kỹ như là Giê-su. Không có một khía cạnh nào của Giê-su mà không được đề ý tới trong những công cuộc nghiên cứu của hàng trăm học giả, tất cả đều là những người có uy tín trong lãnh vực khảo cứu tôn giáo. Hiển nhiên là không ai có thể trình bày đầy đủ những kết quả khảo cứu về nhân vật Giê-su trong suốt mấy thế kỷ nay, trong một

chương của một cuốn sách. Do đó tôi chỉ có thể tóm tắt vài kết quả nghiên cứu điển hình mà ngày nay tuyệt đại đa số những nhà nghiên cứu đều đồng ý.

Trước hết là kết luận của Douglas Lockhart trong cuốn *Cái Mặt Đen Tối Của Thiên Chúa*:

Trong chương 14 chúng tôi đã cứu xét khía cạnh nhân bản của

Giê-su và kết luận rằng ông ta cũng là một người như mọi người khác.

Ông ta cũng không thoát ra khỏi những tình cảm như giận dữ, đau

đớn, khát, mệt mỏi, buồn rầu, sợ hãi và sự chết. Ông ta cũng phạm

phải những lỗi lầm; điều này có nghĩa là kiến thức của ông ta cũng là

kiến thức của con người, hệ thống tín ngưỡng của ông phản ánh nền

văn hóa và thời đại khi ông sinh ra. Ông ta không có một kiến thức

nào về vật lý hiện đại. Ông ta không biết đến những siêu vi trùng

(virus) hay vi trùng hay thuốc sát trùng, không biết gì về động cơ nổ,

và không thể dạy con người là Hỏa Tinh di chuyển trên một quỹ đạo

hình ellip. Xét toàn thể, đây là một sự hạ giá tất cả những gì mà

người ta thường nói về ông (nghĩa là tư cách thần thánh của Giê-su. TCN).

Nhưng không phải là một sự bác bỏ. Không dễ gì bác bỏ cái con

người quá đặc biệt này mà ý thức độc nhất về Thiên Chúa đã tách

riêng ông ta ra khỏi đám người sùng tín cùng thời. Thật vậy, ông ta

thật là đặc biệt, và chắc chắn là duy nhất, nhưng không đến độ mà

chúng ta phải tưởng tượng quá mức đến độ như toàn hảo hay toàn trí

mà các tư tưởng gia Ca-Tô đề xuất về sau.”

Tiến sĩ Hugh J. Schonfield, một học giả chuyên về khảo cứu Thánh Kinh (Biblical scholar) đã nghiên cứu về nhân vật Giê-su trong 40 năm và cho ra đời, ngoài những tác phẩm nổi tiếng khác, hai cuốn sách bán chạy nhất: cuốn *The Passover Plot* trong đó tác giả trình bày những chi tiết rút từ Thánh Kinh và từ những Cuộn Kinh Nơi Biển Chết (Dead Sea Scrolls) mới tìm thấy và chứng minh rằng Giê-su đã

tự mình xếp đặt những chuyện như : bị bắt, bị đóng đinh trên thập giá, rồi sống lại v.v.. để phù hợp với điều tiên tri về đấng cứu thế trong Cựu Ước; và cuốn Those Incredible Christians trong đó tác giả tái tạo lịch sử 150 đầu tiên của Ki Tô Giáo và giải thích tại sao một phong trào bắt nguồn từ quan niệm về một Cứu Tinh của dân tộc Do Thái, tranh đấu để tồn tại trong dân gian, đã biến thành một tôn giáo không bao giờ có trong ý định của Giê-su và trái ngược với chính những điều giảng dạy của Giê-su, trong tôn giáo này Giê-su được thờ phụng như một Thiên Chúa. Tác giả viết, Those Incredible Christians, trang xi:

Trong cuốn Âm Mưu Trong Ngày Lễ Vượt Qua (The Passover Plot), sau khi nghiên cứu kỹ và lâu dài tôi đã bác bỏ bức tranh mô tả truyền thống về Giê-su và chứng tỏ rằng ông ta là một người Do Thái, ở một tình trạng tâm lý trong lịch sử Do Thái, đã can đảm, kiên trì, và với sự nhận thức sâu xa, hành động với sự tin tưởng rằng ông ta là đấng cứu thế mà dân tộc đau khổ của ông đang chờ đợi. Tôi đã chứng tỏ rằng ông ta là một người có một đức tin, nhưng chỉ là một người thường, một người đã dùng sự thông minh tự nhiên của mình để mang lại những kết quả của những điều tiên tri mà trong thời đại của ông, ông ta tin rằng chúng phải được hoàn thành.

31

Nhận định của Tiến sĩ Schonfield như trên rất phù hợp với những kết quả nghiên cứu về khía cạnh tâm thần của Giê-su. Thật vậy, ngày nay, qua các công cuộc nghiên cứu Thánh Kinh để tìm ra con người thực của Giê-su, đa số học giả đã cho rằng nhiều chuyện trong Thánh Kinh là những chuyện hoang đường, và đối với

một số học giả trong ngành phân tâm học thì những điều Giê-su tự nhận như: “con duy nhất của Thiên Chúa”, “có khả năng chuộc tội cho nhân loại”, “đáng cứu thế”, “sẽ trở lại trần phán xét thiên hạ trong tương lai gần thời Giê-su” v.v.. đều là những ảo tưởng của một người bị bệnh tâm thần, mắc bệnh chứng hoang tưởng (paranoia). Bệnh chứng này bắt nguồn từ một nguồn gốc lý lịch không mấy tốt đẹp của Giê-su, một tâm cảnh cuồng tín tôn giáo của Giê-su khi ông đọc và tuyệt đối tin những điều trong Cựu Ước, sinh ra nhiều ảo giác và tự cho mình những quyền năng thần thánh, vai trò cứu thế, rửa sạch tội lỗi nhân loại v.v.. Đó là kết luận của những nhà phân tâm học như các bác sĩ George de Loosten, William Hirsch, Binet-Sanglé, tiến sĩ Emil Rasmussen v.v.. Công cuộc nghiên cứu về vấn đề tâm thần của Giê-su các các khảo cứu gia như trên thường là dài và đi vào nhiều chi tiết để chứng minh. Hiển nhiên là tôi không thể nào trình bày đầy đủ những kết quả nghiên cứu sâu rộng của họ. Cho nên sau đây tôi chỉ tóm tắt những điểm chính.

Trong cuốn Sự Nghiên Cứu Về Tâm Thần Của Giê-su bác sĩ Albert Schweitzer viết:

Trong thập niên qua sự nghiên cứu lịch sử càng ngày càng nhận

thức ra rằng niềm tin chắc về sự trở lại trần (second coming) của một

đấng cứu tinh (của dân tộc Do Thái. TCN) là trọng điểm trong ý nghĩ của

Giê-su. Tư tưởng này ngự trị cảm tính, ý chí và hành động của ông ta

chặt chẽ hơn là là chúng ta trước đây thường tưởng...Giê-su tự coi như

là đấng cứu tinh và tin chắc rằng ông ta sẽ trở lại trần trong sự huy

hoàng từ những đám mây trên trời.

32

Công cuộc nghiên cứu của bác sĩ George De Loosten cũng đưa tới những kết quả tương tự chính như sau:

Giê-su hiển nhiên là một đứa con lai giống (hybrid: có nghĩa là mẹ

Giê-su, bà Maria, là người Do Thái nhưng bố Giê-su không phải là người Do

Thái), như nhuộc do di truyền (tainted from birth by heredity), ý thức bản

thân quá lố, do đó ít phát triển ý niệm về gia đình. Ý thức bản thân của

ông ta dần dần đi lên đến độ thành một hệ thống hoang tưởng cố định

mà những đặc tính của nó được xác định bởi những khuynh hướng tôn

giáo mãnh liệt trong thời đại của ông ta và sự bận tâm một chiều của

ông ta về những điều viết trong Cựu Ước. Do sự xuất hiện của Gioan Ba-ti-xi-ta (John the Baptist), Giê-su bị thúc đẩy để phát biểu những tư tưởng của mình. Rồi từng bước một, sau cùng ông ta đi đến độ đặt chính mình vào những lời hứa hẹn trong Cựu Ước, những lời này đã trở thành chủ yếu vì sự bất hạnh của quốc gia (Do Thái), và sự hoàn thành một cách vinh quang những hứa hẹn này mà mọi người Do Thái đều trông đợi,

Giê-su tự coi mình như là một đấng siêu nhiên. Chỉ như vậy chúng ta mới hiểu được cách xử sự của Giê-su khi ông ta tự nhận vor những thần quyền thí dụ như quyền tha mọi tội lỗi. (Matt. 9:2; Mark 2:5-12; Luke 5:20, 7:48)

33

Nghiên cứu kỹ hơn về tâm bệnh của Giê-su, William Hirsch nhận định như sau:

Chúng ta thấy một đứa trẻ với những khả năng tâm linh đặc biệt, tuy nhiên, trong đầu hẳn đã có sẵn những nhiễu loạn tinh thần, và dần dà những hoang tưởng được lập thành. Hẳn dùng toàn thể những thì giờ nhàn rỗi vào việc nghiên ngẫm Cựu Ước, điều này tất nhiên góp phần vào tâm bệnh của hẳn. Khi hẳn bắt đầu xuất hiện trước quần

chúng lúc 30 tuổi, căn bệnh hoang tưởng của hắn đã hoàn toàn ăn sâu vào đầu óc. Đây hiển nhiên là một trong những trường hợp mà đầu óc đã sẵn có những ý tưởng tâm linh vô hình dạng và mơ hồ, tuy nhiên cần có một kích động từ bên ngoài và một cảm xúc mãnh liệt để có thể tạo thành một cơ cấu hoang tưởng có hệ thống điển hình.

Sự kích động từ bên ngoài này được đem tới cho Giê-su bởi một người mang bệnh hoang tưởng khác, người này, không ngoài ai khác, chính là Gioan Ba-ti-xi-ta (John the Baptist). Khi đó, những ảo tưởng của Giê-su đã lên tới mức độ hoàn toàn vững chắc, và khi Giê-su nghe tin có một "người mang dấu hiệu sẽ có đáng cứu thế xuất hiện" đang rửa tội cho những kẻ tội lỗi ở trên giòng sông Jordan thì Giê-su vội vã tới nơi để cũng được rửa tội.

Sau khi rửa tội, Giê-su đi vào vùng hoang dại trong 40 ngày.

Đối với chúng ta, thời gian 40 ngày này thật là đáng chú ý, vì nó nằm giữa 2 giai đoạn khác hẳn nhau trong cuộc đời của Giê-su. Những ảo tưởng của Giê-su, cho đến lúc này, có tính cách cô lập và không liên hệ mấy tới nhau, đã hợp với nhau thành một cơ cấu những ảo tưởng một cách có hệ thống; chắc hẳn là Giê-su trong thời gian 40 ngày này đã đàm thoại nhiều lần với Chúa Cha, vị Thần đã giao phó nhiệm vụ cho Giê-su giảng dạy giáo lý của ông ta. Sự phát triển tâm bệnh của Giê-su như vậy, một sự chuyển tiếp từ giai đoạn tiềm tàng sang giai đoạn hoạt động của bệnh hoang tưởng, đích thực là đặc tính của loại bệnh tâm thần này.

Trong 3 năm giảng đạo cho quần chúng của Giê su, cái Tâm Lý

Bệnh Hoạn về Những Ao Tường Hảo Huyền về Quyền Lực hay Toàn

Năng [tác giả dùng từ Megalomania = A psycho-pathological condition in which fantasies of wealth, power or omnipotence predominate] không ngừng tăng gia một cách khó có thể đo lường được, và đã tạo thành tâm điểm mà mọi hành động của Giê-su đều xoay quanh.

Tất cả những điều Giê-su nói, giáo lý, bài giảng đều đưa tới một đơn từ: "Ta" . (John 6:29, 35, 38, 40, 47-58; 8:12; 11:25ff; 14:6, 13 v.v..)

34

Công cuộc nghiên cứu về nhân vật Giê-su của Binet-Sanglé có thể tóm tắt sơ lược những điểm chính như sau:

Qua những sự việc khác nhau có tính cách gợi ý, qua Gioan Ba-ti-xi-ta ... và qua sự thích thú của những người theo, Giê-su đã bị đưa tới tình trạng tin rằng mình là đấng cứu tinh (của dân tộc Do Thái), là Vua của dân Do Thái, con của Thần Ki Tô, người giải thích ý Thần, nhân chứng của Thần, và sau cùng tự cho mình là Thần. Những sự đe dọa của dân Pharisees và Scribes cũng gây trong ông khái niệm ông chính là vật hy sinh tế Thần để xóa hết tội lỗi của dân Israel, và rằng sau khi sống lại ông ta sẽ lên thiên đường hoàn toàn vinh quang.

Binet-Sanglé tìm thấy trong Thánh Kinh 7 trường hợp Giê-su phát sinh ảo giác, 2 ảo giác nhìn thấy Thần, và 5 ảo giác vừa nhìn thấy vừa nghe thấy tiếng Thần nói.

35

Thật ra, căn bệnh hoang tưởng của Giê-su cũng không lấy gì làm lạ. Trên đời không thiếu gì người nhìn đâu cũng thấy Giê-su hay Maria, hoặc nghe tiếng nói của Thiên Chúa. Báo chí Hoa Kỳ đã đưa lên những trường hợp người ta thấy Giê-su hay đức Mẹ Maria trên những đám mây, trên vách ngoài của một vựa chứa ngũ cốc, trên mui một chiếc xe ô-tô, trên vết loang của một bức tường, và trên cả mặt một cái bánh Pancake trong một tiệm ăn v.v... tuy rằng không ai thực sự biết rõ mặt mũi của Giê-

su và Maria ra sao. Mỗi khi có tin như vậy, thiên hạ lại đổ xô đến nơi mà người ta cho rằng Giê-su hay đức Mẹ Maria đã hiện ra, quỳ lạy van vái. Người nào đến coi mà tỏ ý nghi ngờ liền bị những tín đồ cuồng tín mạ lỵ hành hung. Đó là tình trạng xảy ra ngay trên đất Mỹ, một đất nước được coi là văn minh tiến bộ nhất. Tình trạng này phản ánh trình độ tôn giáo của những tín đồ Ki-Tô luôn luôn tự cho là mình đang theo một tôn giáo thiên khai, không như các tôn giáo mê tín dị đoan khác.

Tưởng chúng ta cũng nên nhớ, gần đây có những nhân vật như James Jones, David Koresh, cùng mang một bệnh chứng tâm thần hoang tưởng như Giê-su ngày xưa, đều thuộc lòng Thánh Kinh và nghĩ rằng mình là hiện thân của Giê-su, mang trên người chức năng cứu thế. Kết quả là những thảm cảnh xảy ra ở Jonestown và Waco làm cho hàng trăm con người ngu muội tin theo bị chết thảm. Ở Phi Luật Tân, mỗi năm đến ngày lễ Phục Sinh đều có người tình nguyện chịu đóng đinh trên thập giá vài tiếng đồng hồ giống như Giê-su ngày xưa, tin rằng làm như vậy để cứu nhân loại, đến nỗi một Tổng Giám Mục địa phương phải than rằng: “Nếu tôi ngăn cản sự mê tín này, họ sẽ ném đá cho tôi chết.”

Theo những kết quả nghiên cứu sâu rộng về Giê-su, nếu Giê-su chỉ là một người như mọi người khác, với những giới hạn của một con người, thì khi đánh giá một nhân vật có tên tuổi trong lịch sử, chúng ta phải xét đến những khía cạnh đạo đức, trí tuệ và ảnh hưởng của nhân vật đó trên nhân loại. Đạo đức và trí tuệ của Giê-su, chúng ta có thể suy ra từ Thánh Kinh. Còn ảnh hưởng trên nhân loại thì chúng ta phải xét đến lịch sử Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô giáo nói riêng. Vì, những gì mà Ki Tô Giáo mang đến cho nhân loại trong hai ngàn năm nay đều là nhân danh Giê-su. Dù Giê-su có muốn hay không, Giê-su cũng không thể từ bỏ trách nhiệm của mình là nguồn cảm hứng cho Ki Tô Giáo. Và, theo như nền thần học Ca-tô thì tất cả những hành động của giáo hội Ca-tô là do Thánh Linh, hay đức Chúa Thánh Thần, một bộ mặt khác của Giê-su, hướng dẫn, chỉ đạo.

Thứ nhất, về vấn đề đạo đức và trí tuệ của Giê-su thì không một người nào trong giới trí thức không biết đến nhận định của Bertrand Russell, một triết gia và khoa học gia nổi tiếng trên thế giới trong thế kỷ 20:

Riêng tôi, tôi thấy trong cả hai lãnh vực trí tuệ và đạo đức, Chúa

Ki Tô không thể đứng ngang hàng với những vĩ nhân khác của lịch sử.

Tôi cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Socrate đứng cao hơn Ngài

trong hai lãnh vực này.

36

Và, không phải chỉ có mình Bertrand Russell nhận định như trên mà giám mục John Shelby Spong cũng đưa ra một nhận định tương tự như sau:

Có những đoạn trong 4 Phúc Âm mô tả Giê-su ở Nazareth như là

một con người thiên cận, đầy hận thù, và ngay cả đạo đức giả.

37

Và, nhận xét về một vài trong số nhiều hành động của Giê-su được mô tả trong Tân Ước, giám mục Spong đưa ra ý kiến:

Chúng ta có thấy hấp dẫn đối với một Chúa (Giê-su) phải giết cả một bầy heo (vào khoảng 2000 con. TCN) để đuổi một con quỷ ra khỏi thân người hay không? Chúng ta có nên khâm phục và kính trọng người mà chúng ta gọi là Chúa đã nguyện rửa một cây sung khi nó không ra trái lúc trái mùa không?..

Cuốn Thánh Kinh đã làm cho tôi đối diện với quá nhiều vấn đề hơn là giá trị. Nó đưa đến cho tôi một vị Thần mà tôi không thể kính trọng, đừng nói đến thờ phụng.

38

Tại sao Bertrand Russell, giám mục Spong, và không biết bao nhiêu người khác nữa, lại chê trí tuệ của Giê-su? Vì trong Thánh Kinh có nhiều bằng chứng

chứng tỏ như vậy. Sau đây là một thí dụ:

Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ, một tín đồ Ca-Tô trong khoảng 30 năm hồi thiếu thời, viết trong bài nghiên cứu rất đặc sắc "Ít Nhiều Nhận Định về Thiên Chúa Giáo", đăng trong cuốn Tại Sao Không Theo Đạo Chúa, Tập I, trang 18:

Ngày nay các học giả đã chứng minh được rằng: Ngũ Kinh

(Genesis, Exodus, Numbers, Deuteronomy, Leviticus) là do nhiều môn

phái, nhiều người sống trong nhiều thế kỷ khác nhau viết. Những môn

phái đó là:

- Phái Yahwistic (viết tắt là J - J là đầu chữ Jehovah),

vì gọi Chúa là Yahweh hay Jehovah, viết vào khoảng thế kỷ IX

trước kỷ nguyên.

- Phái Elohistic (viết tắt là E) vì gọi Chúa là Elohim, viết ít lâu

sau trường phái trên...

- Phái Deuteronomic (viết tắt là D) viết vào khoảng 622 đời

Josiah.

- Phái Priestly (viết tắt là P) viết sau khi dân Do Thái đi lưu đày,

tức là sau 500.

Như vậy Moses sống vào khoảng 1250 (TTL), người mà ta vẫn

được dạy dỗ là tác giả Ngũ Kinh - ngay Chúa Giêsu cũng tin vậy (John

5:46 - Luke 24:27 - Luke 16:31) - thựcra lại không phải là tác giả, mà

tác giả lại là vô số người viết, cách nhau nhiều thế kỷ, bộ Ngũ Kinh

như vậy đã được viết ra trong vòng 400 năm.

Cũng vì vậy mà Rubem Alves đã đặt vấn đề trong cuốn Protestantism

and Repression:

Ai viết Ngũ Kinh? Câu trả lời của giáo hội Ki Tô lịch sử cho câu

hỏi trên là khẳng định: "Moses viết". Nếu Moses không hề viết Ngũ

Kinh (theo những kết quả nghiên cứu của các học giả mà Bác Sĩ Nguyễn Văn

Thọ đã trình bày ở trên. TCN) thì các tông đồ (Paul và John) đã sai lầm

khi họ nói rằng Moses viết. Nếu họ sai lầm trong vấn đề này thì làm

sao chúng ta có thể tin họ khi họ nói về những vấn đề như thiên đường

và đời sau? Nếu Moses không viết Ngũ Kinh thì Giê-su đã nói láo hay

sai lầm khi ông ta nói rằng Moses viết. (John 5:46 - Luke 24:27 - Luke

16:31). Nếu Giê-su thực sự không biết ai viết, tuy rằng ông ta nói

rằng ông ta biết, làm sao chúng ta có thể tin ông ta được khi ông ta nói

những chuyện trên trời?

39

Vài tài liệu trên cũng đủ để chứng minh rằng trí tuệ của Giê-su cũng không có gì đặc biệt, khác thường, không thể so sánh với trí tuệ của các học giả ngày nay, những người khám phá ra rằng Ngũ Kinh không phải do Moses viết, và lẽ dĩ nhiên không thể là trí tuệ của một vị Thần toàn trí, nghĩa là cái gì cũng biết, kể cả quá khứ vị lai.

Nhưng vấn đề không phải là trí tuệ của Giê-su kém cỏi, mà nhận xét phân tích Thánh Kinh

(xem chú thích >>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Trang Trần Chung Ngọc

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

-- Tạm kết Giêsu là ai?

Để kết luận chương này, phần trích dẫn sau đây từ một bài dài có tính cách tổng hợp của Robert G. Ingersoll có thể dùng để giải đáp cho những câu hỏi như Giê-su là ai, là người như thế nào, và ảnh hưởng của ông ta đối với nhân loại ra sao:

Ki Tô Giáo không thể sống hòa bình với bất cứ tín ngưỡng nào

khác. Nếu tôn giáo này đúng thì chỉ có một đáng cứu thế, một cuốn

sách do Thiên Chúa Ki-Tô (Christian god) truyền cảm, và chỉ là một

con đường cỏ nhỏ hẹp dẫn tới thiên đường.

Tại sao Giê-su không trở lại đền thờ để chấm dứt những cuộc

tranh luận cũ kỹ? Tại sao Giê-su không đối diện với những người lính

La Mã đã nhận tiền để thề rằng xác ông ta đã bị các đồng bạn đánh

cắp? Tại sao ông ta không chiến thắng đi vào thành Jerusalem lần

thứ hai? Tại sao ông ta không nói trước quần chúng: "Đây là những

vết thương ở chân, tay, và cạnh sườn ta. Ta là người các ngươi muốn

giết, nhưng thần chết chỉ là nô lệ của ta."? Thật là đơn giản, sự sống

lại của Giê-su chỉ là một huyền thoại. Tôi không tin và không thể nào

tin cái phép lạ về sự sống lại.

Chúng ta không biết gì chắc chắn về Giê-su. Chúng ta không biết gì về thời ông ta còn là đứa con nít, thời niên thiếu của ông ta, và chúng ta cũng không chắc là một người như vậy đã hiện hữu.

Rất có thể có một người như vậy tên là Giê-su. Ông ta đã có thể sống ở Jerusalem. Ông ta có thể đã bị đóng đinh trên giá gỗ hình chữ thập, nhưng những điều như ông ta là con của Thiên Chúa, chết rồi sống lại và thân thể bay lên thiên đường thì, trong bản chất của mọi vật, chưa bao giờ và không bao giờ có thể chứng minh được.

Trong nhiều thế kỷ, cái tên nhà quê đặc ở Palestine này (Giê-su) đã được người ta thờ phụng như là Thiên Chúa. Hàng triệu người đã hiến thân để phục vụ hắn. Của cải thế gian được đổ vào những đền thờ hắn. Tên hắn đã mang sự an ủi đến cho những kẻ bệnh hoạn và sắp chết. Tên hắn đã mang sự can đảm đến cho những kẻ cuồng tín chết vì đạo.. Những kẻ sống ngoài lề xã hội, bị xã hội ruồng bỏ, thất bại, cảm thấy rằng hắn biết đến và thương hại những sự đau khổ của họ.

Đúng là có tất cả những điều trên, và nếu đó là tất cả thì đẹp đẽ

biết bao, cảm động biết bao, và vinh quang biết bao. Nhưng đó không phải là tất cả. Nó còn một mặt khác.

Nhân danh hàng triệu nam nữ đã bị tù đầy, tra tấn và giết hại, hàng triệu người đã bị làm nô lệ. Nhân danh những tư tưởng gia, khảo cứu gia, bị coi như là những kẻ tội phạm, và những tín đồ theo hấn đã làm đổ máu của những người thông thái nhất, giỏi nhất.

Nhân danh hấn sự tiến bộ của nhiều quốc gia bị chặn đứng cả ngàn năm. Trong Kinh hấn giảng chúng ta thấy cái tín lý về sự đau đớn vĩnh viễn (đọa hỏa ngục. TCN), và những lời của hấn đã gia thêm sự kinh khủng vô tận vào sự chết. Kinh hấn giảng chất đầy thế giới với thù hận và trả thù, coi sự lương thiện trí thức như một tội ác, hạnh phúc trên cõi đời là con đường dẫn xuống địa ngục, tố cáo tình thương yêu như là thấp hèn và như súc vật, thánh hóa sự nhệ dạ cả tin, tôn vinh sự mù quáng và tiêu diệt tự do của con người. Nhân loại sẽ tốt hơn nhiều nếu cuốn Tân Ước chưa từng được viết ra - Chúa Ki Tô theo quan niệm thần học cũng chưa từng được sinh ra." Nếu những người viết Tân Ước được coi như không phải là do Thiên Chúa gây cho cảm hứng, nếu Giê-su chỉ được coi như là một người thường, nếu những điều tốt đẹp được thu nhận và vứt bỏ đi những điều vô nghĩa, không thể xảy ra, sự trả thù, thì nhân loại sẽ tránh được chiến tranh, những sự tra tấn, máy chém, ngục tối, sự hấp hối và nước mắt, những tội ác và đau khổ trong một ngàn năm.

Trước hết Giê-su là một con người - không gì hơn một con người. Mary là mẹ ông ta. Joseph là cha ông ta. Gia phả của cha ông ta, Joseph, được viết để chứng tỏ rằng thuộc dòng dõi David.

Rồi người ta tuyên bố rằng Giê-su là con của Thượng Đế, rằng mẹ ông ta là một nữ trinh và tiếp tục đồng trinh cho đến khi chết.

Người ta tuyên bố rằng Giê-su sống lại và thân thể bay lên trời.

Phải mất rất nhiều năm những điều vô nghĩa này mới cấy được vào đầu óc con người.

Nếu thực sự ông ta thăng thiên, tại sao ông ta không làm việc này trước công chúng, trước những người đã bạo hành ông? Tại sao cái phép lạ vĩ đại nhất trong các phép lạ này lại phải thực hiện trong bí mật, trong một xó xỉnh?...

Nhưng sau cùng, khi đối diện thần chết, Giê-su mới nhận ra là mình sai lầm và than khóc: "Chúa ơi! Chúa ơi! Sao Ngài lại ruồng bỏ tôi?"

Tại sao chúng ta phải đặt Giê-su lên tột đỉnh của nhân loại? Ông ta có từ ái hơn, dễ tha thứ hơn, hay hi sinh bản thân hơn đức Phật hay không? Ông ta có thông thái hơn, đối diện với cái chết một cách bình tĩnh toàn hảo hơn là Socrates không? Ông ta có kiên nhẫn, nhân từ hơn là Epictetus không? Ông ta có là một triết gia lớn hơn, một tư tưởng gia sâu sắc hơn là Epicurus hay không? Về phương diện nào ông ta đứng trên Zoroaster? Ông ta có hòa ái hơn Lão Tử hay phổ quát hơn Khổng tử không? Những ý tưởng về nhân quyền và bổn phận con người của ông có cao hơn của Zeno không? Ông ta có đưa ra những chân lý cao hơn của Cicero không? Đầu óc ông ta có tinh tế hơn Spinoza không? Đầu óc ông ta có sánh bằng đầu óc của Kepler và Newton không? Trong sự thông minh, trong cách diễn đạt, trong sự sâu rộng của tư tưởng, trong sự phong phú của cách minh họa, trong

khả năng so sánh, trong sự hiểu biết về tâm trí, sự đam mê và sợ hãi của con người, ông ta có hơn được Shakespeare không?

Nếu Giê-su thực sự là Thiên Chúa, ông ta phải biết mọi việc trong tương lai. Ông ta phải thấy rõ lịch sử sẽ xảy ra. Ông ta phải biết người ta sẽ diễn giải những lời ông nói như thế nào. Ông ta phải biết những tội ác nào, những sự khùng khiếp nào, những sự ô nhục nào mà người ta sẽ phạm phải nhân danh ông. Ông ta phải biết đến những ngọn lửa bạo hành bốc lên xung quanh chân tay những kẻ bị thiêu sống vì không có cùng niềm tin như những tín đồ Ki Tô Giáo. Ông ta phải biết đến hàng ngàn người, đàn ông cũng như đàn bà, đau đớn mòn mỏi trong ngục tù tối tăm. Ông ta phải biết cái giá hội của ông ta sẽ phát minh ra những dụng cụ tra tấn; những tín đồ của ông sẽ dùng đến roi vọt và bó củi, xiềng xích và giá căng (banh) người. Ông ta phải thấy chân trời tương lai sáng rực với những ngọn lửa thiêu sống con người trong những cuộc lễ auto da fe. Ông ta phải biết những tín lý, giáo điều sẽ mọc lên như nấm độc trong mọi cuốn sách bổn của giáo hội. Ông ta phải thấy những phe phái Ki Tô ngu đàn gây chiến với nhau. Ông ta phải thấy hàng ngàn con người, theo lệnh của các linh mục, xây những nhà tù cho đồng loại. Ông ta phải thấy hàng ngàn máy chém đâm máu của những người tốt nhất và dũng cảm nhất. Ông ta phải thấy những tín đồ của ông ta sử dụng những dụng cụ tra tấn gây đau đớn cho con người. Ông ta phải biết những diễn giảng về lời ông nói sẽ được viết bằng gươm giáo, và đọc trong ánh sáng của những bó củi thiêu sống người. Ông ta phải biết những Tòa Hình Án Xử Dị Giáo sẽ được thiết lập theo những lời giảng dạy của ông.

Ông ta phải thấy những sự nguy tạo và suy diễn lệch lạc mà những kẻ đạo đức giả viết ra và nói cho quần chúng. Ông ta phải thấy những cuộc chiến tranh sẽ được gây ra, và ông ta phải biết là trên những cánh đồng chết chóc đó, những ngục tù tối tăm đó, những giá căng người đó, những cuộc thiêu sống người đó, những cuộc hành quyết đó, trong cả ngàn năm, ngọn cờ của cây thập giá đâm máu đã tung bay.

Ông ta phải biết người ta sẽ khoác áo thánh thiện và đội vương miện cho sự đạo đức giả - sự độc ác và nhẹ dạ cả tin sẽ ngự trị thế giới; phải biết sự tự do của con người sẽ mai một trên thế giới (dưới quyền lực của giáo hội); phải biết rằng nhân danh ông các giáo hoàng và vua chúa sẽ nô lệ hóa hồn xác con người; phải biết rằng họ sẽ bạo hành và tiêu diệt mọi nhà khảo cứu, nhà tư tưởng và nhà phát minh; phải biết là giáo hội của ông ta sẽ dập tắt ánh sáng thánh thiện của lý trí và giữ thế giới trong tăm tối.

Ông ta phải thấy những người theo ông sẽ chọc mù mắt con người, rách thịt, cắt lưỡi họ, tìm những chỗ nào đau đớn nhất trên thân thể con người để mà hành hạ.

Tuy nhiên ông ta đã chết đi với bờ môi khép kín.

Tại sao ông ta không nói lên, không dạy các tông đồ và xuyên qua họ, dạy thế giới: "Các người không được thiêu sống, tù đầy và tra tấn con người nhân danh ta. Các người không được bạo hành đồng loại.

Tại sao ông ta đi đến cõi chết một cách ngu đàn, để lại thế giới cho sự đau khổ và nghi ngờ?

Tôi sẽ nói cho các người biết. Vì Giê-su chỉ là một người thường, ông ta chẳng biết gì đến những điều trên.

40

Qua 40 trích dẫn từ những tài liệu nghiên cứu sâu rộng về nhân vật Giê-su của các học giả, chuyên gia v.. v.. mà hầu hết đang sống trong truyền thống Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô-ma nói riêng, chúng ta đã thấy phần nào chính xác con người thực của Giê-su lịch sử khác với Giê-su mà nền thần học Ki Tô đôn lên như thế nào. Nền thần học Ki Tô đã đưa Giê-su lên địa vị giáo chủ của giáo hội Ca-tô Rô-ma với những thuộc tính thần thánh qua nhiều huyền thoại mà ngày nay đã không còn giá trị. Tuy nhiên, giả thử chúng ta chấp nhận những luận cứ thần học về nhân vật Giê-su với danh nghĩa là giáo chủ lập giáo Ca-Tô Giáo Rô-ma thì có lẽ chúng ta cũng nên biết đến giáo lý của vị giáo chủ này. Vậy thì Giê-su đã giảng dạy những gì, đã giúp cho con người về vấn đề tu tập, đạo đức hay mở mang trí tuệ như thế nào? Đây chính là những chủ đề mà tôi sẽ bàn tới trong chương sau.

Chú Thích - Chương I:

1. Shorto, Russell, Gospel Truth, Riverhead Books, New York, 1997, Front Cover. The Last Supper, the Virgin Birth, the Resurrection: one by one the great beams of Christianity are being tested. Biblical scholars – once the guardians of Christian theology – are now using the tools of archaeology, anthropology, linguistics, computer science, and even particle physics to probe the question “Who was Jesus?” The result is a radical revision of the Gospel story that is both surprisingly vivid and to some people, deeply shocking.. Most important, the author tells of the impact the scientific perspective is having now that even scholars working under a conservative Catholic imprimatur agree that much of what we know of Jesus is myth.

2. Shorto, Russell, Ibid., p. 14.: ..The work of the Jesus Seminar, and of all contemporary Jesus researchers, in Funk’s view, represents a shift on the part of biblical scholars away from the tyranny of the church and toward cultural honesty. As far as Funk is concerned, scholars have known the truth – that Jesus was nothing more than a man with a vision – for decades; they have taught it to generations of priests and ministers, who do not pass it along to their flocks because they fear a backlash of anger. So the only ones left in the dark are ordinary Christians.

3. Cross, Colin, Who Was Jesus?, Barnes & Nobles Books, New York, 1993, Introduction: Viewed from a distance and considered as a whole, Jesus of Nazareth is a reasonably tangible historical figure. But too close an examination of any individual detail of him causes him to blur...The reason for uncertainty about Jesus is the simplest possible. It is just that there is no record at all, of any kind, about the greater part of his life. He wrote no book. Even what he looked like is unknown. There is not a word of independent proof that he ever even existed. The records that do exist, the gospels, cover only a fraction of Jesus' life and are written from a cultic and ritualistic point of view and not as ordinary history. There are the gravest inconsistencies in the gospel accounts and also many blatant improbabilities.

4. Ernie Bringas, Going By The Book: Past And Present Tragedies of Biblical Authority, Hampton Roads Pub., Co. VA., 1996, p. 191: The consensus today is that the historical Jesus - the words and

actions of Jesus and the real events surrounding his life - cannot be determined with precision. While we know how the

author of a Gospel regarded Jesus by what he reported (and how he reported it), it is not always possible to penetrate beyond the Gospel portrayals of Jesus to Jesus himself. We cannot determine with certainty what Gospel statements about his life

and career are genuine.

5.

exactly it took place.

wretched end...

He is a man without a

Ranke-Heinemann, Uta, *Putting Away Childish Things*, Harper-Collins., San Francisco, 1995, p. 2: We encounter this truth in the person of Jesus. We know neither when and where he was born, nor when he died:

biography. We don't know how long his public activity as a preacher lasted or where

Strictly speaking, we don't know a whole lot more than that he was born, that there were people who followed him as his disciples, and that he was executed on the cross – the Roman version of the gallows – and thus came the

This Jesus lies buried not only in Jerusalem, but also beneath a mountain of kitsch, tall tales, and church phraseology.

6. Harvey, Andrew, *Son of Man: The Mystical Path to Christ*, Jeremy P. Tarcher / Putnam, New York, 1998, p. 4.: Historical criticism has proved, conclusively, that the Gospels are to be read not as Spirit-inspired, faithful eye-witness accounts of Jesus' life but as carefully sculpted versions of that life, arranged to suit or promote different spiritual interests, personalities, and factions within the dramatic years of

The Gospels are neither directly inspired divine documents nor straight-forward historical records; neither divine revelations directly inspired by God nor eye-witness accounts written by people who had known Jesus and wanted to report clearly what they had experienced with him.

century, they express and condense the traditions of different early Christian communities and were put into their current form slowly over a period of three

early Christianity.

hundred years.

Written in the last third of the first

7. Spong, John Shelby, *Born of a Woman: A Bishop Rethinks The Birth of Jesus*, Harper, San Francisco, 1992, p. 35. Jesus was interpreted by the early Christians in terms of their assumed and unquestioned concepts of God, modeled after the image of a heavenly king. The focus was on the exalted Jesus seated at the

right hand of the heavenly throne.

The image reflected the popular mythic

his father.

understanding of the universe as a kingdom.. But he was “born of a woman”.. His origins were equally as scandalous as his means of death. He was a nobody, a child of Nazareth out of which nothing good was thought to come. No one seemed to know

He might well have been illegitimate.

undetected and unexploded nuggets of dynamite in the landscape of the early

Christian tradition.

Hints of that are scattered like

8. Spong, John Shelby, *Ibid.*, p. 41. ... Once again the interpretive task went to work. He was not an illegitimate child, God was his father; he was born of the Holy Spirit. He was not a native of Nazareth, he was born in Bethlehem, the city of David. That Bethlehem birth had been foretold by the prophet Micah. He was not a nobody,

he was of the royal house of David...

9. Gruber, Elmar R. & Kersten, Holger, *The Original Jesus: The Buddhist Sources of Christianity*, Element Books, Inc., Rockport, MA, 1995, pp. 3-4.: Hardly any other theme has caused such a stir in the Western world as the person of “Jesus of Nazareth”; hardly any other theme has led to the writing of so many books, or such animated and passionate discussions. And yet the personality of the historical Jesus is veiled in profound darkness. For a millennium and a half there were only accounts depicting Jesus in accordance with official Church theology, written with the objective

of strengthening Christians' faith or inducing other to turn to Christianity... During the nineteenth century the New Testament was subjected to scholarly investigation for the first time. It was the beginning of systematic research into the life of Jesus.. In 1835 David Friedrich Strauss published his influential book *The Life of Jesus (Das Leben Jesu)*. Armed with uncompromisingly critical rational views, he bluntly rejected the historical factuality of the Gospels. For Strauss they were nothing but legends and pious stories about the figure of Jesus, inspired by the Old Testament. Such opposition went further at the mid-nineteenth century. Bruno Bauer completely banned the figure of Jesus from historical research, simply declaring that the central figure in the New Testament was a mythical invention. Jesus and Paul were said to be nothing but literary fictions; and Christianity was seen as having been created by a fanatical group which concocted the faith around those two invented figures out of Jewish, Greek, and Roman religious traditions... Today there are well over 80000 monographs on Jesus, but their impact in terms of illuminating the historical figure is modest in the extreme. Who was Jesus? When he was born? What did he look like? When he was crucified? When how, and where did he died? Finding answers to those questions soon turned out to be an insoluble problem. In the books written during the first two centuries AD there is hardly any mention of Jesus as a real human being. The later sources are almost exclusively theological writings, which take for granted a belief in Jesus Christ as the Messiah and Son of God. So truly impartial written testimony is practically non-existent, and scholarship in thus not in a position, even today, to say in which year Jesus was born... Hardly any attention is paid in the canonical Gospels of Jesus' childhood and youth, a phase of life of such importance for the formation of a person's character. Even in the accounts of the brief period of his public impact there is only very sparse biographical information about him. It seems as if he was almost completely unknown to the historians of his time, or at least not worth mentioning. How is it possible that they paid no attention to the amazing miracles and extraordinary events recorded in the Gospels.

10. Martin, Michael, *The Case Against Christianity*, Temple University Press, Philadelphia, 1991, p. 37: Modern critical methods of biblical scholarship have called into question the historical accuracy of the Bible and, in particular, the New Testament. In the light of this critical approach to the New Testament many theologians have argued that not much is known about Jesus. For example, W. Trilling argues that "not a single date of his life" can be established with certainty and J. Kahl maintains that the only thing that is known about him is that he "existed at a date and place which can be established approximately". Other scholars argue that the quest for the historical Jesus is hopeless...The most respected contemporary critic of the historicity of Jesus is G. A. Wells... Wells stresses that his skepticism concerning the historicity of Jesus is based in large part on the views of Christian theologians and biblical scholars who admit that the canonical Gospels were written by unknown authors not personally acquainted with Jesus, between 40 and 80 years after Jesus' supposed lifetime. According to Wells they also admit that there is much in these accounts that is legend and that the Gospel stories are shaped by the writers' theological motives. Furthermore, the evidence provided by the Gospels is exclusively Christian..

11. Foner, Philip S., Editor, *The Life and Major Writings of Thomas Paine: "The Age of Reason"*, A Citadel Press Book, New York, 1993, pp. 571-572: The history of Jesus Christ is contained in the four books ascribed to Matthew, Mark, Luke, and John. The first chapter of Matthew begins with giving a genealogy of Jesus Christ; and in the third chapter of Luke there is also given a genealogy of

Jesus

Christ. Did those two agree, it would not prove the genealogy to be true, because it might, nevertheless, be a fabrication; but as they contradict each other in every particular, it proves falsehood absolutely. If Matthew speaks truth, Luke speaks falsehood, and if Luke speaks truth, Matthew speaks falsehood; and as there is no authority for believing one more than the other, there is no authority for believing either; and if they cannot be believed even in the very first thing they say and set out to prove, they are not entitled to be believed in anything they say afterward...If they cannot be believed in their account of Jesus' genealogy, how are we to believe them when they tell us strange things such as Jesus was the Son of God begotten by a ghost, and that an angel announced this in secret to his mother?..

12. Shorto, Russell, *Ibid.*, pp. 36-41: From the early second century, Jewish writers observing the rapidly spreading Christian religion noted with a sneer that the supposed divinely inspired figure at its center was in fact a bastard. Swirling around the gospel stories, according to some scholars, are whispered cries of “illegitimate”... Technically, even by the traditional rewording, this charge is true, for according to the accepted interpretation, Joseph, Mary's betrothed, is not the actual father of the child. But a careful reading of Matthew's account may suggest a more mundane kind of illegitimacy..and that Matthew constructed an elaborate theological architecture to try to transform that nasty reality into a myth he could build a tradition on.. One thing about the genealogy that has bothered theologians for centuries is the mention of several women among the men who, in the ancient view, carry the bloodline. Why we are told that “Abraham was the father of Isaac, and Isaac the father of Jacob”, and so on, with no mention of the women involved, but then learn that Judah was the father of Perez and Zerah “by Tamar”, and Salmon the father of Boaz “by Rahab”, and Boaz the father of Obed “by Ruth”, and that David was the father of Solomon “by the wife of Uriah”..? A solution to the puzzle has been worked up over the two past decades by a group of scholars who realized that all of the women mentioned are associated with scandalous sexual behavior. In other words, Matthew is softening the blow of Jesus' questionable legitimacy by indicating that in several previous instances it was necessary for the royal bloodline of Israel to be passed on via less-than-ordinary means. Bastardy, it may even be suggested, was a badge of honor...

13. Foner, Philip S., *Ibid.*, p. 539: Could we permit ourselves to suppose that the Almighty would distinguish any nation of people by the name of His Chosen People we must suppose that people to have been an example to all the rest of the world of the purest piety and humanity, and not such a nation of ruffians and cut-throats as the ancient Jews were; a people who, corrupted by the copying after such monsters and impostors as Moses and Aaron, Joshua, Samuel and David, had distinguished themselves above all others on the face of the known earth for barbarity and wickedness.

14. Lockhart, Douglas, *The Dark Side of God*, Elements Books, Inc., Boston, MA., 1999, p. 47: With the ability to invent history through the forging of imposing- looking documents complete with papal seals, and with the added ability to instantly insert such fabrications into Canon Law, the Catholic Church systematically recreated its past and ended up believing its own lies.

15. Ellerbe, Helen, *The Dark Side of Christian History*, Morningstar & Lark, Orlando, FL., 1999, p.17: The Catholic Encyclopedia concedes that “In all departments forgery and interpolation as well as ignorance had wrought mischief on a grand scale.” Despite Church prohibitions against any further research into the origins of the Gospels, scholars have shown that all four canonized Gospels have

been doctored and revised. While the Church claimed that truth was static in nature and had been revealed only once, it continually found cause for changing that truth.

16. Lockhart, Douglas, *Ibid.*, p 46: In his book, *The Decline of Rome*, the historian Joseph Vogt draws our attention to *The Donation of Constantine*, a document dated 30 March, 315, but actually composed during the papacy of Stephen III (752-7) to convince Pepin, king of the Franks, that he should defend the Church against the Lombards. A forgery through and through, *The Donation* claimed that Constantine, suffering from leprosy, had had a vision in which Saints Peter and Paul had told him to contact Pope Sylvester. Healed as a result of obeying this heavenly command, Constantine had in gratitude handed over his palace to Pope Sylvester and made the entire Western Empire subservient to the Holy See. The Sacred See of Blessed Peter was to be exalted above the Empire and the Emperor's throne, and Sylvester made ruler of Antioch, Alexandria, Jerusalem, Constantinople and all the churches of the world...This document was accepted without a quibble until 1440, when Lorenzo Valla, a papal aide, proved beyond all doubt that *The Donation* was a fraud. Valla's book was published in 1517..and in spite of all independent scholars agreeing with Valla, the Papacy continued to deny any skulduggery for the next few centuries... King Pepin, however, was very impressed when he read *The Donation*; for it appeared to prove beyond doubt that the Pope was successor to both Peter and Constantine. All power on earth, indeed; and behind the scenes the power of heaven to back it up. Routing the Lombards, Pepin dutifully handed over the lands mentioned in *The Donation*, thus making the Holy See all-powerful at a single stroke.

17. Uta Ranke-Heinemann, *Ibid.*, p. 212: One very special lightning bolt from the Spirit was the so – called *Donation of Constantine*. In it Emperor Constantine (d. 337) showed great generosity toward the Church: “We have transferred our [Lateran] palace and all the provinces, places, and towns belonging to the city of Rome, to Italy, and to the West to the most blessed supreme pontiff, our father Sylvester, the universal pope, and to his – or his successors’ – power and sway.” The date, official seal, and signature authenticated this donation. Constantine, the absolute monarch thus gave to the pope all of Western Roman Empire; and the popes became successors of the Roman Emperors in the West. Constantine himself was content with the East, “because the earthly emperor should not have authority where the head of the Christian religion [the pope] has been appointed by the heavenly emperor [Jesus].” Yet it was all a swindle, a hand-made-homemade inside job, an ecclesiastical forgery. From it, of course, the Church got inestimable advantages in power and possessions, and that for centuries. The forgery had been cooked up in the papal chanceries around the middle of the 8th century; it was not exposed until the 15th century. The detective was a humanist, critic of the papacy, and high official of the Roman Curia, Lorenzo Valla (chết năm 1457). But his work exposing the fraud wasn't published until 1517 by Ulrich von Hutten at the beginning of the Reformation. The Catholic side did not admit the whole deception until much later. The *Lexikon für Theologie und Kirche* writes, “since the middle of the 19th century..the contents of the *Donation of Constantine* have been considered a forgery from the Catholic standpoint” ([1961] VI, 484).

18. Lockhart, Douglas, *Ibid.*, p. 47: By 1187 the forging of documents had become a profitable business, with a whole school of forgers toiling to produce ratification of Gregory III's ambitions; there were even a policy of making old documents say the reverse of what they actually said. Amusingly, de Rosa points out that some these earlier documents were forgeries in their own right,

and states that

this school of forgers “...treated all papers, forged or genuine, with a completely impartial dishonesty”. De Rosa is rightfully merciless when dealing with this extraordinary situation, and reveals that during the mid-twelfth century, the Decretum, or Code of Canon Laws, was “..peppered with three centuries of forgeries and the conclusions drawn from them”. One such conclusion was that the pope was superior to, and the “source” of, all laws without qualification; a fact noted by de Rosa as suggesting that he was by definition equal to the Son of God. Here then was the Church we had to have, the institution created by God through Constantine to shed light on a darkened world.

19. Graham, Lloyd, *Deceptions & Myths of the Bible*, The Citadel Press Book, New York, 1995, p. 454: ...He (Constantine) killed with his own hands two of his brothers-in-law, had his wife, his son Crispus and two nephews murdered, bled to death his political rivals, threw the unbelieving into a well, and caused uncounted thousands to die on the battle field.

20. Graham, Lloyd, *Ibid.*, p. 454: For nearly 2000 years Christianity has been trying to save us instead of civilizing us and it has ended in a century of savagery, an era in which 250 million Christians died in Christian wars... Such is Christianity, a religion based on a fraud, founded by “fools” and confirmed by an assassin – Constantine the Great.

21. Graham, Lloyd, *Ibid.*, p.: 438: Thus the Catholic Church is founded on Peter whom, four verses later, Jesus openly calls Satan. Thus if the Catholic Church is founded on Peter, it is founded on Satan – a fact we have long expected. Peter’s story is the veriest nonsense – one mortal man endowed with the power over all humanity for all eternity. In things religious, Catholics are indeed credulous but can they be so credulous as to believe that pre-Christian sages like Pythagoras, Plato, Socrates...require this ignorant Jewish fisherman to bind and loose their souls? No, and neither are we.

22. Daleiden, Joseph, *The Final Superstition: A Critical Evaluation of the Judeo-Christian Legacy*, Prometheus Books, New York, 1994, p. 83: It is not surprising, therefore, to learn that many biblical scholars believe the evidence indicates that this reference to Peter, like many other New Testament passages, was inserted at a later date.

23. Kung, Hans, *Christ Sein* (1976), p.338-339: The historical Jesus.. counted on the world’s coming to an end in his own lifetime. And for this coming of God’s kingdom he doubtless did not want to found a special community distinct from Israel, with its own creed, its own cult, its own constitution, its own office...All this means that in his own lifetime Jesus never found any church. He had no idea of founding and organizing a large-scale religious operation that would have to be created...

24. Uta Ranke-Heinemann, *Ibid.*, p. 217: The Church has turned Jesus into its propagandist. For this reason we take everything that presupposes or discusses or promotes the existence of a Church as interpolation by the authors of the Gospels into Jesus’ original sayings. That includes Jesus’ hailing Peter as the rock on which he will build his church (Matt. 16:18), since Jesus never meant to found a church... It’s not Jesus who’s speaking here; it’s the early church, which was interested in having such a leadership position and authority figure because of its growing hierarchical structure. In the inauthentic chapter 21 of John – that is, in a later addition to the actual gospel – the idea of a deputy is already clearly developed. Peter becomes the shepherd of the flock of Christ. He takes over the

functions of Jesus,

the former and actual shepherd, as his representative. Shortly afterward, the Church began to think that the important thing was not the person of Peter. The Church decided that the office Peter held was the bedrock foundation of the Church, and that Jesus established it permanently. With this concept we have the popes as Peter's successors and Christ's deputies, and the papacy as the foundation of the Church.

25. Uta Ranke-Heinemann, *Ibid.*, p. 215: Jesus has no intention of founding a "church" and certainly not a "church universal." For an authentic example of Jesus' view, consider Matt 10:5-6, which expresses the exact opposite of a universal commission: "These twelve Jesus sent out, charging them, 'Go nowhere among the Gentiles, and enter no town of the Samaritans, but go rather to the lost sheep of the house of Israel.'" Two further authentic passages are Matt 15:24, "I was sent only to the lost sheep of the house of Israel," and Matt. 10:23, "You will not have gone through all the towns of Israel, before the Son of Man comes." ...Jesus himself – and all theologians have by now acknowledged this – believed that the Kingdom of God would be coming soon. But that is the opposite of a world mission in the grand style.

26. Maureen Fiedler and Linda Rabben, *Rome Has Spoken*, p. 82: Nicholas V, Dum Diversas, 1452/54: We grant to you (Kings of Spain and Portugal) by these present documents, with our Apostolic Authority, full and free permission to invade, search out, capture, and subjugate the Sacarens and pagans and any other unbelievers and enemies of Christ wherever they may be, as well as their kingdoms, duchies, counties, principalities, and other property..and to reduce their persons into perpetual slavery.

27. Pettifer, Julian & Bradley, Richard, *Missionaries*, BBC Books, London, 1990, p. 132-133: By the end of the 15th century, (1493), Pope Alexander VI created two spheres of influence; he determined that the whole of the Americas with the exception of Brazil, should belong to Spain, while Portugal would take Brazil and whatever could be seized in Asia and Africa. It was decreed that along with territorial gains would go the duty to incorporate any native peoples into the Catholic Church..With the invading armies came priests and friars whose presence justified the subjugation of the people and the use of whatever coercion was judged necessary to bring them to the faith.

28. Huntington, Samuel P., *The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order*, Simon & Schuster, New York, 1996, p. 70: ..and it was for God as well as for gold that Westerners went out to conquer the world in the sixteenth century.

29. Wilson, A.N., *Jesus*, W.W. Norton & Company, New York, 1992, p. vii: The Jesus of history and the Christ of faith are two separate beings, with very different stories. It is difficult enough to reconstruct the first, and in the attempt we are likely to do irreparable harm to the second..

30. Lockhart, Douglas, *The Dark Side of God*, p.275: In Chapter 14 we considered the humanity of Jesus and concluded that he had been a man like any other. He was subject to anger, pain, thirst, weariness, sadness, fear and death. And he was capable of making mistakes; which is to say that his knowledge was human knowledge, his belief system a reflection of the culture and time into which he was born. He had no knowledge of modern physics. He was not aware of virus or germs or the

possibility of antiseptics, knew nothing of the combustion engine, and could not have told you that Mars followed an elliptic orbit. All in all, a diminution of what has

been said about him by others. But not a dismissal. Not easily dismissed, this highly unusual man whose unique sense of God separated him from his religious peers. He was unusual, yes, unique certainly, but not by any stretch of the imagination either perfect or all-knowing in the sense eventually suggested by Catholic thinkers.

31. Schonfield, Hugh J., *Those Incredible Christians*, p. xi: In *The Passover Plot*, I rejected after protracted and thorough research the traditional portrayal of Jesus and revealed him as a Jew, who at a psychological moment in Jewish history courageously, steadfastly and with deep insight acted on the conviction that he was the Messiah his afflicted people were awaiting. I showed him to have been a man of faith, but no more than man, who employed his natural intelligence to bring to fruition the predictions which in the manner of his time he believed must be accomplished.

32. Schweitzer, Albert, *The Psychiatric Study of Jesus*, p. 35: In the last decade historical research has more and more clearly perceived that the expectation of the second coming of the Messiah is at the center of Jesus' thought, and that it dominates his feeling, his will and his action far more rigorously than we had previously supposed... Jesus considered himself to be the Messiah and expected his majestic return on the clouds of heaven.

33. Schweitzer, Albert, *Ibid.*, p. 37: Jesus is evidently a hybrid, tainted from birth by heredity, who even in his early youth as a born degenerate attracted attention by an extremely exaggerated self-consciousness combined with high intelligence and a very slightly developed sense of family and sex. His self-consciousness slowly unfolded until it rose to a fixed delusional system, the peculiarities of which were determined by the intensive religious tendencies of the time and his one-sided preoccupation with the writings of the Old Testament. Jesus was moved to express his ideas by the appearance of John the Baptist. Proceeding step by step Jesus finally arrived at the point of relating to himself all the Scriptural promises, which had become vital again through national misfortune, and for whose ultimate glorious fulfillment all hearts hoped. Jesus regards himself as a completely supernatural being. For only so and not otherwise can man understand his behavior when he arrogated to himself divine rights like the forgiveness of sins. (Matt. 9:2; Mark 2:5-12; Luke 5:20, 7:48)

34. Schweitzer, Albert, *Ibid.*, p.40: We find a boy with unusual mental talents who is, nevertheless, predisposed to psychic disturbances, and within whom delusions gradually form. He spent his whole leisure in the study of the Holy Scriptures, the reading of which certainly contributed to his mental illness. When at the age of thirty he first made a public appearance, his paranoia was completely established. It is apparently one of those cases, where formless and indistinct psychotic ideas are, indeed, present, but where, nonetheless, they need an external shock and a strong emotion, in order to form a typical systematic structure of paranoia. This shock was provided for Jesus by another paranoid, no other than John the Baptist. Meantime Jesus' delusions attained their most complete maturity, and when he heard of the "forerunner of the Messiah", who was baptizing sinful people in the river Jordan, he betook himself there in order to receive baptism himself. After the baptism Jesus went into the wilderness for forty days. This sojourn is for us of the greater interest for these forty days lie between two sharply differentiated sections of his life. The delusions which up to that time were isolated and unrelated to each other henceforth merged into a great systematic structure of delusions; doubtless Jesus had at that time repeated conversations with God the Father who had

commissioned him and whose doctrine he preached. Such a development of his illness, a transition from the

In the

latent to the active stage of paranoia, is quite characteristic of this psychosis. great drama of the public ministry of Jesus stretching over three years, the megalomania, which mounted ceaselessly and immeasurably, formed the center

around which everything else turned.

All his sayings, his teachings, his sermons

culminated in a single word: "I" (John 6:29, 35, 38, 40, 47-58; 8:12; 11:25ff; 14:6, 13

etc..)

35. Schweitzer, Albert, *Ibid.*, p. 43: Through the suggestive power of various incidents, through John the Baptist...and through the enthusiasm of the disciples, Jesus is brought to the point of believing himself to be the Messiah, the King of the Jews, the Son of God, God's interpreter, God's witness, and finally identifying himself with God. Threats of the fanatical Pharisees and Scribes also awakened in him the notion that he was the sacrificial lamb which by its death was to take away the sins of Israel, and that after his resurrection he would ascend into the heavens, there to be revealed in his complete glory... Binet-Sanglé finds seven hallucinations in all the account, two purely optical and five which are described as both optical and auditory-

verbal.

36. Russel, Bertrand, *Why I Am Not A Christian*, p. 19: I cannot myself feel that either in the matter of wisdom or in the manner of virtue Christ stands quite as high as some other people known to history.

Socrates above Him in those respects.

I think I should put Buddha and

37. Spong, John Shelby, *Rescuing The Bible From Fundamentalism*, p. 21: There are passages in the Gospels that portray Jesus of Nazareth as narrow-minded,

vindictive, and even hypocritical.

38. Spong, John Shelby, *Ibid.*, pp. 21,24: Are we drawn to a Lord who would destroy a herd of pigs in order to exorcise a demon? Are we impressed when the one we call Lord curses a fig tree because it did not bear fruit out of season?... A literal Bible presents me with far more problems than assets. It offers me a God I cannot

respect, much less worship.

Pentateuch?

Who wrote the

39. Alves, Rubem, Protestantism And Repression, p. 63:

The response of the historical Christian Church to that question is definite: "Moses wrote them". If Moses did not write the Pentateuch, then the apostles (e.g., Paul and John) made a mistake when they said that he did. If they erred on this matter, how can we believe them when they deal with truths concerning heaven and the future life? If Moses did not write the Pentateuch, then Jesus lied or erred when

If Jesus did not know this, though he said he did know, how can we believe him when he talks about the thing of heaven?

40. Lewis, Joseph, Editor: Ingersoll: The Magnificent , p. 117-122:

he said Moses did.

Christianity cannot live in peace with any other form of faith. If that religion be true, there is but one savior, one inspired book, and but one little narrow grass-grown

path that leads to heaven.

Why did Jesus not again enter the temple and end the old dispute with demonstration? Why did he not confront the Roman soldiers who had taken money to falsely swear that his body had been stolen by his friends? Why did he not make another triumphal entry into Jerusalem? Why did he not say to the multitude: "Here are the wounds in my feet, and in my hands, and in my side.

endeavored to kill, but death is my slave? Simply because resurrection is a myth. The miracle of the resurrection I do not and cannot believe.

I am the one you

We know nothing certainly of Jesus Christ. We know nothing of his infancy, nothing of his youth, and we are not sure that such a person ever existed.

There was in all probability such a man as Jesus Christ. He may have lived in Jerusalem. He may have been crucified; but that he was the son of god, or that he was raised from the dead, and ascended bodily to heaven, has never been, and, in the nature of things, can never be, substantiated.

For many centuries this Peasant of Palestine has been worshiped as god.

Millions and millions have given their lives to his service. The wealth of the world was lavished on his shrines. His name carried consolation to the diseased and dying... His name gave courage to the martyr..., The outcasts, the deserted, the fallen, felt that Christ was their friend, felt that he knew their sorrows and pitied their sufferings.

All this is true, and if it were all, how beautiful, how touching, how glorious it would be. But it is not all. There is another side.

In his name millions and millions of men and women have been imprisoned, tortured and killed. In his name millions and millions have been enslaved. In his name the thinkers, the investigators, have branded as criminals, and his followers have shed the blood of the wisest and best. In his name the progress of many nations was stayed for a thousand years. In his gospel was found the dogma of eternal pain, and his words added an infinite horror to death. His gospel filled the world with hatred and revenge; made intellectual honesty a crime; made happiness here the road to hell, denounce love as base and bestial, canonized credulity, crowned bigotry and destroyed the liberty of man.

It would have been far better had the NT never been written - far better had the theological Christ never lived. Had the writers of the NT been regarded as uninspired, had Christ been thought of only a man, had the good been accepted and the absurd, the impossible, and the revengeful thrown away, mankind would have escaped the wars, the crimes and sorrows of a thousand years.

At first Christ was a man - nothing more. Mary was his mother, Joseph his father. The genealogy of his father, Joseph, was given to show that he was of the blood of David.

Then the claim was made that he was the son of god, and that his mother was a virgin, and that she remained virgin until her death.

The claim was made that Christ rose from the dead and ascended bodily to heaven.

It required many years for these absurdities to take possession of the minds of men.

If he really ascended, why did he not do so in public, in the presence of his persecutors? Why should this, the greatest of miracles, be done in secret, in a corner?

At last, in the dusk of death, Christ, finding that he was mistaken, cried out: "My God, my God! Why

hast thou forsaken me?"

Why should we place Christ at the top and summit of the human race? Was he kinder, more forgiving, more self-sacrificing than Buddha? Was he wiser, did he meet death with more perfect calmness, than Socrates? Was he more patient, more

charitable, than Epictetus? Was he a greater philosopher, a deeper thinker, than Epicurus? In what respect was he the superior of Zoroaster? Was he gentler than Lao Tsze, more universal than Confucius? Were his ideas of human rights and duties superior to those of Zeno? Did he express grander truths than Cicero? Was his mind subtler than Spinoza's? Was his brain equal to Kepler's or Newton's? Was he grander in death - a sublimer martyr than Bruno? Was he in intelligence, in the force and beauty of expression, in breadth and scope of thought, in wealth of illustration, in aptness of comparison, in knowledge of the human brain and heart, of all passions, hopes and fears, the equal of Shakespeare, the greatest of human race?

If Christ was in fact god, he knew all the future. Before him like a panorama moved the history yet to be. He knew how his words would be interpreted. He knew what crimes, what horrors, what infamies, would be committed in his name. He knew that the hungry flames of persecution would climb around the limbs of countless martyrs. He knew that thousands and thousands of brave men and women would languish in dungeons in darkness, filled with pain. He knew that his church would invent and use instruments of torture; that his followers would appeal to whip and fagot, to chain and rack. He saw the horizon of the future lurid with the flames of the auto da fé. He knew what creeds would spring like poisonous fungi from every text. He saw the ignorant sects waging war against each other. He saw thousands of men, under the order of priests, building prisons for their fellow-men. He saw thousands of scaffolds dripping with the best and bravest blood. He saw his followers using the instruments of pain. He heard the groans - saw the faces white with agony. He heard the shrieks and sobs and cries of all the moaning, martyred multitudes. He knew that commentaries would be written on his words with swords, to be read by the light of fagots. He knew that the Inquisition would be born of the teachings attributed to him.

He saw the interpolations and falsehoods that hypocrisy would write and tell. He saw all wars that would be waged, and he knew that above these fields of death, these dungeons, these racking, these burnings, the executions, for a thousand years would float the dripping banner of the cross.

He knew that hypocrisy would be robed and crowned - that cruelty and credulity would rule the world; knew that liberty would perish from the earth; knew that popes and kings in his name would enslave the souls and bodies of men; knew that they would persecute and destroy the discoverers, thinkers and inventors; knew that his church would extinguish reason's holy light and leave the world without a star.

He saw his disciples extinguishing the eyes of men, flaying them alive, cutting out their tongues, searching for all the nerves of pain...

And yet he died with voiceless lips.

Why did he fail to speak? Why did he not tell his disciples, and through them the world: "You shall not burn, imprison and torture in my name. You shall not persecute your fellow-men."..

Why did he go dumbly to his death, leaving the world to misery and to doubt?

I will tell you why. He was a man, and did not know.

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Trang Trần Chung Ngọc

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

CHƯƠNG II

GIÊ-SU GIẢNG DẠY NHỮNG GÌ ?

"Tất cả những điều Giê-su nói, giáo lý, bài giảng đều đưa tới một đơn từ: "Ta"" (All his sayings, his teachings, his sermons culminated in a single word: "I")

William Hirsch

Tất cả những điều rao giảng của Giê-su có thể nhận ra rõ ràng. Chúng nằm trong hai câu có ý nghĩa y hệt nhau: “Hãy thống hối, và tin vào Kinh Thánh” hoặc, ở một nơi khác “Hãy thống hối, vì Nước Thiên Đàng sắp tới” (What belongs to the preaching of Jesus is clearly recognized. It is contained in two phrases of identical meaning, “Repent, and believe the Gospel,” or, as it is put elsewhere, “Repent, for the Kingdom of Heaven is at hand”).

Hermann Samuel Reimarus

Có những đoạn trong bốn Phúc Âm mô tả Giê-su ở Nazareth như là một con người thiên cận, đầy hận thù, và ngay cả đạo đức giả. (There are passages in the Gospels that portray Jesus of Nazareth as narrow-minded, vindictive, and even hypocritical).

Giám Mục John Shelby Spong

Qua những tài liệu có tính cách nghiên cứu và phân tích của một số học giả, chuyên gia về tôn giáo ở trong cũng như ngoài các giáo hội Ki-Tô, được trích dẫn trong chương I, chắc quý độc giả đã có thể có một nhận định cho riêng mình về sự khác biệt giữa nhân vật Giê-su lịch sử, con người thực của Giê-su, với nhân vật Giê-su của đức tin, một hình ảnh được tạo dựng bởi nền thần học Ki Tô Giáo, là như thế nào.

Câu hỏi tiếp theo “Giê-su là ai?” tất nhiên phải là “Giê-su giảng dạy những gì?”. Giải đáp cho câu hỏi này thật ra không khó, vì tất cả nằm

trong 4 Phúc Âm: Ma-thêu (Matthew), Mác-cô (Mark), Lu-ca (Luke), và Giăng (John) trong Tân Ước. Đây là nguồn tài liệu đáng tin cậy nhất. Những lời giảng về Giê-su của giới chẵn chiên Ki Tô hay những sách vở do giáo hội xuất bản không thể tin cậy được, vì đó chỉ là những trích dẫn vụn vặt chọn lựa từ Thánh Kinh, ngoài toàn bộ vấn đề (out of context), và thường diễn giảng với luận điệu thần học một chiều, méo mó, ngụy biện, và thường không bao giờ nói đến những mâu thuẫn và phi lý trong Thánh Kinh, hay những đoạn trong Thánh Kinh trái ngược với hình ảnh của Giê-su do nền thần học Ki Tô tạo dựng lên.. Trước khi đi vào phần phân tích để kiểm ra một giải đáp cho câu hỏi trên, có lẽ chúng ta cũng nên biết đến bản chất và cốt tủy của Ki Tô Giáo, nhất là Ca-Tô giáo Rô-ma.

Trong cuốn Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng, trang 76, để trả lời câu hỏi "Tại sao nhân loại cần cứu rỗi?", giáo hoàng John Paul II đã trích dẫn một câu trong Phúc Âm John làm luận điểm giải thích, John 3:16: "Thiên Chúa quá thương yêu thế gian đến nỗi ban Con duy nhất của Ngài, để những ai tin vào Người sẽ không bị luận phạt, nhưng được sống đời đời.". Câu trên không phải là lời giải thích cho câu hỏi "Tại sao nhân loại cần đến sự cứu rỗi?" mà là một khẳng định về đức tin Ca-Tô gồm có hai mặt: 1) huyền hoặc những người nhẹ dạ cả tin, mê mẩn về một sự sống đời đời, sau khi chết, ở trên một thiên đường giả tưởng, bằng cách tin vào một nhân vật đầy tính chất huyền thoại do nền thần học Ki Tô Giáo tạo dựng lên; và 2) hù dọa những người đầu óc yếu kém về một sự luận phạt phi lý và hoang đường.

Điều này thật là rõ ràng khi gần đây chúng ta thấy Giáo Hoàng John Paul II, trước sự tiến bộ trí thức của nhân loại, đã phải công nhận là "không làm gì có thiên đường trên các tầng mây" và "không làm gì có lửa hỏa ngục, hỏa ngục không phải là một nơi chốn trong lòng đất".

Phủ nhận sự hiện hữu của một thiên đường trên trời và một hỏa ngục trong lòng đất, giáo hoàng cũng đã phủ nhận luôn sự cứu rỗi và luận phạt của Chúa, một sự hứa hẹn thuộc một đời sau do đó không ai có thể kiểm chứng, và một sự đe dọa cùng loại, hoang đường, mà giáo hội vẫn tiếp tục dùng cho tới ngày nay để nhốt tín đồ vào trong vòng mê tín. Đa số tín đồ Ca-Tô không biết đến sự phủ nhận thiên đường và hỏa ngục của giáo hoàng. Những thuộc hạ của giáo hoàng giải thích: che dấu sự thực là điều cần thiết để giữ đức tin của tín đồ, để cho niềm tin của họ khỏi bị chao đảo. Người ngoài giáo hội thì cho đó là hành động bất lương trí thức (intellectual dishonesty), vì giáo hội đã biết là không làm gì có thiên đường hay hỏa ngục, mà vẫn dụ tín đồ bằng cái bánh vẽ cứu rỗi, và hù dọa họ bằng một hỏa ngục giả tưởng.

Tuy rằng ngày nay Giáo hội đã dùng học thuật Ca-Tô, giải thích lại ý nghĩa của thiên đường và hỏa ngục với giới trí thức như những trạng thái của tâm, hiệp thông với Thiên Chúa hay xa lìa Thiên Chúa, nhưng khỏi tín đồ ở dưới vẫn ít biết đến điều này. Hơn nữa, quan niệm về Thiên Chúa của Ki Tô Giáo không thể có một định nghĩa rõ rệt, khoan kể là quan niệm này đã phải thay đổi nhiều qua thời gian với hi vọng có thể phù hợp với sự tiến bộ trí thức của nhân loại. Mặt khác, mỗi Thần giáo đều có quan niệm riêng về Thiên Chúa của tôn giáo mình. Cũng vì vậy mà nữ học giả Judith Hayes đã viết một cuốn sách nhan đề "Chúng Ta Đặt Niềm Tin Vào Thiên Chúa! Nhưng Mà Là Thiên Chúa Nào?" (In God We Trust! But Which One?). Giáo

sur Keith Hopkins thuộc Hàn Lâm Viện Anh Quốc cũng viết một cuốn mang tên "Một Thế Giới Đầy Những Thiên Chúa" (A World Full of Gods). Và nữ tu Ca Tô Karen Armstrong cũng đã xuất bản cuốn Một Lịch Sử Về Thiên Chúa (A History of God) trình bày quan niệm về các Thiên Chúa trên thế gian. Những công cuộc nghiên cứu của các tác giả trên và lịch sử các nền văn minh khác nhau trên thế giới đã chứng tỏ Ki Tô Giáo chỉ là một tôn giáo thờ thần trong số nhiều tôn giáo hay truyền thống dân tộc thờ thần, trong thời đại mà con người chưa hiểu rõ nguyên nhân của những thiên tai hay hiện tượng thiên nhiên, cho nên tục thờ Thần ở đâu cũng có. Do đó, lẽ dĩ nhiên là về bản chất, Thần của Ki Tô Giáo mà các tín đồ Ca-Tô, Tin Lành Việt Nam tôn lên làm Thiên Chúa cũng chẳng có gì hơn Thần của các tôn giáo khác, nếu không muốn nói là trong một số khía cạnh, thí dụ như về đạo đức và khoa học, còn kém hơn cả những người thường như chúng ta. Điều này có thể chứng minh dễ dàng nếu chúng ta chịu khó đọc kỹ và phân tích Thánh Kinh gồm Cựu Ước và Tân Ước.

Bình luận câu John 3:16 ở trên, học giả Lloyd Graham cho rằng "Chưa bao giờ có nhiều ngụ ý biện có tính cách dạy đời được buộc chung với nhau trong một câu ngắn ngủi như trên" (No greater number of didactic fallacies were ever strung together in one short sentence) vì Thiên Chúa không hề thương yêu thế gian, Thiên Chúa không ban cho thế gian bất cứ cái gì; ông ta không có "người Con duy nhất", lòng tin không cứu được một ai, và không có cái gì gọi là cuộc sống đời đời. (God does not love the world; God does not give the world anything; he has no "only begotten Son", belief will not save anyone, and there is no such thing as everlasting life)

Thật vậy, trừ phi chúng ta chỉ biết cầm cuốn Thánh Kinh, không hề đọc, và nhắm mắt cầu nguyện. Nếu chúng ta mở mắt ra nhìn những cảnh khổ, cảnh bất công, cảnh con nít mới sinh ra đã bị khuyết tật hay chỉ là một quái thai v.v.. ở khắp nơi trên thế gian, kể cả trong các nước mà đa số dân chúng là tín đồ Ki Tô Giáo, thí dụ ở bên Anh có một gia đình Ca-Tô sinh ra một quái thai, hai thân dính liền nhau nhưng chỉ có một trái tim, thì không có cách nào chúng ta có thể chấp nhận luận điệu thần học của Giáo hoàng John Paul II: "Thiên Chúa quá thương yêu thế gian.." Chúng ta nên biết, theo niềm tin trong Ca-Tô giáo thì Thiên Chúa gồm những thuộc tính "toàn nhân", nghĩa là vô cùng nhân từ, và "toàn năng", nghĩa là làm gì cũng được. Hơn nữa, một Thiên Chúa mà chỉ thương yêu những người tin mình thì thực chất chỉ là một ngụ Chúa, không xứng đáng để cho con người tin, đừng nói đến kính trọng và thờ phụng. Sự hiện hữu của những cảnh khổ, những chiến tranh tôn giáo, những sự xấu ác ở trên đời là một nghịch lý mà từ xưa đến nay các nhà thần học Ki Tô Giáo không sao giải thích nổi để biện minh cho một Thiên Chúa Toàn Năng " quá thương yêu thế gian". Lỗi giải thích nghe xuôi tai đối với những tín đồ đầu óc mê muội nhưng lại có tính cách mạt ly đối với tư duy con người trong thế giới văn minh tiến bộ như ngày nay là: "đầu óc con người không hiểu được những ý định hay việc làm của Thiên Chúa".

Phải chăng vì vậy mà James A. Haught đã đưa ra một nhận định bất khả phủ bác trong cuốn 2000 years of Disbelief: Famous People with the Courage to Doubt, trang 324, như sau:

Qua luận lý, chúng ta có thể thấy quan niệm của giáo hội về một

Thiên Chúa ở trên trời với lòng thương yêu vô cùng không đứng vững.

Nếu có một đấng thần linh sáng tạo ra muôn loài thì ông ta đã làm ra ung thư vú cho phái nữ, bệnh hoại huyết cho trẻ con, bệnh cùi, bệnh AIDS, bệnh mất trí nhớ (Alzheimer), và hội chứng Down (khuyết tật tinh thần). Ông ta ra lệnh cho những con cáo cắn xé nát những con thỏ ra từng mảnh, những con báo giết những hươu nai. Không có một con người nào độc ác đến độ hoạch định những sự khủng khiếp như vậy. Nếu một đấng siêu nhiên làm như vậy, ông ta là một con quỷ, không phải là một người cha nhất mực nhân từ.

1

Thật tình tôi không hiểu tại sao trong thời buổi này mà vẫn còn có nhiều người tin ở một "Thiên Chúa quá thương yêu thế gian" trong khi những thực tế ở ngoài đời đã chứng tỏ là chẳng thương yêu của Thiên Chúa.

Hơn nữa,

phân tích ra thì

làm gì có cái gọi là sự

câu

trong Phúc Âm John

mà giáo

nên vĩnh viễn.

hoàng viện dẫn ở trên hoàn toàn vô nghĩa và phi lý. Vô nghĩa và phi lý ở chỗ chỉ có những người sinh sau Giê-su mới có thể biết đến Giê-su và tin Giê-su để không bị luận phạt và sống cuộc sống đời đời, lẽ dĩ nhiên sau khi chết. Như được viết rõ trong Tân Ước, ngay cả bố mẹ Giê-su là Joseph và Maria, cùng các em trai em gái Giê-su cũng không tin Giê-su là đấng cứu thế, trái lại còn cho là Giê-su đầu óc bất bình thường (out of his mind), cho

chắc chắn là họ đều bị Giê-su luận phạt và đày đọa xuống hỏa ngục

bà Giê-su.

phi lôgic cũng lạ.

Vậy tất cả cũng đều bị Giê-

Hơn nữa, trước khi Giê-su sinh ra đời thì nhân loại đã trải qua bao nhiêu thế hệ trong nhiều triệu năm, trong đó có các thế hệ của tổ tiên, ông

Ai biết đến Giê-su? Ai tin Giê-su?

su luận phạt hay sao? Trước năm 1533, người Việt Nam không ai nghe và biết đến tên Giê-su, hiển nhiên không ai có thể tin Giê-su, vậy tất cả dân tộc Việt Nam trong mấy ngàn năm trước năm 1533 cũng bị luận phạt hay sao? Những người Việt Nam tân tông Ca Tô Giáo có nghĩ đến các điều hoàn toàn vô nghĩa như trên hay không? Cái tín điều phi thực tế, phi nhân tính,

như vậy mà giáo hoàng nêu lên được trong thời đại này thì kể

Điều lạ hơn nữa là các tín đồ vẫn còn tin theo cái tín lý quái gở đó với một tâm cảnh vô cùng ích kỷ, chỉ nghĩ đến đời sống đời đời sau khi chết của riêng mình, mà không hề nghĩ đến bản chất ác độc, phi lý, phản khoa học, hoang đường, bất khả áp dụng, của sự luận phạt của Giê-su. Không những chỉ ích kỷ mà họ còn để lộ một tinh thần yếu kém, sợ sệt thần linh trong thời đại tiến bộ của khoa học kỹ thuật ngày nay mà quan niệm thần linh khi xưa đã không còn chỗ đứng. Trong thời đại mà các thần bình vôi, thần cây đa, thần hà bá v.v.. đã không còn ý nghĩa, tại sao họ vẫn còn có thể tin vào một "Thiên Chúa" của người Do Thái cách đây 2000 năm mà bản chất cũng không khác gì những "Thiên Chúa" trong dân gian trên khắp thế

giới?

Không phải chỉ có Giáo hoàng

tự

John Paul II mới đưa ra luận điệu

thần học có tính cách phi lô-gic như trên mà một cộng sự viên cao cấp của ông, Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, cũng đưa ra một luận điệu thần học tương

trong cuốn Chứng Nhân Hy Vọng: “Chúng ta không được lựa chọn vì công trạng của mình, nhưng chỉ vì lòng từ bi (sic) của Chúa.” hàm ý Chúa của ông Thuận sinh ra muôn loài nhưng lại chọn người này bỏ người kia tùy hứng, vì sự lựa chọn không đặt trên tiêu chuẩn luân lý, đạo đức. Một Chúa như vậy thì thật ra có phải là Chúa hay không. Những luận điệu thần học như vậy của Ca-Tô giáo thật ra chỉ để cho những người vốn không bao giờ

xử dụng đến đầu óc, đến lý trí, hoặc mê mẩn về một cái bánh vẽ trên trời, tin theo. Đối với những người có đôi chút đầu óc và không cần đến một cặp nạng Thần quyền để lê lét trên cuộc đời thì đó chỉ là những luận điệu cực kỳ phi lý đã lỗi thời, làm sao có thể tin được? Luận điệu thần học trên, Ca-Tô giáo thường dùng để biện minh cho một sự kiện: trong Thánh Kinh có nhiều nhân vật được Thiên Chúa chọn nhưng đạo đức rất tệ mạt, và trong lịch sử Ca-Tô Giáo có nhiều giáo hoàng được Thiên Chúa chọn, Thánh Linh hướng dẫn, nhưng lại là những người phạm những tội ác vô tiền khoáng hậu như sát nhân, loạn luân và loạn dâm v.v.. (xin đọc cuốn Đức Tin Công Giáo của Trần Chung Ngọc, Giao Điểm xuất bản, 2000, trang 174-180).

Khẳng định của 2 nhân vật cao cấp nhất trong hàng lãnh đạo Ca-Tô Giáo Rô-Ma cho chúng ta thấy ngay rằng bản chất của Ki Tô Giáo nói chung, Ca-Tô Giáo Rô-Ma nói riêng, là một tôn giáo “cứu rỗi” chứ không phải là một tôn giáo “giác ngộ”. Trọng tâm của một tôn giáo thuộc loại “cứu rỗi” là vấn đề tin, loại "tin là một cách sống, chết, không cần biết, không cần hiểu" như ông Đỗ Mạnh Tri, một trí thức Ca-tô, đã khẳng định trong cuốn Ngón Tay Và Mặt Trăng. Loại tin này, người ngoại đạo gọi là "mù loà tin bưng tin càn", nghĩa là chỉ tin những gì giáo hội dạy, bất kể những điều đó có đúng hay không, có hợp lý hay không, là sự thật hay chỉ là những luận điệu lừa dối, đã mất đi thời gian tính. Thật vậy, thuyết thần học Ki Tô về sự cứu chuộc và cứu rỗi của Chúa Giê-su đặt căn bản trên huyền thoại về tội tổ tông. Nhưng ngày nay, trừ những giáo dân ít học và kém hiểu biết, có còn ai tin vào huyền thoại "tội tổ tông" nữa đâu. Malachi Martin, giáo sư tại viện nghiên cứu Thánh Kinh của giáo hoàng tại Rô-ma dưới triều đại giáo hoàng John XXIII (Professor at the Pontifical Biblical Institute of Rome, served in the Vatican under Pope John XXIII), đã viết trong cuốn "Sự Suy Thoái Và Sụp Đổ của Giáo Hội Rô-Ma" (The Decline and Fall of the Roman Church) như sau, trang 230:

Giáo Hoàng John XXIII nói trong buổi khai mạc Công Đồng

Vatican II ngày 11 tháng 10, 1962, rằng "những giáo lý và quan niệm sai

lầm vẫn còn tồn tại nhiều, nhưng ngày nay con người đã tự ý loại bỏ

chúng... Nhưng nếu Roncalli (John XXIII) không thấy là điều giảng dạy

mới của mình dẫn tới đâu, thì hàng trăm nhà thần học và giám mục đã

thấy. Trong những thập niên 1960-70, sau khi Roncalli chết, họ đã từ bỏ

niềm tin về tội tổ tông, về quỷ Satan, và về nhiều giáo lý căn bản khác.

2

Tại sao các nhà thần học và giám mục lại từ bỏ thuyết thần học về tội tổ tông? Vì ngày nay, thuyết này không còn phù hợp với trình độ hiểu biết tiến bộ của nhân loại, hơn nữa lại còn chứa những mâu thuẫn mà không nhà thần học nào có thể biện minh được. Tôi sẽ trở lại vấn đề "tội

tổ tông" trong phần kết của cuốn sách này.

Khi chúng ta đặt câu hỏi “Giê-su giảng dạy những gì?” thì chúng ta đã giả định rằng Giê-su có đầy đủ

tư cách của một ông Thầy, đã để lại cho hậu thế một giáo lý nhất quán và phổ quát. Nhưng chúng ta không thể tìm thấy những thuộc tính này trong Ki Tô Giáo, vì với một tôn giáo thuộc loại “cứu rỗi” thì vấn đề không phải là những tiêu chuẩn đạo đức hay những triết lý về nhân sinh mà tất cả chỉ tùy thuộc vào lòng từ bi (sic) của Chúa, như TGM Nguyễn Văn Thuận đã khẳng định ở trên, và cốt tủy của đạo

Chúa là tin vào Chúa chứ không liên quan gì đến những điều giảng dạy, nếu có, của Giê-su, như giáo hoàng John Paul II đã uẩn hàm ở trên. Vậy thật ra, câu hỏi “Giê-su giảng dạy những gì” đặt ra hơi lạc đề, vì nó không mấy liên quan gì đến nhiệm vụ cứu chuộc hay cứu rỗi của Giê-su.

Để hiểu rõ vấn đề hơn, và để chúng ta có một khái niệm về vai trò của Giê-su trong một tôn giáo "cứu rỗi" như Ca-Tô giáo, tôi xin trích dẫn vài đoạn sau đây của Tiến Sĩ George Dennis O'Brien, Giáo sư Triết, Viện Trưởng Viện Đại Học Rochester, trong cuốn "Thần Ki-Tô Và Đường Xe Lửa ở New Haven. Và Tại Sao Cả Hai Đều Chẳng Mấy Thành Công". Trong cuốn sách này, giáo sư O'brien đã phân tích cho chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa một tôn giáo thuộc loại “cứu rỗi” và một tôn giáo “giác ngộ” như Phật Giáo, trg. 101-108:

“Một tôn giáo "giác ngộ" tăng tiến trí tuệ tâm linh hoặc đạo đức

của chúng ta bằng một giáo pháp nào đó. Một tôn giáo "cứu rỗi" cải đổi

đời sống của chúng ta bằng cách dẫn chúng ta sống đời sống của chúng

ta trong một người khác.

...Khi bậc Thầy xuất chúng qua đời, giáo pháp của ông ta có thể tiếp

tục sống.. Ông ta có thể có một giáo pháp như Tám Thánh Đạo (Bát

Chánh Đạo. TCN) khiến cho cái trí tuệ chuyên biệt của ông ta tồn tại vĩnh

viễn. Ngay cả khi bậc Thầy không để lại một giáo pháp nào mà chỉ là

mẫu mực của một trí tuệ tìm tòi và lý tưởng về tính Thiện, như Socrates,

cái gương sáng của ông Thầy tồn tại và làm tiêu chí cố gắng cho những

đệ tử sau này. Tất cả những phương tiện trên để tiếp nối "đời sống của

Sư Phụ" đều có ý thức cao và được áp dụng rộng rãi...Nhưng cái khung

truyện đó không phải là chủ trương của Tân Ước. Không phải là giáo

pháp của ông Thầy tồn tại, mà là chính "ông Thầy". Mà dù như vậy đi

chăng nữa thì cũng không có "ông Thầy" mà chỉ có "ông cứu thế". Vì

cách duy nhất để có một tôn giáo cứu rỗi là qua sự xâm nhập vào đời

sống của tôi của một người có ý nghĩa lạ lùng khác, cái "người khác" này

thật là cần thiết để cho câu chuyện có thể tiếp tục. Không có sự "sống lại"

thì không thể có chuyện để mà kể.

Do đó, tôn giáo cứu rỗi tùy thuộc ở "cải đổi", "sống lại", "thay đổi tận gốc rễ" trên căn bản một đời sống sống với một người khác.

...Trong một tôn giáo cứu rỗi, ta không thể đạt được một trình độ tâm linh cao bằng cách học hỏi về một chân lý nào đó, một sự kiện nào đó, một con người nào đó. Tất cả những điều trên đều có tính cách giáo dục và cao quý, nhưng đó không thuộc một truyện phim thuộc loại cứu rỗi. Trong câu chuyện về tội lỗi và cứu rỗi, con người tới một trạng thái mới bằng cách sống với một người khác.

Giêsu có hội đủ những tiêu chuẩn của những bậc Thầy xuất chúng về tâm linh không? Không đâu. Cái tiêu chí của sự siêu quần về tâm linh là con người phải là một bậc Thầy xuất chúng về tỉnh thức, về trí tuệ tâm linh, hoặc một tâm bình lặng. Giêsu không phải là một ông Thầy, mà là một ông cứu thế.

Chúng ta hãy coi một bậc Thầy xuất chúng. Socrates là một thí dụ tốt. Socrates là một đại sư về tỉnh thức tâm linh. Ông ta cho rằng ông không biết gì cả, chỉ đặt cho học trò vài câu hỏi có tính cách mưu mẹo, thách đố. Socrates muốn chắc rằng học trò bám vào chân lý chứ không

bám vào Socrates.

Đức Phật là một thí dụ về một bậc Thầy "tôn giáo" xuất chúng cũng có cùng giáo pháp tự chứng như Socrates.

Đức Phật không phải là một đấng cứu rỗi, Người là Đấng Giác Ngộ. Người đã chứng được những chân lý về nhân sinh, và Người đã đưa ra Tám Thánh Đạo để hướng dẫn con người đạt tới cùng sự giác ngộ như Người và do đó thoát khỏi khổ đau.

Tương phản với những bậc Thầy xuất chúng kể trên, chúng ta phải nói rằng Giêsu hiển nhiên hiểu lầm về vai trò của một giáo pháp. Giêsu không có học trò (hay đệ tử) mà chỉ có môn đồ (hay tông đồ). Và điều này không phải là ngẫu nhiên. Giêsu nói: "Kẻ nào "tin vào" Ta thì sẽ được sống đời đời." Không phải là tin vào giáo pháp của ta mà tin vào chính TA. Lời tuyên xưng này không làm cho anh được cái giải thưởng giáo dục của E. Harris Harbison. Cái mà Giêsu "biết" không phải là sự giác ngộ, Giêsu chỉ biết Chúa Cha: "Chỉ có con mới biết Cha", "Kẻ nào biết TA sẽ biết Cha", "Chỉ có thể đến với Cha ta qua TA".

Bất cứ Ki-Tô Giáo có thể là cái gì khác, có vẻ như là ở ngoài mặt rõ ràng đó là một tôn giáo thuyết giáo về sự cứu rỗi và một đấng cứu rỗi. Trước khi chúng ta cảm thấy chán ngấy với ý tưởng này, điều quan trọng là chúng ta phải nhớ rằng hầu hết những chủ lực tinh thần lớn khác, không những là không thuyết giáo về sự cứu rỗi mà trong vài trường hợp, còn thực sự khinh ghét ý tưởng này. Hồi Giáo là một trường hợp điển hình... Người theo Hồi Giáo thấy rằng cái khái niệm Ki-Tô về một đấng cứu rỗi đã làm hạ phẩm giá của cả đấng cứu rỗi lẫn người được cứu rỗi.

Để sống đạo hạnh và tiến tới Giác Ngộ, con người cần những bậc Thầy chứ không cần tới các đấng cứu rỗi. Sự khác biệt thật là quan trọng. Xét về toàn diện, những tôn giáo đạo đức hay giác ngộ thì hợp với xu hướng của người Mỹ ngày nay hơn. Những tôn giáo này có hai lợi thế rõ rệt so với những tôn giáo dựa theo Thánh Kinh. Trước hết là những tôn giáo này có vẻ như là những con đường tâm linh tự lực Điều này hợp với tinh thần độc lập và tự tin của người Mỹ. Tuy rằng các bậc Thầy xuất chúng rất là đáng quý trong các tôn giáo này, nhưng họ cũng có thể được để qua một bên, và con người có thể tự học lấy. Người ta không thể tự cứu rỗi trong tôn giáo dựa vào Thánh Kinh. Lợi thế thứ nhì của các tôn giáo giác ngộ và đạo đức là những tôn giáo này có thể dẹp bỏ phần lớn cái mưu toan thần học. Nếu thực sự có các Thần - và trong Phật Giáo có vẻ như là không hề có - thì vai trò của các Thần là những bậc Thầy hữu ích (nhưng có thể bỏ qua), hoặc là những lý tưởng hay những nhân vật gương mẫu. Chân lý nằm trong giáo pháp chứ không nằm trong ông "Thầy - Cứu rỗi."

3

Sự phân tích ở trên của Giáo sư O'Brien rất phù hợp với nhận định của giáo sư đại học người Đức, Hermann Samuel Reimarus, trong thế kỷ 18. Theo giáo sư Reimarus thì chúng ta có thể phân biệt một cách tuyệt đối những điều viết bởi các tông đồ và những điều giảng dạy thực sự của Giê-su. Tất cả những điều giảng dạy của Giê-su nằm trong hai câu có ý nghĩa y hệt nhau: "Hãy thống hối, và tin vào Kinh Thánh" hoặc, ở một nơi khác "Hãy thống hối, vì Nước Thiên Đàng sắp tới" (Albert Schweitzer, The

Quest of the Historical Jesus, The MacMillan Co., New York, 1962, p. 16: What belongs to the preaching of Jesus is clearly recognized. It is contained in two phrases of identical meaning, "Repent, and believe the Gospel," or, as it is put elsewhere, "Repent, for the Kingdom of Heaven is at hand". Sự phân tích trên cũng phù hợp với nhận định của William Hirsch về "cái Ta" của Giê-su: "Tất cả những điều Giê-su nói, giáo lý, bài giảng đều đưa tới một đơn từ: "Ta" (All his sayings, his teachings, his sermons culminated in a single word: "I"), một cái "Ta" bắt nguồn từ căn bệnh hoang tưởng.

Vậy thật ra Giê-su không phải là một ông Thầy theo đúng nghĩa của một ông Thầy, do đó bàn về chủ đề "Giê-su giảng dạy những gì?" thì chỉ là cưỡng bèn về một chủ đề không thích hợp. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng phân tích những lời của Giê-su trong Tân Ước mà phần lớn là những lời khẳng định chứ không phải là thuyết giảng cho một giáo lý nhất quán. Thực tế là chỉ có ít điều vụn vặt được trích dẫn ngoài toàn bộ những lời của Giê-su (out of context) để giảng cho tín đồ, những người ít khi đọc đến Tân Ước khoan nói đến chuyện có đầu óc nhận xét phân tích. Nhưng ngay cả ít điều vụn vặt này cũng chẳng có gì là độc đáo vì chúng chẳng qua chỉ là sự cớp nhặt những điều đã có trong dân gian, trong các nền văn minh khác. Các tín đồ không biết đến điều này, cho nên họ bị đưa vào cái rọ thần học chọn lọc và một chiều của giới chẵn chẵn mà không biết rằng mình đã bị nhồi sọ, nhất là sự nhồi sọ này được thực hiện từ khi tín đồ còn nhỏ, đầu óc còn như trang giấy trắng, một khi đã bị vấy mực đen vào thì rất khó tẩy sạch.

(xem chú thích >>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

--Giêsu đã giảng dạy những gì? (tiếp theo)

Vậy thì, Giê-su giảng dạy những gì?

Nhận định sau đây của Joseph L. Daleiden trong cuốn The Final Superstition, trg. 174, về cái gọi là giáo pháp của Giê-su có thể giúp chúng ta nhìn rõ vấn đề một cách tổng quát:

Có rất ít, nếu có, điều sáng tác độc đáo trong giáo pháp mà người

ta cho là của Giêsu. Giống như chính huyền thoại về Giêsu, những quan

điểm mà Giêsu diễn đạt chỉ là một mớ hổ lốn những ngụ ngôn và luân lý

mà chúng ta có thể thấy trong những đạo cổ xưa của Ai Cập, Babylon, Ba

Tur, Hi Lạp, Phật, Khổng, Ấn Độ... Một điều rõ ràng: Ki Tô Giáo, một tôn

giáo sinh sau đẻ muộn trong lịch sử các tôn giáo, chỉ cóp nhặt (đạo vãn)

những quan điểm, ý kiến của Do Thái Giáo và các tôn giáo gọi là dân

gian. Trong cuốn "Nguồn Gốc Luân Lý Trong các Phúc Âm", Joseph McCabe

(Một Linh Mục Ca Tô. TCN) đã trích dẫn những quan điểm luân lý trong

Phúc Âm mà người ta cho là của Giêsu song song với những quan điểm

luân lý tương đương và y hệt của các tácgiả Do Thái và dân gian.

nhận định của Daleiden không phải là sai.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào chi tiết những lời giảng dạy của Giê su.

Trước hết, chúng ta hãy xét đến những khẳng định về "cái Ta" của Giê-su vì chính những khẳng định này đã được giáo hội khai thác để cấy vào đầu tín đồ từ khi còn nhỏ, tạo nên một đức tin không cần biết không cần hiểu. Vì "cái Ta" của Giê-su bắt nguồn từ một tâm bệnh hoang tưởng như đã được chứng minh trong chương trên, cho nên trong Tân Ước có rất nhiều "cái Ta" tự tôn của Giê-su. Sau đây chỉ là vài trích dẫn những lời của Giê-su trong Thánh Kinh với vài lời phân tích của tôi dựa trên lô-gic.

John 6:35: Ta là thức ăn của đời sống. (I am the bread of life)

John 8:12, 9:5: Ta là ánh sáng của thế gian (I am the light of the world)

John 10: 11, 14: Ta là người chăn chiên chí thiện (I am the good shepherd)

John 11:25: Ta là Sự Sống Lại và là Sự Sống (I am the resurrection and the life)

John 14:6: Ta là Con Đường, là Sự Thật và là Sự Sống (I am the way, the truth, and the life)

John 10:30: Ta với Cha Ta là một. (I and My Father are one).

John 10:36: Ta là Con Thiên Chúa (I am the Son of God).

John 12:49: Ta không nói theo ý Ta; Chính người Cha sai Ta xuống đây đã cho lệnh Ta phải nói những gì và nói như thế nào. (I have not spoken on my own authority; the Father who sent me has himself given me commandment what to say and what to speak)

Những khẳng định trên, và nhiều khẳng định khác về cái "Ta" của Giê-su trong Tân Ước, rõ ràng là bắt nguồn từ một căn bệnh hoang tưởng như chúng ta sẽ thấy trong phần phân tích sau đây. Đó không phải là những lời dạy có tính cách giáo dục đạo lý. Trong lịch sử nhân loại, chúng ta không hề thấy bất cứ một nhân vật nổi danh nào như Đức Phật, Đức Khổng Tử, Lão Tử, Socrates v..v.. tự quảng cáo cho "cái Ta" của mình nhiều và hoang đường như Giê-su. Hoang đường vì không phải là sự thật, vì mâu thuẫn, và vì chúng trái ngược với con người thực của Giê-su như được mô tả trong Thánh Kinh.

Những "cái Ta" của Giê-su đã đặt trước chúng ta khá nhiều vấn đề, và bắt buộc chúng ta phải có một sự chọn lựa dứt khoát, không thể nhập nhằng.

Thật vậy, Ta là Con Thiên Chúa khẳng định vai vế của Giê-su đối với Thiên Chúa, và lẽ dĩ nhiên hoàn toàn mâu thuẫn với Ta với Cha Ta là một. Dù chúng ta có nhắm mắt tin bừa thuyết điên rồ toán học (mathematical insanity) Chúa Ba Ngôi của giáo hội Ca-Tô đưa ra nhiều thế kỷ sau khi Giê-su đã qua đời đi chẳng nữa thì các câu trên cũng còn đưa tới vài vấn đề khác. Thí dụ:

Chúng ta hãy xét đến câu John 12: 49 ở trên: Ta không nói theo ý Ta; Chính người Cha sai Ta xuống đây đã cho lệnh Ta phải nói những gì và nói như thế nào.

Thứ nhất, câu trên chứng tỏ Giê-su chỉ tự nhận, vì không có bất cứ bằng chứng nào chứng tỏ đó là sự thật, là một sứ giả của Thiên Chúa, được sai xuống trần để nói cho dân Do Thái, tuyệt đối không phải cho dân Việt, những gì mà Thiên Chúa muốn nói. Điều này hoàn toàn mâu thuẫn với lời tự nhận khác của Giê-su: John 10:30: Ta với Cha Ta là một.

Thứ nhì, nếu chúng ta chấp nhận câu John 12: 49 ở trên như là sự thực, thì những lời Giê-su nói đều là những lời của Thiên Chúa. Mà Thiên Chúa thì không thể sai lầm, vì Thiên Chúa, theo niềm tin của các tín đồ Ki-Tô, là bậc toàn năng, nghĩa là làm gì cũng được, và toàn trí, nghĩa là cái gì cũng biết, kể cả quá khứ vị lai, hai thuộc tính của Thiên Chúa có tính cách loại trừ lẫn nhau (mutual exclusive), nghĩa là có cái này thì không thể có cái kia, mà giáo hội đã thành công cấy vào đầu óc tín đồ từ khi còn nhỏ, khi họ chưa phát triển về trí tuệ cũng như về thân xác. Điều này khiến chúng ta bắt buộc phải chọn một trong hai điều sau đây chứ không thể chọn cùng lúc cả hai.

1.

Nếu những lời Giê-su nói không hề sai lầm, đúng trong mọi thời đại, thì vai trò Thiên Chúa của Giê-

su có thể tạm chấp nhận được.

2.

Nếu trong những lời nói và hành động của Giê-su có những sai lầm thì Giê-su không thể nào là Thiên Chúa.

Nhưng Thánh Kinh lại chứng tỏ rằng Giê-su có rất nhiều sai lầm. Vậy thực ra những lời nói của Giê-su cũng chỉ là những lời nói của một người thường, với sự hiểu biết giới hạn của một người thường, ở trình độ của một người dân thường trong vùng dân Do Thái cách đây 2000 năm. Và như vậy, Giê-su đã phạm tội nói láo và lừa dối, vì ông ta khẳng định rằng những lời nói của ông là của Thiên Chúa không thể sai lầm. Kết luận: Giê-su chỉ có thể đóng một trong hai vai trò: Thiên Chúa hay một người thường phạm tội nói láo và lừa dối chứ không thể cùng lúc cả hai. Vậy vai trò nào là vai trò đích thực của Giê-su?

Điều này không khó, chúng ta chỉ cần mở Thánh Kinh ra đọc thì sẽ thấy ngay. Chúng ta đã biết trong chương trên, bác sĩ Nguyễn Văn Thọ cũng như học giả Rubem Alves, dựa trên Thánh Kinh, đều viết rằng Giê-su tin và khẳng định rằng Moses (Môise) là tác giả của Ngũ Kinh trong khi thực sự thì Moses không viết. Huyền thoại về Moses được viết ra khoảng 3, 4 trăm năm sau khi Moses đã chết, trong 2 phẩm Xuất Ê-Díp-Tô (Exodus) và Dân Số (Numbers). Đây là kết quả nghiên cứu của những chuyên gia nghiên cứu Thánh Kinh mà chính giáo hội Ca-Tô cũng phải chấp nhận. Bằng chứng? Tên các vị Vua xứ Edom viết trong Sáng Thế 36 là những vị Vua sống trong những thời kỳ sau khi Moses đã chết từ lâu. Trong Phục Truyền 34 có kể cả chuyện Moses chết ra làm sao, chẳng lẽ Moses lại tả chuyện chính mình chết? Cho nên Moses không thể là tác giả của Ngũ Kinh. Vậy, nếu Giê-su đã sai lầm về một sự kiện lịch sử nhỏ nhặt như trên, không biết đến cả tác giả Ngũ Kinh là ai mà lại cho đó là Moses, thì làm sao chúng ta có thể tin được những lời nói về những chuyện trên trời, và nhất là những lời tự tôn của Giê-su, cho mình chính là Thiên Chúa toàn năng, toàn trí, và những lời đó chính là của Thiên Chúa? Kết luận, những câu khẳng định về cái "Ta" của Giê-su chẳng qua cũng chỉ là những điều hoang tưởng bệnh hoạn, không khác gì những hoang tưởng của David Koresh, James Jones và vô số người khác trong thời đại này.

Thứ ba, nếu Giê-su tự cho mình chính là Thiên Chúa, Thiên Chúa ở đây phải hiểu là Thiên Chúa trong Cựu Ước, thì Giê-su lại bị kẹt trong vấn đề đạo đức. Vì trong Cựu Ước, Thiên Chúa được mô tả như một vị Thần chiến tranh, ác độc, ghen tuông, ưa ủng hộ dân này chém giết dân kia. Thật vậy, Thiên Chúa trong Cựu Ước dạy dân Israel của Ngài "Vậy các ngươi sẽ ăn cướp của người Ai cập" (Exodus 3, 22: So you shall plunder the Egyptians) và dân ngài đã tuân theo lệnh của Ngài như được kể trong Xuất-Ê-Díp-Tô (Exodus) 12, 35-36; Ngài dạy Moses: "Hãy báo thù dân Midian cho dân Israel" (Numbers 31, 2: Take vengeance for the children of Israel on the Midianites), Moses tuân lệnh dạy dân mình: "Các ngươi hãy mang binh khí đi đánh dân Midian để trả thù cho Thiên Chúa" (Numbers 31, 3: So Moses spoke to the people, saying, "Arm yourselves for the war, and let them go against the Midianites to take vengeance for the Lord); "và chúng giao chiến cùng dân Midian, đúng như lời Chúa ra lệnh cho Moses, giết sạch mọi người Nam" (Numbers 31, 7: And they warred against the Midianites, just as the Lord commanded Moses, and they killed all the males); "Và dân Israel bắt tất cả đàn bà Midian, và con nhỏ của họ, và cướp hết thầy súc vật, bày chiên, và của cải của họ. Chúng cũng đốt sạch những thành phố, thành trì mà dân Midian ở. Và đem theo tất cả đồ cướp được, người và súc vật" (Numbers 31, 9-11: And the children of Israel took all the women of Midian captive, with their little ones, and took as spoil all their cattle, all their flocks, and all their goods. They also burned with fire all the cities they dwelt, and all their forts. And they took all the spoil and all the booty, both of man and beast). Đọc tiếp những phần sau trong chương Numbers này chúng ta thấy Moses còn ra lệnh cho thuộc hạ giết hết đàn bà và con trai chỉ để lại trinh nữ. Sau đó là mục chia chác những "chiến lợi phẩm", Thiên Chúa cũng có phần như sau: 675 con chiên, 72 con bò, 61 con lừa, và

32 trinh nữ. Một Thiên Chúa như vậy có đáng để cho chúng ta kính trọng hay không, khoan nói đến việc thờ phụng. Thờ phụng Thiên Chúa hay thờ phụng Giê-su thì cũng chẳng khác gì nhau vì Giê-su

đã khẳng định ông chính là Thiên Chúa. Phải chăng vì vậy mà Giám Mục John Shelby Spong đã thú nhận: Cuốn Thánh Kinh đã làm cho tôi đối diện với quá nhiều vấn đề hơn là giá trị. Nó đưa đến cho tôi một Thiên Chúa mà tôi không thể kính trọng, đừng nói đến thờ phụng. (xin đọc Chương I, trang 84 ở trên.)

Như trên đã nói, trong Thánh Kinh có nhiều chuyện chứng tỏ Giê-su sai lầm. Sau đây là một chuyện điển hình: chuyện Giê-su nguyên rửa cây sung.

Ông Đỗ Mạnh Tri, một trí thức Ca-Tô, kể chuyện này trong cuốn Ngón Tay Và Mặt Trăng như sau:

-Matthêu 21, 18-21: Sáng sớm, khi trở vào thành, Ngài cảm thấy đói.

Trông thấy cây vả bên đường. Người lại gần nhưng không tìm được gì cả,

chỉ thấy lá thôi. Nên Người nói: "Từ nay, không bao giờ mày có trái

nữa!" Cây vả chết khô ngay lập tức. Thấy vậy, các môn đệ ngạc nhiên

nói: "Sao cây vả lại chết ngay lập tức như thế?" Đức Giê-su trả lời: "Thầy

bảo thật anh em. nếu anh em tin và không chút nghi nan, thì chẳng những

anh em làm được điều thầy làm cho cây vả, mà hơn nữa, anh em có thể

bảo núi này: Dời chỗ đi, nhào xuống biển!thì sự việc sẽ xảy ra như thế."

Rồi ông bình luận và chê triết gia và nhà toán học nổi tiếng hoàn cầu trong thế kỷ 20, Bertrand Russell, là không biết đọc Thánh Kinh như sau:

"Chẳng cần phải là nhà Kinh Thánh học ta cũng biết rằng đây là

một lối giảng dạy bằng dụ ngôn, bằng tác động. (...) Đọc dụ ngôn mà

không biết uyển chuyển đôi chút, thật sự đáng tiếc nơi một con người đặt

nặng vấn đề ngôn ngữ như B. Russell."

Ông Đỗ Mạnh Tri đã thiếu lương thiện trí thức, trích dẫn thiếu sót Thánh Kinh, bỏ đi đoạn trên nói về đầu đuôi câu chuyện dẫn đến chuyện cây sung. Đoạn trên đó như sau:

"Thế rồi, khi Giê-su và các môn đồ tới Jerusalem, và tới làng

Bethphage ở gần núi Olives, Giê-su sai hai môn đồ đi trước vào làng.....

...Giê-su đi thẳng vào đền thờ, đuổi hết những người mua bán ra

ngoài, lật đổ bàn của những kẻ đổi tiền, và ghế của những kẻ bán chim bồ

câu....

Rồi Giêsu bỏ họ, ra khỏi Jerusalem, về trọ tại làng Bethphage đêm

ấy."

Và chuyện cây sung bắt đầu: Sáng hôm sau, trên đường trở vào thành phố, Ngài thấy đói bụng....

Chúng ta thấy ngay rằng, thật ra, chỉ những người đã bị nhồi sọ một chiều từ khi còn nhỏ, hoặc có đầu mà không có óc, mới có thể cho câu chuyện cây sung ở trên là "một lối giảng dạy bằng dụ ngôn". Một dụ ngôn thường là một câu chuyện về những nhân vật không dính dáng gì tới người đang kể chuyện hay những người đang nghe, và có tính cách giáo dục, luân lý. Ở đây, Matthew kể chuyện về một nhân vật Giê-su có thật, mới chết trước khi Matthew viết Phúc Âm Matthew khoảng 3, 40 năm, và câu chuyện có đầu có đuôi hẫ hoi. Mặt khác, ông Đỗ Mạnh Tri cũng không cho độc giả biết cái mà ông Tri cho là dụ ngôn của Chúa trong chuyện nguyên rủa cây sung dạy về cái gì? Luân lý, đạo đức, cách xử thế đối với chúng sinh? Tất cả đều không phải. Câu chuyện về cây sung chẳng phải là một "dụ ngôn" mà đã nói rõ một điều: ai có lòng tin vào Thiên Chúa thì có thể làm được như Giêsu, nghĩa là có thể nguyên rủa cho một cái cây chết héo queo ngay lập tức, ngoài ra còn có khả

năng bảo núi chuyển là núi tự động bò xuống biển? Hay nói cách khác, ai tin vào Giê-su thì có thể làm được bất cứ cái gì mà mình muốn.

Chỉ có điều, trong 2000 năm nay, người tin Giêsu thì rất nhiều, trong đó có các giáo hoàng tự xưng là đại diện của Giê-su trên trần (Vicars of Christ), và tất nhiên có ông Đỗ Mạnh Tri, nhưng nhân loại chưa thấy ai làm được những chuyện này. Vậy phải chăng những lời của Giê-su trong "dụ ngôn" về cây sung chẳng qua chỉ là những lời hứa hẹn hoang đường, vô trách nhiệm, và chỉ có những người không đội trời chung với lý trí, với suy luận v.v.. mới có thể tin vào những lời hứa hão của Giê-su.

Cũng vì vậy mà các chuyên gia phân tích Thánh Kinh kết luận rằng: hành động của Giê-su trong câu chuyện về cây sung (hay cây vả) chứng tỏ Giê-su đã vấp phải 4 sai lầm về kiến thức cũng như về đạo đức cùng một lúc:

1)

Không biết là trong mùa đó cây sung không thể có trái, nghĩa là thiếu kiến thức về mùa màng, cây cỏ.

2)

Hủy diệt vô lý vĩnh viễn một cây ra trái ăn được.

3)

Để nổi nóng, nổi quạu khi bị phạt ý.

4)

Lừa dối các môn đồ bằng những lời hứa hẹn hoang đường: chỉ cần có lòng tin là có thể thay đổi tình trạng vật chất thiên nhiên bằng lời nguyện rửa hay ra lệnh.

Nhưng vấn đề chính trong chuyện cây sung là, một chi tiết trong đó đã đương nhiên bác bỏ khả năng làm phép lạ của Giê-su như đi trên sóng, biến 1 ổ bánh mì thành 100 ổ bánh mì, biến nước thành rượu v.v.. Ngài là Thiên Chúa mà sáng ra Ngài lại đói như người thường. Tại sao Ngài lại không biến cục đá ngoài đường thành bánh mì để Ngài ăn cho đỡ đói mà lại hi vọng vào vài quả sung lúc trái mùa? Để rồi Ngài phải nổi quạu và nguyện rửa cây sung một cách phi lý? Ấy thế mà các tín đồ có đầu nhưng không có óc vẫn tin rằng Ngài quả là Thiên Chúa "lòng lành vô cùng" và có khả năng làm nhiều phép lạ.

Như chúng ta sẽ thấy, nhiều bằng chứng ngay trong Thánh Kinh chứng tỏ Giê-su có đầy đủ những sai lầm và có một kiến thức rất giới hạn, tính tình dễ nổi nóng một cách bất thường v.v.. Vậy chúng ta có thể chấp nhận những lời tự tôn của Giê-su như "Ta với Cha Ta là một" hay "Ta là Con Thiên Chúa", "Ta là con đường, là sự thật, là sự sống" v.v.. được hay không? Trong chương trên, tôi đã trình bày kết luận của nhiều học giả: Giê-su chỉ là một người thường, không hơn không kém, khoan kể là kiến thức và đạo đức của Giê-su không có gì đặc biệt, nếu không muốn nói là thấp kém so với rất nhiều nhân vật trong lịch sử thế gian. Vậy mà Giê-su dám tự nhận:

John 8, 12: Ta là ánh sáng của thế gian. (I am the light of the world).

Ánh sáng gì của thế gian? Ánh sáng soi sáng trí tuệ và đạo đức con người? Tuyệt đối không phải. Đó là ánh sáng, thật ra là sự u tối, của một đức tin mù quáng, không cần biết, không cần hiểu. Lịch sử thế gian cho thấy, vì tin vào "ánh sáng thế gian" của Giê-su, Ca-Tô giáo Rô-Ma đã chìm đắm trong bóng tối dày đặc của 2000 năm đầy tội ác và vẫn còn đang tiếp tục mưu toan lừa nhân loại vào cảnh tối tăm nô lệ cho một định chế thế tục độc tài tham lam vô độ mang danh nghĩa tôn giáo.

Trước khi đi vào chính những lời của Giê-su trong Thánh Kinh để tìm hiểu vấn đề Giê-su giảng dạy những gì, tôi hi vọng độc giả nhận thức rõ một điều. Giới chẵn chiêm trong giáo hội Ca-Tô thường trích dẫn những điều vụn vặt trong Tân Ước mà họ cho đó là những lời hay ý đẹp của Giê-su để giảng dạy cho tín đồ, phần lớn những lời này thuộc loại khẳng định tự tôn, với mục đích đề cao, thần thánh hóa Giê-su trước đám tín đồ vốn không bao giờ đọc Thánh Kinh và cũng không đủ trình độ để phân biệt chân giả. Họ không bao giờ đưa ra những câu chứng tỏ "lời nói không đi đôi với việc làm" của Giê-su. Thực chất của Giê-su là chỉ nói ngon nói ngọt ngoài

miệng, còn những hành động của Giê-su thì không bao giờ làm theo lời nói, trái lại còn trái ngược hẳn với những lời nói của mình. Do đó Giám Mục Spong đã phải đưa ra một nhận định: "Có nhiều bằng chứng trong Thánh Kinh chứng tỏ Giê-su ở Nazareth là con người thiên cận, đầy thù hận, và ngay cả đạo đức giả" (xin đọc Chương I, trang 84). Chứng minh?

1. Chúa Giê-su dạy: " Hãy lấy cây sà trong mắt người ra trước rồi hãy lấy cây kim trong mắt người khác ra sau. Đừng phê phán ai để người cũng không bị phê phán." nhưng rồi chính ông lại đi phê phán người khác: Matthew 23: 13: Khốn cho giới dạy luật và Biệt Lập, hạng đạo đức giả; Matthew 23:15: Khốn cho các ông, hạng giả nhân giả nghĩa; Matthew 23: 16: Khốn cho các ông, hạng lãnh đạo mù quáng và còn nhiều lời phê phán tương tự khác đầy dẫy trong Tân Ước.

Vậy trước khi phê phán họ, Chúa Giê-su đã lấy cây sà trong mắt mình ra chưa?

2. Chúa Giê-su dạy môn đồ "phải yêu kẻ thù và cầu nguyện cho người khủng bố hành hạ các con" (Matthew 5: 44), nhưng chính Giê-su thì lại hành động ngược lại:

Giê-su phán, Matthew 12:30: Kẻ nào không theo ta, ở với ta, là chống đối ta., và coi những người không tin và tuân phục Giê-su là kẻ thù và dạy môn đồ:

Luke 19:27 : Hãy mang những kẻ thù của Ta ra đây, những người không muốn Ta ngự trị trên họ, và giết chúng ngay trước mặt Ta.

3. Chúa Giê-su dạy: "Người nào nguyện rửa anh em sẽ bị xuống hỏa ngục" (Matthew 5: 22) nhưng chính Giê- su

lại đi nguyện rửa những người không chịu theo Giê-su:

Luke 8: 24: Nếu người không tin ta là con Thượng Đế, người sẽ chết trong tội lỗi của người.

Matthew 12: 34: Ôi thế hệ của những loài rắn độc, ác như các người làm sao có thể nói những lời tốt lành?

Matthew 23: 33: Người là loài rắn, người là thế hệ của những rắn độc, làm sao các người thoát khỏi hỏa ngục?

Vậy bây giờ Chúa Giê-su đang ở đâu? Dưới hỏa ngục hay trên thiên đường?

4. Chúa Giê-su dạy, Matthew 23: 11-12: Các con càng khiêm tốn phục vụ người thì càng được tôn trọng... Ai tự đề cao sẽ bị hạ thấp, ai khiêm tốn hạ mình sẽ được nâng cao, nhưng chính Chúa lại tự tôn một cách quá công cao ngã mạn như trong những câu tôi đã trích dẫn ở trên. Cái tính khiêm tốn mà Giê-su dạy các môn đồ, Giê-su để vào đâu mà lại đưa ra những lời tự nhận quá huênh hoang như trên?

Nói tóm lại, khi tìm hiểu về thực chất con người của Giê-su, chúng ta cần giữ thái độ: "Đừng tin những gì các Linh mục nói về Giê-su trong các nhà thờ, mà hãy nhìn kỹ những gì Giê-su nói và làm trong Thánh Kinh". Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể có những nhận định trung thực và chính xác về Giê-su, do đó tránh được những sự mê hoặc của những luận điệu thần học về những thuộc tính thần

thánh của Giê-su, một nền thần học của giới giáo sĩ đưa ra, chỉ cốt để tự tạo

quyền lực thế gian trên đám tin đồ thấp kém, khai thác sự yếu kém tinh thần và lòng mê tín cả tin của họ.

Đi sâu vào vấn đề, xét về mặt trí tuệ cũng như đạo đức thì nhiều chuyện trong Tân Ước chứng tỏ tư cách của Giê-su còn kém cả nhiều người thường nữa. Điều này chúng ta có thể chứng minh dễ dàng qua sự phân tích những lời và hành động của Giê-su trong Tân Ước. Tôi cũng xin độc giả nhớ cho rằng, hầu hết những "lời giảng dạy" của Giê-su là những khẳng định hoang đường vô căn cứ phản ánh những niềm tin của người Do Thái trong bối cảnh lịch sử và xã hội của dân tộc Do Thái cách đây 2000 năm. Cho nên ngày nay, tuyệt đại đa số các bậc thức giả đã bác bỏ những khẳng định này, như tôi sẽ chứng minh trong các phần sau.

Để độc giả có một nhận định rõ ràng về vấn đề "Giê-su giảng dạy những gì?", tôi xin xếp những lời của Giê-su trong Tân Ước theo hai chủ đề chính: gia đình và quốc gia. Sau đó tôi sẽ bàn đến "Bài Giảng Trên Núi". Ngoài ra, để cho đầy đủ hơn tôi sẽ đưa ra một số những lời lật vật khác của Giê-su ở trong Tân Ước để quý độc giả thấy rõ con người lịch sử Giê-su là con người như thế nào.

1. Giê-su Và Gia Đình:

Gia đình là nền tảng của xã hội. Không ai có thể phủ nhận là ảnh hưởng tư tưởng Khổng Giáo đã thấm nhuần vào xã hội Việt Nam với phương châm "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Do đó, về "tề gia" thì người Việt Nam rất coi trọng về hiếu đễ với cha mẹ, thờ cúng tổ tiên, tình nghĩa vợ chồng, bổn phận giữa cha mẹ và con cái và giữa anh chị em trong nhà. Trong văn học bình dân có nhiều câu dạy con người từ khi còn nhỏ phải biết đến ơn cha nghĩa mẹ. Điển hình là hai câu: "Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra." dạy đạo làm con cần phải hiếu kính cha mẹ. Phật Giáo cũng coi trọng chữ hiếu. Đức Phật đã giảng dạy rằng: "hiếu kính với cha mẹ hiện tiền chính là hiếu kính với Phật" hay sao? Tục lệ thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ của người dân Việt cũng chỉ nói lên lòng hiếu kính của con người đối với các bậc đã sinh thành ra mình. Nhưng khi Ca-Tô Giáo Rô-ma du nhập Việt Nam thì tôn giáo này, với quan niệm vô gia đình vô tổ quốc, chỉ biết đến Chúa v.v.. đã biến những tín đồ tân tòng thành lớp người vô tổ quốc, vô chính phủ, vô gia đình, vô tổ tiên. Họ chỉ có một tổ quốc: đó là nước Chúa, thật ra chỉ là nước Vatican vì có ai biết nước Chúa ở đâu đâu?; một chính phủ: đó là hệ thống quyền lực của giáo hoàng vì họ được giáo hội dạy rằng thần quyền đứng trên thế quyền, giáo hoàng là "đại diện của Chúa" trên trần, và các linh mục là "cha cũng như Chúa" v.v..; một gia đình: đó là gia đình những người theo đạo; và một tổ tiên: đó là ông Adam và bà Eve trong huyền thoại sáng tạo cổ xưa của Do Thái. Cho nên các tín đồ tân tòng Việt Nam đã mù quáng dẹp bỏ thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ vào xô trong hơn 400 năm, kể từ 1533, cho tới gần đây, vì trước sự tiến bộ của nhân loại, để giữ tín đồ, giáo hội đã bắt buộc phải cởi trói, cho phép giáo dân được thờ cúng ông bà tổ tiên, cho nên họ mới lác đác trở lại thờ cúng tổ tiên. Họ thường tự biện rằng ngày nay họ đã thờ cúng tổ tiên trở lại, hay ăn giỗ ăn Tết, và do đó Ca-Tô giáo cũng có tinh thần dân tộc. Nhưng điều này lại nói rõ hơn gì hết cái tinh thần nô lệ Vatican của họ, vì chuyện thờ cúng tổ tiên không phải là họ tự động trở lại với truyền thống dân tộc mà chỉ là họ được Vatican cho phép sau Công Đồng Vatican II. Tại sao trong hơn 400 năm họ không hề có thái độ gì đối với lệnh cấm thờ cúng tổ tiên của Vatican? Tại sao họ phải nhắm mắt tuân theo cái lý thuyết thần học quái gở của Ca-Tô Giáo: không được thờ cúng tổ tiên?

Các tín đồ Ca-Tô thường nhắc đến câu Giêsu dạy "Phải hiếu kính với cha mẹ.." (Matthew 19: 19:

Honor your father and your mother..) làm như đó là đạo lý đặc thù của Ki Tô Giáo, chỉ mình Ki Tô Giáo có mà thôi. Nhưng vì không đọc Thánh Kinh nên họ không biết rằng, trong thực tế, hành động của Giê-su lại trái ngược hẳn lại, không có gì có thể gọi là hiếu kính với cha mẹ hay có tình nghĩa với gia đình. Qua những chuyện viết trong Thánh Kinh, chúng ta không thể nghĩ khác hơn là: những thái độ và hành động hỗn hào bất kính với cha mẹ, vô tình vô nghĩa với gia đình, là

những thuộc tính đặc thù của Chúa Ki-Tô.

Thật vậy, đọc Thánh Kinh chúng ta thấy Giê-su không coi gia đình ra gì, có lẽ vì ông ta có mặc cảm với cái thân thể bất minh, là đứa con hoang của mẹ mình. Trong nhiều trường hợp ông ta còn để lộ thái độ thù ghét gia đình. Trước hết, chúng ta hãy xem cách đối xử của ông ta với chính mẹ mình.

Trong các Phúc Âm, chúng ta không bao giờ thấy Giê-su gọi mẹ mình, bà Maria, là "Mẹ". Trong bản Thánh Kinh của Vua James (King James Version), cuốn Thánh Kinh được chấp nhận rộng rãi và dùng trong nhiều thế kỷ cho đến tận ngày nay, từ mà Giê-su dùng để gọi bà Maria là "Người đàn bà kia" (Woman), một cách gọi xách mé hỗn xược. Thật là tội nghiệp cho bà Maria. Đây không phải là điều khó hiểu. Vì phân tích những lời hỗn hào của Giê-su đối với mẹ và gia đình trong nhiều trường hợp được viết trong Thánh Kinh, một số học giả đã cho rằng, đúng là Giê-su có cái mặc cảm của một đứa con hoang, bị thiên hạ khinh khi đàm tiếu cho nên hận gia đình, hận mẹ, hận thân phận nghèo khó của mình v.v.. kết thành những thái độ và lời nói với mẹ và gia đình như vậy. Ngoài ra, chính gia đình của Giê-su gồm có cha, mẹ (Joseph và Maria) và các em trai, em gái của Giê-su cũng không tin Giê-su là đấng cứu tinh của dân tộc Do Thái, đôi khi còn cho ông ta là không có đầu óc bình thường nếu không muốn nói là điên (out of his mind), cho nên thái độ của Giê-su đối với gia đình rất là hỗn hào, xác láo.

Chúng ta chắc ai cũng đã biết chuyện sau đây được kể trong Thánh Kinh: Nhân ngày lễ vượt qua, vợ chồng Joseph, Mary và Giê-su, khi đó mới 12 tuổi, cùng đến Jerusalem. Sau ngày lễ thì hai vợ chồng Joseph thấy biến mất ông con. Tưởng rằng ông con đã đi cùng bạn bè đi về nhà nên ông bà cũng trở về nhà. Nhưng đi suốt cả ngày cũng không thấy Giê-su đâu, lúc bảy giờ mới hỏi thăm và đi tìm Giê-su. Hai ông bà quay trở lại Jerusalem và ba ngày sau thì thấy Giê-su đang ngồi đối đáp với mấy thầy thông thái trong một đền thờ. Sau đây là những lời qua lại giữa bà Mary và ông con Giê-su, Lu-Ca (Luke) 2 : 48 -50:

Khi cha mẹ thấy Ngài, thì lấy làm lạ, và mẹ hỏi rằng: Hỡi con, sao

con làm cho hai ta thế này? Nay, cha và mẹ đã khó nhọc lắm mà tìm con.

Ngài trả lời: Các người kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc

Cha tôi hay sao? Nhưng hai người không hiểu lời ngài nói chi hết.

Quý vị có thấy một đứa bé 12 tuổi nào hỗn hào với cha mẹ như vậy chưa, trừ phi nó là một nghiệp chướng của một gia đình vô phúc. Trước hết nó ở lại Jerusalem một mình mà không hề xin phép cha mẹ. Sau đó khi cha mẹ tìm được nó, trách nó, thì nó lại sảng giọng cùng cha mẹ và hỏi họ kiếm nó làm chi? Nhưng câu chót "Nhưng hai người không hiểu lời ngài nói chi hết" đã chứng minh rằng cả Joseph và Mary đều biết, nhất là Mary, người biết rõ hơn ai hết ai là cha thực của Giê-su, rằng Giê-su không phải là ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa, không phải là con của Chúa Thánh Thần, không phải là Chúa Cứu Thế v.v.. cho nên mới không hiểu Giê-su nói gì khi Giê-su nói là đang lo việc của Cha, nghĩa là việc của Chúa Cha alias Thần Gia-vê của Do Thái.

Chuyện cha mẹ lo lắng cho con là chuyện tự nhiên, nhưng chuyện "Chúa tôi" đối đáp với cha mẹ như

vậy thì quả thật là đặc biệt, hiếm có trên thế gian, và ít ra là không hợp với nền luân lý của Việt Nam.

Chúng ta cũng biết, trong Tân Ước, ngoài trường hợp hỗn hào với bố mẹ khi Giê-su 12 tuổi ở trên, chỉ có hai trường hợp khác Giê-su trực tiếp nói cùng bà Maria, và cả trong hai trường hợp đó Giê-su đều gọi mẹ là "Người đàn bà kia". Trường hợp thứ nhất, John 2: 1-4 kể rằng: Trong một tiệc cưới có cả hai mẹ con Mary và Giê-su dự, khi rượu hết bà Mary đến nói với Giê-su là "Họ đã hết rượu rồi". Giê-su trả lời bà như sau: "Người đàn bà kia! Sự quan tâm của bà thì có liên can gì tới Ta? Giờ của Ta còn chưa tới" (Woman, what does your concern have to do with

Me? My hour has not yet come). Giờ gì? Đọc tiếp Thánh Kinh chúng ta mới thấy rằng đó là giờ Giê-su trở tài làm phép lạ, biến 6 vại nước thành rượu. Kinh Thánh tiếng Việt của American Bible Societies xuất bản năm 1998 dịch đoạn trên như sau: "Hỡi đàn bà kia, Ta với ngươi có sự gì chẳng? Giờ Ta chưa đến". [Gần đây, con chiên Việt Nam dịch láo "woman" là "thưa mẹ" để đánh bóng Giê-su] Đó là câu nói "hiếu kính với cha mẹ" của "Chúa tôi" của những tín đồ Ca-Tô Việt Nam. Vậy họ còn đợi gì mà không noi gương Chúa, đối xử với cha mẹ như Chúa?

Trường hợp thứ hai là khi Giê-su đã bị đóng đinh trên thập giá, đang hấp hối sắp chết. John 19: 26 kể rằng: Chúa Giê-su thấy mẹ mình, và một môn đồ Ngài yêu đứng gần người, thì nói cùng mẹ rằng: "Người đàn bà kia, đó là con của ngươi.." (When Jesus therefore saw His mother, and the disciple whom he loved standing by, He said to His mother: "Woman, behold your son!")

Chúng ta nên để ý là Giê-su đã dùng cùng danh từ "Người đàn bà kia" (Woman) để gọi một người đàn bà từ xứ Canaan đến xin chữa bệnh cho con gái mà mới đầu Giê-su không chịu chữa mà còn gọi người ta là chó vì không phải là dân Do Thái, và một người đàn bà khác can tội tà dâm (John 8:10, Matthew 15:28). Ngoài ra, Matthew 12:48 cũng còn kể: Trong khi Giê-su đang đứng giữa đám đông, Bà Mary và các em trai của Giê-su đến và nhờ người nhắn với Giê-su là Mẹ và các em đang ở phía ngoài muốn gặp Giê-su thì Giê-su sẵn giọng nói: "Ai là mẹ Ta? Ai là các em Ta?" (Who is my mother? and who are my brothers?).

Giê-su ghét gia đình là chuyện của ông ta, nhưng ông ta lại muốn những kẻ theo ông cũng phải ghét gia đình của họ như ông ta đã ghét gia đình mình. Do đó ông ta đã dạy các môn đồ như sau:

Luke 14, 26: Nếu kẻ nào đến với ta mà không "căm ghét" cha mẹ,

vợ con, anh chị em, và ngay cả đời sống của hắn, thì hắn không thể là

môn đồ của Ta. (If anyone who comes to me and does not hate his father and

mother, wife and children, brothers and sisters, yes, and his life also, he cannot be

My disciples.)

Theo Gene Kasmar trong cuốn Tất Cả Những Chuyện Tục Tĩu Trong Thánh Kinh (All The Obscenities in the Bible), trang 359, thì chữ "căm ghét" là dịch từ tiếng Hi Lạp (Thánh Kinh gốc viết bằng tiếng Hi Lạp) "miseo", có nghĩa là ghét tởm và khinh khi (detest and despise).

Và khi một đệ tử của Giê-su nói, Matthew 8: 21-22: "Xin để con đi chôn cất cha con xong con sẽ đi theo Ngài" Giê-su trả lời: "Hãy đi theo ta ngay, hãy để cho người chết lo mai táng người chết của họ.

Tôi cảm thấy quá tội nghiệp cho những tín đồ Ki-Tô Việt Nam, Ca-Tô cũng như Tin Lành. Họ trông ngóng gì ở con người đối xử với mẹ và gia đình như trên? Một con người tư cách như vậy có đáng để cho họ thờ phụng hay không? Tại sao họ vẫn còn ham hố một sự "cứu rỗi" hoang đường, giả tưởng từ một con người tư cách đạo đức đáng chê trách như vậy? Bởi vì từ khi sinh ra đời họ đã bị lừa dối bởi những xảo thuật nhồi sọ tinh vi của giáo hội qua vai trò "chăn dắt con chiên" của những giám mục, linh

mục, với sự phụ giúp vô tình và bắt nguồn từ vô minh của các bậc cha mẹ, tất cả vốn cũng đã bị nhồi sọ như họ từ khi còn nhỏ.

Tại sao "Chúa" Giê-su lại có những hành động đối với gia đình như vậy? Tân Ước, Matthew 10: 34-36, đã viết rõ, Giê-su khẳng định:

Đừng tưởng rằng Ta xuống trần để mang lại hòa bình trên trái đất.

Ta không xuống đây để mang lại hòa bình mà là gươm giáo. Vì Ta xuống đây để làm cho con chống lại cha, con gái chống lại mẹ, con dâu chống

lại mẹ chồng, và kẻ thù của con người ở ngay trong nhà hấn.

Và Lưu-Ca 12: 51-53 cũng xác định lại khẳng định của Giê-su như sau:

Đừng tưởng Ta đến để đem hòa bình cho thế giới. Không, Ta đến để chia loài người làm hai. Từ đây, một nhà có năm người sẽ chia rẽ chống đối nhau: hai chống ba, và ba chống hai. Mâu thuẫn sẽ diễn ra giữa con trai với cha, con gái với mẹ, con dâu với mẹ chồng.

Qua những quan niệm và cách hành xử đối với gia đình như tôi vừa trích dẫn từ "Thánh Kinh" ở trên, Giê-su đã tự mình "làm gương" cho những người theo ông. Và lịch sử cũng đã chứng tỏ, Ki Tô Giáo đi đến đâu cũng làm cho gia đình, xã hội chia rẽ chống lại nhau một khi trong gia đình, trong xã hội, có những con người tân tòng mù quáng tin vào Giê-su mà không biết gì về thực chất con người của Giê-su, và nhất là tin vào những giáo lý vô tổ quốc, phản dân tộc, vô gia đình, vô tổ tiên v.v.. của giáo hội Ca-Tô. Tất cả chỉ vì mù quáng tin vào những lời giảng dạy của giới chăn chiên trong giáo hội, dựa theo một nền Thần học ngụy tạo, lạc dẫn.

Kinh nghiệm Việt Nam từ khi khi đạo "Chúa" bắt đầu du nhập đã cho chúng ta thấy rõ điều này qua những sự kiện, bằng chứng lịch sử (Xin đọc Chương VIII trong cuốn Công Giáo Chính Sử của Trần Chung Ngọc viết về Công Giáo Việt Nam).

Nhận xét về những tác hại mà Ki Tô Giáo đã mang đến cho nhân loại trong vấn đề chia rẽ trong gia đình, quốc gia, và dân tộc, học giả Ca-Tô Joseph L. Daleiden đã đưa ra một nhận định về lời phán trên của Giê-su trong cuốn Sự Mê Tín Cuối Cùng (The Final Superstition), trang 177, như sau:

Thảm thay, đây là một trong vài hứa hẹn mà lịch sử chứng tỏ là Giê-su đã thành công thực hiện.

5

(xem chú thích >>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

2. Giê-su Và Quốc Gia.

Trong phần trên tôi đã trình bày những quan niệm và cung cách hành xử của Giê-su đối với gia đình. Từ đó, chúng ta có thể tiên đoán rằng, nếu quan niệm của Giê-su đối với gia đình thuộc loại bất bình thường thì quan niệm của ông ta đối với quốc gia dân tộc chắc cũng chẳng khác biệt là bao nhiêu. Thật vậy, nếu chúng ta đọc kỹ cuốn Tân Ước và tổng hợp những quan niệm của Giê-su về quốc gia dân tộc thì chúng ta sẽ thấy chúng phản ánh một tâm hồn bệnh hoạn, sống trong hoang tưởng, ảo tưởng của một con người mà đầu óc để ở trên mây. Việc chứng minh luận cứ này chẳng có gì là khó khăn vì tất cả nằm trong cuốn Thánh Kinh.

Trong Chương trên, mục Bằng Chứng Ngụy Tạo Thứ Hai, tôi đã trích dẫn nhiều câu từ Thánh Kinh chứng tỏ rằng Giê-su tin là ngày tận thế đã sắp tới và Nước Chúa hay Nước Trời sẽ được thiết lập để thay thế cho nước Do Thái đang bị người La Mã thống trị. Muốn hiểu rõ những ý tưởng của Giê-su trong phần phân tích sau đây, tôi nghĩ chúng ta cần có một khái niệm rõ ràng về quan niệm một Nước Trời hay Nước Chúa (Kingdom of God) của người Do Thái trong thời đại của Giê-su. Đây không phải là một quan niệm mới mẻ gì của Giê-su mà là một lý tưởng thông thường nhất của tinh thần quốc gia Do Thái. Các nhà "tiên tri" trong Cựu Ước thường viết về quan niệm này lập thành một hướng niệm của người Do Thái mỗi khi dân tộc Do Thái bị Thiên Chúa của họ bỏ rơi, lâm vào cảnh khốn cùng nô lệ.

Muốn hiểu điều trên có lẽ chúng ta cần trở lại một chút về lịch sử Do Thái. Dân tộc Do Thái là một dân tộc du mục và trong lịch sử luôn luôn gặp những bất hạnh như nô lệ và lưu đày. Trong nhiều thế kỷ lâm vào những cảnh khốn cùng này, người Do Thái vô cùng hoang mang, vì từ trước tới nay họ vẫn tin rằng dân tộc mình được Thần Gia-vê, nghĩa là Chúa Cha, đặc biệt chọn lựa và cưng nhất, qua những giao ước và hứa hẹn của Thần với các ông tổ Abraham, Isaac, Jacob, và Moses trong Cựu Ước. Nay những thực tại lịch sử chứng tỏ rằng những giao ước của Chúa Cha với Abraham v.v.. chỉ là những chiếc bánh vẽ trên trời. Giới tiên tri thông thái lãnh đạo dân Do Thái bèn đổ tội lên đầu dân Do Thái, giải thích rằng vì dân Do Thái tội lỗi nên bị Thần phạt. Dân Do Thái cần phải thống hối, cầu nguyện, và tin vào Thần Gia- Vê thì sẽ có ngày Thần của họ đả đốn thương, và một đấng cứu tinh (Messiah) của dân tộc Do Thái sẽ xuất hiện để tiêu diệt những kẻ thống trị, khôi phục chủ quyền của dân Do Thái.

Đấng cứu tinh mà dân Do Thái mong đợi thật ra chỉ là một anh hùng dân tộc, có công với dân Do Thái, tương tự như David khi xưa đã đưa Do Thái lên địa

vị hùng mạnh trong vùng Trung Đông, chứ không phải là đáng cứu thế cứu rỗi linh hồn lên hiệp thông với Thần của họ trên Thiên đường. Do đó, vị cứu tinh dân tộc này phải thuộc dòng dõi của vị Vua anh hùng Do Thái: David.

Vào thời điểm Giê-su sinh ra đời thì Do Thái đang sống dưới ách thống trị khắc nghiệt của La Mã. Do đó, dân Do Thái, cũng như trong những thời kỳ bị chinh phục và bắt làm nô lệ trước, mong chờ và tin rằng Thần Gia-vê sẽ đoái thương đến họ, và một đáng cứu tinh thuộc dòng dõi vua David sẽ xuất hiện để giải phóng dân tộc họ. Và quan niệm Nước Trời (Kingdom of God) nguyên thủy của người Do Thái rất đơn giản, đó chỉ là sự biến đổi thế giới thường thành một thế giới mà Thần của họ sẽ trực tiếp cai quản công việc thế gian và do đó, khôi phục những phúc lợi của dân Do Thái, dân đã được Thần chọn lựa (Joel Carmichael, *The Birth of Christianity*, Dorset Press, New York, 1989, p. 1: *The Kingdom of God meant the transformation by God of the natural world into one in which God's will would conduct human affairs directly and hence restore the fortunes of the Jews, the Chosen People*). Người Do Thái tin tưởng rằng nơi nước Trời hay nước của Chúa này, dân Do Thái sẽ sống sung sướng với sữa và mật tràn đầy, dưới sự quản trị và ân sủng trực tiếp của Thần Gia-vê. Các tín đồ Ca-Tô Việt Nam, từ trên xuống dưới, không biết về lịch sử Do Thái, không đủ khả năng tự mình đọc và hiểu lấy Thánh Kinh, không hiểu ý nghĩa của nước Trời hay nước Chúa (Kingdom of God) trong Thánh Kinh, nghe lời giảng hoang đường huyền hoặc của giới giáo sĩ, nên coi đó là một nước ở trên thiên đường và gọi là "Nước Cha Trị Đến" mà không hiểu rằng nước này chỉ là một nước mà Chúa Cha trị vì, cai quản các việc thế gian của dân Do Thái như một ông vua trên trần thế, theo niềm tin của người Do Thái thời bấy giờ, chứ chẳng dính dáng gì tới bất cứ dân tộc nào khác trên thế giới. Thật vậy, trong cuốn *A Time For Christian Candor*, Giám Mục James A. Pike của giáo xứ California viết như sau, trang 109:

Quan niệm về thế giới của Giê-su là quan niệm trong thời đại của ông ta. Quan niệm về một Nước Chúa mà ông ta nhấn mạnh là quan niệm đã được đưa vào Do Thái giáo từ thế kỷ 5 trước thời đại thông thường này, dưới ảnh hưởng của Zoroaster (Một nhà tiên tri Ba-Tư trong thế kỷ 6 trước Tây Lịch. TCN). Ông ta (Giê-su) chịu ảnh hưởng giáo lý của dân Essenes, như là chúng ta càng ngày thấy đó là điều hiển nhiên qua những bản dịch của những Cuộn Kinh Trong Biển Chết. Ông ta có một đầu óc giới hạn - điều này đúng đối với mọi người. Thí dụ, giống như các ông thầy tu Do Thái (Rabbis) cùng thời, ông ta cho rằng chính David viết tất cả những bài Thánh Vịnh cho nên ông ta đã xưng dẫn David như là tác giả bài Thánh Vịnh số 110 (thực ra là một bài đã được viết sau thời

David) trong một cuộc tranh cãi với dân Pharisees. Và ông ta nghĩ, phù hợp với tâm cảnh về một ngày tận thế trong thời của ông ta, rằng ngày tận thế đã gần kề.

6

Để phù hợp với sự khao khát này của dân tộc Do Thái, hai tác giả Phúc Âm Matthew và Luke đã đưa vào đoạn nói về gia phả của Giê-su thuộc dòng dõi vua David mà không nghĩ ra rằng điều này hoàn toàn mâu thuẫn với huyền thoại Mary đồng trinh và Giê-su là con của Chúa Thánh Thần.

Như chúng ta đã biết, Giê-su, chịu ảnh hưởng của Cựu Ước, tin những lời giải thích của những bậc thông thái tiên tri Do Thái, rằng dân Do Thái tội lỗi nên bị Thần của họ phạt, nên khuyên mọi người hãy thống hối, đúng như nhận định của giáo sư đại học Hermann Samuel Reimarus ở trên: "Tất cả những điều giảng dạy của

Giê-su nằm trong hai câu có ý nghĩa y hệt nhau: “Hãy thống hối, và tin vào Kinh Thánh” hoặc, ở một nơi khác “Hãy thống hối, vì Nước Thiên Đàng sắp tới”. Nhưng quan niệm về nước Chúa hay nước thiên đàng của Giê-su lại không phù hợp với quan niệm của người dân Do Thái, không đáp ứng được sự khao khát của dân Do Thái là được giải phóng khỏi ách nô lệ của La Mã, cho nên dân Do Thái mới không tin Giê-su là cứu tinh của dân tộc họ. Và, khi Giê-su bắt đầu đi lang thang thuyết giảng về những cái gọi là phúc âm và tự nhận mình là con Thần Gia-vê, là đấng cứu thế v.v.. thì thánh kinh viết rõ là gia đình ông và nhiều người cùng thời cho là ông ta điên. Thánh kinh cũng viết, có nơi khi ông tới, dân làng kéo ra ngoài làng đuổi ông đi, không cho ông vào làng. Những lời rao giảng của ông không phù hợp với sự mong ước về một anh hùng dân tộc, cứu dân Do Thái ra khỏi vòng tối tăm nô lệ, của dân Do Thái. Tuy không đến nỗi phản quốc như Trần Lục của Việt Nam, mang giáo dân đi hỗ trợ quân xâm lăng để tiêu diệt kháng chiến quân, vì trong thời đó Giê-su chỉ có một nhóm người theo ông, nhưng ông cũng không chủ trương gây nên một phong trào kháng chiến để chấm dứt sự đô hộ của La Mã, mà trong vài trường hợp, ông còn chủ trương tuân phục sự thống trị của La Mã (Cái gì của Ceasar hãy trả lại cho Ceasar). Vì vậy, dân Do Thái không công nhận ông là đấng cứu tinh (Messiah) của Do Thái và vẫn tiếp tục không công nhận cho tới ngày nay. Họ cho rằng ông không có tinh thần quốc gia dân tộc, đã nhận xằng những danh hiệu cứu thế cũng như Con Thiên Chúa nên khi ông bị đóng đinh trên thập giá họ còn buông lời chế giễu. Theo kết quả nghiên cứu của Peter Jennings trên đài ABC trong chương trình The Search for Jesus gần đây, số người tin và theo ông không quá 15 người, kể cả 12 người gọi là tông đồ, và không có một người nào trung thành với ông, tất cả đều bỏ trốn khi ông bị bắt cũng như bị hành hình.

Một câu hỏi được đặt ra là, tại sao Giê-su lại có những lập trường, tác phong và hành động như vậy? Ngày nay, các học giả nghiên cứu Thánh Kinh và cổ sử đã tìm ra giải đáp. Đó là vì đầu óc Giê-su không được bình thường, bị ám ảnh nhiều bởi những chuyện trong Cựu Ước đưa đến một tâm bệnh hoang tưởng, cộng với cái mặc cảm về thân thể không mấy tốt đẹp của mình. Và những tư tưởng và hành động của Giê-su bắt nguồn từ những chứng bệnh tâm thần như trên. Vì không làm chủ được chính mình nên những tư tưởng của Giê-su không nhất quán, trước sau không giống nhau, chứa nhiều mâu thuẫn, lời nói thường không đi đôi với việc làm như chúng ta đã biết, và nhất là ông toàn nói về những chuyện trên trời dưới bể, không có gì là thực tế, và không thể áp dụng được, trong thời ông cũng như trong thời nay. Sau đây chúng ta sẽ đi vào phần chứng minh.

Đối với quan niệm về quốc gia, Giê-su phân chia thế giới làm hai phần: nước của cha ông ở trên thiên đàng cho những người theo ông, và tất cả các nước khác trên trái đất. Chúng ta không biết là Giê-su biết được trên thế giới có bao nhiêu nước. Với kiến thức của những người viết Thánh Kinh, với quan niệm trái đất phẳng và dẹt như cái đĩa, trên có vòm trời bằng đồng thau có những cánh cửa mà các thiên thần mở ra để cho mưa rơi xuống, thì tôi tin rằng sự hiểu biết của Giê-su về các quốc gia trên thế giới chắc cũng không hơn gì sự hiểu biết của Thánh Augustine ở mấy thế kỷ sau, người được coi là cha đẻ của nền thần học Ca-Tô và được Ca Tô Giáo tôn sùng, coi như là có trí tuệ "siêu việt", nhưng cũng là người không tin là trái đất hình cầu và phán rằng: "Không thể nào có chuyện có người ở phía bên kia của trái đất, vì Thánh Kinh không ghi lại bất cứ giống người nào như vậy trong các hậu duệ của Adam" (It is impossible there should be inhabitants on the opposite side of the earth, since no such race is recorded by Scripture among the descendants of Adam).

Cho nên, khi Giê-su nói đến "mọi nước" (all nations) thì tôi tin rằng đó chỉ là một số quốc gia ở quanh vùng Trung Đông mà thôi.

Vì sống trong niềm hoang tưởng là mình được Thần Gia-vê phái xuống để cứu dân Do Thái, và chỉ dân Do Thái mà thôi (Matthew 15: 24: I was not sent except to the lost sheep of the house of Israel), nhưng dân Do Thái lại không tin lời ông và không chấp nhận ông là đáng cứu tinh của họ, nên ông cho rằng họ không đáng được hưởng nước của Thần Gia-vê, do đó ở trong đền thờ ông đã nói với những thầy tế lễ, lớp giáo sĩ chỉ đạo dân Do Thái, rằng:

Matthew 21: 43: Cho nên Ta nói cho các ngươi hay, nước của Thiên

Chúa sẽ bị tước đi khỏi các ngươi và để cho một nước mang hoa trái của

nó. (Therefore I say to you, the kingdom of God will be taken from you and given

to a nation bearing the fruits of it.)

Cái nước có phúc này là nước nào? Đó là nước của những người theo Giê-su tìm kiếm nước của Chúa chứ không lo tìm kiếm những nhu cầu vật chất như đoạn sau đây trong Thánh Kinh đã viết rõ:

Luke 12: 29-32: Các ngươi đừng lo kiếm thức ăn thức uống, cũng

đừng mang tâm lo lắng. Vì đó là những thứ mà mọi nước trên thế giới

đều lo kiếm, và Cha của các ngươi biết là các ngươi cần các thứ đó.

Nhưng hãy lo tìm kiếm nước của Chúa, và rồi các ngươi sẽ có thêm những

thứ đó. Đừng có sợ, bầy chiên nhỏ, vì đó là sự hân hoan của Cha các

ngươi cho các ngươi nước đó.

(Luke 12: 29-32: Do not seek what you should eat or what you should drink, nor have an anxious mind. For all these things the nations of the world seek after, and your Father knows that you need these things. But seek the Kingdom of God, and all these things shall be added to you. Do not fear, little flock, for it is your Father's good pleasure to give you the Kingdom.)

Điều rõ ràng trong đoạn trên là Giê-su đã chia thế giới ra làm hai: nước của Chúa cho "bầy chiên nhỏ", và "mọi nước khác". Nước của Chúa là một nước hoàn toàn khác biệt với mọi nước khác, vì dân của nước này chỉ lo tìm kiếm nước của Chúa chứ không như dân của các nước khác, chỉ lo kiếm thức ăn thức uống hoặc những nhu cầu vật chất cần thiết của con người. Điều hiển nhiên là công dân của nước này không có bao nhiêu, vì tất cả họp lại chỉ thành một "bầy chiên nhỏ". Bầy chiên nhỏ này là những con chiên của Giê-su, người chăn chiên chí thiện, với đặc tính là rất ngoan ngoãn, giống như những con cừu, Giê-su lừa đi đâu thì phải đi đó, kể cả chuyện thù ghét cha mẹ, anh chị em. Nhưng Tân Ước cũng lại viết rõ, Matthew 22: 14: "Vì nhiều người được ơn kêu gọi, nhưng chỉ có ít người được chọn" (For many are called, but few are chosen). Cho nên, ngày nay số người theo Giê-su thì nhiều,

nhưng số người được Giê-su chọn để mà cứu rỗi chắc cũng chẳng là bao nhiêu. Nhất là đối với những người đang sống trong những quốc gia Âu Mỹ chỉ biết lo ăn, kiếm mặc, kiếm tiền, và các nước Đông phương trong đó có Việt Nam chỉ lo xóa đói giảm nghèo v.v.. thì nước của Chúa không thể thuộc về họ. Họ không đủ tiêu chuẩn đòi hỏi của Chúa Giê-su. Thánh Kinh đã viết như vậy, mà Thánh Kinh là những lời mạc khải của Chúa, làm sao có thể sai lầm được, có phải như vậy không, quý vị tín đồ Ki Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành?

Sau khi chia thế giới ra làm hai: "nước Của Chúa" và "mọi nước khác", Giê-su sẽ đối xử với các nước này ra sao trong tương lai? Thánh Kinh cũng lại viết rất rõ:

Matthew 25: 31-34: Khi Con Của Người (nghĩa là Giê-su) tới trong

vinh quang, và mọi thiên sứ thánh cùng tới với Người, thì Người sẽ ngồi trên ngai vinh hiển của Người. (Dân của) Mọi nước trên thế giới sẽ tập họp trước Người, và Người sẽ phân tách họ ra với nhau, như là người chăn chiên chia riêng cừu với dê. Rồi Người sẽ đặt những con cừu bên tay phải, những con dê bên tay trái. Rồi Vua sẽ phán cùng đàn cừu ở bên tay phải," Hỡi các ngươi được Cha Ta ban phúc lành, hãy tới mà hưởng nước của Chúa đã được sắp sẵn cho các ngươi từ khi thành lập thế giới.

(Matthew 25: 31-34: When the Son of Man comes in His glory, and all the holy angels with Him, then He will sit on the throne of His glory. All the nations will be gathered before Him, and He will separate them from one another, as a shepherd divides his sheep from the goats. And he will set the sheep on His right hand, but the goats on the left. Then the King will say to those on His right hand, "Come, you blessed of My Father, inherit the kingdom prepared for you from the foundation of the world.)

Nếu người nào có đầu óc, đọc xong đoạn Kinh Thánh trên mà không cho Giê-su là một kẻ điên, hoặc ít ra cũng là một ông Vua Xạo, thì chính người đó điên, cần vào chữa trị ở nhà thương Biên Hòa. Bởi vì, Thánh Kinh đã viết rõ, Giê-su tin rằng ngày phán xét đã sắp tới, ngay trong thời đại mà một số những người theo ông còn sống. Nhưng đã 2000 năm nay rồi, Giê-su vẫn chưa tới trong vinh quang (sic), và không biết bao giờ mới tới, nếu bộ xương khô có thể tới được. Nhưng vấn đề không phải là tới hay không tới, mà là những người viết Tân Ước không biết gì về sự cấu tạo của vũ trụ và sự gia tăng dân số trên thế giới. Hiểu biết của họ về "mọi nước trên thế giới" có thể chỉ là vài nước nhỏ ở miền Trung Đông cách đây gần 2000 năm, và dù có như vậy đi chăng nữa thì đoạn trên trong Thánh Kinh cũng chỉ là một niềm hoang tưởng bệnh hoạn. Nó hoang đường như vậy mà vẫn có người tin thì kẻ cũng lạ, nhưng đây cũng lại là sự thực đối với gần 1/4 nhân loại.

Giả thử ngày phán xét như trên của Chúa xảy ra ngay bây giờ, như lời tiên tri láo của ông Trương Tiến Đạt trong Tiếng Loa Cảnh Báo về ngày phán xét xảy ra trong năm 2000, hoặc của nhiều nhà tiên tri dòm khác trên thế giới đã nhiều lần "tiên tri" về ngày phán xét trong 2000 năm qua, thì chúng ta sẽ đứng trước một hoạt cảnh như sau:

Đức Giê-su Ki-Tô chễm chệ ngồi vinh quang trên ngai Phê-rô ở Vatican. Lẽ dĩ nhiên, Phê-rô phải nhường chỗ cho Giê-su và phải trao lại chìa khóa thiên đường (nước của Chúa) cho Giê-su. Đứng xếp hàng đôi (vì đây là cách mau nhất và dễ nhất để phân biệt cừu với dê, hay theo thuật ngữ Ca-Tô, người công chính với kẻ ác, tuy rằng chẳng có ai khẳng định được là cừu ác hơn dê, hay dê ác hơn cừu, vì cả hai đều thuộc loại thú vật hiền lành, chẳng làm hại ai bao giờ, chỉ để cho những người công chính của Ki Tô Giáo ăn thịt. Người công chính là người tin Chúa chứ không phải là người thánh thiện, đạo đức, và kẻ ác đây không phải là kẻ làm việc ác mà là kẻ không tin Chúa) trước mặt Chúa là hơn 6 tỷ người trong mọi nước trên thế giới hiện nay. Đây chỉ là những người sống, còn nếu kể cả số người chết từ trước đến nay thì theo ước tính của các khoa học gia, tổng số người có mặt trên trái đất, chết cũng như sống, là vào khoảng 50 tỷ.

Theo Kinh Tin Kính của Ca-Tô Giáo thì mọi tín đồ phải tin là đến ngày phán xét, Chúa sẽ phán xét cả những người chết và làm cho xác chết những người Chúa chọn sống lại. Để cho dễ tính, ta lấy tròn số người sống hiện nay là 6 tỷ. Như vậy là có tất cả 3 tỷ cặp để chờ Chúa lần lượt phán xét. Giả thử là cứ 3 cặp thì chiếm khoảng 1 mét. Vậy nếu xếp hàng dài thì 3 tỷ cặp sẽ dài 1 tỷ mét, nghĩa là 1 triệu

số. Đường bán kính của trái đất vào khoảng 6400 cây số. Vậy chu vi của trái đất là vào khoảng 40000 cây số. Lấy 1 triệu chia cho 40000 ta được 25. Vậy nếu xếp hàng dài từng đôi một thì hàng này dài 25 lần vòng quanh trái đất. Giả thử Chúa Giê-su có tài phán xét rất mau lẹ, có thể vừa xét hồ sơ vừa phán xét từng cặp, và quyết định ai sang trái hay phải với tốc độ 10 cặp trong 1 phút, nghĩa là chỉ có 6 giây 1 cặp, thì lấy 3 tỷ cặp chia cho 10 ta được 3 trăm triệu (300 000 000) phút. Mỗi giờ có 60 phút vậy một ngày có 1440 phút. Lấy 3 trăm triệu chia cho 1440 ta được, lấy chẵn, là 208 000. Lấy số này chia cho 365 ngày một năm ta được khoảng 570 năm. Giả thử Chúa Giê-su quyền phép vô cùng, không mệt và đói như khi vào sa mạc hay không đói như trước khi nguyên rửa cây sung cho nó chết héo queo vì nó không ra quả lúc trái mùa cho Ngài xơi, thì Ngài cũng cần tới 570 năm để phán xét xong 3 tỷ cặp. Dân nước Việt Nam vì thuộc vắn V gần cuối trong vắn A,B,C nên xếp hàng gần cuối. Nhưng có gì bảo đảm là trong khi xếp hàng chờ Chúa phán xét con người không lâm vào cảnh "nhàn cư vi bất thiện". Kết quả lại tiếp tục sinh con đẻ cái ngay trước mặt Chúa làm cho dân số càng ngày càng tăng. Vậy bao giờ Chúa mới phán xét xong? Đây là một bài toán không có đáp số vì chỉ có một phương trình cứ rồi mà lại có quá nhiều ẩn số. Phán xét người sống xong rồi Chúa lại phải phán xét đến người chết. Chúa phải đi kiểm da thịt đã tan rã của trên 40 tỷ xác chết, không biết chết như thế nào, bên Tàu hay bên Tây, ở Bùi Chu Phát Diệm hay Hồ Nai Gia Kiệm, chết toàn thân hay bị B52 bỏ bom trúng nên tan như xác pháo v.v.. để làm cho xác chết sống lại mà ban ơn hay đày tớ. Giả thử Chúa có một số tôi tớ đặc lực nhất phụ giúp, có thể phán xét người sống cũng như người chết với một siêu tốc độ trung bình 1 giây đồng hồ một người, thì Chúa và các tôi tớ của Ngài cũng cần tới hơn 1500 năm để phán xét xong 50 tỷ người. Ai còn tin được những chuyện như Chúa phán xét và thưởng phạt trong ngày tận thế xin lên tiếng. Đừng có nói rằng "Chúa của tôi quyền phép vô cùng, làm gì chẳng được" mà người ta cười cho. Thực tế ở trên đời chứng tỏ là Chúa chẳng có quyền phép gì, chẳng làm được gì. Tại sao? Vì ông ta đã chết cách đây gần 2000 năm và những thuộc tính mà Ki Tô Giáo gán cho ông đều là những điều không tưởng, không thể kiểm chứng và cho đến nay, chưa có gì chứng tỏ đó là những sự thực.

Trở lại "bầy chiên nhỏ" sống trong "nước Chúa" của Giê-su. Ngày nay, với sự bành trướng của Ki Tô Giáo trên thế giới qua những biện pháp tra tấn, thiêu sống v.v.. và đồng hành với thực dân xâm lược, dùng quyền hành hoặc vật chất để ép những người ngoại đạo vào trong Ki Tô Giáo, "bầy chiên nhỏ" của Giê-su trong nước Do Thái đã trở thành "bầy chiên lớn" có những con chiên trong nhiều quốc gia trên thế giới. Do sự "giáo dục" của giáo hội, đặc tính của những con chiên này là sống vất va vất vưởng tạm bợ nhờ cơm gạo của các quốc gia mình đang sống trong đó để lo tìm nước Chúa vì đây mới chính là quê thật của họ. Kinh Nhựt Khóa của Công Giáo Việt Nam đã chẳng có câu: "Xin Chúa làm cho tôi khinh dễ sự đời là chôn muông chim cầm thú, xin làm cho tôi đặng về quê thật hiệp làm một cùng vua David." hay sao? (Xin đọc Charlie Nguyễn: Công Giáo Trên Bờ Vực Thẳm, trang 66). Lẽ dĩ nhiên, trong chôn chim muông cầm thú đáng khinh dễ này không thể thiếu mặt gia đình, ông bà, cha mẹ, anh chị em các tín đồ, vì không ai có thể sống ngoài sự đời. Lời kinh trên đã theo đúng lời Giê-su dạy mà tôi đã trích dẫn từ Thánh Kinh ở trên: Luke 14, 26: Nếu kẻ nào đến với ta mà không "căm ghét" cha mẹ, vợ con, anh chị em, và ngay cả đời sống của hắn, thì hắn không thể là môn đồ của Ta. (If anyone who comes to me and does not hate his father and mother, wife and children, brothers and sisters, yes, and his life also, he cannot be My disciples.)

Tôi không hiểu tại sao tín đồ Ca Tô Việt Nam lại cứ bám vào sự sống trong

chôn chim muông cầm thú mà không tự sát chết hết đi cho rồi để về quê thật mà hiệp với Vua David? Tại sao họ lại oán trách các Vua Triều Nguyễn đã bách hại giáo dân mà không hiểu rằng các ông Vua Triều Nguyễn đã giúp họ thoát khỏi cảnh chim muông cầm thú để họ có thể mau về với Vua David ở quê thật của họ? Những câu hỏi trên tôi chỉ đặt ra để cho những Ki Tô hữu của tôi suy nghĩ về câu kinh họ cầu chứ không phải là tôi man rợ đến độ thực tâm muốn cho họ chết hết, vì tôi biết rằng trải qua bao nhiêu đời, họ đã bị nhốt trong bóng tối dày đặc của ý thức hệ Rô-Ma (Dr. Barnado: In the thick darkness of Romanism), do đó nhiều khi họ chỉ đọc những kinh như con vẹt mà không hiểu gì cả, kinh viết bởi những người vốn cũng đã từng sống trong bóng tối dày đặc của ý thức hệ Rô Ma trong nhiều đời.

Chúng ta đã thấy, điều kiện cần để tin theo Giê-su là phải căm ghét cha mẹ, anh chị em, và ngay cả mạng sống của chính mình. Nhưng đó chưa phải là điều kiện đủ. Vì Giê-su còn dạy như sau:

Matthew 23: 9: Không được gọi ai trên trái đất này là Cha, vì các

ngươi chỉ có một Cha ở trên trời. (Do not call anyone on earth your Father, for

One is your Father, He who is in heaven.)

Vì tôi biết các tín đồ Ca-Tô Việt Nam, từ Hồng Y Nguyễn Văn Thuận trở xuống, rất ít ai đọc Thánh Kinh khoan nói đến chuyện đọc với một đầu óc sáng suốt, nên tôi xin giúp và nhắc nhở các Ki Tô hữu của tôi là, nếu quý vị gọi ông thân sinh ra mình cũng như gọi các linh mục là Cha thì quý vị đã làm ngược lại lời Chúa dạy, nghĩa là không tin Chúa. Tội không tin này to lắm, to hơn cả những tội như giết người, cướp của v.v., vì giết người hay cướp của mà tin Chúa thì vẫn được Chúa cho hưởng cuộc sống đời đời, lẽ dĩ nhiên, sau khi chết, chứ còn không tin thì đến ngày phán xét quý vị đừng có hòng được Chúa cứu rồi và ban cho cuộc sống đời đời, lẽ dĩ nhiên, sau khi chết.

Đọc Tân Ước, chúng ta thấy rằng Giê-su đã đưa ra nhiều điều tự nhận quá lộ, những lời tiên tri không thành sự thực, và những lời hứa hẹn vô trách nhiệm đối với số tông đồ ít ỏi theo ông. Nhưng có lẽ vì hiểu rõ bản chất những tư tưởng của mình bắt nguồn từ một tâm bệnh hoang tưởng nên Giê-su đã mường tượng và tiên đoán được vài hậu quả. Trong một phần trên tôi đã trích dẫn từ Tân Ước, Matthew 10: 34-36 và Luke 12: 51-53, những đoạn mà Giê-su khẳng định là ông ta không xuống trần để mang lại hòa bình trên trái đất mà để gây chia rẽ giữa những người tin theo ông và những người không tin, ngay cả trong các gia đình.

Còn một lời tiên đoán khác của Giê-su cũng đã trở thành sự thực. Đó là câu trong Matthew 24:9:

"Tất cả các dân tộc đều ghét các ngươi vì các ngươi theo ta." (And

you will be hated by all nations for my Name's sake.)

Thật vậy, lịch sử Ki Tô Giáo trên thế giới, Ca-Tô cũng như Tin Lành, đã chứng tỏ rằng tôn giáo này không thể phát triển và bành trướng nếu không dựa vào cường quyền và bạo lực, khởi đầu từ thời Constantine, dùng Ki Tô Giáo để củng cố quyền lực trong thế kỷ thứ tư. Trong cuốn Công Giáo Chính Sử, chương III và chương IV, tôi đã trình bày thực chất sự phát triển của Ca-Tô Giáo ở Âu Châu và

trên thế giới như thế nào. Đó là một lịch sử với sách lược man rợ trí thức: đốt sách vở ngoại đạo và hủy diệt những nền văn hóa phi Ki-Tô; với những cuộc Thánh Chiến, những Tòa Hình Án để cưỡng bách con người phải theo Ki Tô Giáo; với 2000 năm bách hại dân Do Thái; và với chủ trương song hành với các thế lực thực dân để đi xâm chiếm và truyền đạo trong các nước kém mở mang ở Phi Châu và Á Châu.

Ở Á Châu, do chính sách hủy diệt văn hóa phi Ki Tô của Ca-Tô Giáo, Phi Luật Tân mất luôn nền văn hóa của mình và trở thành hầu như toàn tòng Ca-Tô Giáo, ngay cả tên nước cũng đặt lại theo tên Vua Phillip của Tây Ban Nha.

Ở Tân Thế Giới (Mỹ), Tin Lành, dựa trên ưu thế của súng ống đối với cung tên của dân da đỏ, đã trả ơn người da đỏ đã nuôi sống họ qua mùa đông khắc nghiệt năm 1620 bằng cách đi cướp hết đất đai và thi hành chính sách diệt chủng đối với người da đỏ và cưỡng bách người da đỏ phải theo cái đạo cao quý cầm đầu bởi Chúa lòng lành vô cùng của họ. Từ 1620 đến 1890, trong vòng 270 năm, những con cái da trắng của Chúa đã giảm dân số dân da đỏ từ 15 triệu xuống còn dưới 250000, và biến miền đất phì nhiêu của dân da đỏ thành "Tân Thế Giới" của người da trắng, do người da trắng (Christophe Columbus) tìm ra. Nhiều người da đỏ ngày nay nuốt nước mắt, không biết làm gì hơn là uống rượu để giải sầu. (Ward Churchill, Sacramento Bee, Nov.23, 2000: Does anyone expect us (the Indians) to give thanks for the fact that soon after the Pilgrim fathers regained their strength, they set out to dispossess and exterminate the very Indians who had fed them that first winter? Is it reasonable to assume that we might be jubilant that our overall population, numbering perhaps 15 million at the outset of the European invasion, was reduced to less than a quarter- million by 1890?)

Năm 1996, Samuel P. Huntington xuất bản cuốn Sự Xung Đột Giữa Các Nền Văn Minh Và Sự Tái Lập Trật Tự Thế Giới (The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order). Huntington là một lý thuyết gia chính trị thế giới nổi tiếng của Mỹ, thường viết trong tạp san Foreign Affairs. Uy tín của Huntington không ai có thể phủ nhận. Ông ta là giáo sư đại học Harvard, giữ chức vụ Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Chiến Lược John M. Olin và Chủ Tịch Học Viện Harvard Nghiên Cứu Các Địa Phương Trên Thế Giới. Ông cũng từng là Giám Đốc Kế Hoạch An Ninh cho Hội Đồng An Ninh Quốc Gia dưới thời Tổng Thống Carter, và Chủ Tịch Hội Chính Trị Khoa Học Hoa Kỳ.

Trong cuốn sách trên, Giáo sư Huntington đưa ra vài nhận định như sau: Vào đầu thế kỷ 20, vị thế của Tây phương bao trùm thế giới, tạo nên một tâm cảnh chung trong thế giới Tây phương là “văn minh thế giới là văn minh Tây phương, luật quốc tế là luật Tây phương”. Sự bành trướng của Tây phương trên thế giới từ thế kỷ 16 là dựa trên sự phát triển kỹ thuật: kỹ thuật hàng hải để đi tới các nơi xa xôi, và kỹ thuật vũ khí để chiến thắng quân sự v.v..” Tây phương thắng trên thế giới không phải là vì sự ưu việt của những ý tưởng, hoặc giá trị, hoặc tôn giáo Tây phương mà là ưu thế trong sự áp dụng bạo lực một cách có tổ chức.” (Huntington, Ibid., p. 51: The West won the world not by the superiority of its ideas or values or religion but rather by its superiority in applying organized violence). Người Tây phương thường quên đi sự kiện này; người các nước khác, nhất là các nước đã một thời bị Tây phương đô hộ, không bao giờ quên. Thật vậy, Tây phương là nơi sản xuất ra nhiều lý tưởng xã hội như tự do, phát xít, dân chủ theo quan niệm Ki Tô (Christian democracy), dân chủ xã hội (social democracy), đoàn thể, kinh tế tự do v.v.. nhưng Tây phương chưa bao giờ có được một tôn giáo lớn (theo nghĩa là chủ lực tinh thần hướng dẫn đạo đức và tính thiện của con người. TCN). Những tôn giáo lớn trên hoàn cầu không phải là sản phẩm của Tây phương mà là của những nền văn minh ngoài Tây phương, và trong hầu hết các trường hợp, đã có trước nền văn minh Tây phương. (Huntington, Ibid., p. 54: The West, however, has never generated a major religion. The great religions of the world are all products of non-Western civilizations and, in most cases, antedate Western civilization). So sánh giáo lý, lịch sử Ki Tô Giáo (Chính Thống, Gia Tô, Tin Lành) với

các tôn giáo Á Đông như Thích, Nho, Lão và Ấn Giáo, chúng ta thấy rõ ngay điều này.

Những nhận định của Giáo sư Huntington cũng như những sự thực lịch sử trên thế giới đã chứng minh tại sao trong các nước mà Ki Tô Giáo là thiểu số hay không thể dựa vào cường quyền, Ki Tô Giáo luôn luôn bị coi như là một tôn giáo ngoại lai, xa lìa dân tộc, đúng như lời tiên đoán của Giê-su trong Matthew 24:9: "Tất cả các dân tộc đều ghét các người vì các người theo ta."

Nhưng ở đây chúng ta cần ý thức rõ rằng, không phải người ta ghét các tín đồ Ki Tô Giáo chỉ vì họ theo một tôn giáo khác mà vì cái bản chất phi quốc gia phi dân tộc của Ki Tô Giáo, nhất là Ca-Tô Giáo. Không một người dân trong một quốc gia nào lại có thể chấp nhận một tổ chức, dù đó là một tổ chức tôn giáo, nằm trong quốc gia của họ, ăn cơm gạo quốc gia của họ, mà lại tuyệt đối trung thành và tuân phục một thế lực ngoại bang mà lịch sử đã chứng tỏ rằng ngã về chính trị và thế tục nhiều hơn là tôn giáo.

Mặt khác, nền thần học Ki Tô Giáo đã biến đám tín đồ thành những nô lệ tinh thần, trói chặt họ bằng những xiềng xích trí tuệ, từ đó ý niệm quốc gia không còn quan trọng vì quốc gia chỉ là nơi trú chân tạm bợ để chờ ngày về nước Chúa. Chúng ta phải công nhận là, với một học thuật Ca-Tô (Catholic scholarship) tinh vi và với một kế hoạch giáo dục Ca-Tô (Catholic education), Ca-Tô Giáo đã thành công trong việc nhào nặn đầu óc tín đồ từ khi còn nhỏ đến độ khi lớn lên, tín đồ không còn có thể nghĩ gì khác nếu không được tiếp xúc với những sự tiến bộ trí thức của nhân loại, và do đó, đủ can đảm để vứt bỏ mớ xiềng xích trí tuệ như hàng triệu tín đồ ở trong các nước văn minh tiến bộ Âu Mỹ, từ hàng Tổng Giám Mục trở xuống, đã làm.

Chúng ta cũng không nên quên rằng, nhiều nhà trí thức Pháp, ngay từ đầu thế kỷ 19, đã nhận thức được sự quan trọng của một nền giáo dục khai phóng so với nền giáo dục Ca-Tô đã chiếm ngự trong xã hội Pháp trong nhiều thế kỷ. Cho nên họ đã cương quyết chống lại nền giáo dục Ca-Tô trên nhiều phương diện, và họ đã thành công "giật con em họ ra khỏi vòng tay "giáo dục" của các linh mục và vạch trần những đạo đức giả của giáo hội Ca-Tô" (*Arraché l'enfant au moine, dévoilé les hypocrisies de l'Église*). Các nhà trí thức tiến bộ Pháp đã coi nền giáo dục Ca-tô như là một nền giáo dục có mục đích chống lại tổ quốc và sự tiến bộ của quốc gia. Do đó, Bộ Trưởng Giáo Dục Charles Dupuy đã phát biểu:

Chúng tôi tuyên bố thẳng ra rằng, đối với chúng tôi, thật là điều

không thể nhân nhượng được trong chiều hướng giáo dục tự do, bất cứ

người nào lại có thể dạy dỗ lớp trẻ để chống lại tổ quốc của chúng và cản

sự tiến bộ của chúng.

7

Nhưng vào cuối thập niên 1860 thì ông Nguyễn Trường Tộ, thuộc hạ của Giám Mục thực dân Gauthier, trong một bản điều trần lại đề nghị cùng Vua Tự Đức hãy dùng các Giám mục, Linh mục trong việc canh tân đất nước, và "cho phép các giáo hội Tây phương cứ tới nước mình mà lập hội cứu

tê", "cho phép mỗi tỉnh lập ra một viện dục anh, giao cho một giám mục quản cô". mà không biết đến thực chất những hội cứu tế, viện dục anh của Ca-Tô Giáo Rô-ma mà mục đích mở ra chỉ là dùng bả vật chất để kiếm thêm tín đồ, lấy tiền trợ cấp của chính quyền, nhờ sọt trẻ con v.v.. Ông Tô cũng không biết đến chính sách dùng giáo dục của thực dân Pháp để xâm chiếm và đồng hóa Việt Nam, và sự độc hại của nền giáo dục phi tổ quốc, phản dân tộc, đi ngược thời gian của Ca-Tô giáo. Ấy thế mà ngày nay "người ta" vẫn tiếp tục đánh bóng Nguyễn Trường Tô như là một "thiên tài yêu nước" với những tư tưởng canh tân đi trước thời gian.

Do đó, chúng ta không lấy gì làm lạ khi nền giáo dục Ca-Tô đã có thể đào tạo nên một Linh Mục Hoàng Quỳnh, người phát biểu câu thơ danh nhất trong lịch sử Việt Nam: "Thà mất nước chứ không thà mất Chúa.". Và ngày nay, 1995, Linh Mục Trịnh Văn Phát vẫn có thể thản nhiên tuyên bố: "Giúp quê hương không phải là bổn phận trực tiếp của tôi. Tôi không có tự do chọn lựa, tôi được huấn luyện là để phục vụ cho nhu cầu của Giáo hội." ("Cảm nghĩ một chuyến đi"; Liên lạc Giáo hoàng học viện Piô Đà Lạt số 2, 7/1995, trg. 72. (Nhóm Úc Châu)).

Chúng ta cũng không nên quên rằng, khi các nhà truyền giáo Tây phương xâm nhập Việt Nam truyền đạo, những tín đồ Ca-Tô tân tòng được dạy là phải tuyệt đối "quên mình trong vâng phục" các linh mục và giám mục, chứ không có bổn phận phải tuân theo luật lệ quốc gia, vì theo chủ thuyết Ca-Tô, Thần quyền tự phong của Ca-Tô Giáo đứng trên thế quyền ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Và đây chính là một trong nhiều lý do các Vua Triều Nguyễn đã coi Ca-Tô Giáo là Tà Đạo.

Cái bản chất phi tổ quốc, phi dân tộc của các tín đồ Ca-Tô đã được Edgar Jones phân tích khá rõ trong cuốn Jesus: The Rock of Offense. Tác giả là mục sư Tin Lành ở Memphis, Tennessee. Từ sự phân tích này, hi vọng chúng ta có thể hiểu rõ vấn đề hơn.

Những người đáp ứng lời kêu gọi gia nhập "đoàn chiên nhỏ", giống như Giê-su, đến từ một quốc tịch của một quốc gia trong những quốc gia trên thế giới. Họ không còn dự phần trong những quốc gia (của họ) trong thế giới nữa, và họ cũng chẳng muốn dự phần làm chi. Sự tách biệt ra khỏi quốc gia này là do sự thay đổi về lòng trung thành của cá nhân họ và phản ứng của thế giới (đối với họ) : sự căm ghét. Giê-su đã chứng nghiệm sự căm ghét cao độ của quốc gia ông ta. Với sự căm ghét này ông ta đã làm gương cho các môn đồ của ông ta. Ông dạy họ là họ sẽ bị mọi quốc gia ghét (Matthew 24:9). Ông ta bao giờ cũng cân nhắc cẩn thận lời nói của mình để chuyển đạt ý định của mình. Bất cứ khi nào ông nói "mọi quốc gia" là ông ta nghĩ đúng như vậy. Cũng vậy, điều mà chúng ta biết chắc là: bất cứ người nào mà không bị mọi quốc gia ghét thì người đó không thuộc đoàn chiên của ông ta. Giê-su đã nói thật rõ ràng rằng những người theo ông sẽ bị mọi quốc gia ghét.

Vậy, đây là một tiêu chuẩn để chúng ta định giá trị về ước vọng của

chúng ta trong sự chia xẻ gia tài của nước Chúa.

Hãy nhớ lời của Giê-su: "Các ngươi sẽ bị mọi quốc gia ghét

(Matthew 24:9)"

Chúng ta thay đổi sự trung thành của chúng ta vì chúng ta không

còn gì mấy để chia xẻ với những quốc gia của chúng ta. Chúng ta không

còn dự phần gì mấy với cha mẹ, gia đình, châu báu, sự tìm kiếm, đời sống,

bạn hay thù. Giê-su đã hủy bỏ sự trung thành với nơi sinh của chúng ta

và thay thế bằng một nơi sinh thứ hai hay tái sinh.(Ki Tô Giáo có danh từ

"born again" chỉ những người hoàn toàn thay đổi, như là chết đi sống lại để tuyệt

đổi tin vào Chúa và hiến thân toàn vẹn cho Chúa. Nói cách khác con người cũ

của chúng ta phải chết đi để sống lại trong Chúa dù không phải là thân xác chết

thật. TCN)

Do đó, lòng ái quốc, chủ yếu thường đặt vào quốc gia của con

người, nay trở thành tâm điểm của sự ác. Chúng ta không còn là những

người yêu nước theo ý nghĩa quốc gia, vì yêu nước có nghĩa là tôn trọng

tổ tiên, và chúng ta đã thay thế tổ tiên xưa, nghĩa là những người sáng lập đất nước, và tổ tiên đã sinh ra ta, bằng một người cha của chúng ta ở trên trời.

Sự tái sinh này cũng giống y như sự sinh ra đầu tiên, theo nghĩa là nó cung cấp cho chúng ta các bậc sinh thành mới, một gia đình mới, một quốc gia mới, và một quốc tịch mới. Mọi sự liên hệ mà chúng ta có từ khi mới sinh ra đời đối với quốc gia dân tộc gia đình v.. v.. được thay thế bởi những liên hệ mới trong sự tái sinh. Trong dân tộc mới này, Thiên Chúa là người Cha mới và duy nhất, và những người tuân theo ý Thiên Chúa là những người mẹ mới, anh chị em, con trai con gái mới. (Muốn hiểu đoạn này chúng ta cần phải nhắc lại một chuyện trong Thánh Kinh, Matthew 12: 46-49: Trong khi Giê-su đang đứng giữa đám đông, Bà Mary và các em trai của Giê-su đến và nhờ người nhắn với Giê-su là Mẹ và các em đang ở phía ngoài muốn gặp Giê-su thì Giê-su sẵn giọng nói: "Ai là mẹ Ta? và ai là các em Ta?" Và ông ta đưa tay chỉ các môn đồ, nói: "Đây mới là mẹ Ta và các em Ta" (Who is my mother? and who are my brothers? And He stretched out His hand toward His disciples and said, "Here are My mother and My brothers!".). Dân tộc mới là "đoàn chiên nhỏ", và quốc tịch mới là quốc tịch ở trong đoàn chiên nhỏ, hay căn bản hơn, là quốc tịch trong nước của Thiên Chúa, vì nước này đã được trao cho bầy chiên nhỏ.

8

Từ Thánh Kinh và từ những tài liệu phân tích Thánh Kinh của các học giả, chúng ta thấy rõ rằng quan niệm của Giê-su đối với quốc gia là phi tổ quốc. Giê-su chỉ quan tâm đến nước của Thiên Chúa, một niềm hoang tưởng trong đầu óc của Giê-su. Trong Thánh Kinh còn có nhiều đoạn nói về quan niệm của Giê-su về đời sống con người trên thế gian. Đây là quan niệm vô cùng tiêu cực: đời sống trong kiếp này chỉ là tạm bợ, hãy sửa soạn cho ngày tận thế gần kề, chuyên lo phục vụ Thiên Chúa để có đời sống đời đời, lẽ dĩ nhiên, sau khi chết. Cho nên chúng ta không lấy gì làm lạ khi thấy những tín đồ Ca-Tô sẵn sàng phản bội tổ quốc để phục vụ nước Chúa, đúng ra là nước Vatican, vì Vatican nắm những chìa khóa mở của thiên đường, không ai có thể hiệp thông thẳng với Chúa mà bắt buộc phải đi qua ngã trung gian là Vatican nếu muốn được cứu rỗi để có cuộc sống đời đời.

Đến đây, chúng ta đã biết quan niệm của Giê-su đối với gia đình và quốc gia là như thế nào. Sau đây chúng sẽ xét đến những lời giảng của Giê-su thuộc về lãnh vực luân lý đạo đức con người. Nếu xét đến những lời nói và hành động của Giê-su đối với gia đình thì khó mà thấy trong đó những điểm về luân lý. Nếu chúng ta xét những hành động của Giê-su đối với con người, súc vật, cây cỏ thì khó mà có thể cho Giê-su là con người đạo đức. Điều này sẽ được chứng minh trong một phần sau.

Các tín đồ Ca-Tô thường ca tụng cái gọi là "Bài Giảng Trên Núi" trong Tân Ước là tuyệt vời. Họ được giáo hội dạy như vậy cho nên yên trí là như vậy chứ thực ra họ không tự mình đọc suy nghĩ và tìm hiểu những điều trong đó. Sau đây tôi sẽ đi vào phân phân tích một số điểm trong "Bài Giảng Trên Núi" của Giê-su.

(xem chú thích >>>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Trang Trần Chung Ngọc

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

3. "Bài Giảng Trên Núi" của Giê-su:

Tất cả những điều mà người ta cho là “giáo pháp” của Giêsu, nghĩa là những lời dạy về luân lý đạo đức con người, được gói ghém trong Bài Giảng Trên Núi (Sermon on the Mount). Trong bài giảng này có một phần mà các Linh Mục thường mang ra giảng trong nhà thờ, và do đó các tín đồ thường biết dưới tên "Phúc Thật Tám Mối" và ca tụng với người ngoại đạo là “tuyệt vời”, tuy nội dung chẳng có gì đặc biệt vì tất cả đều là những điều thông thường trên thế giới

Về bài giảng trên núi này, Kenneth C. Davis viết như sau trong cuốn Don't Know Much About The Bible: Everything You Need to Know About the Good Book But Never Learned:

"Một trong những bài giảng chính của Giêsu là một bài dài mà

Augustine gọi là "Bài Giảng Trên Núi." "Bài Giảng Trên Núi" được trình

bày toàn phần trong Phúc Âm Matthew (hơn 100 câu) và dưới dạng một

bản rút ngắn trong Phúc Âm Luke. Trong Luke bài giảng này tương tự

như trong Matthew, tuy ngắn hơn (khoảng 30 câu), và được nói ở đồng

bằng khi Giêsu cầu nguyện xong và xuống núi.

Những sự khác nhau trong hai bài giảng này đã đưa đến sự đồng

thuận của các học giả là bài giảng trong Matthew là kết quả gộp nhặt từ

nhiều bài giảng của Giêsu thành một bài dài có thể nhớ được. Nói khác

đi, đó là những lời giảng của Giêsu được ghi lại một cách trung thực và là

"Những Lời Hay Ý Đẹp Nhất của Giêsu" được gom lại thành một bài."

Chúng ta hãy đi vào vài chi tiết trong Tân Ước để phân tích xem bài giảng đó hay như thế nào? “Bài giảng trên núi” chiếm 3 đoạn trong Phúc Âm Matthew: 5,6, và 7, và dạng rút ngắn trong Phúc Âm Luke 6:17-45. Những trích dẫn sau đây là từ Phúc Âm Luke.

Một trong những điều giảng dạy của Giêsu mà các tín đồ cho là hay nhất là câu mà các nhà truyền giáo gọi là "Luật Vàng" (Golden Rule), Luke 6: 31: "Hãy làm cho người khác điều các con muốn người ta làm cho mình". Nhưng đây không phải là một luật do Giêsu sáng tác, vì chúng ta biết rằng, hơn 500 năm trước khi Giêsu sinh ra đời thì Đức Khổng Tử cũng đã nói luật trên nhưng dưới một dạng khác: "Những điều mà mình không muốn người ta làm cho mình thì đừng có làm cho người khác" (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân). Và trong kinh Talmud của Do

Thái cũng có câu (Sabbath 31: 1): "Cái gì mà mình không thích thì đừng có làm cho người khác" (What thou does not like, do thou not to thy neighbor).

Do đó, Luật Vàng mà các tín đồ Ki Tô thường cho là của Giê-su, thật ra chỉ là cóp nhặt tư tưởng đã có từ trước trong dân gian và thay đổi câu văn từ tiêu cực (negative) sang tích cực (positive). Nhưng cũng vì thế mà Luật Vàng của Giê-su không được hoàn hảo, vì điều mà mình muốn người khác làm cho mình chưa chắc đã là những điều đúng, lành thiện v.v.. mà có thể bắt nguồn từ tham dục, hay si ngốc. Và cũng chưa chắc đó là những điều mà người khác cần đến, hoặc muốn mình làm cho họ. Phân tích câu này, William Floyd cho rằng đó chỉ là một cách xử thế thuộc loại "có đi có lại mới toại lòng nhau" của người xưa (the desirability of reciprocity of the ancients) chứ không phải là một tiêu chuẩn đạo đức có tính cách phổ quát. Trái lại, luật của Đức Khổng Tử có tính cách luân lý rộng lớn, khuyên ngăn chúng ta không nên làm cho người khác những điều họ có thể không muốn, vì chính mình cũng không muốn những điều này. Đây là một cách xử thế khôn ngoan, tránh gây bất hòa, vì "đừng làm" ngụ ý thận trọng, trong khi "hãy làm" thường có tính cách áp đặt hay cưỡng bách.

Charles Bradlaugh, một tư tưởng gia tự do (freethinker) nổi tiếng của Anh Quốc, đã phân tích những điều giảng dạy của Giê-su trong một bài viết đặc sắc: Giê-su Giảng Dạy Những Gì? (What Did Jesus Teach?). Độc giả có thể lấy bài này trong Internet (www.infidels.org). Ở đây, tôi không có ý định phê bình toàn thể "Bài Giảng Trên Núi" cho nên sau đây tôi chỉ phân tích tiếp vài lời dạy của Giê-su mà một số trí thức Ca Tô cho đó là phản ánh "đỉnh cao trí tuệ của Chúa":

1. Mathhew 5:3: Phúc cho kẻ có tinh thần yếu kém, vì nước thiên đàng

thuộc về họ. (Blessed are the poor in spirit, For theirs is the kingdom of heaven).

Bình luận về câu trên, Charles Bradlaugh viết:

Tinh thần yếu kém có phải là đức tính chính mà Giê-su đặt lên cao nhất trong những điều giảng dạy của ông ta hay không? Thực ra đó có phải là một đức tính không? Chắc chắn là không. Tinh thần dũng cảm, tinh thần lương thiện, tinh thần đầy đủ những mục đích công chính, đó là những đức tính; tinh thần yếu kém là một tội ác...

10

Tại sao Charles Bradlaugh lại viết như vậy? Chẳng có gì là khó hiểu. Giả thử bạn là một người có tinh thần yếu kém và bị người ta tát cho một cái vào má. Trong trường hợp này, Giê-su dạy bạn phải hành động như thế nào? Luke 6:29 đã vạch rõ: "Nếu các con bị ai tát má này, cứ đưa luôn má bên kia." (To him who strikes you on the one cheek, offer the other also). Đây có phải là điều thực tế hay không. Tôi không khuyên bất cứ bạn đạo nào làm cuộc thí nghiệm sau đây: đến trước mặt Hồng Y Nguyễn Văn Thuận hay "Hồng Y thiết giáp" Ratzinger và tát cho ông ta một cái xem các ông ấy phản ứng như thế nào, có đưa má kia cho bạn tát thêm hay không. Dù chúng ta có lòng nhân từ đến đâu thì, nếu chúng ta không tát trả lại thì ít ra cũng phải có biện pháp ngăn chặn để cho khỏi bị tát thêm. Dung dưỡng sự bạo hành là đồng lõa với bạo hành. Cho nên Charles Bradlaugh đã viết "tinh thần yếu kém là một tội ác", tội ác đối với xã hội, tội ác đối với nhân loại, vì đã khuyến khích sự bất công và bạo hành.

2. (Luke 6: 20: "Phúc cho các con đang nghèo khổ, vì Nước Trời thuộc về các con" (Blessed are you poor, For yours is the kingdom of God); Luke 6: 24: "Nhưng khôn cho các con đang giàu có, vì các con đã được an ủi rồi" (But woe to you who are rich, For you have received your consolation)

Đây có phải là giáo lý về luân lý đạo đức hay không, hay chỉ là những lời hứa hẹn vô trách nhiệm. Có ai biết "nước Trời" ở đâu? Người nghèo khổ, chỉ vì lý do duy nhất là đang nghèo khổ, được hứa hẹn một nước Trời chỉ có trong đầu óc bất bình thường của Giê-su. Người giàu có, chỉ vì lý do duy nhất là đang giàu có, bị Chúa nguyên rủa. Công bằng và bác ái ở chỗ nào?

Thực tế là ở trên đời này có ai muốn mình nghèo khổ đâu. Vì hoàn cảnh nên nghèo khổ và nếu có lòng dũng cảm, có ý chí, chăm chỉ học hành, làm lụng thì con người có thể vượt qua sự nghèo khó.

Nếu lời của Giê-su như trên là đúng thì trong Ca-Tô giáo, từ Giáo Hoàng trở xuống cho tới các Linh Mục, không ai có thể lên thiên đường được, vì đối với lớp dân nghèo khổ, thì các giới chức trong giáo hội toàn là những người giàu có, dư ăn dư mặc. Tài sản của Giáo hội Ca-Tô Hoàn Vũ (Vatican) lên tới hàng ngàn tỷ đô la, và các giáo hội địa phương cũng chỉ vơ vét của cải thế gian, làm giàu trên sự đói khổ của đám cùng đinh.

Người Việt Nam chúng ta có những câu: "Bần cùng sinh đạo tặc" hay "Đói ăn vụng, túng làm càn". Giê-su chắc không biết đến những câu này nên mới phát ngôn như trên.

Phê bình hai câu trên, Charles Bradlaugh viết:

Giêsu đưa ra hình ảnh của một người xuống địa ngục, cái tội duy nhất của người này là giàu có; và một người khác lên thiên đường, đức tính duy nhất của người này là nghèo khổ. Sau đó Giêsu còn khẳng định là: "Người giàu vào Nước Trời thật khó. Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Trời." (Luke 18: 25) Ý định duy nhất của một giáo lý như vậy có thể là làm cho người nghèo khổ an phận nghèo khổ trong đời sống này trong hi vọng sẽ được đền bù tốt hơn trong đời sau. Có thật là tốt đẹp khi ta an phận với sự nghèo khó hay không? Có phải là tốt hơn nhiều nếu chúng ta tìm hiểu nguyên do của sự nghèo khổ để tìm cách giải quyết vấn đề hay ngăn chặn đừng để cho sự nghèo khổ xảy ra hay không?

11

Tất cả các quốc gia trên thế gian này đều cố gắng làm sao để cho dân giàu nước mạnh. Vậy có ai tin theo lời Chúa đâu? Điều hiển nhiên là những người nghèo khổ nhiều khi đến độ không có cơm ăn áo mặc. Cảnh tượng này xảy ra khắp nơi trên thế giới. Không có cơm ăn thì đói. Đối với những người này thì Giê-su dạy ra sao? 3. Luke 6: 21: "Phúc cho các con đang đói, rồi các con sẽ no" (Blessed are

you who hunger now, For you shall be filled.); Luke 6:25: "Khôn cho những kẻ

đang no, Vì các ngươi sẽ bị đói" (Woe to you who are full, For you shall

hunger)

Trên thế gian này, thật sự có ai muốn mình đói để được Giê-su ban phúc cho không? Chúng ta thấy trước mắt những cảnh đói khổ ở khắp nơi trên thế giới, nhất là ở những nơi như Ethiopia, Rwanda, Congo v.v.. Hàng triệu người đói này có ai cần đến cái "phúc" của Giê-su ban cho hay cần đến cơm gạo, bánh mì để sống còn? Giê-su chỉ hứa hão. Bao giờ no? Ông ta không hề khẳng định. Bình luận

câu trên, Charles Bradlaugh viết:

Giêsu dạy những gì?. "Phúc cho các con đang đói, rồi các con sẽ no". Ông ta không nói bao giờ thì sẽ được no. Hiển nhiên là thời điểm sẽ no đã được hoãn lại cho đến khi con người không còn dạ dày đâu để mà

đầy bụng. Không phải là trong đời sống này mà người đói sẽ no.

12

Giê-su cũng còn dạy:

4. Luke 6: 21: "Phúc cho các con đang than khóc, rồi các con sẽ vui cười" .(Blessed are you who weep now, for you shall laugh.); Luke 6:25: "Khốn cho những kẻ đang cười, vì các người sẽ than khóc." (Woe to you who laugh now, For you shall mourn and weep).

Thật vậy sao? Bao giờ thì cười? và bao giờ thì than khóc? Con người ai chẳng có những lúc vui, lúc buồn. Khi gặp chuyện mừng thì vui thì cười, khi gặp chuyện bất hạnh thì than thì khóc. Có ai cười mãi hay khóc mãi đâu? Những nạn nhân của Giáo hội Ca-Tô trong ngục tối, bị tra tấn dã man trong thời Trung Cổ vì không tin Chúa, tất nhiên phải than khóc rồi, họ có được "phúc" của Chúa hay không?

Thật tôi không hiểu trong những lời dạy trên của Giê-su hay họ ở chỗ nào mà các tín đồ Ca-Tô khen nức khen nở là bài giảng trên núi thật là tuyệt vời , nhất là đoạn nói về "Phúc thật tám mối".

Chẳng thế mà Charles Bradlaugh đã đưa ra nhận định:

Giêsu dạy: Những người nghèo, đói, khốn khổ, sẽ được ân sủng của Thần Ki Tô, nhưng ân sủng này chỉ tới khi họ đã hết nghèo, hết đói, hết khốn khổ (nghĩa là đã chết. TCN).

13

Trên đây chỉ là vài trích dẫn từ Thánh Kinh những "lời hay ý đẹp" điển hình của Giê-su. Dựa vào những tư tưởng có tính cách mạ lị đầu óc con người này, các nhà truyền giáo đi xâm lăng các nước chậm tiến cũng đưa ra luận điệu hứa hẹn lừa dối: "nghèo khổ là do ý Chúa", và khuyến khích các tín đồ hãy chịu khó an phận như dân Do Thái ngày xưa, cứ giữ niềm tin ở Chúa rồi sẽ có ngày Chúa sẽ đoái thương và sẽ được ân sủng của Chúa. Chẳng biết cái ân sủng này mặt mũi nó ra làm sao. vì từ xưa tới nay chưa có ai, kể cả Giê-su, từ cõi chết trở về để mà cho bàn dân thiên hạ biết cái ân sủng đó nó như thế nào.

Trong cuốn Tiếng Kêu Than Của Người Dân Penny Lernoux viết:

Những nhà truyền giáo ngoại quốc góp phần nhồi vào đầu óc dân

bản xứ ý tưởng là họ nghèo và ngu dốt là do ý muốn của Thiên Chúa.

Như Tổng Giám Mục ở Lima bảo các thổ dân rằng: "Nghèo khổ là con

đường chắc chắn nhất đi tới hạnh phúc." người thổ dân nào hay dân Phi

Châu nào mà liều lĩnh nghi ngờ điều dạy khôn ngoan đó bằng cách

chống lại hệ thống đều bị giết ngay...Giáo Hội Ca-Tô phải gánh rất nhiều

trách nhiệm về tình trạng này.

14

4.

Chúng ta hãy tiếp tục xét đến lời dạy của Giê-su như sau:

Luke 6: 22-23: Phúc cho các con khi bị người ta ghét, xua đuổi, nhục mạ, bêu xấu tên tuổi vì Ta. Ngày đó, các con hãy lấy đó làm điều mừng và vui mừng nhảy múa, vì sẽ được phần thưởng lớn dành sẵn trên trời. Ngày xưa các nhà tiên tri cũng từng bị đối xử như thế. (Blessed are you when men hate you, and when they exclude you, and revile you, and cast out your name as evil, For the Son of Man's sake. Rejoice in that day and leap for joy! For indeed your reward is great in heaven, For in like manner their fathers did to the prophets.); Luke 6: 26: Khốn cho những người được quần chúng ca ngợi, vì các tiên tri giả ngày xưa cũng từng được ca ngợi như thế. (Woe

to you when all men speak well of you, For so did their fathers to the false prophets.)

Theo đúng lời Chúa không thể sai lầm như trên thì các tín đồ Ki Tô, Ca-Tô cũng như Tin Lành, nên mừng khi bị người ta ghét mới phải, vì đó chính là phúc của Chúa ban cho họ. Bị người ta ghét là con đường chắc chắn nhất để lên thiên đàng, lẽ dĩ nhiên, sau khi chết. Muốn được người ta ghét thì cũng dễ thôi, cứ tiếp tục đi theo con đường phi dân tộc, phản dân tộc như trong quá khứ, chỉ cần biết đến nước Chúa, không cần biết đến quốc gia dân tộc là gì. Tại sao mỗi khi có người nói hay viết những điều gì không hợp với những lời "giáo hội dạy rằng" thì các tín đồ Ki-Tô lại chụp lên đầu họ cái mũ thù ghét và chống Ki Tô Giáo? Các tín đồ Ki-Tô không biết rằng người ta thù ghét hay chống Ki Tô Giáo chính là để giúp cho họ được hưởng phúc của Chúa, giúp họ được phần thưởng lớn ở trên thiên đàng hay sao, nếu họ tin những lời của Chúa phải là đúng.

Các tín đồ Ki Tô Giáo cũng thường hết lời ca ngợi Chúa của họ. Nhưng như vậy là họ đã nguyên rửa Chúa vì Chúa đã khẳng định là "Khốn cho những người được quần chúng ca ngợi, vì các tiên tri giả ngày xưa cũng từng được ca ngợi như thế ". Có thể vì họ tin rằng Chúa Giê-su của họ là tiên tri thật chứ không phải là tiên tri giả. Nhưng Thánh Kinh lại viết rõ, và ngày nay tất cả các học giả nghiên cứu Thánh Kinh đều đồng ý ở điểm này, là Giê-su tin rằng ngày tận thế đã gần kề, sẽ xảy ra ngay trong thời đại mà vài tông đồ của ông còn sống, khi đó ông sẽ trở lại trần để phán xét người sống cũng như người chết. (Xin xem lại chương I, trang 62-63). Điều này đã không xảy ra. Lại nữa, Matthew 12: 40 kể rằng: Chúa Giê-su nói: "Như Giô-na đã nằm trong bụng cá ba ngày ba đêm, Ta sẽ vào lòng đất ba ngày ba đêm" (For as Jonas was three days and three nights in the whale's belly; so shall I be three days and three nights in the heart of the earth). Khoan kể đến việc Giê-su tin vào câu chuyện hoang đường trong Cựu Ước: Jonas nằm trong bụng cá voi 3 ngày 3 đêm, đây là lời tiên tri của Giê-su về cái chết giả của mình. Nhưng Thánh Kinh cũng lại viết rõ rằng Giê-su chỉ "vào trong lòng đất" có hai đêm và một ngày, từ 3 giờ chiều thứ Sáu (Matthew 27: 46) đến sáng sớm Chủ Nhật, trời mới rạng đông (Matthew 28:1). Từ hai chuyện "tiên tri" trên của Giê-su trong Tân Ước, chúng ta bắt buộc phải kết luận: Giê-su chẳng qua cũng chỉ là một nhà tiên tri giả. Có vẻ như không có tín đồ Ki Tô nào nghĩ ra điều hiển nhiên này nên họ vẫn tiếp tục ca ngợi Chúa Giê-su của họ cũng như ngày xưa, các tiên tri giả đã được ca ngợi.

Dựa vào những lời dạy trên của Giê-su, nên Thần học Ki Tô Giáo giảng rằng đạo Giê-su là đạo của người nghèo khổ, vì Chúa đã ban phúc cho những người nghèo. Tuy nhiên, một câu hỏi được đặt ra là, tại sao Chúa lại cần phải nguyên rửa người giàu? Một "lý luận" thần học khác là, nghèo khổ là sự thử thách của Thiên Chúa về lòng tin Thiên Chúa của con người. Lý luận này hạ thấp Thiên Chúa xuống hàng một cái máy dò đức tin (faith-detector). Thật ra thì, theo nhiều nhà phân tích Thánh Kinh, những lời dạy trên bắt nguồn từ những điều hoang tưởng và hi vọng của chính Giê-su. Với những mặc cảm về thân phận của chính mình: là một đứa con hoang, sinh ra trong sự nghèo khổ của gia đình một ông thợ mộc đông con, ít nhất là Joseph và Mary có 7 người con, do đó đời sống vật chất khó khăn, cho nên Giê-su hi vọng rằng, cứ tin ở Thiên Chúa thì có ngày Thiên Chúa sẽ đền bù xứng đáng. Đây cũng chẳng phải là niềm tin riêng của Giê-su mà là niềm tin của cả dân tộc Do Thái trong tâm trạng bị bắt làm nô lệ, tù đầy. Cho nên, thông điệp chính của Giê-su trong những lời giảng dạy trên là suy diễn từ mơ ước và hi vọng của chính mình thành những lời có mục đích khuyến khích những người nghèo khổ hãy an phận nghèo

khổ, giữ vững niềm tin vào Thiên Chúa thì Thiên Chúa sẽ cho hưởng phần thưởng trên nước trời. Những lời dạy này không phải là để tôn vinh người nghèo, vì trước Thiên Chúa, con người tuyệt đối bình đẳng, vì cùng là tạo vật của Thiên Chúa.

Tới đây, tôi nghĩ chắc quý độc giả đã thấy rõ những tư tưởng của Giê-su thuộc loại nào, và tôi thấy không cần phải tiếp tục phê bình dài dòng những cái gọi là "lời hay ý đẹp" của Giê-su nữa. Những lời hay ý đẹp của Giê-su thường được giảng theo luận điệu thần học một chiều và trước đám tín đồ vốn lười suy nghĩ và không bao giờ đọc đến Thánh Kinh. Những mâu thuẫn và những điều phi lý, phản khoa học cũng như những lời chứng tỏ đạo đức thấp kém của Giê-su tuyệt đối không bao giờ được các "thầy giảng" nhắc tới. Để cho quý độc giả tự mình nhận rõ thực chất những lời giảng dạy của Giê-su hơn nữa, tôi xin trích dẫn thêm vài tư tưởng của Giê-su từ Thánh Kinh và chỉ ghi kèm một vài nhận định ngắn, nếu cần, mà thôi.

(xem chú thích >>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

5. Vài Lời "Giảng Dạy" Khác Của Giê-su:

Trước hết, chúng ta hãy nghe lời Giê-su tự nhận và dạy các môn đồ

như sau:

Matthew 11: 29: Hãy gánh lấy ách của ta, và học theo ta; vì ta có lòng từ ái và khiêm nhường, và linh hồn các người sẽ được yên ổn. (Take my yoke upon you and learn from me, for I am gentle and lowly in heart,

and you will find rest of your souls)

Thánh Kinh tiếng Việt của Tin Lành do Hội Thánh Kinh Mỹ (American Bible Society) xuất bản dịch "gentle" là "nhu mì", một từ thường dành riêng cho phái nữ; còn Thánh Kinh tiếng Việt do Hội Thánh Kinh Quốc tế (International Bible Society) xuất bản dịch "gentle" là "dịu dàng". Chúng ta đã biết Giê-su khiêm nhường tới cỡ nào qua những lời tự nhận về "cái Ta" mà tôi đã trích dẫn ở trên, trang 126.

"nhu mì" và "dịu dàng" như thế nào.

Chúa dịu dàng phán:

Bây giờ chúng ta hãy xem Giê-su

Matthew 18:6: Nếu ai làm cho một trong những đứa trẻ đã tin Ta phạm tội, thì tốt hơn cho hắn là buộcmột cối đá vào cổ hắn và ném hắn

xuống đáy biển cho chết đuối.

(But whoever causes one of these little ones who believe in

me to sin, it would be better for him if a millstone were hung around his neck, and he were drowned in the depth of the sea)

Phạm tội gì?

Thánh Kinh tiếng Việt dịch "to sin" là "mất đức tin". Không tin Giê-su hay mất đức tin về Giê-su có phải là một tội hay không? Ngày nay, có biết bao nhiêu người mất đức tin, bỏ đạo, vì biết đến thực chất của huyền thoại về Giê-su cũng như về nền thần học nguy tạo của Ki Tô Giáo qua những tác phẩm nghiên cứu của các bậc học giả trong giáo hội cũng như ngoài giáo hội nên đã tỉnh ngộ. Chưa thấy ai cột đá vào cổ những tác giả này rồi mang nhận cho chết đuối dưới bể, vì đây là một quan niệm vô cùng ác độc và man rợ cách đây 2000 năm của một người Do Thái mà các tín đồ được dạy phải coi như Chúa và

"Chúa lòng lạnh vô cùng", không

còn có thể chấp nhận trong thế giới tiến bộ với những tiêu chuẩn đạo đức của con người ngày nay. Quý độc giả có thể đọc lại vài lời nói "dịu dàng" khác của Giê-su nơi trang 136.

Trong Tân Ước có nhiều đoạn mô tả Giê-su rất hận thù những người không tin ông ta và đưa ra những lời nguyên rủa rất cay nghiệt tương tự như trên. Cũng vì vậy mà học giả Ca-Tô Joseph L. Daleiden đã đưa ra nhận định sau đây:

Con người hành động dã man phần lớn là bị ảnh hưởng đạo đức trong nền văn hóa của mình. Đạo đức của Tân Ước là trả thù bất cứ người nào bác bỏ Ki Tô Giáo. Tuy những người viết Tân Ước một mặt viết Giê-su dạy phải tha thứ, Ông ta thực ra có một thái độ cực kỳ bất khoan nhượng đối với những người không chấp nhận ông ta là đáng cứu rỗi của họ.

15

Chúng ta cũng phải hiểu rằng, khi Giê-su nói đến những đứa trẻ (little ones), không phải là ông ta nói đến những đứa trẻ ít tuổi thật, mà là để chỉ những người tin theo ông và phải trở thành như trẻ con như trong đoạn sau đây:

Matthew 18: 3: Đúng vậy, ta nói cho các ngươi biết, trừ phi các ngươi biến cải và trở thành như trẻ con, không có cách nào các ngươi có thể vào trong nước thiên đường. (Assuredly, I say to you, unless you are converted and become as little children, you will by no means enter the kingdom of heaven.)

Mark 10: 15: Đúng vậy, ta nói cho các ngươi biết, người nào mà không tiếp nhận nước Chúa như là một đứa trẻ thì sẽ không có cách nào vào đó được. (Assuredly, I say to you, whoever does not receive the kingdom of God as a little child will by no means enter it.)

Trong Tân Ước chúng ta cũng còn thấy đoạn mô tả Giê-su cầu nguyện:

Matthew 11: 25: Hỡi Cha là Chúa của trời đất, tôi khen ngợi Cha,

vì Cha đã che dấu những điều này đối với kẻ khôn ngoan, người sáng dạ;

mà tỏ ra cho những con trẻ hay. (I thank you, Father, Lord of heaven

and earth, because you have hidden these things from the wise and

prudent and have revealed them to babes)

Như vậy, chúng ta thấy rằng, đạo Giê-su là đạo dành cho những người có đầu óc của trẻ con. Con trẻ, về thể chất cũng như tinh thần, đều chưa phát triển và trưởng thành, chưa có đủ khả năng suy nghĩ để phân biệt thật hay giả, đúng hay sai, cho nên ai nói gì cũng tin và hay làm theo, bắt chước. Nó giống như một con chiên (cừu), người chăn chiên dắt đi đâu thì đi đó. Vì vậy các tín đồ Ca-Tô Việt Nam còn được gọi là con chiên. Hiển nhiên là Chúa rất thành công với những người đầu óc như của con trẻ, còn đối với những người thông thái sáng dạ hay ít ra là có đôi chút đầu óc suy nghĩ thì Ngài lại hoàn toàn thất bại. Chúa cũng còn thành công với những người đầu óc bần loạn, khủng hoảng tinh thần, cần bám vào một cặp nạng thần quyền để lê lét trong cuộc đời.

Để kết thúc chương này, tôi xin trích dẫn từ Tân Ước vài lời dạy điển hình của Chúa Giê-su về chính mình cũng như về các tông đồ cùng những

lời dạy chứa đầy mâu thuẫn mà chỉ có những bộ óc đặc thù Ki Tô mới không nhận ra:

1. Có người gọi Giê-su là "Ông Thầy chí thiện" (Good Teacher) [Matthew 19: 16]. Giê-su có chí thiện hay không? Ông ta đã phủ nhận:

Matthew 19: 17: Tại sao người lại kêu ta là chí thiện. Không ai chí thiện cả trừ một người, đó là, Thượng đế. (Why do you call me good? No one is good but one, that is, God.)

1.

Ai vào thiên đường trước?

Matthew 21: 31: ...Đúng vậy, ta nói cho các người biết, những người đi thu thuế và những cô gái điếm sẽ vào nước Chúa trước các người. (Assuredly, I say to you that tax collectors and harlots enter the kingdom of God before you)

2.

Làm việc thiện cho mọi người thấy hay là không?

Matthew 6: 1: Đừng làm những việc thiện trước mặt mọi

người, để cho họ thấy. Nếu không các người không thể được phần thưởng của Cha các người trên trời. (Take heed that you do not do your charitable deeds before men, to be seen by them. Otherwise you have no reward from your Father in heaven)

Matthew 5: 16: Hãy để cho ánh sáng của các người tỏa sáng trước mọi người, để cho họ thấy những việc lành thiện của các người và vinh danh Cha các người ở trên trời. (Let your light so shine before men, that they may see your good works and glorify your Father in heaven.)

3.

Những lời tự nhận của Giê-su đúng hay không đúng?

John 5: 31: Nếu ta làm chứng cho chính ta, thì sự làm chứng của ta không đúng sự thật. (If I bear witness of myself, my witness is not true)

John 8 : 14: Tuy ta tự làm chứng cho chính ta, nhưng sự làm chứng của ta đúng là sự thật. (Though I bear record of myself, yet my record is true)

4.

Phán xét hay không phán xét?

John 12: 47: Và người nào nghe những lời ta nói mà không tin, ta sẽ không phán xét họ; vì ta xuống đây không phải để phán xét thế giới mà để cứu thế giới. (And if anyone hears my words and does not believe, I do not judge him; for I did not come to judge the world but to save the world.)

John 9: 39: Để phán xét ta đã xuống trần, và những người nào không nhìn thấy sẽ nhìn thấy, và những người nào nhìn thấy có thể bị làm cho mù. (For judgment I have come into this world, and those who do not see may see, and that those who see may be made blind.)

5.

Là một hay là hai?

John 10: 30: Ta với Cha ta là một. (I and My Father are one.) John 14: 28: Cha ta vĩ đại hơn ta (My Father is greater than I.)

7a. Hiệu lực của câu nguyện. Đúng hay sai?

Mark 11: 24: Vậy ta nói cho người biết, khi các người cầu nguyện, bất cứ cái gì mà các người đòi hỏi, tin rằng các người sẽ nhận được, và các người sẽ có những cái đó. (Therefore I say to you, whatever things you ask when you pray, believe that you receive them, and you will have them.)

6.

Đức tin cần bao lớn? Làm được những gì?

Matthew 17: 20: Đúng vậy, ta nói cho người biết, nếu người có đức tin chỉ nhỏ bằng hạt cải, người sẽ bảo trái núi này "Di chuyển từ chỗ này sang chỗ kia", nó sẽ di chuyển như vậy; và đối với người không có gì mà làm không được. (Assuredly, I say to you, if you have faith as a mustard seed, you will say to this mountain, "Move from here to there", and it will move; and nothing will be impossible for you.)

Tôi xin đề quý độc giả tự nhận định về giá trị những lời "giảng dạy" của "Chúa" Giê-su ở trên.

Chú Thích - Chương II

1. Haight, James A., 2000 Years of Disbelief: Famous People with the Courage to Doubt, p. 324: Through logic, you can see that the church concept of an all-loving heavenly creator doesn't hold water. If a divine Maker fashioned everything that exists, he designed breast cancer for women, childhood leukemia, leprosy, AIDs, Alzheimer's disease, and Down's syndrome. He mandated foxes to rip rabbits apart and cheetahs to slaughter fawns. No human would be cruel enough to plan such horrors. If a supernatural being did so, he's a monster, not an all-merciful father.

2. Martin, Malachi, The Decline and Fall of the Roman Church, p. 230: Pope John XXIII told the opening session of his council on October 11, 1962, that "false doctrines and opinions still abound," but that "today men spontaneously reject" them.. But if Roncalli did not see where his new teaching was leading, hundreds of theologians and bishops did. In the sixties and the seventies after Roncalli's death, they drew these conclusions and abandoned belief in original sin, in the Devil, and in many other fundamental doctrines.

3. O'Brien, George Dennis, God and The New Haven Railway. And Why Neither One Is Doing Very Well, pp. 101-108: A religion of enlightenment improves our spiritual wisdom or our moral behavior by some teaching. A salvational religion converts our life by leading us to live our lives in another.

...When the great teacher dies, his teaching may well live on...He may have a teaching like the Noble Eightfold Path, which perpetuates his special wisdom. Even if the teacher leaves no teaching but only the example of an inquisitive mind and the ideal of the Good, like Socrates, the example of the teacher remains to be emulated by later students. All of those means of continuing "the life of the teacher" are eminently sensible and as broadly practiced as the planet is covered with talkers. But that scenario is not the New Testament line. It isn't the teacher's teaching that lives on, it is the "teacher". But if that how it is, it is no "teacher" but "savior". Since the

only way to have a salvational religion is through the intrusion in my life of a strangely significant other, this "other" is indispensable for the ongoing story. Without "resurrection" the story cannot be told.

...Salvational religion depends, then, on "conversion", "resurrection", "radical change" on the basis of a life lived with another.

...In a salvational religion, one does not spiritual 10 by learning about some truth, fact, or person. All that is teacherly and noble, but it is not part of a salvational scenario. In a sin and salvation story, one comes to a new state by living with another.

...Does Jesus conform to the pattern of the great spiritual masters? He does not. The norm for spiritual masterhood is that one be a great teacher of enlightenment, spiritual wisdom, or the tranquil mind. Jesus is not a teacher, he is a savior.

Consider a great teacher. Socrates is a good example. Socrates is a master of spiritual enlightenment...He claims to know nothing; he only asks a few tricky questions...Socrates wants to make sure that the pupil is attached to the truth, not to Socrates.

Buddha is an exemplar of a great "religious" teacher under the same Socratic self discipline.

Buddha is not a savior, He is the Enlightened One. He has seen the truths of human life, and he offers the Noble Eightfold Path as a guide to similar enlightenment and release from suffering..

In contrast to these great teachers, one would have to say that Jesus evidently misunderstands how teaching is played out. Jesus doesn't have students, he has disciples. And not accidentally. Jesus says, "he who believes in ME shall never die." Not who believes in my teaching, but who believes in ME. That claim will not get you the E. Harris Harbison Award for teaching. What Jesus "knows" is not enlightenment; he knows the Father.

"Only the Son knows the Father. He who knows ME knows the Father. Only through ME can one come to the Father.

Whatever else Christianity may be, it seems on its face clearly to be a religion which preaches salvation and a savior. Before one becomes instantly bored with that idea, it is important to note that most other significant spiritual contenders not only don't preach salvation, in some cases they positively dislike it. Islam is a case in point. Muslims find the Christian notion of a savior demeaning both to the savior and the saved.

...For enlightenment and morality one needs teachers, not saviors. The distinction is crucial. On the whole, religions of morality or enlightenment are much more palatable to contemporary American taste. They have two distinct advantages over the Biblical tradition. In the first place they appear to be do-it-yourself spiritualities. This conforms to an American taste for independence and self-reliance. Although great teachers are valuable in these traditions, they are also dispensable, and one can be self-taught. One cannot be self-saved in the Biblical story. The second advantage of religions

of enlightenment and morality is that they can dispense of most theological machinery. If there are Gods at all - and in Buddhism there

appear to be none - then their role is either as helpful (but dispensable) teachers or as ideals and exemplars. The truth is in the teaching, not in the

teacher-savior.

one thing is certain:

There is very

Like

4. Daleiden, Joseph L., *The Final Superstition*, p. 174:

little, if anything, that is original in the teaching attributed to Jesus. the myth of Jesus itself, the sentiments he expresses are a hodgepodge of aphorisms and moral convictions that can be found in the ancient Egyptian, Babylonian, Persian, Greek, Buddhist, Confucian, and Hindu religions... But

Christianity, a late-comer in the history of religion, merely plagiarized sentiments from Judaism and the so called pagan religions. In his book *Sources of Morality in the Gospels*, Joseph McCabe quoted the moral views attributed to Jesus in the gospels and in parallel columns gave exact moral equivalents from Jewish and pagan writers.

view was that of his time.

Dead Sea Scrolls.

7. franchement,

5. Daleiden, Joseph L., *Ibid.*, p. 177: Tragically, this is one of the few promises that history shows Jesus was successful in fulfilling.

6. Pike, James A., *A Time for Christian Candor*, p. 109: Jesus' world-

The concept of the Kingdom of God which he stressed was that introduced into Judaism in the fifth century B.C., under Zoroastrian influence. He was influenced by the teaching of the Essenes, as is growing more and more evident with the availability of translations of the

He had a limited mind - as is true of every man. For example, like his fellow rabbis he thought that David wrote all the Psalms and hence he quotes as of Davidic authorship Psalm 110 (which in fact is of later date) in an argument with the Pharisees.

with the apocalyptic temper of his day, that the end of the world is near.

Le Cléricalisme, Voilà L'Ennemi, P. 6: Nous le déclarons très

intolérable qu'à

d'enseignement, qui que ce soit puisse éoever des enfants contre leur pays

il nous

parait

et contre leur temps.

8.

hate his disciples (Matthew 24:9). convey his meaning.

And he thought, in accord

la faveur de

la liberté

Their separation is

He had taught that they

Edgar, Jones, Jesus: The Rock of Offense, p. 68-69: People who respond to the call to belong to the little flock come, like Jesus, out of a nativity associated with nations of the world. They are no more participants in the nations of the world, nor do they wish to be.

effected both by a change in their personal loyalty and by the response of the world: hatred. Jesus experienced the intense hatred of the nation. In this he served as an example for his disciples.

were to be hated by all nations. Therefore there is no nation that does not

He always chose his words with care to

Whenever he said, "all nations", he meant exactly that. Also, of this we may be sure: whoever is not hated by all the nations of the world has no part in the little flock. Jesus said expressly that such would be hated by all nations. This, then, becomes a criterion by which we evaluate our hope of sharing in the inheritance of the Kingdom. Remember his word: You shall be hated by all nations (Matthew 24:9)

common with the nations.

We change our personal loyalty because we no longer have much in

We share neither father, nor family, nor treasure, nor quest, nor life, nor friend, nor wnenemy. He cancels the loyalty of the first nativity and replaces it with a new one arising from a second

nativity or rebirth.

nation, becomes a focus of evil.

Thus patriotism, as usually centered in one's earthly

We are no more patriots in the national sense, for patriotism means "fatherism", and we have supplanted the old fatherism, which focused on "the fathers of the nation" and the progenitor fathers, with a new one centered in the Father in heaven.

This second nativity is nothing less than the new birth that Jesus made essential to seeing the Kingdom of God. It was to Nicodemus that he said: Truly, truly, I say to you, unless one is born anew, he cannot see the

Kingdom of God (John 3:3).

This new birth acts in precisely the same way as the old one, in that it provides one with a new parentage, a new family, a new nation and citizenship. Every relationship arising from the first birth is replaced by the new relationships arising from the second, or new birth... Within the new ethnicity, God is the new and only Father; those who do his will are the new mother, brother, sister, son, and daughter.

flock, and

the new citizenship is

that

in

The new nation is the little the little flock, or more

fundamentally, citizenship in the Kingdom of God, since it is to the little flock

that the Kingdom is given.

9. Davis, Kenneth C., *Don't Know Much About The Bible: Everything You Need to Know About the Good Book But Never Learned*, p. 374: One of the centerpieces of Jesus' teaching is an extensive talk that Augustin labeled the "Sermon on the Mount." The "Sermon on the Mount" appears its entirety in Matthew (more than one hundred verses long) and in a somewhat abbreviated version in Luke.

similar, though shorter (about thirty verses), and is delivered "on a level place" after Jesus comes down from the mountain where he had been

praying.

In Luke this teaching session is

In

(Is poverty of spirit

The differences between the two versions have led scholars to contend that the version in Matthew represents a compilation of many of Jesus' teachings compressed into one long and memorable discourse. Other words, while it faithfully captures the words and teachings of Jesus, the sermon was a "Best of Jesus", edited into a single speech.

10. Charles Bradlaugh, *The Freethought Web*,

the chief amongst virtues, that Jesus gives it prime place in his teachings? Is it even a virtue at all? Surely not. Manliness of spirit, honesty of spirit, fullness of rightful purpose, these are virtues; poverty of spirit is a crime...)

of

11. Charles Bradlaugh, *Ibid.*, Jesus pictures one in hell, whose only related vice is that in life he is rich; and another in heaven, whose only related virtue is that in life he is poor. He affirms it is more difficult for a rich man to get into heaven, than for a camel to go through the eye of a needle (Luke 18: 25). The only intent of such teaching could be to induce the poor to remain content in this life with the want and misery of their wretched state in the hope of higher recompense in some future life. Is it good to be content with poverty? Is it not far better to investigate

its cure and prevention?)

poverty,

with

a view

to

the

causes

12. Charles Bradlaugh, *Ibid.*, What does Jesus teach? "Blessed are you who hunger now, for you shall be filled" (Luke 6: 21).

He does not say

when the filling shall take place. The date is evidently postponed until men will have no stomachs to replenish. It is not in this life that the hunger is to be sated..

13. Charles Bradlaugh, Ibid., Jesus teaches that the poor, the hungry, and the wretched shall be blessed. But blessing only comes when they cease to be poor, hungry, and wretched...

14. Penny Lernoux, Cry of The People, p. 16: Foreign missionaries helped drum these ideas into the native's heads by claiming that it was God's will that they should be poor and ignorant. As the Archbishop of Lima told his Indians: "Poverty is the most certain road to felicity." Any Indian or African who had the temerity to doubt such wisdom by rebelling against the system was promptly put to death...The Catholic Church must accept a lot of the blame for this situation.

15. Joseph L. Daleiden, The Final Superstition, p.179: That human act savagely is in large part a function of their cultural ethic. The ethic of the New Testament was vengeance on any who rejected Christianity. Although on one hand the New Testament writers have Jesus preaching forgiveness, He espouses an extremely intolerant attitude toward those who do not accept Him as their Savior.

(xem chú thích >>)

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

KẾT LUẬN

Joshua hay theo tiếng Hi Lạp, Jesus (Giê-su), có nghĩa là "cứu tinh" (savior). Nhiều người có tên như vậy ở miền Trung Đông trước khi Giê-su của Ki Tô Giáo sinh ra đời.

Niềm tin trong Ki Tô Giáo là, một trong số rất nhiều người mang tên Giê-su, Giê-su của Ki Tô Giáo, thực sự là Đấng Cứu Thế (Savior of the World). Và chính vì lý do này mà Tây phương đã chia lịch sử loài người ra làm hai: trước và sau ngày sinh của Giê-su, tuy rằng không ai biết ngày sinh của Giê-su là ngày nào, và trước khi Giê-su sinh ra đời thì lịch sử loài người đã diễn tiến ít ra là trong vài triệu năm.

Hàng triệu người trên thế giới ngày nay vẫn tin Giê-su là Đấng Cứu Thế. Đối với họ, ông ta là hiện thân của Thượng đế, xuống đầu thai trong một trinh nữ, và sinh ra trong một chuồng súc vật ở Bethlehem để cứu vớt tội lỗi của nhân loại. Tự nhận là Con Thượng Đế trước một nhóm nhỏ 12 tín đồ, ông ta thuyết giảng về một nước Trời hay nước Chúa. Nhưng những lời thuyết giảng này không cứu được một ai. Con người không thể được cứu trừ phi có người hi sinh trả giá để chuộc cái "tội tổ tông" cho họ. Cái giá này là sự hi sinh vĩ đại của Giê-su, chịu một cái chết đau khổ bị đóng đinh trên thập giá. Ba ngày sau, để chứng tỏ sự chiến thắng của mình trên tội lỗi và thần chết, Giê-su đã tự mình sống lại, hiện thân trước vài tông đồ, rồi bay trở lại lên trời ngồi trên ngai, bên phải Thượng đế. Đến ngày tận thế, Giê-su sẽ trở lại trần để phán xét người sống cũng như người chết, làm cho xác chết sống lại, quyết định xem những ai xứng đáng được hưởng đời sống đời đời bên ông ở trên thiên đường, những người tin ông, và những ai bị luận phạt, phải đầy đọa vĩnh viễn dưới hỏa ngục, những người không tin ông.

Đó là đại cương đức tin trong Ki-Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành. Đức tin này được xây dựng trên quan niệm về "tội tổ tông" (original sin) và huyền thoại "Giê-su sống lại" của Thánh Phao-Lô (Paul), dẫn đến vai trò "cứu rỗi" của Giê-su. Đối với người ngoại đạo, đức tin trên vừa làm cho họ lắc đầu mỉm cười, vừa là một thách đố trí tuệ đối với họ, vì họ không thể nào hiểu nổi tại sao trong thời buổi này mà, không kể hàng triệu người thuộc lớp dân kém hiểu biết và ít học nhất trong mọi nước trên thế giới, nhất là trong những nước nghèo khổ kém phát triển, vẫn có những người tự xếp mình vào giới trí thức còn tin như vậy.

Họ không thể hiểu vì trước những bằng chứng khoa học về nguồn gốc con người và vũ trụ mà không ai có thể phủ nhận, kể cả Tòa Thánh Vatican, thuyết

Thiên Chúa sáng tạo ra vũ trụ và muôn loài trong 6 ngày cách đây khoảng 6000 năm, cũng như vai trò "cứu rỗi" của Giê-su, đã trở thành vô nghĩa, ít ra là trong giới hiểu biết, ở trong cũng như ở ngoài Kitô Giáo.

Ngày nay, không ai có thể phủ nhận sự kiện là, vũ trụ đã thành hình cách đây khoảng 15 tỷ năm, và trái đất mà chúng ta sống trên đó đã có tuổi khoảng 4 tỷ rưỡi năm. Trong vũ trụ thì trái đất của chúng ta chỉ là một hạt bụi, và con người cũng chỉ do các sinh thể ban khai tiến hóa tạo thành, có nguồn gốc từ những hạt bụi của các ngôi sao khi vũ trụ mới thành hình. Là một chuyên gia về thiên văn học tại đại học Virginia, Giáo sư Trịnh Xuân Thuận viết trong cuốn *L'Infini Dans La Paume de la Main*: "Tiến hóa từ những cát bụi của những ngôi sao, chúng ta chia sẻ cùng một lịch sử vũ trụ với những con sư tử trong những vùng hoang mạc và những bông hoa tỏa mùi thơm" (*Poussières d'étoiles, nous partageons la même histoire cosmique avec les lions des savanes et les fleurs de lavande*). Những khám phá trong các ngành khoa học, đặc biệt là những môn Cổ Sinh Vật Học, Sinh Học, Vật Lý.. đã chứng minh rằng con người hiện đại đã xuất hiện trên trái đất cách đây hơn 2 triệu năm, và tổ tiên loài người, kể từ các con vượn người (nhân hầu) cũng đã có mặt trên trái đất cách đây khoảng 6 triệu năm.

Nói tóm lại, thuyết tổ tiên loài người là Adam và Eve do Thiên Chúa tạo ra từ đất sét (Thiên Chúa không biết rằng trong đất sét không có chất hữu cơ và con người thì phần lớn lại là những chất hữu cơ) chỉ là một huyền thoại của dân Do Thái tưởng tượng ra để giải thích nguồn gốc loài người, phù hợp với quan niệm về một vị Thần mà họ thờ phụng. Và chuyện "phục sinh" của Giê-su sau này chẳng qua cũng chỉ là chuyện mà một số người theo Giê-su khi đó bày đặt ra để tạo ra một hi vọng về một sự sống lại sau khi chết trong đám tin đồ thấp kém mà trong thời đại đó, tuyệt đại đa số là những kẻ mù chữ thất học. Thật vậy, học giả A. N. Wilson đã viết trong cuốn *Jesus: A Life*, trang 3: "Chúng ta đặt ra vấn đề Giê-su bay lên trời để làm gì? Câu chuyện được đặt ra bởi những người tin rằng vòm trời giống như một cái đĩa, người ta có thể bay qua đó để lên thiên đường. Đối với một quan sát viên hiện đại, bất kể họ thuộc tôn giáo nào, không ai mà không hiểu được rằng, một người mà bay thẳng lên trời từ ngọn đồi Olives, bất kể là do sức đẩy của một phép lạ nào đó, thì kết cục sẽ bay vòng vòng trên một quỹ đạo. Chỉ có đối với những kẻ ngu đần mới phải nói cho họ biết như vậy." (*Only dullards would need to be told this*).

Sự thực về chuyện phục sinh ra sao, quý độc giả nên đọc trong cuốn *Công Giáo: Huyền Thoại và Tội Ác của một tín đồ Ca-Tô*, Dominic Nguyễn Chân, bút hiệu Charlie Nguyễn, Giao Điểm xuất bản, 2001.

Với trình độ hiểu biết của nhân loại ngày nay, con người đã không còn có thể chấp nhận những chuyện hoang đường của thời cổ xưa. Chúng ta đã biết, Malachi Martin, giáo sư tại viện nghiên cứu Thánh Kinh của giáo hoàng tại Rô-ma, đã đưa ra một sự kiện: "Hàng trăm nhà thần học và giám mục đã từ bỏ niềm tin về tội tổ tông, về quỷ Satan, và về nhiều giáo lý căn bản khác."

Đây là một vấn đề rất quan trọng trong nội bộ Giáo hội mà tuyệt đại đa số các tín đồ không hề biết đến. Giáo hội cố bưng bít được chừng nào hay chừng ấy, bởi vì nếu Giáo hội thú nhận công khai cùng các tín đồ là không làm gì có "tội tổ tông", không làm gì có quỷ Satan cùng sự vô nghĩa của một số tín lý khác, nghĩa là những hệ luận của quan niệm về tội tổ tông, thí dụ như Đức Mẹ đồng trinh, Chúa sống lại và bay lên trời, sự "cứu rỗi" của Giê-su v.v.. thì cả cái lâu đài xây dựng trên những ngụ tạo và dối trá của Giáo hội sẽ sụp đổ. Cho nên, Giáo hội cố duy trì hình ảnh thần

thánh của Giê-su trong đám nạn nhân thấp kém của Giáo hội được chừng nào hay chừng đó. Nạn nhân đây gồm tất cả những người đã bị Giáo hội và cha mẹ nhồi sọ từ khi còn nhỏ những luận điệu thần học dối trá của Giáo hội cho nên không có cách nào họ có thể gột bỏ được một niềm tin đã bị lạc dẫn.

Để giúp họ phần nào nhìn rõ vấn đề, tôi nghĩ có lẽ tôi cần phải viết thêm vài sự kiện về thực chất con người của Giê-su. Trong chương II, qua những đoạn trích dẫn từ Thánh Kinh, chúng ta đã biết rằng, Giê-su là một người mà những đặc tính tiêu biểu là: lời nói không đi đôi với việc làm, tiền hậu bất nhất, khi nói xuôi, khi nói ngược, và phần lớn là về “cái Ta” của ông ta.

Trong Thánh Kinh còn có nhiều chuyện có thể giúp chúng ta hiểu rõ con người của Giê-su hơn. Sau đây là vài chuyện trích từ Thánh Kinh.

Chúng ta đã biết chuyện Giê-su nguyên rửa cây sung cho nó chết héo queo chỉ vì nó không ra trái lúc trái mùa để cho Giê-su ăn khi đói bụng.

Một chuyện khác trong Thánh Kinh, Matthew 8: 28 - 34, có thể cho chúng ta thấy rõ tâm địa của Giê-su, được tóm tắt như sau:

Có hai người bị quỷ ám gặp Chúa Giê-su và quỷ trong hai người đó

van nài Chúa Giê-su đuổi chúng ra và cho nhập vào một bầy heo. Chúa

phán "đi ra", chúng liền nhập vào bầy heo và cả bầy heo (độ 2000 con,

theo Mark 5: 13) rông tuốt xuống sông chết đuối hết. Trẻ con chăn heo

chạy về làng kể chuyện lại cho dân làng nghe, cả làng kéo ra khỏi làng

gặp Chúa Giê-su và...van nài (có nghĩa là đuổi) Ngài hãy đi ra khỏi vùng

đất của họ.

Chúng ta hãy tự hỏi, 2000 con heo có tội tình gì mà Chúa Giê-su "lòng lạnh vô cùng" của các tín đồ Ki Tô Giáo lại phù phép làm cho 2 con quỷ nhập vào cả đàn, rồi bắt chúng nhào xuống sông chết đuối hết? Như vậy có phải là Giê-su là người không có lòng nhân, vô cớ tự nhiên đang tâm giết cả một đàn heo vô tội một cách tàn nhẫn. Mà đàn heo cũng lại là những sản phẩm của chính Chúa Cha “sáng tạo” ra, vì theo niềm tin Ki Tô thì mọi thứ trên đời này đều là do Chúa Cha tạo ra cả. Bởi vậy dân làng mới coi Giê-su như là một tên phù thủy, một kẻ đáng chê trách, đã vô cớ hủy đi một nguồn lợi của dân làng, làm cho họ tự nhiên mất đi cả một đàn heo tới 2000 con, cho nên họ kéo ra ngoài làng, chặn đuổi Giê-su đi nơi khác, không dám để cho Giê-su vào làng.

Như đã viết rõ trong Thánh Kinh, Giê-Su sẽ cứu dân Do Thái ra khỏi tội lỗi (Matthew 1: 21: for He will save His people from their sins) và chỉ cho dân Do Thái mà thôi (Luke 1: 33: And He will reign over the house of Jacob for ever). Cho nên tôi thật thương hại những người không phải là dân Do Thái mà cứ sống trong ảo vọng, mơ tưởng rằng sẽ được Giê-Su cứu rỗi và cho mình sống đời đời trên Thiên Đường bên cạnh Thiên Chúa với thân phận tội tớ hầu hạ Chúa. Trong trang nhà mucusu.net của

Tin Lành Việt Nam ở Mỹ, có một bài viết về "Hãy Học làm đầy tớ hầu hạ Chúa" với tất cả sự hân hoan và hãnh diện của người có đầu óc của một đầy tớ.

Câu chuyện sau đây trong Thánh Kinh sẽ chứng tỏ rằng sự ước mơ của những tín đồ Việt Nam theo Kitô Giáo để được Giê-su cứu rỗi đích thực là một ảo vọng. Chúng ta hãy đọc và đọc kỹ đoạn sau đây trong Tân Ước, Matthew 15: 21-28:

"Thế rồi Giê-Su đi tới vùng Tyre và Sidon. Và có một người đàn bà người Canaan đến từ vùng đó và kêu với Giê-Su "Hãy thương tôi, Chúa ơi, Con của David. Con gái tôi đang bị quỷ ám nặng." Nhưng Người

không thèm trả lời bà ta một tiếng. Và các đệ tử của Giê-Su tới và yêu cầu Giê-Su: "Hãy đuổi bà ta đi, vì bà ta cứ kêu cứu cùng chúng ta." Nhưng Giê-Su trả lời: "Ta được phái xuống đây chỉ để cứu dân Do Thái mà thôi." Rồi người đàn bà kia tới và thờ phượng Giê-Su và nói: "Chúa ơi, hãy giúp tôi." Nhưng Người trả lời: "Lấy bánh của con dân Do Thái mà ném cho mấy con chó nhỏ ăn thì thật là chẳng tốt tí nào." Và người đàn bà kia nói: "Đúng vậy, Chúa ơi, nhưng dù là những con chó nhỏ thì chúng cũng được ăn những mảnh bánh vụn rơi vãi từ trên bàn của chủ chúng xuống chứ." Rồi Giê-Su trả lời: "Ô, Bà Già! Lòng tin của bà thật là lớn lao! Thôi tôi cũng chiều theo ý bà." Và con gái bà ta hết bị quỷ ám ngay từ giờ phút đó."

(When Jesus went out from there and departed to the region of Tyre and Sidon. And behold, a woman of Canaan came from that region and cried out to Him, saying, "Have mercy on me, O Lord, Son of David! My daughter is severely demon-possessed." But He answered not a word. And His disciples came and urged Him, saying, "Send her away, for she cries out after us.". But He answered and said, "I was not sent except to the lost sheep of the House of Israel." Then she came and worshipped Him saying, "Lord, Help me!" But He answered and said, " It is not good to take the children's bread and throw it to the little dogs." And she said, "True, Lord, yet even the little dogs eat the crumbs which fall from their masters' table." Then Jesus answered and said to her, "O woman, great is your faith! Let it be to you as you desire." And her daughter was healed from that very hour.)

Tôi xin để cho các độc giả tùy ý nhận định về tư cách, đạo đức và lòng vị tha của Giê-Su trong câu chuyện trên. Tôi không hiểu các đồng bào Ki-Tô của tôi nghĩ thế nào khi đọc đoạn trên trong Thánh Kinh, biết đâu họ chẳng cho mình có cùng một thân phận và lòng tin mãnh liệt như bà già trong câu chuyện kể trên để được Giê-Su cứu giúp, dù bây giờ Giê-Su không còn trên thế gian nữa.

Đọc Thánh Kinh tôi nhận thấy tin theo Chúa kể cũng khá mất nhân vị: khi thì bị mắng là Satan (Phê rô), khi thì bị mắng là chó, khi thì bị mắng là đồ điên và mù, khi thì bị rửa là đồ rắn độc, bị đày đọa hỏa ngục v.v.. Hình ảnh của một Chúa nhân từ, được rao giảng là "quá thương yêu thế gian" v.v.., quả thật không phù hợp với những ngôn từ Chúa nói trong Thánh Kinh.

Về chuyện Giê-su gọi người phi-Do Thái là chó ở trên, Tiến Sĩ Madalyn O'Hair bình luận như sau:

Trừ khi anh là người Do Thái, chẳng ai muốn anh trong tôn giáo

này. Đối với người nào thực sự "thực tâm cảm thấy Giê-Su là đáng cứu

thế của họ" tôi xin giới thiệu một nhà phân-tâm học. (Unless you are a Jew,

you are not wanted in this religion. For someone who really "truly feels in his heart

that Jesus is his Savior" I would recommend a psychiatrist.)

Và, Frederick Heese Eaton bình luận như sau trong cuốn Scandalous Saints, trang 214:

Giê-Su thường nhắc nhở đệ tử là phải thương yêu nhau, và thương

yêu ngay cả kẻ thù (John 13:35; Matthew 5:44) Nhưng khi một người

đàn bà không phải là người Do Thái tới nhờ Giê-Su chữa lành bệnh cho con gái, thì Giê-Su lại bảo bà ta rằng, "Không thể lấy bánh của con dân Do Thái vớt cho chó ăn." (Matthew 15:26) Nói một cách khác, ông nói,

"Người phi Do Thái là đồ chó. Tại sao ta lại phải làm bất cứ gì cho người?" Anh cảm thấy thế nào khi Jesus gọi anh là chó? Gọi người phi Do-Thái là đồ chó không phải là sự biểu thị của lòng thương yêu. Giê-Su thật là hỗn hào, kiêu căng và tự phụ khi gọi người đàn bà kia là chó. Vậy trong vấn đề thực hành, Thánh Giê-Su chẳng có chút gì là Thánh cả.

Những sự kiện cho thấy Giê-Su thực sự ghét những người phi Do-Thái.

Thánh Phao-Lô (Paul) viết rằng, theo lời mặc khải của Thiên Chúa,

"Giê-Su luôn luôn như vậy, ngày hôm qua, ngày hôm nay và cho tới mãi mãi, không bao giờ thay đổi." (Hebrew 13:8) Vậy nếu anh dự định lên

Thiên Đường ở cùng Giê-su đầy tình thương, và anh không phải là người

Do Thái, anh nên nghĩ lại đi thì vừa.

1

Thánh Kinh có đầy những chuyện chứng tỏ nhân cách và đạo đức thấp kém của Giê-su như trên, nhưng trên khắp thế giới, các tín đồ vẫn được dạy là "Chúa toàn hảo", "Tình Yêu của Chúa" bao trùm thế gian v.v.. nên phải "Kính Chúa" và hãy hãnh diện là "đầy tớ hầu hạ Chúa", "thờ phụng Chúa". Nhưng Giám Mục John Shelby Spong thì lại nghĩ khác, vì sự lương thiện trí thức không cho phép ông ta tin nhầm nhí. Do đó, ông đã viết:

Chúng ta có thấy hấp dẫn đối với một Chúa phải giết cả một bầy heo

để đuổi một con quỉ ra khỏi thân người hay không? Chúng ta có nên

khâm phục và kính trọng người mà chúng ta gọi là Chúa đã nguyện rửa

một cây sung khi nó không ra trái lúc trái mùa không?...

Cuốn Thánh Kinh đã làm cho tôi đối diện với quá nhiều vấn đề hơn

là giá trị. Nó đưa đến cho tôi một Thiên Chúa mà tôi không thể kính

trọng, đừng nói đến thờ phụng.²

Thật là tội nghiệp cho những tín đồ trong thời buổi này mà vẫn còn tin vào những chuyện thuộc loại huyền thoại phản khoa học, đầy mâu thuẫn và phi lý, kể cả những chuyện không hề có trong Thánh Kinh. Thật là tội nghiệp vì họ đã được cấy vào đầu óc, từ khi còn nhỏ, những huyền thoại mà giáo hội

dạy rằng đó là những sự thực lịch sử. Do đó những huyền thoại mà họ tin là thực đã ăn sâu vào đầu óc họ, không có cách gì có thể làm cho họ thay đổi niềm tin, nhất là khi lớn lên, họ không bao giờ đọc Thánh Kinh, rất ít khi dùng đến đầu óc suy luận của mình, chỉ biết phó mặc tư duy của mình cho giới chần chừ. Ngoài ra, họ còn bị giới chần chừ đe dọa là nghi ngờ những lời giảng dạy của giáo hội là mang tội với Chúa. Ngay gần đây, ở Việt Nam, nếu có tín đồ Ca-Tô nào phàn nàn về đạo đức của một số linh mục thì được "bề trên" dạy rằng: "Các con đừng nói hành các cha mà mang tội với Chúa." Cho nên, có thể nói là họ đã bị buộc chặt bởi một mớ xiềng xích trí tuệ. Đó là cái giá mà họ phải trả cho một viễn tượng không chắc chắn: một đời sống đời đời ở trên thiên đường.

Nhưng đối với giới trí thức thì khác, chúng ta hãy đọc một đoạn ngắn trong chương mở đầu cuốn Jesus: A Life của học giả A. N. Wilson, để thấy rõ ảnh hưởng của những huyền thoại trên đầu óc con người, nhất là đối với những thành phần thấp kém, ít học, những thành phần chiếm đa số tín đồ Ki Tô trên thế giới.

Giống như mọi Ki Tô hữu, tôi biết rằng tôn giáo của tôi nhận là có căn cứ trên lịch sử. Đức tin của tôi được xây dựng trên một vài câu chuyện, với những ngày tháng kèm theo. Nhưng tôi không phải là trở thành một tín đồ Ki Tô vì tôi tin những chuyện đó. Tôi trở thành một tín đồ Ki Tô từ khi tôi còn là một đứa con nít được mang đi rửa tội. Năm này

qua năm khác, trong những ngày lễ lớn của giáo hội Ki Tô, tôi lại được nghe nhắc lại tính cách lịch sử của tôn giáo tôi. Nhưng ngay cả khi đó, tôi thậm nhập những chuyện trên vì chúng có tác dụng mạnh mẽ trên đầu óc, chứ không phải là vì tôi đã kiểm chứng những chuyện trên qua sự phân tích lịch sử. Do đó, đến ngày lễ Giáng Sinh, tôi nghe kể rằng thiên thần Gabriel đã đến thị trấn Nazareth và bảo cho Mary biết là nàng sẽ sinh một đứa con, và đặt tên nó là Giê-su, Đấng Cứu Thế. Không giao hợp với đàn ông, nhưng Mary đã sinh ra một bé trai, không phải ở Nazareth, mà là ở Bethlehem. Mary sinh Giê-su ở trong một chuồng súc vật vì không có phòng cho bà ta và vị hôn phu, Joseph, ở trong quán trọ. Sự sinh ra Giê-su được các thiên thần báo hiệu trước; và Mary đặt đứa bé trong một máng cỏ, gia đình Thánh này được những người chăn chiên, và những nhà thông thái miền Đông do một ngôi sao dẫn đến, thăm viếng.

Câu chuyện trên ăn sâu vào óc tưởng tượng của tôi từ lâu, trước khi tôi học lịch sử ở trường học. Tác dụng mạnh mẽ của câu chuyện khiến tôi không nghĩ đến việc đặt nó trong phương pháp phân tích lịch sử thông thường. Tôi tiếp tục tin rằng đó là một câu chuyện có thực trong lịch sử. Phúc Âm Luke đặt chắc câu chuyện sinh ra Giê-su vào thời điểm mà Ceasar Augustus đòi hỏi mọi người trong đế quốc La Mã phải dự cuộc kiểm tra dân số. Cuộc kiểm tra dân số này xảy ra trong thời Quirinius làm Thống đốc ở Syria (Luke 2: 2). Khi đó Herod là vua của xứ Judea. Những chi tiết về sự sinh ra của Giê-su như trên có vẻ là rất chính xác, cho đến khi người ta khám phá ra rằng Herod đã chết 4 năm trước khi thời đại thông thường này bắt đầu (nghĩa là trước khi Giê-su sinh ra. TCN) và Quirinius không phải là Thống đốc Syria cùng thời với Herod. Không có một sử gia nào trong đế quốc La Mã ghi lại một cuộc kiểm tra dân số dưới thời vua Augustus.

Câu chuyện về một đứa bé sinh ra trong một chuồng súc vật ở Bethlehem vì không có phòng cho nó ở trong quán trọ là một trong những huyền thoại có tác dụng mạnh mẽ nhất của nhân loại. Một huyền thoại, tuy nhiên, cũng chỉ là một huyền thoại. Dù rằng chúng ta nhất định cho rằng mọi điều viết trong Thánh Kinh đều đúng, chúng ta cũng không thể tìm thấy ở đâu trong Thánh Kinh huyền thoại Giê-su sinh ra trong một chuồng súc vật. Không có một Phúc Âm nào viết là Giê-su sinh ra trong một chuồng súc vật, và hầu như mọi chi tiết về sự sinh ra của Giê-su, những chi tiết đã gây cảm hứng cho nhiều nghệ thuật gia nổi tiếng, và nhiều thế hệ của những người đi đến nhà thờ trong đêm Giáng Sinh, không hề thấy ở đâu trong lịch sử hay trong Thánh Kinh, mà chỉ là những chuyện truyền tụng trong dân gian. Một khi chúng ta đi sâu vào vấn đề, chúng ta khám phá ra rằng con người thật của Giê-su, Giê-su lịch sử, nhất định không thể sinh ra ở Bethlehem. Nhiều phần chắc là ông ta sinh ra ở Galilee, nơi ông ta trưởng thành.

3

Chúng ta thấy rằng, những huyền thoại về Giê-su được giáo hội bịa đặt và đưa ra rõ ràng là để khai thác tính tình nhạy cảm và khuynh hướng cả tin, mê tín của con người ngay từ khi còn nhỏ. Chúng ta cũng không thể phủ nhận là, trong các giáo hội Ki Tô có rất nhiều người thông minh, hiểu nhiều. Nhưng thay vì dùng cái thông minh của mình để khai sáng cho đám tín đồ thấp kém, dẫn dắt họ trên con đường mở mang trí tuệ, thì họ lại cố vận dụng trí óc của mình để nghĩ ra những lý luận thần học hoang đường, để nhồi sọ tín đồ từ khi còn nhỏ tuổi, huyền hoặc những tín đồ thấp

kém và nhốt tín đồ vào trong vòng mê tín, song song với những thủ đoạn như bắt, lừa dối, cùng phát minh ra những dụng cụ tra tấn dã man, tàn bạo nhất trong lịch sử loài người để chiêu dụ, cưỡng ép những người ngoại đạo phải tin theo những điều mà họ cho là "chân lý mạc khải", không thể sai lầm. Đó là khổ nạn của thế giới ngày nay, nhất là thế giới của những quốc gia kém phát triển, nghèo khó, dân trí chưa mở mang. Người dân chất phác đâu có đủ khả năng để hiểu những lý luận thần học nguy hiểm. Họ đặt tất cả lòng tin vào những bậc lãnh đạo Ki Tô Giáo mà họ yên trí đó là những người có ăn học, thông thái, lương thiện, thành thật. Họ có biết đâu, vì tin vào vài hứa hẹn huyền hoặc mà họ không đủ lý trí để suy luận và đánh giá, nên họ đã bị lừa vào trong một định chế tôn giáo toàn trị mà mục đích chính chỉ để duy trì quyền lợi vật chất và tinh thần của một số nhỏ.

Ở các nước Âu Mỹ tân tiến thì vấn đề có khác. Giám Mục James A. Pike viết trong cuốn Một Thời Để Cho Sự Thành Thật Của Ki Tô Giáo (A Time For Christian Candor), trang 108, như sau: "Cuốn Tân Ước thật là rõ ràng. Thật vậy, những sự kiện (trong Tân Ước. TCN) tự bao giờ vẫn luôn luôn rõ ràng cho bất cứ ai nhìn thấy chúng. Giê-su sinh ra ở một địa phương đặc biệt, vào một thời điểm đặc biệt. Mẹ và các em ông ta không cho rằng ông ta có một nhiệm vụ nào khác với nhiệm vụ của một con người." (The new Testament is clear enough. Indeed, the facts have always been clear enough for any man to behold. Jesus was born in a particular place at a particular time. His mother and brothers did not understand that He had more than a human role to perform.)

Học giả Colin Wilson còn đi xa hơn. Sau khi nghiên cứu về nhiều nhân vật tự xưng là Đấng Cứu Thế trong lịch sử cổ xưa của loài người, ông ta đã viết một cuốn sách với nhan đề: Những Đấng Cứu Thế Lừa Đảo: Những Chuyện Về Những Đấng Cứu Thế Tự Phong (Rogue Messiahs: Tales of Self-Proclaimed Saviors) trong đó có chương nói về Giê-su. Sau đây là vài đoạn ngắn, trang 18-25:

Đấng Cứu Thế duy nhất trong thời kỳ đó mà ngày nay người ta còn

nhớ đến, tên là Joshua, được biết nhiều hơn dưới tên Hi Lạp, Giê-su...

Ông ta đọc Cựu Ước và tin rằng ngày tận thế sẽ đến ngay trong thời đại

của những người sống cùng thời với ông ta; khi đó sẽ có chiến tranh, nạn

đói, động đất, và người chết sẽ được làm cho sống lại. Mặt Trời sẽ trở

nên tối tăm và Mặt Trăng sẽ đỏ ngẫu như máu, và các ngôi sao sẽ từ trên

trời rơi rụng xuống.

Thông điệp làm cho chúng ta nhớ tới Giê-su - hãy yêu người láng

giềng và làm cho người ta những điều mà mình muốn người ta làm cho

mình - đã là một phần trong truyền thống Do Thái. Hơn 1000 năm bị áp

bức - người Do Thái đã bị nô lệ hóa bởi Vua Ai Cập từ 1250 năm trước

thời đại thông thường này - đã tạo nên cho người dân một tâm cảnh hòa bình và tuân phục ý Chúa; do đó khi Giê-su dạy hãy yêu kẻ thù là ông ta chỉ nhắc lại điều Moses dạy...

Một trong những niềm tin căn bản của Do Thái là những sự đau khổ của người Do Thái bắt nguồn từ tội lỗi của ông tổ Adam của họ. Phao-Lô rao truyền rằng cái "tội tổ tông" này đã được hóa giải bởi cái chết của Giê-su trên thập giá, cho nên người nào trở thành tín đồ Ki-Tô thì nay cái tội tổ tông họ mang trên người đã được cứu chuộc. (Đây chỉ là một luận điệu thần học ấu trĩ của thời bán khai, vì nếu quả thật cái chết của Giê-su trên thập giá có thể chuộc được tội thì đó là chuộc cái "tội tổ tông" cho cả dân Do Thái (dân Việt Nam coi chuyện "tội tổ tông" là chuyện hoang đường nhất trong

những chuyện hoang đường, không những tầm bậy mà còn nói lên cái tâm địa tàn nhẫn độc ác và phủ nhận trách nhiệm của chính Thiên Chúa), chứ không phải chỉ chuộc tội cho những người Do Thái nào trở thành tín đồ Ki Tô.)...

Đến năm 100 của thời đại thông thường này, mọi người đều thấy rõ là lời tiên tri của Giê-su sẽ không thực hiện được. Nhưng khi đó thì Ki Tô Giáo đã lan rộng cho nên đó không thành vấn đề. Sự mong đợi ngày tận thế nay được hoãn lại một thiên niên kỷ, tới năm 1000 - và từ ngữ "thiên niên kỷ" trở thành đồng nghĩa với "Ngày Phán Xét". Ki Tô Giáo đạt được chiến thắng lớn năm 313 khi hoàng đế Constantine - một tên ông cuồng ngu xuẩn khát máu và sa đọa như nhiều hoàng đế La Mã - tuyên dương Ki Tô Giáo là tôn giáo chính thức của đế quốc La Mã...

Làm sao mà những "Đấng Cứu Thế" này lại hấp dẫn như vậy. Thứ nhất, họ đều là những người có năng khiếu thuyết giảng. Nhưng không phải chỉ có vậy. Chúng ta đã biết, Giáo hội Ki Tô, mới đầu là một tổ chức nghèo nàn và bị bạo hành, nhiều người lãnh đạo bị ném cho những con sư tử ăn thịt, đột nhiên trở thành tôn giáo chính thức của La Mã năm 313, dưới triều hoàng đế Constantine.

Khi có được quyền lực rồi, những tín đồ Ki Tô bắt đầu xử sự ngay một cách tệ hại hơn kẻ thù của họ rất nhiều: phá hủy những đền đài của dân gian, thiêu sống những kẻ ngoại đạo, và cãi vã với nhau. Thực chất là, Giáo hội đã trở thành một tổ chức siêu độc tài. Và dân nghèo, được lệnh phải đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật, rên xiết dưới gánh nặng thuế má, và bắt buộc phải trả lệ phí để cho tội lỗi của họ được tha

thứ, càng ngày càng trở nên bất mãn với những lãnh đạo tinh thần của họ. Nhưng họ không thể làm gì được; Giáo hội đã đặt họ vào trong gọng kìm sắt như là Đức Quốc Xã (Nazis) ở Đức hoặc Cộng Sản dưới thời Stalin ở Nga.

4

Tuyệt đại đa số các tín đồ Ki-Tô Giáo không biết đến lịch sử nhơ nhớp của các giáo hội Ki Tô, không biết đến những thủ đoạn "trí thức" nhằm nhốt tín đồ vào trong vòng mê tín tối tăm của giới chần chừ, không biết đến những sự thay đổi trong não trạng của các cấp lãnh đạo tôn giáo, và nhất là không biết đến những thú nhận sai lầm thần học của giáo hội trước những sự kiện bất khả phủ bác của khoa học và thực tế ở ngoài đời. Do đó, đức tin của họ vẫn thuộc đức tin của thời Trung Cổ, tin vào những chuyện đã không còn chỗ đứng trong thời đại mới. Theo Robert W. Funk, chủ tịch Hội Nghiên Cứu Nhân Vật Giê-su (President of the Jesus Seminar), một Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh và nhân vật Giê-su gồm hàng trăm học giả, chuyên gia, ở trong các giáo hội Ki Tô, thì "thời đại mới" (New age) có nghĩa quan trọng nhất là sự chấm dứt của thời đại Ki Tô (The "newage" refers first and foremost to the end of the Christianized era). Trong cuốn *Honest to Jesus*, trang 297, ông viết: "Định nghĩa "thời đại mới" như trên, tôi không bảo rằng Ki Tô Giáo đã hết thời; tôi chỉ cho rằng Tây phương được Ki-Tô hóa và kỹ nghệ hóa không còn giữ vai trò chỉ đạo trò chơi duy nhất trên trái đất" (I am not thereby claiming that Christianity has come to an end; I am only proposing that the Christianized, industrialized West can no longer pretend to sponsor the only game on the planet...)

Ông viết tiếp, trang 298:

...Ở Tây phương, cái biểu tượng của vũ trụ cổ xưa đang trên đà suy thoái. Chắc chắn là, nó còn lay lắt, dưới một dạng thức yếu kém, trong nhiều ốc đảo, nơi đây một hoạt động của đoàn quân hậu vệ được tung ra để chống lại ảnh hưởng của những đầu óc hiện đại có tác dụng soi mòn và phá hoại của những chất a-cít. Những ai còn bám víu vào những quan niệm cổ xưa càng ngày càng thấy khó khăn hơn trong việc làm cho những câu trong Thánh Kinh như "ông ta bay lên trời" có ý nghĩa. Những sự hấp dẫn về một Thiên Chúa chứng thực, về thiên đường và hỏa ngục, về một đấng cứu chuộc thần thánh, về Chúa Ki-Tô như là trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại, đã bắt đầu mất đi tác dụng và thường là rơi vào những cặp tai không còn muốn nghe.

(.. in the West, the old symbolic universe is on the decline. It lingers on, to be sure, in weakened form, in many pockets where a rearguard action is being waged against the erosive and corrosive acids of the modern mind. Those who cling to the old are having increasing difficulties in assigning meaning to such biblical statements as "he ascended into heaven". Appeals to an endorsing God, to heaven and hell, to a divine redeemer, to Christ as the sole mediator between God and humankind, have begun to lose their bite and more frequently fall on unhearing ears.)

Trong những xã hội Tây phương, phần lớn giới hiểu biết trong các giáo hội Ki Tô đã không còn tin vào những huyền thoại trong Thánh Kinh nữa. Tuy nhiên, không phải là chỉ trong thời đại mới con người mới bác bỏ những luận điệu thần học sai lầm của Giáo hội. Trong lịch sử các giáo hội, nhiều người từ xưa đã "không tin rằng vai trò của giáo hội là cần thiết để được "cứu rỗi". Con người có thể đến với Thiên Chúa trực tiếp mà không cần đến các linh mục, mục sư hay những bí tích." (Colin Wilson, Ibid., p. 25: Many members of the Church did not believe that the Church was essential for "salvation". Man can know God directly, without the need of priests and sacraments.)

Có lẽ chúng ta không nên lấy làm lạ khi thấy ở phương trời Âu Mỹ, Ki Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành, đang bị suy thoái, nhất là Ca-Tô Giáo Rô Ma. Sự suy thoái này có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân là trong Ca-Tô Giáo đã xảy ra hết chuyện mang tai tiếng này đến chuyện mang tai tiếng khác, ngay trong thời đại này, chứ không phải là trong lịch sử quá khứ. Vấn đề Giáo hội đã biết rõ nhưng vẫn cố tình dung dưỡng và che dấu tội lỗi của giới linh mục trong nhiều thập niên về các vụ cưỡng bách tình dục các trẻ em phụ nữ, nữ tu sĩ, và ngay cả các sơ trong 23 quốc gia mà gần đây, vì không thể bưng bít mãi được nên Tòa Thánh đã phải lên tiếng thú nhận, nay đã được báo chí phổ biến rầm rộ. Từ một thập niên trước đây, giáo hội đã phải bỏ ra đến gần tỷ đô la để nộp phạt và dàn xếp ngoài tòa cho hàng trăm linh mục tội lỗi. Vụ cựu linh mục Ca-Tô John Geoghan mới ra tòa gần đây ở Boston chỉ là một trong hơn 80 vụ che dấu khác của giáo hội trong Giáo Phận Boston. Cho đến nay, Giáo hội đã bỏ ra hơn 10 triệu đô la để bồi thường cho các nạn nhân của Geoghan, và người ta ước tính giáo hội sẽ phải bỏ ra nhiều trăm triệu nữa cho các vụ xảy ra ở Boston và trên khắp nước Mỹ. (Newsweek, February 25, 2002: The Church has reportedly paid more than \$10 million in settlements so far in the Geoghan case alone. And mounting lawsuits in Boston and nationwide, lawyers speculate, could total hundreds of millions more.). Giáo dân ở Boston đã giận dữ biểu tình trước tư gia của Hồng Y Bernard Law yêu cầu ông ta từ chức. Dĩ nhiên ông ta từ chối. Nhiều giáo dân đang cổ động tín đồ không đóng tiền cho nhà thờ nữa vì không muốn tiền của mình bị lạm dụng, dùng trong các vụ bồi thường và dàn xếp

này. Chuyện tai tiếng này và nhiều chuyện tai tiếng khác ở khắp nơi trên thế giới, thí dụ như chuyện một số sơ ở Rwanda bị truy tố về tội góp phần trong chính sách diệt chủng dân Tutsis, chuyện Mẹ Teresa dẫu nhiều triệu đô la, tiền người ta cúng cho bà để làm việc thiện theo lời kêu gọi và quảng cáo của bà, trong ngân hàng trong khi để cho tình trạng các "cơ sở từ thiện" của bà sập sệ, thiếu thuốc men, thiếu sự chăm sóc v.v.. cho những người xấu số được "dòng tu bác ái" của bà mang về nuôi nấng, đã khiến cho quần chúng thấy rõ bộ mặt giả nhân giả nghĩa của giáo hội và giới chẵn chiên.

Nhưng nguyên nhân chính là con người trong thế giới tiên bộ Âu Mỹ đã thường ngày đối diện với những tác phẩm nghiên cứu của nhiều học giả về tôn giáo của họ, chưa kể đến những tin tức hàng ngày trên báo chí và TV, những cuộc tranh luận về tôn giáo công khai trên TV. Với những thông tin tràn ngập về mọi mặt, giáo hội không còn có thể che dấu sự thật trước đám tín đồ có ăn học được nữa. Do đó, trong những xã hội tân tiến này đã xảy ra tình trạng linh mục, nữ tu, và con chiên bỏ đạo hàng loạt, khoan kể đến việc một số đã viết sách vạch trần thực chất phi nhân của giáo hội cũng như những chuyện hoang đường, dâm ô, tục tĩu trong Thánh Kinh. Thống kê cho biết, sau vụ 11 tháng 9 tại New York, số người đi lễ nhà thờ tăng vọt từ hơn 30% đến gần 60%, nhưng chỉ vài tuần lễ sau số người đi lễ nhà thờ lại trở lại mức hơn 30%. Đó là ở Mỹ. Còn ở Âu Châu thì tình trạng thê thảm hơn nhiều.

Không còn thuyết phục được người dân trong những xã hội văn minh tiên bộ, Ca-Tô Giáo Rô-Ma cũng như Tin Lành đang mở chiến dịch đi truyền đạo ở các nước nghèo và kém mở mang, nấp sau những bình phong như "tự do tín ngưỡng" và "nhân quyền". Ở Á Châu, họ tung ra ra cái gọi là nền "thần học theo cung cách Á Châu". Riêng đối với Việt Nam, họ viết sách và bỏ tiền ra mua lương tâm của những tên trí thức dỏm viết sách viết báo xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử Việt Nam, hạ thấp Phật Giáo, và đánh bóng những tên đại Việt gian như Trần Lục, Nguyễn Trường Tộ, Pétrus Ký cùng quan thầy Alexandre de Rhodes. Tin Lành thì len lỏi vào các vùng Thượng Du Bắc Việt, mang tiền ra khuyến dụ những người Thượng nghèo khổ, xúi bẩy họ đòi tự trị với quốc giáo là Ki Tô Giáo, gây xáo trộn trong xã hội Việt Nam.

Họ có thành công hay không, tất cả tùy thuộc ở trình độ hiểu biết của người dân về vấn đề tôn giáo. Cái vũ khí hữu hiệu nhất để vô hiệu hóa những lý luận hoang đường của Ki Tô Giáo về vai trò cứu rỗi của Giê-su và vai trò của "hội Thánh" Ki-Tô là giáo dục để cho người dân biết rõ về những sự thực về Ki Tô Giáo. Chính quyền có nhiệm vụ đưa ra một chính sách giáo dục mở mang dân trí. Đây là cái chìa khóa để bảo vệ truyền thống và văn hóa Việt Nam.

Riêng tôi, tôi cho rằng mưu toan Ki Tô hóa Á Châu của Ca-Tô cũng như Tin Lành không thể thành công, dù họ có nấp sau những chiêu bài như "trở về với dân tộc", "góp phần vào nền văn hóa Việt Nam" qua những luận điệu của cái gọi là "thần học theo cung cách Á Châu".

Thứ nhất, thần học Ki Tô Giáo, dù mang tên gì đi chăng nữa, Á Châu hay Phi Châu, Giải phóng hay của phái nữ, cũng đều là thần học. Thần học là môn học đặt tiền đề trên sự hiện hữu của một vị Thần mà họ gọi là Thượng đế, trên sự "cứu rỗi" của Giê-su như là có thực, rồi mới tìm cách lý luận để biện giải cho những tiền đề trên. Nhưng ngày nay, những khám phá của khoa học trong nhiều bộ môn, và nhất là thuyết Big Bang về nguồn gốc vũ trụ và thuyết Tiến Hóa về nguồn gốc loài người, đã dứt khoát phá đổ thuyết Sáng Tạo trong Cựu Ước cũng như chức năng "cứu rỗi" của Giê-su trong Tân Ước. Khi mà chuyện Adam và Eve chỉ là một huyền thoại như mọi người, kể cả các bậc lãnh đạo Ki Tô Giáo, đều công nhận, đặc biệt là ông Đỗ

Manh Tri, một trí thức Ca-Tô, cũng phải công nhận như vậy trong cuốn Ngón Tay Và Mặt Trăng, thì không ai còn có thể tin vào chuyện một nhân vật hoang đường, ăn một trái trên một cái cây hoang đường, trong một cái vườn hoang đường, do một ông Thượng đế hoang đường tạo ra, cho nên cả nhân loại đều bị phạt đời đời kiếp kiếp. Thời buổi này mà ông Thượng đế đó xử sự như vậy, hoặc mang con ông ấy lên thập giá đóng đinh thì ông sẽ vào ngồi đếm lịch trong nhà tù. Không có tội tổ tông thì ai cần ai cứu rỗi? Giê-su sẽ thất nghiệp vì đâu có còn ai cần đến sự cứu rỗi của ông ấy. Hơn nữa lý thuyết "chuộc tội" của giáo hội chỉ có tính cách lừa bịp, vì nếu Giê-su đã chuộc tội cho loài người bằng cách chịu "tử nạn" đóng đinh trên thập giá, thì tại sao trong 2000 năm nay con người vẫn chết, vẫn phải làm việc đầu tắt mặt tối, phái nữ vẫn mang nặng đẻ đau, như lời nguyện rửa của Thượng đế đối với loài người sau khi một Adam giả tưởng ăn một trái trên một cây giả tưởng trong một vườn địa đàng giả tưởng của một ông Thượng đế giả tưởng.

Thứ nhì, người Á Đông có đầu óc thực tế, hướng về nhân bản và nhân chủ. Người Việt Nam luôn luôn hãnh diện vì mình là Con Rồng Cháu Tiên, dù đây chỉ là một huyền sử, chứ chẳng ai muốn nhận một anh Adam trong huyền thoại của dân Do Thái làm tổ tiên của mình. Nền văn hóa Á Đông cũng không thể nào phù hợp với nền văn hóa Ki Tô của các ông mắt sâu, râu rậm, mũi lõ, mắt xanh.

Thứ ba là những sự kiện lịch sử. Ai cũng biết, nhiệm vụ của tôn giáo là hướng dẫn vấn đề tinh thần, dạy đạo đức cho con người để cho con người đi vào con đường hướng Thiện. Nhưng Ki Tô Giáo, Ca-Tô cũng như Tin Lành, là tôn giáo loại gì mà lại đi giết người chỉ vì họ không có cùng một niềm tin với những tín đồ Ki Tô. Cái lịch sử ô nhục đầy máu và nước mắt của Ca-Tô Giáo Rô-ma cũng như của Tin Lành có thể biện minh cho những sắc thái cao đẹp của một tôn giáo theo đúng nghĩa là một tôn giáo được hay không? Bao nhiêu triệu người bị tra tấn, tù đầy, giết chóc, thiêu sống dưới tay của các Linh Mục Ca-Tô và Mục Sư Tin Lành? Có một cá nhân nào bị Phật Giáo, một tôn giáo mà các tín đồ Ki Tô cho là thấp kém, của ma quỷ, tra tấn, tù đầy, giết chóc và thiêu sống hay không? Tại sao Giáo Hoàng John Paul II phải đi đến các nước trong thế giới thứ ba để đã hơn 100 lần xin lỗi những quốc gia này vì những tác hại và bất hạnh mà Ki Tô Giáo đã mang đến cho đất nước của họ? Tại sao Tòa Thánh phải xưng thú 7 núi tội lỗi của Giáo hội đối với nhân loại? Tại sao các Giám Mục, Mục Sư Tin Lành phải lên tiếng xin lỗi thổ dân da đỏ ở Mỹ Châu và thổ dân ở Phi Châu và Nam Mỹ?

Những tín đồ Ca-Tô Việt Nam có đầu mà không có óc lên tiếng ca tụng giáo hoàng là người can đảm, dám công khai nhận lỗi của Giáo hội trước bàn dân thiên hạ, và ăn năn thống hối. Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ xin lỗi hay không xin lỗi, ăn năn thống hối hay không ăn năn thống hối. Vấn đề là ở chỗ tại sao một tôn giáo tự xưng là "mạc khải", "thánh thiện", "duy nhất", "được Thánh Linh hướng dẫn", "do Chúa Giê-su thành lập" v.v.. mà lại phạm phải những tội lỗi ác độc, tàn bạo, như nhóp đối với nhân loại trong suốt 2000 năm qua với hàng trăm triệu xác chết trên bờ vai lương tâm của Giáo hội? Tại sao được Thánh Linh tuyển chọn và hướng dẫn, cùng với tín lý "Giáo hoàng không thể sai lầm" mà trong lịch sử Ca-Tô Giáo lại có những triều đại Giáo hoàng dâm loạn, tội ác tày trời? Tại sao khi rửa tội thì có Thánh Linh vào ngự trong người mà hàng trăm linh mục lại đi hiếp dâm trẻ con, nữ tín đồ, và cả những sơ rỗi bắt họ uống thuốc ngừa thai hay phá thai?

Nếu người dân được mở mang kiến thức để biết về những sự thực về Ki-Tô Giáo thì đương nhiên họ sẽ đặt những câu hỏi như trên với những nhà truyền giáo trước khi họ chấp nhận những luận điệu mê hoặc của những người đi truyền giáo nhưng không bao giờ đọc kỹ Thánh Kinh hoặc không bao giờ biết rõ về lịch sử của

chính tôn giáo họ. Robert W. Funk cũng chủ trương phải đặt vấn đề với Ki Tô Giáo, xét đến những sự kiện trong lịch sử Ki Tô Giáo. Ông viết, Ibid., p. 199:

Từ nay trở đi, chúng ta phải luôn luôn hỏi rằng, truyền thống Ki Tô

Giáo có cái gì để dạy chúng ta, và nếu có, thì đó là cái gì. Chúng ta

không còn trao khoán cho Ki Tô Giáo một sự đồng ý trước, như là một

phần của sự mua bán, mà không xác định những điều chúng ta chấp nhận

là những cái gì.

5

Tôi thành thực mong rằng, một ngày nào đó, người dân Việt Nam sẽ biết đến, không nhiều thì ít, qua những tác phẩm thuộc loại nghiên cứu của Giao Điểm, Trần Văn Kha, Lê Trọng Văn, Cao Huy Thuân, Nguyễn Xuân Thọ, Nguyễn Mạnh Quang, Charlie Nguyễn, Nguyễn Vũ v.v., những sự thật trong lịch sử Ki Tô Giáo cũng như những sai lầm, mâu thuẫn, và những chuyện phi luân, dâm ô, ác độc có đầy trong Thánh Kinh. Ngoài ra họ cũng nên có một kiến thức tối thiểu về những tiến bộ của khoa học, nhất là về vũ trụ học và nhân chủng học. Chỉ có như vậy họ mới có thể tránh được cái thòng lọng mà Ki Tô Giáo luôn luôn dùng mọi thủ đoạn để xiết vào cổ họ.

Chú Thích - Kết Luận

1. Frederick Heese Eaton, Scandalous Saints, p. 214: Jesus repeatedly admonished his disciples to love one another, and even to love their enemies. (John 13:35; Matthew 5:44) Yet when a non-Jewish woman begged him to heal her daughter, Jesus told her, "It is not fit to take the children (of Israel's) bread and to cast it to dogs." (Matthew 15:26) In other words he said, "You non-Jews are dogs. Why should I do anything for you?" How would you like to have Jesus call you a dog? Calling people dog who were not Jews is hardly an expression of love. Jesus was insolent, arrogant and conceited in calling this woman a dog. So in actual practice, Jesus the Saint was not so saintly after all. The facts show that Jesus actually hated those who were not Jews.

Saint Paul writes, allegedly under inspiration of God, "Jesus Christ the same yesterday, and today, and for ever." (Hebrew 13:8) So if you were planning to go to heaven to be with the loving Jesus, and you are not a Jew, you had better think it over again.)

2. John Shelby Spong, Rescuing The Bible From Fundamentalism, pp. 21,24: Are we drawn to a Lord who would destroy a herd of pigs in order to exorcise a demon? Are we impressed when the one we call Lord curses a fig tree because it did not bear fruit out of season?...

A literal Bible presents me with far more problems than assets. It offers me a God I cannot respect, much less worship.

3. Wilson, A. A., Jesus: A Life, Preface: Like all Christians, I was aware that my religion claimed to

be rooted in history. There were certain stories, which verifiable dates attached to them, on which my faith was founded. But I did not become a Christian because I believed those stories. I became a Christian as an infant when I was baptized. Year by year, at the great festivals of the Christian Church, I heard these historical claims rehearsed. But even then, I absorbed the stories because they were powerful in themselves, and not because I had tested them by means of historical analysis. So, at Christmas, I heard that the Angel Gabriel went to a town

called Nazareth and told Mary that she was going to give birth to a baby, and she was to call him Jesus, the Saviour. Without having sexual intercourse with a man, Mary gave birth to the boy, not in Nazareth, but in the town of Bethlehem. Mary gave birth to Jesus in a stable, because there was no room for her and her fiancé, Joseph, in the inn. The birth was heralded by angels; and Mary had laid the little child in a manger, the Holy Family was visited by shepherds and by wise men from the East, who had been led there by a star.

This story had been taken hold of my imagination long before I ever studied history at school. So powerful was it that I would not readily subject it to the ordinary processes of historical analysis.. I continued, however, to suppose that it was a story with a real historical setting. The Gospel according to Luke dates it most specifically to a time when Ceasar Augustus required that everyone in the Roman Empire should take part in a census. It happened at the time when Quirinius was governor of Syria (Luke 2: 2). Herod was King of Judea at the time (Matthew2: 1). This would seem to place the birth of Jesus very accurately, until you discover that Herod died four years before the Common Era began, and that Quirinius was not the Governor of Syria during the reign of Herod. No historian of the Roman Empire makes any mention of a universal census during the reign of Emperor Augustus...

The story of the baby being born in a stable at Bethlehem because there was no room for him at the inn is one of the most powerful myths ever given to the human race. A myth, however, is what it is. Even if we insist on taking every word of the Bible as literally true, we shall still not be able to find there the myth of Jesus being born in a stable. None of the Gospels state that he was born in a stable, and nearly all the details of the nativity scenes which have inspired great artists, and delighted generations of churchgoers on Christmas Eve, stem neither from history nor from Scripture, but from folk-lore. Once we go into the matter, we discover that the real Jesus, the Jesus of History, is extremely unlikely to have been born in Bethlehem. It is much more probable that he was born in Galilee, where he grew up.

4. Wilson, Colin, *Rogue Messiahs: Tales of Self-Proclaimed Saviors*, pp. 18-25: The only messiah of that period who is remembered today was called Joshua, better known by the Greek form of his name, Jesus... Study of the scriptures had led him to believe the world would end within the lifetime of people then alive; there would be wars, famines, and earthquakes, and the dead would be brought back to life. The sun would be turned to darkness and the moon to blood, and the stars would fall from the sky.

The message by which we remember Jesus – love one’s neighbor and do to others as you’d have them do unto you – was already a part of the Jewish tradition. More than a thousand years of oppression – the Jews had been enslaved by the pharaoh Rameses II as long ago as 1250 B.C. – had developed a spirit of pacifism and submission to the will of God; so Jesus’s injunction to love your enemy was merely a restatement of the Mosaic teaching...

...One of the most fundamental beliefs of Judaism was that the sufferings of the Jews were caused by the sin of their forefather Adam. Paul announced that this “original sin” had been canceled out by the death of Jesus on the cross, so that anyone who became a Christian was now redeemed...

Before 100 A.D. it was clear to everyone that Jesus' prophecy was not going to be fulfilled. But by that time, Christianity had become widespread that this made no difference. The expectation of the end of the world was now transferred to the

Millennium itself – the year 1000 A.D. – and the word Millennium became a synonym for the Day of Judgement. Christianity achieved its greatest triumph so far on 313 A.D. when the Emperor Constantine – as bloodthirsty and vicious a maniac as many of the Roman emperors – declared it the official religion of the empire...

How did these “messiahs” become so powerful? To begin with, all of them had the gift of preaching. But it was more than that. As we have seen, the Christian Church, which began as a poor and persecuted organization whose leaders were thrown to the lions, suddenly became the official religion of Rome in 313 A.D., under the Emperor Constantine.

As soon as they gained power, the Christians began to behave far worse than their enemies, destroying pagan temples, burning heretics, and squabbling among themselves. In effect, the Church became the supreme dictator. And the poor, ordered to go to church every Sunday, groaning under heavy taxes, and forced to pay to have their sins forgiven, became increasingly disenchanted with their spiritual masters. But there was nothing they could do; the Church exerted the same iron grip as the Nazis in Germany or the Communists in Stalin’s Russia.

5. Funk, Robert W., *Honest to Jesus*, p. 299: From now on we must always ask whether the Christian tradition has something to teach us and, if it does, what that something is. We can no longer give Christianity prior consent without determining what we are embracing as part of the bargain.

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Giê Su Là Ai ?

Giảng Dạy Những Gì ?

bảnelectronicdotácgiảcungcấpchosachhiem.net

Trần Chung Ngọc

Gửi bài này cho bạn bè

đăng ngày 25 tháng 8, 2007

Toàn bộ : 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

PHỤ LỤC

THÁNH ĐA-VÍT (DAVID) LÀ AI?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, Chứng Nhân Hi Vọng, trg. 30: "Nơi Davit, người nổi danh nhất trong các vua đã sinh ra đấng Messia.."

Đức Ông Trần Văn Khả, Trần Lục, trg. 269: "Chúa Giêsu là dòng dõi Vua Đa-vít, mà Thánh Giuse (cha nuôi Của Giê-su. TCN) là một thành phần (Matthew 1:16). "

Charlie Nguyễn, Công Giáo Trên Bờ Vực Thảm, trg. 66: "Lạy ông Thánh Goakim là đáng rất sang trọng về dòng dõi vua David." (Trích dẫn từ Kinh cầu ông Thánh Gioakim của Công Giáo); "Lạy bà Thánh Anna là mẹ Nữ Vương...Bà là đáng sang trọng bởi dòng vua David." (Trích dẫn từ Kinh Cầu Bà Thánh Anna của Công Giáo); trg. 73: "Xin Chúa làm cho tôi khinh dễ sự đời là chốn muông chim cầm thú, xin làm cho tôi đặng về quê thật hiệp làm một cùng vua David." (Trích dẫn từ Kinh Nhứt Khóa của Công Giáo).

Đọc những đoạn trên, chắc hẳn ai cũng phải nghĩ rằng nhân vật David phải đặc biệt lắm nên Hồng Y Nguyễn Văn Thuận và Đức Ông Trần Văn Khả mới hãnh diện khoe rằng Chúa Giê-su của các ông ấy thuộc dòng dõi vua David, và giáo dân Việt Nam mới ca tụng bố mẹ bà Maria của họ là "sang trọng bởi dòng vua David", dù rằng trong Thánh Kinh không có chỗ nào nói là họ là hậu duệ của David, coi đời sống hiện tại của họ là đời sống của muông chim cầm thú đáng khinh dễ, và cầu nguyện sau khi chết được về cùng vua David thay vì về gặp tổ tiên, ông bà, cha mẹ v.v.. Tôi thành thực mong cho họ được toại nguyện, chỉ khuyên có một điều: hãy đi học tiếng Do Thái trước khi chết, vì cả Chúa Giê-su lẫn vua David đều không biết tiếng Việt. Thật ra thì thử đó Thiên Chúa trong Thánh Kinh không biết rằng quả đất tròn, cho nên không biết đến một nửa địa cầu, không biết có dân Việt trong nửa địa cầu này hay không. Và dù có biết đến đi chăng nữa, thì cách đây mấy ngàn năm, Việt Nam ta chưa mở "cua" VSL: "Tiếng Việt Như Là Ngoại Ngữ Thứ Hai" (Vietnamese

as a Second Language). Ngoài ra, họ cũng nên biết rằng, Thánh Kinh đã viết rõ, Matthew 22: 14: "Vì nhiều người được ơn kêu gọi, nhưng chỉ có ít người được chọn" (For many are called, but few are chosen) và Hồng Y Nguyễn Văn Thuận cũng đã viết rõ trong cuốn Chúng Nhân Hi Vọng: "Chúng ta không được lựa chọn vì công trạng của mình, nhưng chỉ vì lòng từ bi (sic) của Chúa." Vậy xác suất (probability) của sự về quê hiệp cùng Vua David của họ sau khi chết thật là nhỏ và không tính trước được, vì mọi công trạng để dụ hay cưỡng bách người khác vào đạo, mọi cầu nguyện đều vô ích, tất cả chỉ tùy thuộc hứng của Chúa (ít người được chọn) và lòng từ bi (sic) của Chúa mà thôi.

Để giúp cho giáo dân Việt Nam cũng như những "Kẻ dừ là kẻ chẳng có đạo" (Charlie Nguyễn, Công Giáo Trên Bờ Vực Thẳm, trg. 9: Toàn Niên Kinh Nguyễn Bùi Chu - trang 325) biết, và nếu đã biết rồi thì biết rõ hơn, về nhân vật David, tôi xin viết một bài về vua David để cho chúng ta cùng thưởng thức cái hay của Thánh Kinh.

Chuyện vua David "thánh thiện" của ông Hồng Y Nguyễn Văn Thuận nằm trong Thánh Kinh, Cựu Ước, phần 1 Samuel và 2 Samuel. Thường thì chúng ta chỉ biết đến câu chuyện quen thuộc "hay nhất" và "xác thực nhất" về vua David: đó là cậu bé David đã đánh bại người khổng lồ Goliath cao 2 mét 75, đang mặc áo giáp đồng và đội mũ đồng, bằng cách dùng cái ná và viên sỏi bắn vào trán Goliath. Quý độc giả và tôi đều đã coi nhiều phim về những chuyện trong Thánh Kinh và đều đã thấy các chiến sĩ đội mũ đồng che phủ trán xuống tận chân mày, có phải như vậy không? Vậy chúng ta có thể đoán rằng, trước khi dùng cái ná bắn chim của trẻ con để bắn chết Goliath, David chắc hẳn đã phải leo lên người Goliath, trật cái mũ của hắn cho hở lộ trán ra, rồi mới lui lại dùng ná bắn sỏi vào trán Goliath. Mới nghe thì câu chuyện có vẻ hoang đường, nhưng Chúa đã ở cùng David nên không có gì mà David không làm được. Thật vậy, trước khi giao chiến cùng Goliath, David đã tuyên bố: "Hôm nay Chúa giao mạng ông cho tôi. Tôi sẽ đánh ông ngã, chặt lấy đầu... Khi Chúa cứu giúp, Ngài không cần đến gươm giáo, vì Ngài là Chúa của chiến trường.." (1 Samuel 17: 46-47). Vậy trước khi đánh nhau với Goliath, David đã biết là mình sẽ thắng, vì thực ra là Chúa đánh nhau với Goliath chứ không phải là David. Những chuyện lảm cẩm như vậy có đầy dẫy trong cuốn sách được gọi là "Thánh Kinh". Chắc chắn là Chúa cũng đã ở cùng ông Nguyễn Văn Thuận, nếu không làm sao ông ta lên được chức Hồng Y. Trước đây, khi ông còn ở trong nhà tù CS thì chắc Chúa chưa ở cùng ông, bởi vì nếu Chúa ở cùng ông thì ông thừa sức đánh bại mấy tên quản giáo để tự giải phóng cái thân tù tội của mình.

Nhưng không phải tiểu sử David chỉ có một chuyện giải trí cho trẻ con như vậy, khi đầu óc chúng chưa phát triển, mở mang, và được bố mẹ bắt phải đi học các lớp dạy Thánh Kinh vào sáng Chủ Nhật ở nhà thờ, mà còn nhiều chuyện hấp dẫn khác. Những chuyện hấp dẫn này mới chính là những chuyện đáng nói trong cuộc đời của David. Điều lạ là những chuyện hấp dẫn này lại chẳng bao giờ được kể, hay giảng dạy, trong nhà thờ. Nếu các linh mục, mục sư không kể thì tôi đành phải gánh vác nhiệm vụ này, và lẽ dĩ nhiên, tôi xin kể miễn phí. Sau đây chỉ là tóm tắt những chuyện về David được ghi trong Thánh Kinh. Những chuyện này dành cho những người trên 18 tuổi trong những nước văn minh tiến bộ Âu Mỹ mà Ki-Tô Giáo đủ loại là những lực lượng chỉ đạo tinh thần và đạo đức, những người được hưởng quyền hợp pháp tự do xem và thưởng thức những loại phim từ 1X đến 3X.

Thuở đó, vua của Israel là Saul. Ông có người con gái tên là Michal. David là một sĩ quan chỉ huy trong quân đội của Saul, lập được nhiều chiến công, và nổi tiếng là "anh hùng dân tộc" vì trước khi được Saul thu dụng đã dùng một cái ná bắn chim của trẻ con để bắn lủng trán người khổng lồ Goliath đang đội mũ đồng. Do đó Michal

đem lòng "mết" David (1 Samuel 18:20). Nhưng Saul lại không lấy gì làm hài lòng, vì trước Saul vẫn được dân chúng ca tụng chiến công của mình. Nhưng nay, dân chúng hạ ông vua xuống hàng thứ hai. Họ, nhất là các phụ nữ, nhảy múa và ca hát: "Saul đã giết cả ngàn địch quân, nhưng David lại giết cả vạn" Điều này làm Saul nổi giận và từ đó thường nhìn David với đôi mắt hằn học (1 Samuel 18: 7-9).

David thường hầu cận bên Saul và gảy đàn cho Saul nghe. Một hôm, đang khi gảy thì Saul phóng một cây lao định ghim David vào tường, nhưng David tránh được hai lần như thế (1 Samuel 18: 11) vì Chúa ở cùng David. Saul không cho David hầu cận mình nữa, giáng chức David và chỉ cho chỉ huy 1000 binh sĩ (1 Samuel 18: 13). David thành công trong mọi việc vì Chúa ở với ông (1 Samuel 18: 14).

Chúng ta đã biết, con gái Saul là Michal đã đem lòng yêu David. Saul bèn gả Michal cho David, nhưng không phải vì thương con, muốn cho con có hạnh phúc, mà để "Gả con cho hắn để dùng con ta hại hắn, như vậy hắn dễ bị người Philistines giết hơn" (1 Samuel 18: 21). Điều kiện của Saul gả Michal cho David là: phải đi đánh kẻ thù của Saul là dân Philistines, và đồ sính lễ của David là 100 miếng da ở đầu dương vật của người Philistines (Thánh Kinh tiếng Việt viết là "dương bì") (1 Samuel 18: 25). [Chúng ta biết rằng, trong giao ước của Chúa với Abraham, Thánh tổ phụ của các đạo Chúa, có một điều kiện: mọi người Nam sau khi sinh ra được 8 ngày đều phải chịu phép "cắt bì" nghĩa là hớt đi miếng da ở đầu dương vật, nếu không thì ô-tô-ma-tic bị loại ra khỏi dân Chúa. Chúng ta cũng biết, "dương bì" của Chúa Giê-su đã được cùng lúc thờ phụng tại nhiều nơi trên thế giới.]

Vì Chúa ở cùng David nên ông chấp nhận điều kiện của Saul ngay và Chúa đã giúp ông mang về cho Saul không phải là 100 mà là 200 "dương bì" của dân Philistines để làm đồ sính lễ cưới Michal. Biết rõ là Chúa ở cùng David nên Saul càng sợ và căm thù David (1 Samuel 18: 28-29).

Một hôm, David đang gảy đàn cho Saul nghe (Thánh kinh không nói rõ khi nào thì Saul phục hồi chức vị hầu cận và gảy đàn cho vua nghe của David), Saul lại phóng lao định ghim David vào tường. Nhưng lẽ dĩ nhiên, David lại tránh khỏi vì Chúa ở cùng ông, và chạy thoát thân trong đêm tối về nhà (1 Samuel 19: 9-10). Đọc đoạn trên trong Thánh Kinh, chúng ta phải hiểu là Saul, vua của dân Israel, muốn giết David, chỉ có cách duy nhất là phóng lao vào David khi David ngồi gảy đàn một mình cho Saul nghe. Saul không hề có vạn quân dưới trướng, hay cận vệ, hay lính canh gác v.v.. để có thể sai bắt David và giết đi nếu muốn. Nhưng "nghệ thuật" đọc Thánh Kinh của chúng ta là để tin chứ không phải để suy luận vớ vẩn, xem nó đúng hay sai, có hợp lý hay không v.v... Trong Ca Tô Giáo, dùng đến lý trí để suy luận là một tội nặng, vì phần lớn những suy luận đều ngược với những điều "giáo hội dạy rằng". Giáo hội dạy: "hãy quên mình trong vâng phục". Như vậy đầu óc của con người là thừa, giống như những con chiên, người chăn chiên lừa đi đâu thì phải đi đó.

Thế rồi Vua Saul sai quân đến nhà David để bắt đem đi xử tử. Nhờ có vợ là Michal thông một cái giây qua cửa sổ lúc đêm tối cho nên David tuột xuống trốn thoát (1 Samuel 19: 11,12).

Thánh David chạy trốn đến nhà người bảo trợ là nhà tiên tri Samuel ở Ramah. Biết tin này Saul sai quân đến bắt nhưng cả ba lần quân sĩ đều phải quay trở về vì khi đến nơi thì đoàn quân bị thôi miên rồi nhảy múa ca hát nói những lời tiên tri làm nhảm như Samuel (1 Samuel 19: 20,21).

Saul bèn đích thân đi đến Ramah để bắt David. Nhưng khi đến nơi, chính Saul

cũng bị thôi miên đến độ tự mình lột hết quần áo, trần truồng nằm trên đất suốt một ngày một đêm. Do đó David lại trốn thoát. (1 Samuel 19: 24).

Đến đây chắc các độc giả sẽ cho rằng những chuyện quanh quẩn lắm cảm như vậy thì có gì hay mà phải kể. Xin quý vị hãy yên tâm, những đoạn hấp dẫn còn chưa tới. Trên đây mới chỉ là phần mở đầu. Trước khi kể tiếp chuyện ông Thánh David, tôi cần phải nói là, đọc Thánh Kinh là một nghệ thuật và phải có đầu óc suy luận. Bởi vì những cái hay trong Thánh Kinh thường không được viết thẳng ra mà chứa nhiều uẩn hàm (implication). Thí dụ, Thánh Kinh không viết thẳng ra rằng bà Mary đã sinh nở ít ra là 7 lần mà chỉ viết khéo là: "đây có phải là 4 em trai và các (ít nhất là 2) em gái của Giê-su hay không?". Câu này uẩn hàm bà Mary đã sinh nở ít ra là 7 lần với Giê-su là đứa con đầu lòng. Trong chuyện về Thánh David chúng ta cũng phải "nhìn vào giữa các hàng chữ" mới có thể hiểu hết ý của những tác giả viết Thánh Kinh.

Trở lại chuyện Thánh David. Vì Saul vẫn tìm cách đuổi bắt David nên sau khi Samuel chết, David tụ tập một đám lâu la khoảng 600 người và đi vào vùng đồi núi hoang dã Carmel, sống ngoài vòng pháp luật (outlaws), nói nôm na là làm nghề ăn cướp. Câu chuyện sau đây sẽ cho chúng ta thấy rõ tư cách của David.

Gần vùng David và lâu la tụ tập có một phú hào rất giàu có tên là Nabal, có tới 3000 con cừu và 1000 con dê. Ông ta có bà vợ khôn ngoan và xinh đẹp tên là Abigail. David sai 10 tên lâu la đến "bắt địa" Nabal một cách rất lịch sự như sau, nhân danh David: "David vẫn bảo vệ tài sản của Nabal, không đụng chạm gì tới những đầy tớ của Nabal, không tơ hào gì đến của cải của Nabal, vậy xin Nabal hãy cung cấp một ít súc vật và thức ăn thức uống cho tập đoàn của David" (1 Samuel 25: 5-8).

Chúng ta đã biết, trong các thành phố lớn ở Mỹ, có nhiều thương gia cũng được Mafia chiêu cô một cách tương tự, nói là để bảo vệ thương vụ của họ, nhưng thực chất là tống tiền. Ở Quận Cam, trong cộng đồng người Việt trước đây cũng đã xảy ra chuyện này, không biết bây giờ còn hay không.

Nabal là người cứng đầu, coi David không ra gì, hỏi "Đứa nào là David? và đứa nào là con của Jesse? (bố David)" (Who is David?, and who is the son of Jesse?), rồi từ chối lời yêu cầu của David. Các sứ giả của David quay về và phúc trình sự việc lên David. David nổi giận truyền lệnh cho lâu la: "mọi người hãy đeo gươm vào" và David cũng tự mình đeo gươm, rồi cả đoàn 400 người tiến đến "hỏi tội" Nabal, để lại 200 người giữ hậu cứ. (1 Samuel 25: 13), định giết sạch cả nhà Nabal, không tha một người đàn ông nào hết (1 Samuel 25: 22).

Có người nói cho Abigail biết chuyện, Abigail biết là Nabal đã gây họa vì từ chối không cung cấp thức ăn, nước uống và bánh trái cho một tên tướng cướp nổi tiếng trong vùng. Bà ta bèn vội vàng lấy 200 ổ bánh mì, 2 bầu rượu, 5 con cừu quay, 2 giỏ hạt rang, 200 bánh trái và, chất lên lưng lừa đi đến gặp David, kể tội chồng là người thô lỗ, ngu ngốc, xin David tha cho chồng rồi dâng cho David những phẩm vật mang theo (1 Samuel 25: 23-28). David nhận phẩm vật và chấp thuận thỉnh cầu của Abigail.

Abigail trở về nhà, khi đó Nabal đang tiệc tùng say sưa. Sáng hôm sau Abigail mới kể cho Nabal mọi việc. 10 ngày sau, Thượng đế vật Nabal chết. (1 Samuel 25: 38). Thánh Kinh viết là "struck" nghĩa là "đánh" nhưng tôi dịch là "vật" để phù hợp với quan niệm của người Việt Nam: "Trời đánh, Thánh vật." Nghe tin Nabal chết, David sai người đến nói muốn cưới Abigail làm vợ. Abigail vội vàng lên

lung lura (Abigail

rose in haste and rode on a donkey), mang theo 5 người hầu, về làm vợ Thánh David (1 Samuel 25: 42).

Đọc đoạn này trong Thánh Kinh, tôi cố vận dụng đầu óc mà vẫn không thể hiểu tại sao "Đức Thánh Cha của chúng ta ở trên Trời" (Our Holy Father in heaven) lại vật chết Nabal. Theo như lời tố khổ của Abigail thì chồng bà ta, Nabal, là người thô lỗ, ngu ngốc. Nhưng thô lỗ và ngu ngốc có phải là một tội để cho Thiên Chúa trừng phạt hay không? Ngoài ra, Nabal chỉ có cái tội duy nhất là tiếc của, không chịu đóng hui chết cho tên tướng cướp David, và đây là quyền của ông ta. Suy đi nghĩ lại tôi thấy luận điệu thần học của ông Hồng Y Nguyễn Văn Thuận quả là có lý: "Chúng ta không được lựa chọn vì công trạng của mình, nhưng chỉ vì lòng từ bi (sic) của Chúa." "Mâu nhiệm Thiên Chúa" đã vì lòng "từ bi" (sic) mà chọn David, cho nên Thiên Chúa đã vật Nabal chết để tạo cơ hội cho David hưởng, và Thiên Chúa cũng được hưởng chung, vì Thiên Chúa luôn luôn ở cùng David, hương sắc của một bông hoa thuộc loại "cũ người mới ta".

Nhưng đây chỉ là những suy tư trong cái đầu óc thuộc loại "vô thần" của tôi. Tôi hi vọng được nghe lời giải thích của giới chẵn chiên Ki Tô Giáo về hành động của Thiên Chúa ở trên. Đừng có mang cái luận điệu bán khai: "đầu óc con người không thể hiểu được những ý định và việc làm của Thiên Chúa" ra nói với tôi, tôi không bao giờ chấp nhận một lối giải thích có tính cách mạ lị đầu óc con người như vậy.

Nhưng đối với giới nghiên cứu Thánh Kinh thì chuyện về David và Abigail ở trên đã gây không ít thắc mắc cho họ và họ đã tìm các giải thích một cách hợp lý. Chúng ta hãy nghe lời bình luận của Frederick Heese Eaton trong cuốn Scandalous Saints, trang 143-144, như sau:

Nếu Thượng đế vật chết Nabal vì Nabal đã gây bất hòa với David

thì tại sao ông ta không vật chết Saul vì ông vua này đã nhiều lần định

giết David vì ghen tị? Israel thời đó có đầy những tội phạm đủ loại sao

Thượng đế không vật chết họ? Thế giới ngày nay cũng đầy những tội

phạm, và Thượng đế cũng chẳng vật chết họ, như tất cả chúng ta đều

quan sát thấy như vậy. Vậy tại sao Thượng đế lại chọn riêng Nabal để

mà vật chết? Câu viết trong Thánh Kinh không phù hợp với các sự kiện.

Do đó, không còn nghi ngờ gì nữa, điều xảy ra là David đã cung

cấp cho Abigail một loại thuốc độc nào đó để Abigail đầu độc Nabal.

Thánh Abigail chờ 10 ngày sau mới hành động nên tội ác của bà không

hiển nhiên. Vậy chính Abigail đã giết Nabal, người mà David ghét, và

che đậy vết tích bằng cách nói với kẻ hầu người hạ là Thượng đế đã vật chết Nabal vì cách đối xử của Nabal đối với David. Những nô lệ của Nabal ghét Nabal vì ông ta là người khó tính, cho nên họ tin lời Abigail. Do đó Thánh Abigail và Thánh David đã thoát tội vì thời đó không có những người khám nghiệm tử thi để điều tra những cái chết đáng nghi ngờ.

Ngay sau khi Nabal chết, Abigail đã trở thành vợ của David. Điều này đã được xếp đặt quá kỹ càng chứ chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

(If God smote Nabal dead because he had a disagreement with David, why didn't God smite King Saul dead because he tried to kill David out of envy? Israel of that day was full of all sorts of criminals, and God didn't smite them dead. The world today is also full of criminals, and God doesn't smite them dead, as we all

know from observation. dead?

Why, then, would God single out Nabal to smite him

This statement in the Bible doesn't hold up in the light of the facts.

Therefore what undoubtedly happened was, that Saint David gave Abigail some poison to put in her husband Nabal's food. Saint Abigail waited ten days before slipping Nabal the death cup so her crime would be less apparent. Then it was that she killed Nabal, whom David hated, and covered her tracks by telling her servants that God had struck her husband dead because the way of the way he had treated Saint David. The slaves hated her husband too because he was a difficult man to work for, so they were not about to disagree with Abigail. So Saint Abigail and Saint David got away with their crim because there were not coroners in Israel to investigate suspicious deaths.

Immediately after Nabal her husband was dead, Abigail became David's wife. This was all to well arranged to be a coincidence.)

Kể ra cách giải thích trên cũng có lý, nhưng đó là cách giải thích khoa học, dựa trên những sự kiện. Còn cách giải thích thần học thì chúng ta phải tin tất cả đều do "màu nhiệm Thiên Chúa", Thiên Chúa của ông Nguyễn Văn Thuận.

Chuyện Thánh David còn dài, nhưng tôi xin lướt qua vài đoạn để đi đến câu chuyện hay nhất, hấp dẫn nhất, "thánh thiện" nhất trong cuộc đời của Thánh David: chuyện Thánh David và Thánh Bathsheba.

Sau khi Vua Saul và vài người con trai chết trong trận chiến với dân Philistines, David trở về Israel và về bộ lạc Judah của ông khi trước. Nơi đây ông xưng vua. Một người con của Saul, Ishbosheth, cũng xưng vua ở một vùng khác trong Israel. Nội chiến xảy ra trong nhiều năm. Sau cùng, Ishbosheth bị bội phản nên David lên làm vua cả 12 bộ lạc của Israel. Trước khi lấy Abigail, David còn có một người vợ khác là Ahinoam. Nay lên làm vua ông đòi lại được người vợ đầu tiên là Michal, vì trong khi ông chạy trốn thì Vua Saul đã đem Michal gả cho một người khác. Ngoài ra, David còn có nhiều vợ khác nữa và không ít nàng hầu v..v..

Dinh của David ở Jerusalem. Một hôm, vào buổi chiều, David đi ở trên sân thượng của Dinh. Từ đó ông nhìn thấy một người đàn bà rất đẹp đang tắm. (Tôi đoán chừng khoảng cách giữa người đàn bà đang tắm và David phải gần lắm cho nên David mới thấy rõ nhan sắc của bà ta. Quá 100m thì khó mà có thể thấy mặt mũi một người rõ ràng trừ phi David có một cái ống nhòm. TCN). Thánh David bèn cho người đi hỏi xem bà ta là ai? Thuộc hạ về nói: "Đó là Bathsheba, con gái Eliam, vợ của Uriah. (2 Samuel 11: 2,3).

Thánh David chẳng cần biết Bathsheba là vợ ai, ông cho người triệu Bathsheba vào cung và "hiệp thông" với bà ta. (2 Samuel 11: 4).

Chồng Bathsheba là Uriah, một sĩ quan trong quân đội của David, và đang đánh nhau ở tiền tuyến. Do đó, David tự do đi lại với Bathsheba mà chẳng còn phải e ngại gì.

Đến một hôm Bathsheba báo cho David biết là bà ta đã có mang. Chồng đi vắng mà lại có mang. Giải quyết làm sao đây. Thiên Chúa ở cùng David nên David nghĩ ra một kế. Hắn truyền lệnh cho Joab, tướng chỉ huy ở tiền tuyến, phái Uriah về để cho David hỏi hắn về tình hình quân sự, quân sĩ ngoài tiền tuyến. Hỏi xong rồi, David bảo Uriah hãy trở về nhà với vợ, và ban cho Uriah rượu và thức ăn. Thánh David tính rằng, xa vợ lâu ngày, thế nào Uriah chẳng ngủ với vợ đêm đó. Thế là mọi

việc sẽ giải quyết xong, vì cái bầu của Bathsheba bây giờ là do Uriah làm ra. Nhưng Uriah lại là người yêu nước bậc nhất, có tinh thần trách nhiệm bậc nhất, có lương tâm bậc nhất, và cũng là kẻ khùng bậc nhất, không chịu về nhà ngủ với vợ đã xa lâu ngày, mà lại ngủ với đám cận vệ của David ngay ngoài cửa Dinh. Biết chuyện này, David gọi Uriah vào hỏi: "Có phải là người xa nhà đã lâu mới trở về, sao không trở về nhà? (2 Samuel 11: 10). Uriah trả lời: "Tướng Joab của tôi và các quân sĩ đang ngủ trong lều, cắm ở ngoài đồng. Làm sao tôi có thể về nhà ăn uống phả phê và ngủ với vợ. Tôi chẳng bao giờ làm chuyện này." David ra lệnh cho Uriah: "Hãy ở lại đây thêm ngày nay và ngày mai rồi hãy trở lại tiền tuyến". Rồi David cho gọi Uriah vào, ăn uống cùng Uriah, và chúc rượu cho Uriah say. Nhưng đêm đó Uriah vẫn không trở về nhà với vợ. (2 Samuel 11: 13).

Sáng hôm sau, David ra lệnh cho Uriah trở về tiền tuyến, mang theo một mật hàm cho tướng chỉ huy ngoài đó là Joab. Trong thư, David ra lệnh cho Joab: "Hãy phái Uriah đến chỗ mặt trận nặng nhất rồi rút lui, để mình hắn đối phó và có thể bị chết" (2 Samuel 11: 15: Set Uriah in the forefront of the hottest battle, and retreat from him, and he may be struck down and die.)

David tính không sai, quả nhiên Uriah bị chết ngoài mặt trận, do sự phản bội của tướng Joab, theo lệnh của David. Khi nghe tin Uriah chết, Bathsheba than khóc chồng. Than khóc xong (Thánh Kinh tiếng Việt dịch "when her mourning was over là "hết cư tang") bà về làm vợ của David. Cư tang bao lâu? Không ai biết. Nhưng chắc chắn là không lâu, vì Thánh Kinh viết là "Bathsheba về làm vợ David (khi đã mang bầu. TCN) và sinh một đứa con" (2 Samuel 11: 27). Như vậy chúng ta có thể đoán rằng chắc thời gian cư tang vào khoảng 1 giờ, 2 giờ hay 1 ngày, 2 ngày gì đó, giống như Abigail, sau khi chồng chết, vội vã về làm vợ David.

Đại khái chuyện Thánh David chỉ có vậy. Tôi xin để quý độc giả tự mình đánh giá đạo đức của nhân vật David trong Thánh Kinh, một nhân vật mà Hồng Y Nguyễn Văn Thuận cũng như Đức Ông Trần Văn Khả đều khoe rằng Chúa Giê-su của các ông ấy thuộc dòng dõi của một "ông vua nổi danh rất đã sinh ra đáng Messiah", một nhân vật mà tín đồ Ca-Tô Việt Nam thường ngày tụng Kinh Nhật Khóa cầu mong mau "đượcvề quê thật hiệp với Vua David."

Chắc phần lớn chúng ta sẽ lên án David là kẻ vô đạo đức, lạm dụng quyền thế, mưu mô giết Uriah để cướp Bathsheba. Nhưng có thật là David cướp vợ của Uriah hay không? Đọc kỹ Thánh Kinh, những điều uẩn hàm trong Thánh Kinh, chúng ta có thể thấy rằng Bathsheba cũng giữ một vai trò quan trọng, có khi còn là chủ chốt, trong cái chết của ông chồng Uriah.

Quý vị có bao giờ thấy một người đàn bà hàng xóm tắm trường ở ngoài sân để cho quý vị nhìn thấy không? Có thể quý vị may mắn hơn tôi chứ riêng tôi, tôi chưa bao giờ thấy như vậy. Tại sao Bathsheba lại tắm trường ở một nơi mà bà ta biết chắc là David có thể nhìn thấy từ sân thượng dinh của ông ta? Nếu David nhìn thấy bà thì tất nhiên Bà cũng phải nhìn thấy David. Phải chăng bà đã nhiều lần nhìn thấy David ở trên sân thượng, thấy vóc dáng oai hùng của ông Vua mà khi xưa đã đánh bại người khổng lồ, và lại cũng thừa biết tính nết của David, tính nết mà cả nước đều biết, nên đã lập kế hoạch để chiêu dụ David?

Xa chồng đã lâu, rồi lại thấy ông Vua hấp dẫn hơn một anh sĩ quan quèn trong quân đội, không biết sống chết ngày nào, nên rất có thể Bathsheba đã có kế hoạch đưa David vào bẫy. Cả nước đã biết David là người hiếu sắc, có nhiều vợ và cung tần mỹ nữ, thêm một người có sao đâu. Do đó, theo như

tôi suy đoán thì Bathsheba đã thành công trong mưu toan của mình và do đó, phải đồng gánh trách nhiệm về cái

chết của Uriah.

Thánh Kinh kể rằng việc làm trên của David không làm cho Thượng đế hài lòng. Nhưng Ngài cũng chỉ sai Nathan đến dạy cho David một bài học về luân lý qua một câu chuyện dụ ngôn. Dạy luân lý cho David thì cũng giống như nước đổ đầu vịt, vì những đoạn tiếp theo trong Thánh Kinh về David cũng chẳng có gì đạo đức hơn. Chỉ có chuyện ông ta làm vài bài thơ, được gọi là Thánh Vịnh hay Thi Thiên, và đầu bút tai xung tội cùng Thượng đế, như chúng ta đã thấy trong bài Thánh Vịnh 51 mà tôi đã nêu trong chương I, trang 44, trích dẫn từ Thánh Kinh.

Tôi không hiểu tại sao những người như Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, Đức Ông Trần Văn Khả, lại có thể viết những câu ca tụng Thánh David như trên. Tôi cũng không hiểu tại sao trong kinh nhật khóa của Ca-Tô Giáo lại có những câu ca tụng Thánh David cũng như cầu mong được về quê thật hiệp cùng vua David? Quý vị lãnh đạo tôn giáo trên đọc Thánh Kinh kiểu gì, hay đó chỉ là nhắc lại những điều đã được nhồi vào đầu óc từ khi còn nhỏ. Phần chắc là các tín đồ Ca-Tô Việt Nam chỉ đọc những bản kinh mà các bậc "lãnh đạo tinh thần" của họ đã viết bậy viết bạ ra để giam họ vào trong vòng mê tín, chứ chính họ thì không bao giờ đọc đến Thánh Kinh, nên chẳng bao giờ biết đến sự thật. Tôi tin chắc rằng họ không hề biết David là ai. "Bề trên" dạy đọc thì cứ đọc, chứ không ngờ thực chất của David chỉ là một tên tướng cướp, một bạo chúa, hoang dâm vô độ, vô đạo đức và cuồng sát. Thật là tội nghiệp cho cả người chần chiên lẫn con chiên.

----- HẾT-----

Các bài tôn giáo cùng tác giả

Table of Contents

[page1](#)
[page2](#)
[page3](#)
[page4](#)
[page5](#)
[page6](#)
[page7](#)
[page8](#)
[page9](#)
[page10](#)
[page11](#)
[page12](#)
[page13](#)
[page14](#)
[page15](#)
[page16](#)
[page17](#)
[page18](#)
[page19](#)
[page20](#)
[page21](#)
[page22](#)
[page23](#)
[page24](#)
[page25](#)
[page26](#)
[page27](#)
[page28](#)
[page29](#)
[page30](#)
[page31](#)
[page32](#)
[page33](#)
[page34](#)
[page35](#)
[page36](#)
[page37](#)
[page38](#)
[page39](#)
[page40](#)
[page41](#)
[page42](#)

[page43](#)
[page44](#)
[page45](#)
[page46](#)
[page47](#)
[page48](#)
[page49](#)
[page50](#)
[page51](#)
[page52](#)
[page53](#)
[page54](#)
[page55](#)
[page56](#)
[page57](#)
[page58](#)
[page59](#)
[page60](#)
[page61](#)
[page62](#)
[page63](#)
[page64](#)
[page65](#)
[page66](#)
[page67](#)
[page68](#)
[page69](#)
[page70](#)
[page71](#)
[page72](#)
[page73](#)
[page74](#)
[page75](#)
[page76](#)
[page77](#)
[page78](#)
[page79](#)
[page80](#)
[page81](#)
[page82](#)
[page83](#)
[page84](#)
[page85](#)
[page86](#)
[page87](#)

[page88](#)
[page89](#)
[page90](#)
[page91](#)
[page92](#)
[page93](#)
[page94](#)
[page95](#)
[page96](#)
[page97](#)
[page98](#)
[page99](#)
[page100](#)
[page101](#)
[page102](#)
[page103](#)
[page104](#)
[page105](#)
[page106](#)
[page107](#)
[page108](#)
[page109](#)
[page110](#)
[page111](#)
[page112](#)
[page113](#)
[page114](#)
[page115](#)
[page116](#)
[page117](#)
[page118](#)
[page119](#)
[page120](#)
[page121](#)
[page122](#)
[page123](#)
[page124](#)
[page125](#)
[page126](#)
[page127](#)